

ĐẠI TẠNG KINH
VIỆT NAM

KINH
TĂNG NHẤT A - HÀM
TẬP 1



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐẠI TẶNG KINH VIỆT NAM**

KINH TẶNG NHẤT A-HÀM

TẬP I
Số thứ tự 25

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - 2005**

BÀI TỰA

Ý nghĩa của bốn bộ A-hàm đồng với Trung A-hàm ở phần đầu là nói rõ tôn chỉ, nên không lập lời tựa.

Tăng Nhất A-hàm là so sánh sự mạch lạc của pháp rồi dùng số mà xếp thứ tự. Số tận cùng là mười, thêm vào một, nên gọi là Tăng Nhất. Mỗi pháp số tăng dần, nên lấy tăng làm nghĩa. Pháp ấy phần lớn ghi chép về cấm luật để làm mẫu mực nghiêm nhặt và là điều kiện kiểm định độ đời. Ngoại quốc từ người ở núi đến người ở biển phần nhiều thường tụng ngâm bốn bộ A-hàm này. Có vị Sa-môn nước ngoài tên Đàm-ma-nan-đề, người nước Đâu-khư-lặc, xuất gia từ bé, học rộng nghe nhiều, tụng hai bộ A-hàm, ôn điều cũ để ngày càng mới, đi khắp các nước, không nơi nào không qua. Đời Tần, niên hiệu Kiến Nguyên thứ hai mươi,

ngài đến Trường An, người nước ngoài đều hâm mộ. Quan Thái thú Vũ Oai là Triệu Văn Nghiệp yêu cầu ngài đọc ra; ngài Phật Niệm dịch truyền; ngài Đàm Tung sửa chữa. Mùa hạ năm Giáp thân bắt đầu, đến mùa xuân năm sau thì xong, được bốn mươi mốt quyển, phân làm hai bộ thượng, hạ. Bộ thượng gồm hai mươi sáu quyển trọn vẹn không bị quên sót, bộ hạ mười lăm quyển, mất phần ghi kệ. Tôi cùng với Pháp Hòa khảo chính lại; Tăng Lược, Tăng Mậu phụ giúp xem xét những chỗ thiếu sót, bốn mươi ngày thì xong. Năm này có trận đánh ở A Thành, tiếng trống gân kể mà chúng tôi vẫn chuyên tâm trong việc này. Trọn đủ hai bộ A-hàm là một trăm quyển.

Hai ngài Tỳ-bà-sa và Tu-mật-tăng-già-la-đát truyền sang đây (Trung Hoa) năm bộ kinh lớn. Từ khi Pháp truyền sang phương Đông, hai ngài là người đọc kinh để dịch ưu việt hơn hết. Bốn bộ A-hàm do bốn mươi vị cao đức biên tập, mười vị tuyển chọn một bộ: bắt đầu từ đề mục và chấm dứt bằng bài kệ. Sự giáo pháp lưu truyền ở đời lâu ngày bị thất lạc, thiếu sót, nên cõi này trước đây ghi lại các kinh đành rành; trong số ấy nay có hai bộ A-hàm, mỗi mỗi viết lại một quyển mới, giữ trọn số mục cũ của kinh, ghi chú về sự thêm thắt, mất

mát của kinh, khiến cho người đọc tìm thấy được sự sai khác.

Hai bộ thượng hạ gồm có 472 kinh; phàm các vị học sĩ tuyển chọn hai bộ A-hàm này, trong đó thường có những lời dạy về luật, người nước ngoài không rõ, xem Sa-di và cư sĩ cùng như nhau. Từ này về sau, mong rằng cùng giữ gìn điều này như luật định ! Đây chính là việc cấp thiết của nước ta. Những lời dạy căn dặn đình ninh của đức Thế Tôn, xin chớ nghe một cách sơ suất ! Học rộng mà không biết giữ gìn cấm giới là một tỳ vết trong sự thông suốt của giới học sĩ. Khương Hạnh Tường dịch kinh Trung Bản Khởi, dịch luôn phẩm Đại Ái Đạo trong đó mà không biết đó là kinh cấm, là phép của Tỳ-kheo-ni, rất cần phải cắt bỏ đi. Đây là một sự thô lậu lớn, đáng đau xót vậy.

Hai bộ kinh này, bậc đạo sĩ hữu lực mới có thể xem, cần phải để tâm. Còn như người khinh thường không để ý, mong các vị đồng chí với tôi kêu gọi sửa đổi điều này !

ĐỜI TẤN

Sa-môn Thích Đạo An viết

I. PHẨM TỰA

*Tự quy đấng Năng Nhân thứ bảy,
Diễn nói pháp Hiền Thánh Vô Thượng,
Ở mãi trong sông dài sanh tử,
Thế Tôn nay vì độ chúng sanh,
Tôn trưởng Ca-diếp và Chúng tăng,
Hiền triết A-nan nghe vô lượng,
Thiện Thệ nhập diệt lưu xá-lợi,
Từ nước Câu-di đến Ma-kiệt,
Ca-diếp suy từ hành tứ đẳng,
Chúng sanh này đọa lạc năm đường,
Chánh Giác giảng đạo nay qua đời,
Nhớ Ngài khéo dạy, lòng thương khóc.
Ca-diếp suy nghĩ gốc Chánh pháp,
Làm sao lưu bố lâu ở đời,
Thế Tôn nói bao nhiêu lời dạy,
Tổng trì gìn giữ, chẳng lọt mất.*

Ai có sức này gom các pháp,
Nơi nơi chỗ chỗ gốc nhân duyên ?
Nay trong chúng này, bậc Trí tuệ,
A-nan hiển thiện nghe vô lượng,
Liền đánh kiến chùy nhóm bốn bộ,
Tỳ-kheo tám vạn bốn ngàn chúng,
Đều đắc La-hán, tâm giải thoát,
Đã thoát trói buộc, làm ruộng phước.
Ca-diếp thương xót cho người đời,
Càng nhớ đến ơn Phật quá khứ,
Thế Tôn truyền pháp cho A-nan,
Mong quảng bá pháp mãi ở đời,
Làm sao lần lượt không mất mối,
Ba A-tăng-kỳ nhóm pháp báu,
Khiến sau bốn bộ được nghe pháp,
Đã nghe liền được là các khổ.
A-nan từ chối: "Tôi chẳng kham,
Chư pháp sâu xa bao nhiêu loại,
Há dám phân biệt pháp Như Lai,
Phật pháp công đức trí vô lượng.
Nay ngài Ca-diếp kham nhận nối,
Thế Hùng đem pháp trao kỳ cựu,
Đại Ca-diếp nay vì mọi người,
Như Lai tại thế mời nửa tòa."
Ca-diếp đáp rằng: "Tuy có thể,

Tuổi già suy yếu, quên mất nhiều,
Nay Ông tổng trì nghiệp trí tuệ,
Khiến được gốc pháp hằng ở đời.
Nay ta có ba mắt thanh tịnh,
Cũng lại hay biết tha tâm trí,
Tất cả chúng sanh bao nhiêu loại,
Không ai hơn được A-nan".
Phạm Thiên giáng xuống cùng Đế Thích
Tứ thiên hộ thế và chư Thiên
Di-lặc Đâu-suất tìm đến họp,
Bồ-tát mấy ức không thể kể.
Di-lặc, Phạm, Thích và Tứ Vương
Đều cùng chấp tay mà bày tỏ:
"Tất cả các pháp Phật đã ẩn:
"A-nan là pháp khí của Ta",
Nếu Ngài chẳng muốn Pháp còn mãi,
Tức làm tổn hoại pháp Như Lai,
Nguyện giữ bốn yếu vì chúng sanh,
Cứu được nguy ách, độ các nạn.
Đức Phật ra đời thọ quá ngắn,
Nhục thể tuy chết, pháp thân còn,
Nếu khiến gốc Pháp không đoạn tuyệt,
A-nan chớ từ chối thuyết pháp".
Ca-diếp tối tôn và Thánh chúng,
Di-lặc, Phạm, Thích và Tứ Vương,

*Tha thiết thỉnh cầu A-nan nói
Khiến giáo pháp Phật chẳng diệt tận.
A-nan nhân hòa đủ tứ đẳng,
Ý chuyển sự tử hống nhiệm mầu,
Nhìn khắp bốn bộ, ngấm hư không,
Thương khóc lệ trào không dừng được,
Liên vận quang minh và vẻ mặt,
Chiếu khắp chúng sanh như mặt trời,
Di-lặc thấy (ánh) sáng cùng Thích, Phạm,
Thu xả đợi nghe Pháp vô thượng,
Bốn bộ lặng lẽ chuyên một lòng,
Muốn được nghe Pháp, ý chẳng loạn,
Tôn trọng Ca-diếp và Thánh chúng,
Nhìn thẳng thấy mặt, mắt không chớp.
Rồi A-nan thuyết kinh vô lượng,
Ai hay đầy đủ góp một nhóm:
“Nay tôi sẽ chia làm ba phần,
Tạo lập mười kinh làm một kệ.
Khế kinh phần một, Luật phần hai,
Kinh A-tỳ-đàm là phần ba.
Ba Phật quá khứ đều chia ba,
Khế kinh, Luật, Pháp là ba tạng,
Khế kinh nay sẽ phân bốn đoạn,
Kế là Tăng Nhất, hai là Trung,
Ba gọi là Trường, nhiều anh lạc,*

Tạp kinh sau cùng là bốn phần.”
Tôn giả A-nan nghĩ thế này:
“Pháp thân Như Lai chẳng hư hoại,
Còn mãi ở đời, không dứt mất,
Trời, Người được nghe thành đạo quả.
Hoặc có một pháp nghĩa cùng sâu
Khó giữ, khó tụng chẳng thể nhớ,
Nay ta sẽ nhóm nghĩa một pháp,
Mỗi mỗi theo nhau chẳng mất mỗi.
Cũng có hai pháp lại thành hai,
Ba pháp thành ba như xâu chuỗi,
Bốn pháp thành bốn, năm cũng thế,
Năm pháp đến sáu, sáu đến bảy,
Tám pháp nghĩa rộng, chín tiếp theo,
Mười pháp từ mười đến mười một.
Như thế pháp bảo trọn chẳng quên,
Cũng hằng ở đời, tồn tại mãi,
Ở trong đại chúng nhóm pháp này”.
Tức thời A-nan lên pháp tòa,
Di-lặc khen “Lành, hay thay !”, nói:
“Các pháp nghĩa hợp nên phối lại,
Còn có các pháp nên phân bộ.
Thế Tôn nói Pháp mỗi mỗi khác,
Bồ-tát phát ý hướng đại thừa,
Như Lai thuyết đây các thứ khác,

Nhân Tôn thuyết lục độ không cùng,
Bố thí, trì giới, nhẫn, tinh tấn,
Thiền, trí tuệ như trăng đầu tháng,
Chóng độ vô cực quán các pháp.
Có người dưng mánh cho đầu mắt,
Thân thể, máu thịt, không luyến tiếc,
Vợ, hầu, nước; của và trai, gái,
Đây gọi đàn độ chẳng nên bỏ.
Giới độ vô cực như kim cương,
Không hủy, không phạm, không sót mất,
Trì tâm giữ giới như bình gốm,
Đây gọi giới độ không nên bỏ.
Hoặc có người đến cắt tay chân,
Chẳng khỏi giận dữ, sức nhẫn mạnh,
Như biển bao dung không tăng giảm,
Đây gọi nhẫn độ không nên bỏ,
Những người tạo tác hành thiện ác,
Thân, miệng, ý đều không biết chán,
Ngăn người các hạnh không đến đạo,
Đây gọi tấn độ không nên bỏ.
Các vị tọa thiền thở ra vào,
Tâm ý vững chắc không loạn niệm,
Dù cho đất động, thân chẳng nghiêng,
Đây gọi thiền độ không nên bỏ.
Lấy sức trí huệ biết trần số,

Kiếp số triệu năm không thể kể,
Thanh thân nghiệp tụ ý chẳng loạn,
Đây gọi trí độ chẳng nên bỏ.
Chư pháp thậm thâm luận lý không,
Khó sáng, khó rõ, không thể quán,
Về sau hậu tấn ôm hoài nghi,
Đây đức Bồ-tát không nên bỏ”.

A-nan tự trình bày ý này:

“Hạnh Bồ-tát, kẻ ngu không tin,
Trừ các La-hán tin giải thoát,
Đó là có tin không do dự.
Chúng của bốn bộ phát ý đạo,
Cùng với tất cả loài chúng sanh,
Họ có tin chắc không hồ nghi,
Hợp các pháp này làm phần một”.
Di-lặc khen: “Lành, hay thay !”, nói:
“Phát thú đại thừa ý rất rộng,
Hoặc có các pháp đoạn kiết sử,
Hoặc có các pháp thành đạo quả”.
A-nan thuyết rằng: “Đây thế nào,
Tôi thấy Như Lai giảng pháp này,
Có pháp chẳng nghe từ Như Lai,
Pháp này há sai, nên có nghi.
Dù tôi nói thấy, nghĩa này sai,
Với chúng tương lai liền bị hỏng,

Nay nói chư kinh nghe như thế,
Chỗ Phật đang ở, thành, quốc độ,
Nước Ba-la-nại thuyết pháp đầu,
Nước Ma-kiệt độ ba Ca-diếp,
Thích-sí, Câu-tát, Ca-thi quốc,
Chiêm-bà, Câu-lưu, Tỳ-xá-ly,
Thiên Cung, Long Cung, A-tu-la,
Càn-thát-bà cùng thành Câu-thi,
Cho dù không được chỗ thuyết kinh,
Sẽ nói nguyên gốc tại Xá-vệ.
Tôi được theo nghe việc một thời,
Phật tại Xá-vệ cùng đệ tử,
Tinh xá Kỳ-hoàn tu thiện nghiệp,
Trưởng giả Cô Độc dâng cúng vườn.
Lúc Phật tại đó dạy Tỳ-kheo,
Nên tu một pháp chuyên nhất tâm,
Suy nghĩ một pháp không phóng dật,
Một pháp là gì ? Là niệm Phật,
Niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới,
Niệm Thí, rồi tiếp đến niệm Thiên,
Niệm Thờ An-ban và niệm Thân,
Niệm Chết, trừ loạn là mười niệm,
Đấy gọi mười niệm lại có mười.
Sau đó sẽ nói đệ tử Phật,
Trước dạy Câu-lân thành đệ tử,

Cuối cùng nhỏ nhất là Tu-đạt
Dùng phương tiện này rõ một pháp.
Hai theo hai pháp, ba theo ba,
Bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười,
Mười một pháp này đều rõ hết,
Từ một tăng một đến các pháp,
Nghĩa nhiều, huệ rộng chẳng thể tận,
Mỗi một khế kinh nghĩa cùng sâu,
Thế nên gọi là Tăng Nhất Hàm.
Nay tìm một pháp khó rõ sáng,
Khó trì, khó hiểu, chẳng thể minh,
Tỳ-kheo tự xưng công đức nghiệp,
Nay nên xưng là Tôn đệ nhất.
Ví như thợ gốm làm đồ vật,
Tùy ý mà làm không hồ nghi,
Như thế A-hàm Tăng Nhất pháp,
Ba thừa giáo hóa không sai biệt,
Kinh Phật vi diệu rất thâm sâu,
Năng trừ kiết sử như sông chảy,
Nhưng Tăng Nhất này là trên hết,
Hay sạch ba nhãn, trừ ba cấu.
Có ai chuyên tâm trì Tăng Nhất,
Liên là tổng trì Như Lai tạng,
Dù thân này chưa hết kiết sử,
Đời sau liền được tài trí cao.

*Nếu có người viết chép kinh quyển,
Lọng hoa, tơ lụa đem cúng dường,
Phước này vô lượng không thể kể
Vì pháp báu này khó gặp vậy”
Thuyết lời này rồi đất chấn động,
Mưa trời hoa hương phủ đến gối,
Chư Thiên trên không khen “Lành thay !”.
Lời Thượng Tôn thuyết trọn thuận nghĩa.
Khế kinh tạng một, Luật tạng hai,
Kinh A-tỳ-đàm là tạng thứ ba,
Phương Đẳng đại thừa nghĩa thâm thúy,
Cùng các khế kinh là tạp tạng,
An xử lời Phật trọn chẳng khác,
Nhân duyên gốc ngọn đều tùy thuận,
Di-lặc, chư Thiên đều khen lành,
Kinh Phật Thích-ca còn được lâu.
Di-lặc đứng lên tay cầm hoa,
Hoan hỉ đem rải lên A-nan,
Kinh này đúng thật Như Lai thuyết,
Khiến A-nan tâm đạo quả thành.*

Bấy giờ Tôn giả A-nan cùng Phạm thiên và các Phạm Ca-di thiên đều đến tụ hội. Hóa tụ tại thiên cùng quyển thuộc đều đến tụ hội. Tha hóa tụ tại thiên cùng tùy tùng đến tụ hội. Đâu-suất thiên vương cùng chúng thiên đều đến tụ hội. Diêm thiên

cùng các tùy tùng đều đến tụ hội. Thích-đề-toàn-nhân cùng chư thiên cõi Ba mươi ba đồng đến tụ hội. Đề-đâu-lại-tra Thiên vương cùng Càn-thát-bà v.v... cùng đến tụ hội. Tỳ-lưu-lặc-xoa Thiên vương cùng các Yểm Quỷ đều đến tụ hội. Tỳ-lưu-bạt-xoa Thiên vương đem các chúng Rồng cùng đến tụ hội. Tỳ-sa-môn Thiên vương dẫn chúng Dạ-xoa, La-sát cùng đến tụ hội.

Lúc bấy giờ Đại sĩ Di-lặc bảo các Bồ-tát trong Hiền kiếp:

— Các Đại sĩ hãy khuyên các thiện nam và tín nữ đọc tụng, thọ trì Tăng Nhất Tôn Pháp, giảng nói rộng rãi khiến Trời Người vâng làm.

Lúc ngài nói lời này thì chư Thiên, loài Người, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già, Khẩn-na-la v.v... đều tự nói:

— Chúng tôi đều cùng nhau ủng hộ thiện nam, tín nữ nào đọc tụng, thọ trì Tăng Nhất Tôn Pháp, giảng nói rộng rãi, trọn không dừng nghỉ nửa chừng.

Lúc ấy Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ưu-đa-la rằng:

— Nay tôi đem Tăng Nhất A-hàm này giao phó cho Hiền giả. Xin hãy khéo tụng đọc, chớ để

thiếu sót. Vì sao vậy ? Vì nếu có người khinh mạn tôn kinh này liền bị đọa lạc, là hạnh phàm phu. Vì có sao ? Nay Ưu-đa-la ! Tăng Nhất A-hàm nêu lên lời dạy Ba mươi bảy đạo phẩm và các pháp đều do đây sanh.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi A-nan:

— Nay Hiền giả A-nan, Tăng Nhất A-hàm lại có thể xuất sinh Ba mươi bảy đạo phẩm và các pháp đều do đây sanh sao ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Đúng thế ! Đúng thế ! Thưa Tôn giả Ca-diếp, Tăng Nhất A-hàm xuất sanh Ba mươi bảy phẩm và các pháp đều do đây sanh. Không những thế mà chỉ một kệ trong Tăng Nhất A-hàm cũng xuất sanh ra Ba mươi bảy phẩm và các pháp.

Ngài Ca-diếp hỏi:

— Trong loại kệ nào xuất sanh ra Ba mươi bảy phẩm và các pháp ?

Tôn giả A-nan liền nói bài kệ này:

*Các điều ác chớ làm,
Các điều thiện vâng làm,
Tự trong sạch ý mình,
Là lời chư Phật dạy.*

Vì sao thế ? “Các điều ác chớ làm” là các pháp vốn đã sanh ra các pháp lành, do sanh pháp lành mà tâm ý trong sạch. Thế nên Ca-diếp ! Chư Phật Thế Tôn thân, miệng, ý thường tu thanh tịnh.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

— Thế nào A-nan, riêng Tăng Nhất A-hàm xuất sanh Ba mươi bảy phẩm và các pháp, còn bốn A-hàm khác cũng lại sanh ra chăng ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Không những thế, thưa Tôn giả Ca-diếp, nghĩa của bốn bộ A-hàm chỉ trong một bài kệ cũng đầy đủ hết lời chư Phật, lời Bích-chi Phật và Thanh văn. Vì sao thế ? “Các điều ác chớ làm” là đầy đủ giới cấm; hạnh thanh bạch là “các điều thiện vâng làm”. “Tâm ý trong sạch”, là tự sạch ý mình, trừ tà chấp điên đảo; “Là lời chư Phật dạy”, là bỏ các tướng ngu dốt, nghi hoặc. Thế nào Tôn giả Ca-diếp, người giới thanh tịnh thì tâm ý của họ lại bất tịnh sao ? Người mà ý thanh tịnh thì không điên đảo; vì không điên đảo nên tướng ngu hoặc diệt, Ba mươi bảy đạo phẩm quả nhiên liền được thành tựu. Đã thành đạo quả há chẳng phải là các pháp sao ?

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

— Thế nào A-nan, tại sao đem Tăng Nhất này giao phó cho Ưu-đa-la mà chẳng giao cho Tỳ-kheo khác tất cả các pháp ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Tăng Nhất A-hàm tức là các pháp. Các pháp tức là Tăng Nhất A-hàm, là một chứ không có hai.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

— Vì những lý do nào mà đem Tăng Nhất A-hàm phó chúc cho Ưu-đa-la, không giao cho Tỳ-kheo khác ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Tôn giả Ca-diếp nên biết, chín mươi một kiếp xưa, đức Tỳ-bà-thi Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Y-câu-ưu-đa-la. Lúc đó, đức Phật đã đem pháp Tăng Nhất giao phó cho người này khiến tụng đọc. Từ đây cho đến ba mươi một kiếp về sau, kế đó có Phật Thi-khí Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Mục-già-ưu-đa-la. Thi-khí Như Lai lại đem pháp này giao phó cho người này khiến tụng đọc. Cũng chính trong ba mươi một kiếp kia, Tỳ-xá-phù Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác lại xuất hiện ở đời. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Long Ưu-đa-la.

Đức Phật lại lấy pháp này giao phó cho người này khiến tụng đọc.

Tôn giả Ca-diếp nên biết, trong Hiền kiếp này có Câu-lưu-tôn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la tên Lôi Điện Ưu-đa-la. Phật lại đem pháp này phó chúc cho người đó khiến đọc tụng. Trong Hiền kiếp này, kể đó lại có Phật Câu-na-hàm Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la tên Thiên Ưu-đa-la. Phật lại đem pháp này giao phó cho ông ta khiến đọc tụng. Trong Hiền kiếp này, kể đó lại có Phật tên Ca-diếp Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Bấy giờ Tỳ-kheo Ưu-đa-la, tên Phạm Ưu-đa-la, Phật lại đem pháp này giao phó cho ông ta khiến tụng đọc.

Tôn giả Ca-diếp nên biết, nay Thích-ca Văn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Nay Tỳ-kheo này tên Ưu-đa-la. Thích-ca Văn Phật tuy đã Bát-niết-bàn nhưng Tỳ-kheo A-nan vẫn còn ở đời. Thế Tôn đem hết pháp giao phó cho tôi. Nay tôi lại lấy pháp này trao cho Ưu-đa-la. Vì sao thế ? Hãy xem vị này, xét biết nguồn gốc, sau đó mới truyền pháp. Vì sao ? Thời quá khứ trong hiền kiếp này, Câu-lưu-tôn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian

Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời.

Lúc đó có vua tên Ma-ha-đê-bà, lấy pháp cai trị, giáo hóa dân chúng chưa từng sai lạc, thọ mạng rất dài, đoan chánh vô song, hiếm có ở đời. Trong tám vạn bốn ngàn năm với thân đồng tử mà tự vui chơi. Trong tám vạn bốn ngàn năm dùng thân thái tử đem pháp cai trị. Trong tám vạn bốn ngàn năm lại dùng vương pháp cai trị thiên hạ.

Tôn giả Ca-diếp nên biết, lúc đó Thế Tôn dạo đi trong vườn Cam-lê, và sau khi ăn xong, như thường lệ đi kinh hành trong sân. Tôi làm thị giả. Lúc đó Thế Tôn mỉm cười, miệng phóng hào quang năm sắc. Tôi thấy vậy liền quỳ trước Thế Tôn mà bạch rằng:

“— Phật chẳng cười vô cớ, mong cho con được nghe gốc ngọn. Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác chẳng bao giờ nói lời trống rỗng.”

Bấy giờ, thưa Tôn giả Ca-diếp, Phật bảo tôi rằng:

“— Ở đời quá khứ, trong Hiền kiếp này có Như Lai tên Câu-lưu-tôn Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Lại ở chỗ này vì các đệ tử mà thuyết pháp rộng rãi. Sau đó ở trong Hiền kiếp

này, lại có Câu-na-hàm Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Bấy giờ đức Phật ấy cũng ở chỗ này mà thuyết pháp rộng rãi. Kế nữa, trong Hiền kiếp này, Ca-diếp Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Ca-diếp Như Lai cũng ở chỗ này mà thuyết pháp rộng rãi”.

Bấy giờ, thưa Tôn giả Ca-diếp, tôi quỳ trước Phật và bạch:

“— Mong sau Thích-ca Văn Phật cũng ở chỗ này thuyết pháp đầy đủ cho các đệ tử. Chỗ này sẽ là tòa kim cương của bốn Như Lai, mãi không đoạn dứt.”

Bấy giờ, thưa Tôn giả Ca-diếp, Phật Thích-ca Văn tại chỗ ngôi ấy, bảo tôi:

“— A-nan, ngày xưa ở chỗ này trong hiền kiếp, có vị vua ra đời tên Ma-ha-đề-bà trong suốt tám vạn bốn ngàn năm dùng vương pháp giáo hóa, lấy đức dạy dỗ dân; trải qua nhiều năm, rồi bảo Kiếp-tỷ (người hót tóc) rằng:

“— Nếu thấy đầu ta có tóc bạc, hãy báo cho ta hay”.

Lúc đó, người kia nghe vua ra lệnh, qua mấy năm lại thấy trên đầu vua có tóc bạc mọc, liền quỳ trước Đại vương và bạch:

"— Đại vương nên biết, trên đầu ngài tóc bạc đã mọc".

Vua liền bảo người ấy:

"— Lấy nhíp vàng nhổ tóc bạc bỏ lên tay ta".

Lúc đó, người ấy vâng lệnh lấy nhíp vàng nhổ tóc bạc. Bấy giờ, Đại vương thấy tóc bạc rồi liền nói kệ rằng:

*"Bấy giờ trên đầu ta,
Đã sanh lông suy hao,
Thiên sứ đã đến nơi,
Nên ngay đây xuất gia."*

Nay ta đã hưởng phước trong loài người, phải nên tự cố gắng tiến lên đức của trời, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa khỏi các khổ".

Bấy giờ, vua Ma-ha-đê-bà liền bảo thái tử lớn nhất tên là Trường Thọ:

"— Con có biết chăng, nay đầu ta đã sanh tóc bạc, ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa khỏi các khổ. Con hãy nối ngôi ta, lấy pháp cai trị, giáo hóa, chớ khiến cho sai trái lời ta dạy mà tạo hạnh phạm phư. Sở dĩ như thế vì nếu có người nào trái lời ta dạy,

liên làm hạnh phàm phu. Phàm phu thì cứ ở mãi trong tam đồ, đầy đủ tám nạn."

Bấy giờ, vua Ma-ha-đê-bà truyền ngôi vua cho thái tử rồi, lại đem tiền của ban cho Kiếp-tỷ (người hót tóc) rồi ở chỗ khác cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa khỏi các khổ, trong tám vạn bốn ngàn năm khéo tu phạm hạnh, hành Tứ đẳng tâm: từ, bi, hỉ, xả; khi thân chết, mạng chung sanh lên Phạm Thiên.

Vua Trường Thọ nhớ lời cha dạy chưa hề tạm bỏ, dùng pháp cai trị không có sai lạc, chưa hết tuần lễ, liền được làm Chuyển luân Thánh vương, có đủ bảy báu.

Bảy báu là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, diễm tạng báu, diễm binh báu. Đó là bảy báu. Lại có ngàn người con dũng mãnh, trí tuệ, hay trừ các khổ, thống lãnh bốn phương.

Rồi vua Trường Thọ dùng pháp vua trước... và làm kệ:

*Nay ở trên đầu tôi,
Đã sanh lông suy hao,
Sứ trời đã lại đến,
Đúng lúc nên xuất gia.*

"Nay ta đã hưởng phúc loài người, phải nên

tự cố gắng tạo đức lên cõi Trời, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa các thứ khổ".

Rồi vua Trường Thọ, bảo thái tử con trưởng tên Thiện Quán:

"— Con có biết chăng, nay trên đầu ta tóc đã mọc. Ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa hẳn các khổ. Con hãy nối ngôi ta, dùng pháp mà cai trị, chớ khiến sai mất lời ta dạy dỗ mà tạo hạnh phàm phu. Sở dĩ như thế vì nếu có người trái lời ta dạy làm hạnh phàm phu, mà hạnh phàm phu thì ở mãi trong ba đường, tám nạn".

Và vua Trường Thọ trong tám muôn bốn ngàn năm khéo tu Phạm hạnh, hành Tứ đẳng tâm là từ, bi, hỉ, xả; thân chết, mạng chung sanh lên trời Phạm Thiên. Còn vua Thiện Quán nhớ lời cha dạy chưa từng tạm bỏ, dùng pháp cai trị không chút sai lạc."

Tôn giả Ca-diếp nên biết, khi đó Ma-ha-đê-bà đầu phải người nào khác, đừng có cho như thế. Vua bấy giờ nay là Phật Thích-ca Vãng. Vua Trường Thọ nay là thân A-nan, còn Thiện Quán lúc đó, nay là Tỳ-kheo Ưu-đa-la, đã hằng nhận vương pháp chưa từng bỏ mất, cũng chẳng đoạn dứt. Và vua Thiện

Quán lại làm hưng phục lệnh của vua cha, dùng pháp cai trị, chẳng dứt lời vua dạy. Vì sao thế ? Vì lời dạy của phụ vương khó làm trái được.

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền nói kệ:

*Kính Pháp, vâng lời Tôn,
Chẳng quên báo ân gốc,
Lại hay giữ ba nghiệp,
Chỗ quý của người trí.*

Tôi quán nghĩa này rồi, đem Tăng Nhất A-hàm truyền cho Tỳ-kheo Ưu-đa-la. Vì sao ? Tất cả các pháp đều có lý do.

Rồi Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ưu-đa-la:

— Hiền giả lúc trước làm Chuyển luân Thánh vương, chẳng để mất lời vua dạy. Nay tôi lại đem pháp này trao phó cho Hiền giả, chớ để mất chánh giáo, chớ làm hạnh phạm phư. Nay Hiền giả nên biết, nếu có người trái mất thiện giáo của Như Lai, liền đọa trong cõi phạm phư. Vì sao ? Lúc ấy vua Ma-ha-đê-bà không được đến chỗ rớt ráo giải thoát, chưa được giải thoát đến chỗ an ổn; tuy hưởng phước báo Phạm Thiên, vẫn chẳng đến chỗ cứu cánh là thiện nghiệp của Như Lai, tức gọi là chỗ cứu cánh an ổn, an lạc vô cùng, được Trời, Người cung kính, tất sẽ được Niết-bàn. Vì thế cho nên,

Ưu-đa-la ! Hãy nên phụng trì pháp này, phụng tụng, đọc niệm, chớ cho thiếu sót.

Bấy giờ A-nan liền nói kệ:

*Đối với Pháp nên niệm,
Như Lai do đây sanh,
Pháp hưng thành Chánh Giác,
Bích-chi, La-hán đạo,
Pháp hay trừ các khổ,
Cũng hay thành kết quả.
Niệm Pháp chẳng rời tâm,
Nay và sau thọ báo,
Nếu muốn thành vị Phật,
Giống như Thích-ca Văn,
Thọ trì ba tạng pháp,
Câu kinh chẳng lấm loạn,
Tam tạng tuy khó giữ,
Nghĩa lý chẳng thể cùng,
Nên tụng bốn A-hàm,
Liên đoạn nẻo Nhân Thiên.
A-hàm tuy khó tụng,
Kinh nghĩa chẳng thể hết,
Giới luật chớ để mất,
Đây là báu Như Lai.
Luật cấm cũng khó giữ,
A-hàm cũng như thế,*

*Giữ vững A-tỳ-đàm,
Hàng phục thuật ngoại đạo,
Tuyên dương A-tỳ-đàm,
Nghĩa này cũng khó giữ.
Nên tụng ba A-hàm
Chẳng mất câu của kinh.
Khế kinh, A-tỳ-đàm,
Giới luật lưu bố đời,
Người, Trời được vâng làm,
Liên sanh chỗ an ổn.
Nếu không pháp khế kinh,
Cũng lại không giới luật,
Như mù lao vào tối,
Lúc nào mới thấy sáng ?
Lấy đây giao phó ông,
Cùng với bốn bộ chúng,
Nên giữ chớ coi thường,
Đối với Phật Thích-ca.*

Khi Tôn giả A-nan nói lời này, trời đất sáu phen chấn động. Các bậc Trời, Thần ở hư không, tay cầm hoa trời rải trên Tôn giả A-nan, và tung vào khắp trong bốn bộ chúng. Tất cả Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... đều mừng rỡ và khen:

— Lành thay, lành thay, Tôn giả A-nan !

Những lời trước, giữa và sau đều lành. Đối với pháp nên cung kính, thật như đã nói. Chư Thiên và Người đời không ai không từ pháp mà được thành tựu. Nếu ai làm ác phải đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan ở trong bốn bộ chúng, cất tiếng rống của sư tử, khuyên tất cả mọi người phụng hành pháp này.

Bấy giờ trên tòa, ba vạn Trời Người được pháp nhân thanh tịnh.

Bấy giờ bốn bộ chúng, chư Thiên, Người đời nghe Tôn giả thuyết xong, vui vẻ vâng làm.

*
* *

II. PHẨM THẬP NIỆM

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu được thân thông, bỏ các loạn tướng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Phật. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thân thông, bỏ các loạn tướng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Giới. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn

tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Thí. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Thiên. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ được thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Dừng nghỉ. Hãy khéo tu một pháp, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá một pháp, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Hơi thở ra vào. Hãy khéo tu hành, truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy

tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá một pháp, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Thân không thường còn. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá một

pháp, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm sự Chết. Hãy khéo tu hành, khéo truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Niệm Phật, Pháp, Thánh chúng,
Niệm Giới, Thí và Thiên,
Niệm Dùng nghỉ, Hơi thở,
Niệm Thân, Chết sau cùng.*

*
* *

III. PHẨM QUẢNG DIỄN

1. — Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành và truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được hưởng vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Phật.

Phật bảo các Tỷ-kheo:

— Thế nào là tu hành niệm Phật sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được hưởng vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ thành

tự thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn:

— Căn bản các pháp đều do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn vì các Tỳ-kheo dạy diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe Như Lai rồi, sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng diệu này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi. Đức Thế Tôn bảo rằng:

— Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già buộc niệm ở trước, không có một ý tưởng nào khác, một lòng niệm Phật, quán hình tướng Như Lai chưa từng rời mắt, đã chẳng rời mắt, liên niệm công đức của Như Lai.

Thế của Như Lai bằng kim cương, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, giữa chúng dững kiện. Dung mạo Như Lai đoan chính vô song, nhìn không chán mắt. Giới đức thành tựu giống như kim cương không thể phá hủy, thanh tịnh không tỳ vết cũng

như lưu ly. Tam muội của Như Lai chưa hề sút giảm, dùng lạng vĩnh viễn không có niệm khác; các tình cảm kiêu mạn, quật cường, các tâm ý dục, tưởng sân, ngu hoặc, do dự, buộc kết đều trừ sạch cả.

Huệ thân của Như Lai, trí không bờ mé, không bị chướng ngại. Thân của Như Lai do giải thoát thành tựu, không còn sanh lại để phải nói rằng: “Ta sẽ đọa vào sanh tử nữa”. Thân Như Lai là độ tri kiến thành tựu, biết căn tánh người khác nên độ hay không nên độ, biết họ chết đây sanh kia, qua lại xoay vần bên bờ sanh tử, người có giải thoát, người không giải thoát đều biết hết cả.

Đó là tu hành niệm Phật, sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Phật thì sẽ được các công đức lành này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành và truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được hưởng vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Pháp.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là tu hành niệm Pháp sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, hưởng được vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, thành tựu thân thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Căn bản của các pháp là do Như Lai dạy. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe lời Như Lai xong sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Lắng nghe, lắng nghe ! Khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, đức Thế Tôn bảo:

— Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già cột niệm trước mặt, không có niệm khác, chuyên cần niệm Pháp, trừ các dục ái, không có trần lao, tâm khát ái không còn nổi lên nữa.

Phàm Chính pháp, nghĩa là đối với dục cho đến vô dục, đều là bệnh của các ràng buộc, các che đậy. Pháp này ví như mùi các thứ hương, không có dấu vết của niệm loạn tưởng.

Đó là Tỳ-kheo tu hành niệm Pháp sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được nếm vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ thành tựu thân thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Pháp sẽ được các công đức lành này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy: .

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Tăng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là tu hành niệm Tăng sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Căn bản các pháp là do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe Như Lai nói rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

— Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngôi kiết-già cột niệm trước mặt, không có tướng khác, chuyên cần niệm Tăng (chúng): Thánh chúng của Như Lai nghiệp lành thành tựu, chất trực thuận nghĩa, không có nghiệp tà, trên dưới hòa mục, pháp pháp thành tựu. Thánh chúng của Như Lai giới thành tựu, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, độ tri kiến thành tựu. Thánh chúng là bốn đội, tám bậc. Đó là thánh chúng của Như Lai, phải nên cung kính, thừa sự, lễ thuận. Vì sao thế ? Vì họ là ruộng phước của đời. Ở trong chúng này đều đồng là pháp khí. Cũng vì tự độ mà độ người khác đến đạo Tam thừa. Nghiệp như thế gọi là Thánh chúng. Thế nên, các Tỳ-kheo, nếu có người niệm Tăng, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Tăng, liền sẽ được các công đức lành này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Đó là niệm Giới.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là tu hành niệm Giới sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Căn bản các pháp là do Thế Tôn nói. Cúi mong Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo được nghe Như Lai nói rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi. Thế Tôn bảo rằng:

— Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngôi kiết-già cột niệm ở trước mặt, không có niệm khác, chuyên cần niệm Giới. Giới nghĩa là dùng các ác. Giới có thể thành đạo, khiến người hoan hỉ. Giới quán quanh thân, làm hiện các vẻ đẹp.

Phàm cấm giới giống như bình cát tường tùy chỗ mong cầu mà thành tựu. Các đạo phẩm đều do giới mà thành tựu. Như thế, này các Tỳ-kheo, người hành cấm giới thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chớ rời niệm Giới, sẽ được các công đức lành này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Thí.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là tu hành niệm Thí sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Căn bản các pháp do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe lời Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

— Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già cột niệm ở trước mặt, không có niệm khác, chuyên cần niệm Thí: “Tôi nay bố thí, nơi vật bố thí trọn không có tâm hối tiếc, không nghĩ sẽ được đền đáp, không thích được lợi. Nếu người chửi tôi, tôi trọn không trả thù. Dù người hại tôi, dùng tay đâm, thêm dao gây đập, ngói gạch ném vào mình, tôi sẽ khởi lòng từ, không nổi sân giận. Ý bố thí của tôi không đoạn dứt”. Thế nên, Tỳ-kheo, gọi là đại Thí, sẽ thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên tu duy, chẳng lìa niệm Thí, sẽ được các công đức lành này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một

pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Thiên.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là tu hành niệm Thiên, sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ được thần thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Căn bản các pháp là do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe Như Lai nói rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo:

— Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngôi kiết-già buộc niệm trước mặt, không có tướng khác,

chuyên cần niệm Thiên. Thân, miệng, ý trong sạch không tạo hạnh nhờ; hành giới thành tựu thân; thân phóng ánh sáng chiếu khắp mọi nơi, thành thân, trời kia, quả lành thành thân trời kia. Các hạnh đầy đủ liền thành thân trời. Như thế, này các Tỳ-kheo, gọi là niệm Thiên, sẽ được danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Thiên, sẽ được công đức lành này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Dừng nghĩ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là tu hành niệm dừng nghỉ sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Căn bản các pháp là do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe lời Thế Tôn rồi, sẽ thọ trì.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi. Thế Tôn bảo rằng:

— Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngôi kiết-già buộc niệm trước mặt, không có tướng khác, chuyên cần niệm Dừng nghỉ. Dừng nghỉ nghĩa là dứt tâm ý tưởng, chí tánh rõ ràng, cũng không tháo động, hằng chuyên một lòng, ý thích nhàn cư. Thường tìm phương tiện nhập định tam-muội,

thường nhớ không ham hơn thua, dành địa vị trên trước. Như thế, này các Tỳ-kheo, gọi là niệm Dừng nghỉ, sẽ được danh dự, thành quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên tư duy không lìa niệm Dừng nghỉ, sẽ được các công đức lành này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Hơi thở ra vào.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là tu hành niệm Hơi thở ra vào sẽ có danh dự, thành quả báo lớn; các điều lành đầy

đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Căn bản các pháp là do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe lời Thế Tôn rồi, sẽ thọ trì.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

— Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già buộc niệm trước mặt, không có tướng khác, chuyên nhất niệm hơi thở ra vào. Hơi thở ra vào nghĩa là nếu lúc hơi thở dài, cũng nên quán biết “tôi đang thở dài”; nếu lại hơi thở ngắn, cũng nên quán biết “tôi đang thở ngắn”; nếu hơi thở cực lạnh, cũng nên quán biết; “tôi đang thở lạnh”; nếu hơi thở lại nóng, cũng nên quán biết; “tôi đang thở nóng”. Quán khắp thân thể từ đầu đến chân, đều

nên quán biết. Nếu hơi thở lại có dài ngắn, cũng nên quán hơi thở có dài có ngắn. Dụng tâm giữ thân, biết hơi thở dài ngắn gì cũng đều biết cả, hơi thở ra vào phân biệt rõ ràng; nếu tâm giữ thân, biết hơi thở dài ngắn cũng lại biết hết. Đếm hơi thở dài ngắn phân biệt hiểu rõ. Như thế, này các Tỳ-kheo, gọi là niệm Hơi thở ra vào, sẽ được danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Hơi thở ra vào, sẽ được các công đức lành này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các vọng tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là niệm Thân.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là tu hành niệm Thân sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Căn bản các pháp là do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn vì các Tỳ-kheo, nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe Phật nói rồi, sẽ thọ trì.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

— Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngôi kiết-già buộc niệm trước mặt, không có tướng khác, chuyên cần niệm thân. Niệm Thân nghĩa là: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, mật, gan, phổi, tim, tỳ, thận, ruột non, ruột già, bạch mô, bàng quang, phần tiểu, lá lách, thương đặng, dịch

vị, nước mắt, đờm dãi, mỡ máu, mỡ lá, nước miếng, đầu lâu, não. Cái nào là thân ? Là đất chẳng ? Là nước chẳng ? Là lửa chẳng ? Là gió chẳng ? Là do cha mẹ tạo ra chẳng ? Từ chỗ nào đến ? Do ai làm ra ? Mắt, tai, mũi, miệng, thân, tâm, nơi đây chết rồi sẽ sanh chỗ nào ? Như thế, này các Tỳ-kheo, gọi là niệm Thân, sẽ được danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy chẳng lìa niệm Thân, sẽ được các công đức lành này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Đó là niệm Chết.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là tu hành niệm Chết sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn ?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Căn bản các pháp là do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo nói diệu pháp này. Các Tỳ-kheo nghe Như Lai nói xong, sẽ thọ trì.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy, phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

— Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngôi kiết-già buộc niệm trước mặt, không có tướng khác, chuyên cần niệm Chết.

Niệm Chết nghĩa là chết chỗ này, sanh chỗ khác, qua lại các đường, mạng chết chẳng dừng. Các căn tan hoại, như cây hư mục, mạng căn cắt đứt,

tông tộc phân ly, không hình không tiếng cũng không tướng mạo. Như thế, này các Tỳ-kheo, gọi là niệm Chết, sẽ được danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thân thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm chết, sẽ được các công đức lành này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Phật, Pháp và Thánh chúng,
Cho đến trọn niệm Chết,
Tuy cùng trên đồng tên,
Mà nghĩa mỗi thứ khác.*

*
* *

IV. PHẨM ĐỆ TỬ

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về lòng nhân từ rộng rãi, biết rộng, khéo hay khuyên bảo giáo hóa, nuôi dưỡng thánh chúng, chẳng mất oai nghi; đó là Tỳ-kheo A-nhã-câu-lân (Kiêu-trần-như). Nhận pháp vị đầu tiên, suy nghĩ về Tứ đế, cũng là Tỳ-kheo A-nhã-kiêu-trần-như.

Khéo hay khuyên lơn, dẫn đường tạo phước, độ nhân dân là Tỳ-kheo Ưu-đà-di. Mau thành tựu thân thông, không có hối hận là Tỳ-kheo Ma-ha-nam. Hằng bay trên không, chân chẳng đạp đất là Tỳ-kheo Thiện Trửu. Bay giữa hư không giáo hóa, ý không mong cầu vinh dự là Tỳ-kheo Bà-phá. Vui

ở trên trời, không ở loài người là Tỳ-kheo Ngưu Tích. Hằng quán tưởng sự xấu ác, bất tịnh là Tỳ-kheo Thiện Thắng. Nuôi dưỡng Thánh chúng, tứ sự cúng dường là Tỳ-kheo Ưu-lưu-tỳ-ca-diếp. Tâm ý lặng lẽ, hàng phục các kiết sử là Tỳ-kheo Giang-ca-diếp. Quán rõ các pháp đều không dính mắc là Tỳ-kheo Tượng Ca-ciếp.

*Ca-lân-đà-di, Nam,
Thiện Trừu, Bà thứ năm,
Ngưu Tích và Thiện Thắng,
Ba anh em Ca-diếp.*

2. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của ta về: Oai dung đoan chánh, bước đi khoan thai là Tỳ-kheo Mã Sư. Trí huệ vô cùng, giải quyết hết các nghi là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Thân túc nhẹ nhàng, bay đến mười phương là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên. Dũng mãnh tinh tấn, kham chịu khổ hạnh, là Tỳ-kheo Nhị Thập Úc Nhĩ. Hành mười hai hạnh đầu đà khó hành là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp. Thiên nhãn đệ nhất, thấy các cõi ở mười phương là Tỳ-kheo A-na-luật. Tọa thiền nhập định, tâm không lăm loạn là Tỳ-kheo Ly-việt. Hay rộng khuyên bố thí, lập trai giảng là Tỳ-kheo Đà-la-bà-ma-la. Tạo lập phòng nhà cho Tăng thập phương là Tỳ-kheo Tiểu-đà-la-bà-ma-la. Chúng tộc cao quý, giàu có

xuất gia học đạo là Tỳ-kheo La-tra-bà-la. Khéo phân biệt nghĩa, diễn bày đạo giáo là Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên.

*Mã Sư, Xá-lợi-phất,
Câu-luật, Nhĩ, Ca-diếp,
A-na-luật, Ly-việt,
Ma-la, Tra, Chiên-diên.*

3. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Kham nhận nhận thể không trái phép cấm là Tỳ-kheo Quân-đầu-bà-mạc. Hàng phục ngoại đạo, thực hành chánh pháp là Tỳ-kheo Tân-đầu-lô-phả-la-đọa. Săn sóc tật bệnh, cung cấp thuốc men là Tỳ-kheo Thúc. Bốn món cúng dường y phục, ẩm thực cũng là Tỳ-kheo Thúc. Hay tạo kệ tụng tán thán đức của Như Lai là Tỳ-kheo Bà-kỳ-xá. Được tứ biện tài đối đáp những vấn nạn là Tỳ-kheo Ma-ha-câu-hy-la. Thanh tịnh nhàn cư, không thích ở gần người là Tỳ-kheo Kiên-lao. Khất thực khổ nhục, chẳng tránh lạnh, nóng là Tỳ-kheo Nan-đề. Ở một mình tĩnh tọa, một lòng nhớ đạo là Tỳ-kheo Kim-tỳ-la. Ngồi một chỗ, ăn một bữa không dời đổi là Tỳ-kheo Thí-la. Giữ gìn ba y, không lìa khi ăn nghỉ là Tỳ-kheo Phù-di.

*Quân-đầu, Tân-đầu-lô,
Thúc, Bà, Câu-hy-la,*

Kiên-lao và Nan-đề

Kim-tỳ, Thí-la, Di.

4. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Ngồi dưới gốc cây, tọa Thiên ý không di chuyển là Tỳ-kheo Hô-nghi-ly-viết. Khổ thân ngồi ngoài trời không tránh gió mưa là Tỳ-kheo Bà-tha. Vui một mình, nhàn tản, chuyên ý tư duy là Tỳ-kheo Đà-tô. Mặc áo vá năm mảnh, không mặc đồ tốt đẹp là Tỳ-kheo Ni-bà. Thường ưa ở bãi tha ma không ở gần người là Tỳ-kheo Ưu-đa-la. Hằng ngồi đệm cỏ, ngày ngày làm phước độ người là Tỳ-kheo Lô-hê-ninh. Chẳng nói với người, nhìn xuống đất mà đi là Tỳ-kheo Ưu-kiêm-ma-ni-giang. Ngồi dậy bước đi thường nhập tam-muội là Tỳ-kheo San-đê (Na-đê). Thích du hành bước xa, dạy dỗ nhân dân là Tỳ-kheo Đàm-ma-lưu-chi. Ưa nhóm Thánh chúng, luận thuyết pháp vị là Tỳ-kheo Ca-lê.

Hô-nghi, Bà-tha-ly,

Đà-tô, Bà, Ưu-đa

Lô-hê, Ưu-ca-ma

Tức, Đàm-ma-lưu, Lê.

5. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Thọ mạng cực dài, trọn không yếu là Tỳ-kheo Bà-câu-la. Thường ưa nhàn cư, không ở

trong chúng là Tỳ-kheo Bà-câu-la. Hay thuyết pháp rộng rãi, phân biệt nghĩa lý là Tỳ-kheo Mãn Nguyên Tử. Phụng trì giới luật không có xúc phạm là Tỳ-kheo Ưu-ba-ly. Được tín giải thoát, ý không do dự là Tỳ-kheo Bà-ca-lợi. Thân thể như trời, đoan chính khác biệt với đời là Tỳ-kheo Nan-đà. Các căn tịch tĩnh, tâm không biến dị cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Biện tài mau lẹ, giải những nghi trệ cho người là Tỳ-kheo Bà-đà. Hay nói rộng nghĩa lý không có trái nghịch là Tỳ-kheo Tư-ni. Ưa mặc áo tốt, hạnh vốn trong sạch là Tỳ-kheo Thiên Tu-bồ-đề. Thường thích dạy dỗ những người học sau là Tỳ-kheo Nan-đà-ca. Khéo dạy dỗ cấm giới cho Tỳ-kheo-ni là Tỳ-kheo Tu-ma-na.

Bà-câu, Mãn, Ba-ly,

Bà-ca-lợi, Nan-đà,

Đà, Ni, Tu-bồ-đề,

Nan-đà, Tu-ma-na.

6. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Công đức tràn đầy, sở thích không dở là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Đầy đủ các pháp hành đạo phẩm là Tỳ-kheo Ưu-ba-tiên-ca-lan-đa-tử. Nói năng vui hòa không tổn thương ý người là Tỳ-kheo Bà-đà-tiên. Tu hành an ban, tư duy các điều nhơ nhớp là Tỳ-kheo Ma-ha-ca-diên-na. Nghĩ ngã vô thường,

tâm không có tướng là Tỳ-kheo Ưu-đầu-bàn. Hay nghị luận mọi thứ, làm vui tâm thức là Tỳ-kheo Câu-ma-la-ca-diếp. Mặc áo tề xấu không có hổ thẹn là Tỳ-kheo Diện Vương. Chẳng hủy cấm giới, tụng đọc không lười mỏi là Tỳ-kheo La-vân. Dùng sức thần túc hay tự thâm ẩn là Tỳ-kheo Bàn-đặc. Hay đổi hình thể làm các thứ biến hóa là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

*Thi-bà, Ưu-ba-tiên,
Bà-đa, Ca-diên-na,
Ưu-đầu, Vương, Ca-diếp,
La-vân, hai Bàn-đặc.*

7. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Hào tộc phú quý, thiên tánh nhu hòa là Tỳ-kheo Thích Vương. Khất thực không chán, giáo hóa vô cùng là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la. Khí lực mạnh mẽ, không sợ khó khăn cũng là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la. Tiếng vang trong trời, tiếng đến Phạm thiên là Tỳ-kheo La-bà-na-bà-đề. Thân thể thơm sạch tỏa ra bốn phương là Tỳ-kheo Ương-ca-xà.

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Biết thời, rõ vật, gặp việc không nghi, ghi nhớ không quên, nghe nhiều sâu rộng, kham nhận kính thờ người trên là Tỳ-kheo A-nan. Phục sức

trang nghiêm, nhìn bóng mà bước là Tỳ-kheo Ca-trì-lợi. Các vua kính nể, quần thần tôn trọng là Tỳ-kheo Nguyệt Quang. Trời Người phụng sự, hằng thăm thưa hỏi là Tỳ-kheo Thâu-đề. Đã bỏ thân người, dung mạo giống trời cũng là Tỳ-kheo Thâu-đề. Làm thầy hướng dẫn chư Thiên, chỉ trao chánh pháp là Tỳ-kheo Thiên. Tự nhớ túc mạng, việc vô số kiếp là Tỳ-kheo Quả Y (Bà-ê)

*Thích Vương, Bà-đề-ba,
La-bà, Ương-ca-xà,
A-nan, Ca, Nguyệt quang,
Thâu-đề, Thiên, Bà-ê.*

8. Tỳ-kheo bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Thể tánh thông lợi trí tuệ sâu xa là Tỳ-kheo Ương-quật-ma. Hay hàng phục ma, ngoại đạo, tà nghiệp là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Nhập thủy tam muội chẳng cho là khó, là Tỳ-kheo Chát-đa-xá-lợi-phất. Hiểu biết rộng rãi, được người kính nhớ cũng là Tỳ-kheo Chát-đa-xá-lợi-phất. Nhập hỏa tam muội chiếu khắp mười phương là Tỳ-kheo Thiện Lai. Hay hàng phục rồng khiến phụng sự Tam Bảo là Tỳ-kheo Na-la-da. Hàng phục quỷ thần đối ác tu thiện là Tỳ-kheo Quý-đa. Hàng phục Càn-thát-bà siêng tu hạnh lành là Tỳ-kheo Tỳ-lô-giá. Hàng vui trong định Không, phân biệt nghĩa Không là Tỳ-

kheo Tu-bồ-đề. Chí tại không tịch, đức nghiệp vi diệu cũng là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề. Hạnh định Vô tướng, trừ bỏ các niệm là Tỳ-kheo Kỳ-lợi-ma-nan. Nhập định Vô nguyện, ý không rối loạn là Tỳ-kheo Diệm-thịnh.

*Ương-quật, Tăng-ca-ma,
Chất-đa, Bà, Na-la,
Duyệt Xoa, Phù-lô-giá,
Thiện Nghiệp và Ma-nan.*

9. Tỳ-kheo bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Nhập từ tam-muội, tâm không giận dữ là Tỳ-kheo Phạm-ma-đạt. Nhập bi tam-muội thành tựu bốn nghiệp là Tỳ-kheo Tu-thâm. Được đức hỷ, không các thứ tương là Tỳ-kheo Sa-di-đa. Thường gìn giữ tâm, ý không lìa bỏ là Tỳ-kheo được Ba-ca. Hành Diệm thanh (Lửa hùng) tam-muội, trọng không lười mỏi là Tỳ-kheo Đàm-di. Ngôn ngữ thô ác, không nề bậc tôn quý là Tỳ-kheo Lợi-đa-bà-giá. Nhập Kim cang tam-muội cũng là Tỳ-kheo Lợi-đa-bà-giá. Nhập Kim Cang tam-muội không thể bị phá hoại là Tỳ-kheo Vô Úy. Nói năng dứt khoát, không ôm lòng khiếm nhược là Tỳ-kheo Tu-nê-đa. Hằng ưa tĩnh lặng, ý không xử loạn là Tỳ-kheo Đà-ma. Nghĩa không ai hơn được, trọn chẳng ai có thể nhiếp phục là Tỳ-kheo Tu-la-đa.

*Phạm-đạt, Tu-thâm-ma,
Sa-di, Dược, Đàm-di,
Tỳ-lợi-đà, Vô Úy,
Tu-nê-đa, Tu-la.*

10. Tỳ-kheo bậc nhất trong hàng Thanh văn của ta về: Hiểu rõ tinh tú, biết trước sự lành dữ là Tỳ-kheo Na-già-ba-la. Hằng vui tam-muội, lấy Thiên duyệt làm thức ăn là Tỳ-kheo Ba-tu-trá. Thường lấy vui làm thức ăn là Tỳ-kheo Tu-dạ-xà. Hằng hành nhẫn nhục, không khởi tâm chống đối là Tỳ-kheo Mãn Nguyên Thịnh Minh. Tu tập Nhật quang tam-muội là Tỳ-kheo Di-hê. Rõ phép toán thuật, không có sai lầm là Tỳ-kheo Ni-câu-lưu. Trí phân biệt các thứ, hằng không quên mất là Tỳ-kheo Lộc Đầu. Được Lôi điện tam-muội, chẳng ôm lòng sợ hãi là Tỳ-kheo Địa. Quán rõ nguồn gốc của thân là Tỳ-kheo Đầu-na. Thủ chứng cuối cùng được Lậu tận thông là Tỳ-kheo Tu-bạt.

*Na-già, Trá, Xá-na,
Di-hê, Ni-câu-lưu,
Lộc Đầu, Địa, Đầu-na,
Tu-bạt ở sau cùng.*

Một trăm vị Hiền thánh này, thầy nên nói rộng.

V. PHẨM TỖ-KHEO-NI

1. Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Xuất gia học đạo lâu, được Quốc vương cung kính là Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo Kiều-dàm-di. Trí huệ thông minh là Tỳ-kheo-ni Thúc-ma. Thân túc bậc nhất, cảm đến chư thần là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc (Liên Hoa Sắc). Hành pháp đầu đà có mười một trở ngại là Tỳ-kheo-ni Cơ-lê-xá-cù-dàm-di. Thiên nhãn đệ nhất chiếu soi không ngại là Tỳ-kheo-ni Xà-câu-lê. Tọa thiền nhập định ý không phân tán là Tỳ-kheo-ni Xà-ma. Phân biệt nghĩa thú, quảng diễn đạo giáo là Tỳ-kheo-ni Ba-đầu-lan-đồ-na. Phụng trì Luật giáo không có vi phạm Tỳ-kheo-ni Ba-la-giá-na. Được tín giải thoát chẳng lui sụt trở lại, là Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên. Được bốn biện tài, chẳng ôm lòng khiếp nhược là Tỳ-kheo-ni Tối Thắng.

*Đại Ái và Thúc Ma,
Uu-bát, Co-đàm-di,
Câu-lợi, Xà, Lan-đồ,
Na-la, Ca-chiên, Thắng.*

2. Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Tự biết việc vô số kiếp đời trước là Tỳ-kheo-ni Bà-đà-ca-tỳ-ly. Nhan sắc đoan chánh được người kính yêu là Tỳ-kheo-ni Hê-ma-xà. Hàng phục ngoại đạo, lập cho chánh giáo là Tỳ-kheo-ni Thâu-na. Phân biệt nghĩa thú, giảng rộng từng phần, từng bộ là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề-na. Thân mặc áo thô không lấy làm xấu hổ là Tỳ-kheo-ni Ưu-đa-la. Các căn tịch tĩnh, hằng giữ nhất tâm là Tỳ-kheo-ni Quang Minh. Y phục tề chỉnh, thường như pháp dạy dỗ là Tỳ-kheo-ni Thiên Đâu. Hay luận đủ thứ, không bị nghi trệ là Tỳ-kheo-ni Đàn-đa. Kham nhậm tạo kệ tán thán đức Như Lai là Tỳ-kheo-ni Thiên Dữ. Nghe nhiều biết rộng, dùng ân huệ tiếp người dưới là Tỳ-kheo-ni Cù-ty.

*Bạt-đa, Đồ, Thâu-na,
Đàm-ma-na, Ưu-đa,
Quang Minh, Thiên, Đàn-đa,
Thiên Dữ và Cù-ty.*

3. Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong hàng Thanh văn

của Ta về: Hằng ở chỗ nhàn tĩnh, không ở trong nhân gian là Tỳ-kheo-ni Vô Úy. Khổ hình khát thực, không chọn sang hèn là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xá-khư. Ở một chỗ, ngồi một nơi trọn không dời đổi là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-bà-la. Đi khắp cầu xin, rộng độ nhân dân là Tỳ-kheo-ni Ma-nộ-ha-lợi. Chóng thành tựu đạo quả, khoảng giữa không bị ngăn trệ là Tỳ-kheo-ni Đà-ma. Cầm giữ ba y trọng không rời bỏ là Tỳ-kheo-ni Tu-đà-ma. Hằng ngồi dưới gốc cây, ý không cải đổi là Tỳ-kheo-ni Hiếp-tu-na. Hằng ở ngoài trời, không nghĩ đến mái che là Tỳ-kheo-ni Xà-đà. Ua ở chỗ hoang vắng, không ở nhân gian là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-la. Ngồi hoài trên đệm cỏ, không mặc đồ phục sức là Tỳ-kheo-ni Ly-na. Mặc y năm mảnh để giữ phân khí (phần vệ) là Tỳ-kheo-ni A-nô-ba-ma.

*Vô Úy, Đa-tỳ-xá,
Bà-đà - A-nô-ba,
Đàn, Tu-đàn, Xà-đà,
Ưu-ca, Ly, A-nô.*

4. Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Ua ở bãi tha ma là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-ma. Đi nhiều vì thương xót, nhớ nghĩ chúng sinh là Tỳ-kheo-ni Thanh Minh. Khóc thương chúng sanh không đến được đạo là Tỳ-kheo-ni Tố-ma. Vui được

đạo và mong phổ cập đến tất cả là Tỳ-kheo-ni Ma-đà-lợi. Giữ gìn các hạnh, ý không xa lìa là Tỳ-kheo-ni Ca-la-già. Thủ không, chấp hù, biết rằng không có là Tỳ-kheo-ni Đề-bà-tu. Tâm vui Vô tướng, trừ bỏ các chấp trước là Tỳ-kheo-ni Nhật Quang. Tu tập Vô nguyện, tâm hằng cứu giúp rộng rãi là Tỳ-kheo-ni Mạt-na-bà. Các pháp không nghi, độ người không giới hạn là Tỳ-kheo-ni Tỳ-ma-đạt. Hay thuyết rộng nghĩa, phân biệt những pháp sâu xa là Tỳ-kheo-ni Phổ Chiếu.

*Uu-ca, Minh, Tổ-ma,
Ma-đà, Ca, Đề-bà,
Nhật Quang, Ma-na-bà,
Tỳ-ba-đạt, Phổ Chiếu.*

5. Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Tâm ôm nhấn nhục như đức bao dung là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề. Hay giáo hóa người khiến lập hội bố thí (đàn hội) là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma. Xếp đặt giường tòa đầy đủ cũng là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma. Tâm đã dứt hẳn, không đầy loạn tưởng là Tỳ-kheo-ni Nhân-đà-xà. Quán rõ các pháp mà không nhàm chán là Tỳ-kheo-ni Long. Ý cứng rắn mạnh mẽ, không bị nhiễm trước là Tỳ-kheo-ni Câu-na-la. Nhập thủy tam muội, thấm nhuần khắp tất cả là Tỳ-kheo-ni Bà-tu. Nhập Diệm quang tam-muội

chiếu soi mọi loài là Tỳ-kheo-ni Hàng-đề. Quán như nhóp bất tịnh, phân biệt duyên khởi là Tỳ-kheo-ni Giá-ba-la. Nuôi dưỡng mọi người, cung cấp chỗ thiếu thốn là Tỳ-kheo-ni Thủ-ca. Tỳ-kheo-ni bậc nhất cuối cùng trong hàng Thanh Văn của Ta là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-quân-đà-la nước Câu-di.

*Đàm-ma, Tu-dạ-ma,
Nhân-đề, Long, Câu-na,
Bà-tu, Hàng, Giá-ba,
Thủ-ca, Bạt-đà-la.*

Năm mươi Tỳ-kheo-ni này, nên nói rộng như trên.

*
* * *

VI. PHẨM THANH TÍN SĨ (UU-BÀ-TÁC)

1. Trong đệ tử của Ta, người đầu tiên nghe pháp được mà chứng Hiền thánh là Thương khách Tam Quả. Trí tuệ bậc nhất là Trưởng giả Chất-đa. Thân đức bậc nhất là Kiên-đề-a-lam. Hàng phục ngoại đạo là Trưởng giả Quật-đa. Hay thuyết những pháp sâu xa là Trưởng giả Ưu-ba-quật. Hằng tọa thiền suy tư là Ha-xì-a-la-bà. Hàng phục ma cung là Trưởng giả Dũng Kiện. Phước đức tràn đầy là Trưởng giả Đồ-lợi. Đại Thí chủ là Trưởng giả Tu-đạt (Cấp Cô Độc). Môn tộc thành tựu là Trưởng giả Mẫn-dật.

*Tam Quả, Chất, Kiên-đề
Quật, Ba và La-bà
Dũng, Xà-lợi, Tu-đạt
Mẫn-dật tức là mười.*

2. Ưu-bà-tác bậc nhất trong hàng đệ tử của Ta về: Thích hỏi nghĩa thú là Ba-la-môn Sanh Lậu. Lợi

căn thông minh là Phạm-ma-du. Chư Phật tin cậy sai khiến là Ngự-mã-ma-nạp. Biết thân vô ngã là Bà-la-môn Hỷ Văn Cầm. Nghị luận hơn người là Bà-la-môn Tỳ-cừu. Hay làm kệ tụng là Trưởng giả Ưu-ba-ly. Nói năng mau lẹ cũng là trưởng giả Ưu-ba-ly. Thích cho báu tốt, không có lẫn tiếc là Trưởng giả Thù-đề. Kiến lập gốc lành là Ưu-ca-tỳ-xá-ly. Hay thuyết diệu pháp là Ưu-bà-tắc Tối Thượng Vô Úy. Thuyết giảng không sợ hãi, khéo quan sát căn cơ của người là đại tướng lãnh của thành Tỳ-xá-ly tên Đâu-ma.

*Sanh Lậu - Phạm-ma-du,
Ngự-mã và Văn Cầm,
Tỳ-cừu, Ưu-ba-ly,
Thù-đề, Ưu, Úy, ma.*

3. Ưu-bà-tắc bậc nhất trong đệ tử Ta về: Vui thích ban bố ân huệ là Bình-sa Vương. Bố thí ít ỏi là vua Quang Minh. Kiến lập gốc lành và vua Batur-nạp. Được niềm tin tốt lành không căn cứ, khởi lòng hoan hỉ là vua A-xà-thế. Chí tâm hướng về Phật, ý không biến đổi là vua Ưu-diễn. Thừa sự chánh pháp là vương tử Nguyệt Quang. Cung phụng Thánh chúng, ý hằng bình đẳng là vương tử tạo Kỳ-hoàn. Thường ưa giúp người khác, không vì chính mình là vương tử Sư Tử. Khéo cung phụng

người, không có tâm cao thấp là vương tử Vô Úy. Nhan mạo đoan chánh, thù thắng hơn người là vương tử Kê-đầu.

*Tỳ-sa Vương, Quang Minh,
Ba-tư-nặc, Xà-vương,
Nguyệt, Kỳ-hoàn, Ưu-diên,
Sư Tử, Úy, Kê-đầu.*

4. Ưu-bà-tắc bậc nhất trong đệ tử của Ta về: Hằng hành tâm từ là Trưởng giả Bất-ni. Tâm hằng thương nhớ tất cả mọi loài là họ Thích Ma-ha-nạp. Thường hành tâm hỷ là họ Thích Bạt-đà. Thường hành tâm xả, không làm mất hạnh lành là Ưu-bà-tắc Tỳ-xà-tiên. Kham nhậm hành nhẫn nhục là đại tướng Sư Tử. Hay luận mọi chuyện là Ưu-bà-tắc Tỳ-xá-ngự. Im lặng như hiền thánh là Ưu-bà-tắc Nan-đê-bà-la. Siêng tu hạnh lành không ngừng nghỉ là Ưu-bà-tắc Ưu-đa-la. Các căn tịch tĩnh là Ưu-bà-tắc Thiên-ma. Đệ tử chúng quả cuối cùng trong đệ tử của Ta là Câu-di Na-ma-la.

*Bất-ni, Ma-ha-nạp,
Bạt-đà, Ưu-đa-la,
Sư Tử, Tỳ-xá-ly,
Ưu-đa, Thiên, Ma-la.*

Bốn mươi Ưu-bà-tắc, đều nên nói rộng như trên.

VII. PHẨM THANH TÍN NỮ (UU-BÀ-DI)

1. Uu-bà-di bậc nhất trong đệ tử của Ta về: Được chứng đạo đầu tiên là Uu-bà-di Nan-đa-nan-đa-bà-la. Trí tuệ bậc nhất là Uu-bà-di Cửu-thọ-đa-la. Hằng ưa tọa thiền là Uu-bà-di Tu-tỳ-da-nữ. Huệ căn sáng rõ là Uu-bà-di Tỳ-phù. Có thể thuyết pháp là Uu-bà-di Ương-kiệt-xà. Khéo diễn nghĩa kinh là Uu-bà-di Bạt-đa-sa-la tu-diêm-ma. Hàng phục ngoại đạo là Uu-bà-di Bà-tu-đa. Âm thanh trong trẻo là Uu-bà-di Vô Ưu. Hay luận đủ loại là Uu-bà-di Bà-la-đa. Dúng mãnh tinh tấn là Uu-bà-di Tu-đầu.

*Nan-đa-đa, Cửu-thọ,
Tu-tỳ, Ương-kiệt-xà,
Tu-diêm và Vô Ưu,
Bà-la-đa, Tu-đầu.*

2. Ưu-bà-di bậc nhất trong hàng đệ tử của Ta về: Cúng dường Như Lai là phu nhân Mạt-lợi. Thừa sự Chánh pháp là phu nhân Tu-lại-bà. Cúng dường Thánh chúng là phu nhân Xả-di. Chiêm ngưỡng bậc hiền đời quá khứ và tương lai là phu nhân Nguyệt Quang. Thí chủ bậc nhất là phu nhân Lôì Điện. Hằng hành Từ tam muội là Ưu-bà-di Ma-ha Quang. Hằng thương xót lân mẫn là Ưu-bà-di Tỳ-đề. Tâm vui chẳng dứt là Ưu-bà-di Bạt-đề. Hành nghiệp thù hộ là Ưu-bà-di Nan-đà Mầu. Được tín giải thoát là Ưu-bà-di Chiếu Diệu.

*Mạt-lợi, Tu-lại-bà,
Xả-di, Nguyệt Quang, Lôì,
Đại Quang, Tỳ-đề, Đà,
Nan-đà và Chiếu Diệu.*

3. Ưu-bà-di bậc nhất trong đệ tử của Ta về: Hằng hành nhẫn nhục là Ưu-bà-di Vô Ưu. Hành Không tam-muội là Ưu-bà-di Tỳ-thù-tiên. Hành Vô tướng tam-muội là Ưu-bà-di Na-đà. Hành Vô nguyện tam-muội là Ưu-bà-di Vô Cấu. Thích dạy dỗ người khác là Ưu-bà-di phu nhân Thi-lợi. Khéo hay trì giới là Ưu-bà-di Ương-kiệt-ma. Hình mạo đoan chánh là Ưu-bà-di Lôì Diệm. Các căn tịch tĩnh là Ưu-bà-di Tối Thắng. Nghe nhiều, biết rộng là Ưu-

bà-di Ni-la. Hay làm kệ tụng là Ưu-bà-di Tu-ma-ca-đê-tu-đạt-nữ. Không bị khiếp nhược cũng là Ưu-bà-di Tu-đạt-nữ. Ưu-bà-di thủ chứng cuối cùng trong hàng Thanh văn của Ta là Ưu-bà-di Lam.

*Vô Ưu, Tỳ-thù-tiên,
Ưu-na, Vô Cấu, Thi,
Uong-kiệt, Lôì Diệm, Thắng,
Nê, Tu, Lam-ma-nữ.*

Ba mươi Ưu-bà-di này, nói rộng như trên.

*
* *

VIII. PHẨM ATULA

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có thân hình to lớn không ai hơn vua A-tu-la. Tỳ-kheo nên biết, thân hình A-tu-la, cao lớn tám vạn bốn ngàn do tuần, miệng rộng một ngàn do tuần. Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc này là lúc vua A-tu-la muốn xâm phạm mặt trời, liền hóa thân lớn gấp đôi mươi sáu vạn tám ngàn do tuần, đến trước mặt trời, mặt trăng. Vua Nhật Nguyệt trông thấy, ai nấy sợ hãi, ở chỗ mình không an ổn. Vì sao thế ? Vì thân hình A-tu-la rất đáng sợ. Vua Nhật Nguyệt kia vì sợ hãi nên không phát ra ánh sáng nữa. Nhưng A-tu-la chẳng dám tới trước bắt mặt trời, mặt trăng. Vì có sao ? Oai đức của Nhật Nguyệt có thân lực rất lớn, thọ mạng rất dài, nhan sắc đoan

chánh, hưởng vui sướng vô cùng. Muốn biết thọ mạng dài ngắn, thì tuổi thọ của Nhật Nguyệt trụ một kiếp. Hơn nữa phước đức chúng sanh ở đây trợ giúp, khiến vua Nhật Nguyệt không bị A-tu-la thấy để xúc náo.

Bấy giờ A-tu-la ôm lòng buồn lo mà biến mất. Như vậy, này các Tỳ-kheo, tỳ ma Ba-tuần luôn ở sau lưng các Thầy, tìm phương tiện làm hư hỏng căn lành. Ba-tuần liền hóa ra những sắc, tiếng, mùi, vị, xúc chạm, và pháp cực kỳ huyền diệu lạ lùng, muốn làm mê loạn ý các Tỳ-kheo. Ba-tuần nghĩ rằng: “Ta sẽ bắt được cơ hội thuận tiện về mắt của Tỳ-kheo, rồi cũng sẽ được thuận tiện về tai, mũi, miệng, thân, ý”. Bấy giờ, Tỳ-kheo tuy thấy pháp lực tình cực diệu, tâm vẫn không nhiễm trước. Bấy giờ tỳ ma Ba-tuần ôm lòng buồn lo rồi lui đi. Vì sao thế ? Đó là do oai lực của Như Lai, bậc A-la-hán. Vì có sao ? Này các Tỳ-kheo, vì chẳng gần sắc, tiếng, mùi vị, xúc và pháp.

Bấy giờ Tỳ-kheo thường học điều này: Nhận sự tín cúng của người thật là rất khó, nếu không thể tiêu hóa thì sẽ rơi vào năm đường; không đến được đạo Vô thượng Chánh chân, cần nên chuyên ý, người chưa được hãy được, chưa đắc hãy đắc, người chưa độ hãy độ, người chưa chứng hãy dạy dỗ khiến cho thành tựu quả chứng.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu chưa được tín thí thì chớ khởi nghĩ tưởng, đã được tín thí thì tiêu hóa ngay, chớ khởi nhiễm trước. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có một người xuất hiện ở đời, sẽ làm nhiều lợi ích cho người, đem an ổn đến cho chúng sanh, thương xót những người ngu tối, muốn khiến cho Trời, Người được phước đức. Thế nào là một người ? Nghĩa là đức Phật, Như Lai, bậc A-la-hán Tam-miệu-tam-bô-đề. Đó là một người xuất hiện ở đời, làm nhiều lợi ích cho người, đem an ổn đến cho chúng sanh, thương xót người ngu tối, muốn khiến cho Trời, Người được phước đức.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có một người xuất hiện ở đời, liền có một người nhập đạo trong thế gian và cũng sẽ có Nhị đế, Ba cửa giải thoát, chân pháp Tứ đế, Ngũ căn, Sáu tà kiến tiêu diệt, Thất giác ý của hiền thánh, Tám đạo phẩm, Chín nơi cư trú của chúng sanh, Mười lực của Như Lai, Mười một từ tâm giải thoát liền xuất hiện ở đời. Thế nào là một người ? Nghĩa là đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là một người xuất hiện ở đời, liền có một người nhập đạo trong thế gian, cũng có Nhị đế, Ba cửa giải thoát, chân pháp Tứ đế, Ngũ căn, Sáu tà kiến tiêu diệt, Bảy giác chi (ý) của Hiền thánh, Tám đạo phẩm, Chín nơi cư trú của chúng sanh, Mười lực của Như Lai, Mười một từ tâm giải thoát liền xuất hiện ở đời. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường khởi lòng cung kính đối với Như Lai, cũng nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có một người xuất hiện ở đời, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở đời. Thế nào là một người ? Nghĩa là đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là một người xuất hiện ở đời, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở đời. Thế nên, các Tỳ-kheo nên có lòng tin đối với Phật, chớ có nghiêng lệch. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có một người xuất hiện ở đời, vô minh tăm tối liền tự tiêu diệt. Bấy giờ kẻ phàm ngu, vì bị cái thấy vô minh này trói buộc, những nẻo sanh tử chẳng biết như thật, xoay vần qua lại từ đời này đến đời sau, từ kiếp này đến kiếp khác, không rời bỏ được. Nếu lúc đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời thì vô minh tăm tối liền tự tiêu diệt. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy nhớ thừa sự chư Phật. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bảy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bảy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có một người xuất hiện ở đời, liền có Ba mươi bảy phẩm xuất hiện ở đời. Thế nào là Ba mươi bảy phẩm ? Nghĩa là Tứ ý chỉ, Tứ ý đoạn, Tứ thân túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác ý, Bát chân hành liền xuất hiện ở đời. Thế nào là một người ? Nghĩa là đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường nên thừa sự Phật, và nên học điều này.

Bảy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bảy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có một người mất hân ở đời, phần đông nhân loại ôm lòng buồn lo, Trời, Người đều mất bóng mát chở che. Thế nào là một người ? Nghĩa là đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là một người nếu mất hân ở đời, phần đông nhân loại ôm

lòng buồn lo, Trời, Người đều mất bóng mát che chở. Vì sao thế ? Nếu đức Như Lai diệt độ ở đời, Ba mươi bảy phẩm cũng lại diệt hẳn. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy thường cung kính Phật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có một người xuất hiện ở đời, bấy giờ Trời và Người đều được thấm nhuần ánh sáng, sẽ có lòng tin đối với giới, vắn, thí, huệ. Ví như mùa thu, ánh trăng tròn đầy không có bụi vẩn, chiếu khắp mọi nơi. Đây cũng như thế. Nếu đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Trời và Người sẽ được thấm nhuần ánh sáng, có lòng tin đối với giới, vắn, thí, tuệ. Như mặt trăng tròn đầy chiếu khắp tất cả. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có một người xuất hiện ở đời. Bấy giờ Trời và Người sẽ đều đông đúc, chúng sanh ở ba đường ác liên tục giảm đi. Ví như cội nước lúc có Thánh vương cai trị, nhân dân trong thành đó đông mạnh, nước láng giềng sẽ yếu sức hơn. Đây cũng như thế. Nếu lúc Như Lai xuất hiện ở đời, ba đường ác sẽ tự giảm bớt. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy tin tưởng Phật. Thế nên này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có một người xuất hiện ở đời không có ai bằng, chẳng thể bắt chước, đi một mình không bè bạn, không cùng ai trang lứa. Chư Thiên và loài Người không thể sánh kịp, tín, giới, văn, thí, tuệ cũng không có ai có thể sánh kịp. Thế nào là một người ? Nghĩa là đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là một người xuất hiện ở đời, không có ai bằng, chẳng thể bắt chước, đi một mình

không bè bạn, không cùng ai trang lứa. Chư Thiên và loài Người không thể sánh kịp, tín, giới, văn, thí, tuệ đều đầy đủ cả. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tín kính Phật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Tu-la, ích, một đường,
Ánh sáng và tâm tối,
Đạo phẩm, mất hẳn, tin,
Đông đức, không sánh bằng.*

*
* *

IX. PHẨM MỘT ĐỨA CON

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ví như người mẹ hết lòng tin tưởng đứa con trai duy nhất, thường nghĩ rằng: “Làm sao để dạy dỗ cho nó thành người ?”.

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này. Đức Thế Tôn là căn bản của các pháp. Như Lai chỉ bày điều gì, không ai không nhận lãnh. Cúi mong Thế Tôn nói pháp sâu xa này cho các Tỳ-kheo, chúng con nghe xong xin vâng làm.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy mà phân biệt nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

— Như Ưu-bà-di kia hết lòng tin tưởng sẽ dạy dỗ các con thế này:

“Nay Con nếu ở tại gia nên như Trưởng giả Chất-đa và đồng tử Tượng. Vì sao thế ? Vì đây là mầu mực, đây là hạn lượng. Đệ tử được ấn chứng của Thế Tôn và Trưởng giả Chất-đa và đồng tử Tượng. Nếu ý con trẻ muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thì nên như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên”. Vì sao thế ? Vì đây là mầu mực, đây là hạn lượng. Nghĩa là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên thích học Chánh pháp, chẳng làm nghiệp tà, dấy khởi phi pháp. Nếu các Thầy sanh tướng nhiễm trước, liền sẽ đọa vào ba đường ác. Phải khéo nhớ chuyên tâm, người chưa đắc cố gắng chứng đắc, người chưa đạt hãy đạt, người chưa chứng nay nên thọ chứng. Sở dĩ như thế, vì này các Tỳ-kheo, sức nặng của tín thí thực chẳng thể tiêu, khiến cho người ta không đến được đạo. Thế nên, các Tỳ-kheo, chớ sanh ý nhiễm trước, nếu đã sanh thì nên diệt ngay. Như vậy, các Tỳ-kheo hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ưu-bà-di lòng tin thuần thành chỉ có một con gái. Bà ta sẽ dạy dỗ thành tựu con thế nào ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này. Thế Tôn là căn bản của các pháp, Như Lai chỉ bày điều gì, không ai không nhận lãnh. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp sâu xa này cho các Tỳ-kheo, chúng con nghe xong xin vâng làm.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

— Như Ưu-bà-di thành tín kia dạy dỗ con gái rằng:

“Nay Con ở tại gia nên như Ưu-bà-di Câu-thù Đa-la và mẹ của Nan-đà. Nếu con gái muốn cạo tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo nên như Tỳ-kheo-ni Sám-ma và Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-hoa Sắc.” Sở dĩ như thế, vì đây là mẫu mực, đây là hạn lượng. Nghĩa là Tỳ-kheo-ni Sám-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc thích học Chánh pháp, chẳng làm nghiệp tà, dấy khởi phi pháp. Nếu còn sanh ý nghiêm trước, tự nhiên sẽ đọa ba đường ác. Khéo nhớ chuyên tâm, người chưa đắc quả hãy gắng đắc quả, người chưa đạt hãy cố đạt, người chưa chứng hãy nên thọ chứng. Sở dĩ như thế là vì, này các Tỳ-kheo, sức nặng của tín thí thực khó thể tiêu, khiến người không đến được đạo. Thế nên các Tỳ-kheo, chớ sanh ý tưởng nhiễm trước, nếu đã sanh hãy diệt ngay. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta không thấy một pháp nào mau lẹ như tâm, không thể ví dụ, giống như khi vượn, một tay buông, một tay bắt, tâm không chuyên định. Tâm

cũng như thế, tư tưởng trước với tư tưởng sau chẳng đồng, dùng phương pháp cũng không thể mô phỏng, tâm xoay chuyển mau lẹ. Thế nên, này các Tỳ-kheo, người phạm phu không thể quán sát tâm ý. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên hàng phục tâm ý khiến noi theo đường lành và nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta không thấy một pháp nào mau lẹ hơn tâm, không thể ví dụ được, giống như khi vượn, buông một vật lại nắm một vật khác, lòng không chuyên định. Tâm cũng như thế, tư tưởng trước, tư tưởng sau, suy nghĩ chẳng đồng. Thế nên, này các Tỳ-kheo, người phạm phu không thể quan sát căn do của tâm ý. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên hàng phục tâm ý khiến noi theo đường lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta hằng xem thấy việc nghĩ nhớ trong tâm một người. Người này như trong khoảng cánh tay co duỗi, đọa vào địa ngục. Vì sao ? Do tâm ác vậy. Tâm họ sanh bệnh, đọa xuống địa ngục.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Ví như có một người,
Tâm ôm tưởng sân hận,
Nay bảo các Tỳ-kheo,
Diễn rộng nghĩa thú này,
Nay chính là phải lúc,
Nếu có người mạng chung,
Ví khiến vào địa ngục,
Là do tâm hạnh như.*

Thế nên, này các Tỳ-kheo, phải hàng phục tâm, chớ sanh các hạnh uế nhiễm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta hằng xem thấy việc nghĩ nhớ trong tâm

một người, như trong khoảng cánh tay co duỗi mà sanh lên trời. Sở dĩ như thế là do tâm lành vậy. Đã sanh tâm lành, sẽ sanh lên trời.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nếu lại có một người,
Mà sanh tâm thiện diêu,
Nay bảo các Tỳ-kheo,
Diễn rộng nghĩa thú này,
Nay chính là phải lúc,
Nếu có người mạng chung,
Liền được sanh lên trời,
Do tâm làm lành vậy.*

Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên phát ý trong sạch, chớ sanh các hạnh uế nhiễm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta ở trong chúng này, không thấy một pháp nào tối thắng, tối diêu, mê hoặc người đời, không đến được chỗ tĩnh lặng, cột trói vào lao ngục,

không giải thoát được, như là đàn ông trông thấy sắc của đàn bà. Thấy rồi họ liền khởi tưởng dể ý, rất yêu kính, khiến người không được tỉnh lặng, trói buộc lao ngục, không cởi bỏ ra được, ý không xa lìa, xoay vần qua lại đời này đến đời sau, luân chuyển năm đường, trải bao số kiếp.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Tiếng Phạm âm nhu nhuyến,
Lời Như Lai khó thấy,
Hoặc lại có lúc thấy,
Buộc niệm ở trước mắt,
Cũng chớ cùng nữ nhân,
Qua lại và nói năng,
Hằng bữa lưới bắt người,
Chẳng đến được vô vi.*

Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên trừ các sắc, chớ khởi tưởng đắm trước. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta ở trong chúng này, chẳng thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, mê hoặc người đời khiến chẳng được tỉnh lặng, buộc ràng giam giữ, không có lúc giải thoát, như là đàn bà thấy sắc của đàn ông. Thấy rồi, họ liền khởi tưởng để ý, rất yêu kính, khiến người không đến được tỉnh lặng, ràng buộc giam giữ, không có lúc giải thoát, ý không xa lìa, xoay vần qua lại đời này đến đời khác, luân chuyển trong năm đường, trải qua bao số kiếp.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nếu sanh tưởng điên đảo,
Dấy niệm tâm ân ái,
Trừ niệm ý nhiễm trước,
Liền không các nhơ này.*

Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên trừ các sắc, chớ khởi tưởng dính mắc. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta ở trong chúng này, không thấy một pháp nào mà không có dục tưởng liền khởi dục

tướng, dục tướng đã khởi liền làm tăng thêm; không sân hận tướng liền khởi sân hận, sân hận đã khởi liền làm tăng thêm; không thù miên tướng liền khởi thù miên, thù miên đã khởi liền làm tăng thêm; không có tướng trạo cử liền khởi trạo cử, trạo cử đã khởi liền làm tăng thêm; không có như là tướng nghi liền khởi tướng nghi, tướng nghi đã khởi liền làm tăng thêm, như là quán tướng bất tịnh nhơ bẩn. Nếu loạn tướng thì không tướng dục liền có tướng dục, đã có tướng dục liền tăng thêm; sân hận, thù miên... vốn không có tướng nghi, liền khởi tướng nghi, tướng nghi đã khởi liền tăng nhiều thêm. Thế nên, này các Tỳ-kheo, chớ có loạn tướng, thường nên chuyên ý. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta ở trong chúng này, không thấy một pháp nào mà chưa có dục tướng liền chẳng sanh dục tướng, dục tướng đã sanh liền có thể diệt; tướng sân giận chưa sanh liền chẳng sanh, tướng

sân giận sanh rồi liền có thể tiêu diệt; tướng thù miên chưa sanh liền chẳng sanh, tướng thù miên đã sanh liền có thể tiêu diệt; tướng trạo hối chưa sanh liền chẳng sanh, tướng trạo hối đã sanh liền có thể tiêu diệt; tướng nghi chưa sanh liền chẳng sanh, tướng nghi đã sanh liền có thể tiêu diệt, như là quán sát như bản bất tịnh. Đã quán như bản bất tịnh thì tướng dục chưa sanh liền chẳng sanh, đã sanh liền có thể tiêu diệt; sân giận chưa sanh liền chẳng sanh, sân giận đã sanh liền có thể tiêu trừ; cho đến tướng nghi chưa sanh liền chẳng sanh, tướng nghi đã sanh liền có thể tiêu diệt. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên chuyên ý quán tướng bất tịnh. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Hai Di và hai tâm,
Một đọa, một sanh thiên,
Nam nữ tướng thọ vui,
Hai dục tướng sau cùng.*

*
* *

X. PHẨM HỘ TÂM

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nền tu hành một pháp, nên truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, liền được thân thông, các hạnh tịch tĩnh, đắc quả Sa-môn, đến cõi Niết-bàn (Nê-hoàn). Thế nào là một pháp ? Nghĩa là hạnh không phóng dật. Thế nào là hạnh không phóng dật ? Đó là hộ tâm. Thế nào là hộ tâm ?

Ở đây, Tỳ-kheo thường giữ gìn tâm hữu lậu, pháp hữu lậu. Ngay lúc người kia thủ hộ tâm hữu lậu, pháp hữu lậu, đối với pháp hữu lậu liền được an vui, cũng có tin, vui, an trụ không dời đổi, hằng chuyên ý mình, tự lực cố gắng. Như thế, này Tỳ-

kheo, người kia hành không phóng dật, hằng tự cẩn thận, dục lậu chưa sanh liền chẳng sanh; dục lậu đã sanh liền có thể khiến diệt; hữu lậu chưa sanh liền chẳng sanh, hữu lậu đã sanh liền có thể khiến diệt; vô minh lậu chưa sanh liền chẳng sanh, vô minh lậu đã sanh liền có thể khiến diệt. Tỳ-kheo đối với người kia hành hạnh không phóng dật, nhàn tĩnh ở một nơi, hằng tự giác tri để tự an vui (du hỷ); tâm dục lậu liền được giải thoát; tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu liền được giải thoát. Đã được giải thoát liền được trí giải thoát: Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa, như thật mà biết.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Không kiêu, vết cam lồ,
Phóng dật là đường chết,
Không mạn là bất tử,
Ngạo mạn tức là chết.*

Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên nhớ tu hành hạnh không phóng dật. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nên tu hành một pháp, nên truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, sẽ được thân thông, các hạnh tịch tĩnh, đắc quả Sa-môn, đến chỗ Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là hạnh không phóng dật đối với các pháp lành. Thế nào là hạnh không phóng dật ? Nghĩa là không phiền nhiễu tất cả chúng sanh, không hại tất cả chúng sanh, chẳng nào tất cả chúng sanh. Đó là hạnh không phóng dật. Còn điều kia sao gọi là pháp lành ? Nghĩa là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh: đẳng kiến, đẳng phương tiện, đẳng ngữ, đẳng hành, đẳng mạng, đẳng tri, đẳng niệm, đẳng định. Đó là pháp lành.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Bố thí tất cả chúng sanh
Không bằng thí pháp một người,
Tuy cho chúng sanh, có phước
Cho pháp một người, phước hơn.*

Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tu hành pháp lành. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy xem đàn-việt thí chủ như thế nào ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Thế Tôn là vua của các pháp. Cúi mong Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo, chúng con nghe xong sẽ vâng giữ tất cả.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các Thầy.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

— Hãy cung kính đàn-việt thí chủ như con hiếu thuận cha mẹ, nuôi dưỡng, hầu hạ, làm tăng trưởng ngũ ấm. Ở cõi Diêm-phù-đề hiện các thứ nghĩa: Quán đàn-việt thí chủ hay thành tựu giới, văn, tam-muội, trí tuệ cho người. Nay các Tỳ-kheo, đàn-việt có nhiều lợi ích, đối với Tam Bảo không có chướng ngại, hay bố thí các Thầy y phục, thức ăn uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy có tâm từ đối với đàn-việt, ơn nhỏ còn chẳng quên huống là ơn lớn; hằng lấy lòng từ hướng về đàn-việt, nói hạnh trong sạch của thân, miệng, ý chẳng thể cân xứng, cũng không có giới hạn. Thân hành từ, miệng hành từ, ý hành từ, khiến cho vật bố thí của đàn-việt trọn không bị phí bỏ, được quả báo lớn, thành tựu phước đức lớn, có danh tiếng lớn, lưu truyền pháp vị cam lồ trong thế gian. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Thí để thành của lớn,
Chỗ nguyện cũng thành tựu,
Vua và những tên trộm,
Chẳng thể đoạt vật kia.
Thí để được ngôi vua,
Nối dõi ngôi Chuyển luân,
Bảy báu thành đầy đủ,
Vốn do thí mà được.
Bố thí thành thân trời,
Đầu đội mũ báu đỏ,
Cùng các kỹ nữ đạo.
Vốn quả báo của thí.
Thí được trời Đế Thích
Vua trời oai lực thịnh,*

*Ngàn mắt trang nghiêm thân,
Vốn quả báo của thí.
Bố thí thành Phật đạo,
Đủ ba mươi hai tướng,
Chuyển Pháp luân vô thượng,
Vốn quả báo của thí.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Đàn-việt thí chủ nên thừa sự cúng dường các bậc Hiền thánh tinh tấn trì giới như thế nào ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Thế Tôn là vua các pháp. Cúi mong Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo, chúng con sẽ hết lòng phụng trì.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các Thầy.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

— Đàn-việt thí chủ thừa sự cúng dường các bậc đa văn, tinh tấn trì giới xem như bậc chỉ đường cho người mê, cung cấp thức ăn cho người thiếu thốn lương thực, khiến người sợ hãi không ưu não, dạy cho người sợ sệt không kinh sợ, che chở cho người không chỗ nương vê, làm con mắt cho người mù, làm y vương cho người bệnh; ví như nông phu, nhà vườn sửa sang nghiệp ruộng, trừ bỏ cỏ rác mới thành tựu được lúa ăn. Tỳ-kheo thường nên trừ bỏ bịnh ngũ ấm lấy lòng để mong nhập vào trong thành Niết-bàn (Nê-hoàn) vô úy. Như thế, này các Tỳ-kheo, đàn-việt thí chủ thừa sự cúng dường các bậc đa văn tinh tấn trì giới như thế đó.

Ngay lúc đó, trưởng giả A-na-bân-trì (Cấp Cô Độc. đang ở trong chúng. Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-trì bạch Thế Tôn:

— Đúng thế, bạch Thế Tôn ! Đúng thế, bạch Như Lai ! Tất cả thí chủ đến với người nhận như bình cát tường, các vị thọ thí như Tỳ-sa vương khuyên người bố thí như thân cận cha mẹ. Người thọ thí là phước lành đời sau. Tất cả thí chủ đến với người nhận giống như cư sĩ.

Thế Tôn bảo rằng:

— Đúng vậy, Trưởng giả ! Đúng như lời Ông nói.

Trưởng giả A-na-bân-trì bạch Thế Tôn:

— Từ nay về sau, cửa nhà con sẽ không đóng kín, cũng không từ chối những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và những người đi đường thiếu lương thực.

Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-trì bạch Thế Tôn:

— Cúi mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của đệ tử.

Bấy giờ Thế Tôn im lặng nhận lời mời của trưởng giả. Trưởng giả thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền lễ Phật, nhiễu ba vòng rồi trở về. Đến nhà, ngay tối đó ông bày cỗ bàn thịnh soạn, các thứ món ăn, lót trải đệm ngồi rộng rãi. Làm xong, ông đích thân đến bạch Phật:

— Đã đến giờ, thức ăn đã dọn xong. Cúi mong Thế Tôn đúng giờ chiếu cố.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo, đáp y, ôm bát đến nhà trưởng giả ở thành Xá-vệ. Đến nơi, mọi người tự tìm chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo Tăng cũng ngồi theo thứ tự.

Thế Tôn bảo rằng:

— Đúng vậy, Trưởng giả ! Đúng như lời Ông nói.

Trưởng giả A-na-bân-trì bạch Thế Tôn:

— Từ nay về sau, cửa nhà con sẽ không đóng kín, cũng không từ chối những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và những người đi đường thiếu lương thực.

Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-trì bạch Thế Tôn:

— Cúi mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của đệ tử.

Bấy giờ Thế Tôn im lặng nhận lời mời của trưởng giả. Trưởng giả thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền lễ Phật, nhiễu ba vòng rồi trở về. Đến nhà, ngay tối đó ông bày cỗ bàn thịnh soạn, các thứ món ăn, lót trải đệm ngồi rộng rãi. Làm xong, ông đích thân đến bạch Phật:

— Đã đến giờ, thức ăn đã dọn xong. Cúi mong Thế Tôn đúng giờ chiếu cố.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo, đáp y, ôm bát đến nhà trưởng giả ở thành Xá-vệ. Đến nơi, mọi người tự tìm chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo Tăng cũng ngồi theo thứ tự.

Bấy giờ trưởng giả thấy Phật và chúng Tỳ-kheo đã ngồi yên rồi, liền tự tay đi dâng các thức ăn uống. Dâng thức ăn uống xong, liền thu dọn bát và đến ngồi chỗ thấp trước đức Như Lai, ý muốn nghe pháp.

Bấy giờ trưởng giả bạch Thế Tôn:

— Lành thay, Như Lai ! Xin cho các Tỳ-kheo, nếu cần những vật tùy thân như ba y, bình bát, ống kim, tọa cụ, áo trong, bốn tấm và tất cả các tạp vật của Sa-môn, cứ đến nhà đệ tử mà lấy.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy nếu cần y áo, bình bát, tọa cụ, bốn tấm và tất cả những vật lật vạt khác của Sa-môn, cho phép đến đây lấy. Chớ có nghi nan, bận lòng.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho trưởng giả A-na-bân-trì. Thuyết pháp vi diệu xong liền đứng lên mà đi. Ngay lúc đó, A-na-bân-trì lại bố thí rộng rãi ở bốn cửa thành, rồi lần thứ năm ở chợ và lần thứ sáu tại nhà; ai cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần xe cộ kỹ nhạc, hương xông, chuỗi ngọc đều cho hết.

Bấy giờ Thế Tôn nghe trưởng giả A-na-bân-trì ở trong bốn cửa thành bố thí rộng rãi, ở chợ lớn bố thí người nghèo thiếu, lại ở trong nhà bố thí không hạn lượng. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ưu-bà-tắc ưa bố thí nhất trong hàng đệ tử của Ta là trưởng giả Tu-đạt.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-trì liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên, Thế Tôn bảo rằng:

— Thế nào Trưởng giả, Ông có thường bố thí cho người nghèo thiếu không ?

— Đúng vậy, bạch Thế Tôn ! Con hằng bố thí cho người nghèo thiếu, bố thí rộng rãi tại bốn cửa thành, còn ở tại nhà cấp các thứ cần thiếu cho người. Bạch Thế Tôn, có lúc con nghĩ rằng muốn bố thí cho tất cả loài chim rừng, heo chó. Con cũng không nghĩ: đây nên cho, đây không nên cho; cũng không nghĩ: đây nên cho nhiều, đây nên cho ít. Con hằng nghĩ: tất cả chúng sanh đều do ăn mà còn tính mạng, có ăn thì sống, không ăn thì chết.

Thế Tôn bảo rằng:

— Lành thay, lành thay ! Này Trưởng giả ! Ông đã đem lòng bố-tát, chuyên ròng một ý mà bố

thí rộng rãi. Đúng là các chúng sanh đều do ăn mà được sống, không ăn liền chết. Nay Trưởng giả, Ông sẽ thâu hoạch được quả báo lớn, được tiếng tăm lớn. Đã có quả báo lớn, tiếng đồn mười phương, lại được pháp vị cam lồ. Sở dĩ như thế là vì Bồ-tát hằng đem tâm bình đẳng mà bố thí, chuyên ròng một lòng nghĩ nhớ các loài chúng sanh, họ do ăn mà còn, có ăn liền được cứu tế, không ăn liền chết. Đó là, nay Trưởng giả, Bồ-tát tâm được an ổn mà bố thí rộng rãi.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Hãy nên bố thí khắp,
Trọn không tâm lẫn tiếc,
Ắt sẽ gặp bạn lành,
Được giúp đến bờ kia.*

Thế nên, Trưởng giả, hãy đem tâm bình đẳng mà rộng bố thí. Như thế, Trưởng giả, hãy học điều này !

Bấy giờ trưởng giả nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Như Ta ngày nay biết rõ căn nguyên chỗ

đến của chúng sanh, cũng biết quả báo bố thí một nắm cơm ăn dư cuối cùng, đã không ăn mà bố thí người khác. Lúc ấy không có khởi tâm tật đố, ganh ghét dù bằng một sợi tóc. Vì chúng sanh này không biết quả báo của bố thí, còn Ta đều biết hết. Quả báo bố thí, quả báo bình đẳng tâm không có khác. Thế nên, chúng sanh không thể bố thí bình đẳng mà bị đọa lạc, vì hằng có tâm keo kiệt tật đố, buộc trói tâm ý.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Chúng sanh chẳng tự giác,
Lời dạy của Như Lai,
Thường nên bố thí rộng,
Chuyên hướng chỗ chân nhân,
Chỉ tánh cho thanh tịnh,
Thu hoạch phước rất nhiều,
Cộng chung phần phước đó,
Sau được quả báo lớn.
Bố thí nay lành thay !
Tâm hướng ruộng phước lớn,
Ở cõi đời này chết,
Ất sanh lên cõi trời.
Cho đến chỗ lành kia,
Khoái lạc tự vui thú,
Tốt lành rất hân hoan,*

*Tất cả không thiếu dỡ.
Do nghiệp trời oai đức,
Ngọc nữ theo vây quanh,
Báo bố thí bình đẳng,
Nên được phước đức này.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy chớ sợ phước báo. Sở dĩ như thế là vì đây là sự hưởng an vui rất đáng nên yêu thích. Sở dĩ gọi là phước vì có quả báo lớn này. Các Thầy hãy sợ không phước. Vì sao thế ? Vì đây là nguồn gốc của khổ, sầu lo, khổ não, không được vừa ý, không có yêu thích. Đây gọi là vô phước. Tỳ-kheo, Ta nhớ ngày xưa bảy năm hành lòng từ, lại qua bảy kiếp không đến cõi này, lại trong bảy kiếp sanh cõi trời Quang Âm, lại bảy kiếp sinh cõi trời Không Phạm làm Đại Phạm Thiên không ai sánh bằng, thống lãnh trăm ngàn thế giới; rồi ba mươi sáu lần làm Trời Đế Thích, vô số đời làm Chuyển luân Thánh vương. Thế nên, nay các Tỳ-kheo, làm phước chớ có mỗi một. Vì sao thế ? Vì đây gọi là báo ứng

hưởng vui rất đáng yêu thích. Thế nên gọi là phước. Các Thầy nên sợ vô phước. Vì sao thế ? Vì là nguồn gốc của khổ, sầu lo, khổ não, không được vừa ý. Đây gọi là vô phước.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

*Vui thay, phước báo,
Sở nguyện được thành,
Mau đến diệt tận,
Đến chỗ vô vi,
Cho dù số ức,
Thiên ma Ba-tuần
Cũng không thể nhiều,
Người tạo phước nghiệp,
Kia hằng tự cầu,
Đạo của Hiền Thánh,
Liên trừ hết khổ,
Sau chẳng có lo.*

Thế nên, này các Tỳ-kheo, làm phước chớ chán. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có người tuân theo một pháp, chẳng rời một pháp, thì ma Ba-tuần chẳng thể được thuận tiện, cũng chẳng thể đến quấy nhiễu người. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là phước nghiệp công đức. Sở dĩ như thế là vì Ta tự nhớ khi xưa, lúc thành đạo dưới cội bồ-đề, cùng các Bồ-tát nhóm ở một nơi. Tệ ma Ba-tuần đem mấy ngàn vạn ức binh, đủ mọi tướng mạo, đầu thú mình người không thể kể xiết: Trời, Rồng, Quỷ Thần, A-tu-la. Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già v.v... đều đến tụ họp. Ma Ba-tuần nói với Ta rằng:

“— Sa-môn, mau mọp xuống đất !”

Phật dùng sức phước đức lớn hàng phục được ma oán, các trần cấu tiêu mất, không có các uế nhiễm, liền thành đạo Vô Thượng Chánh Chơn. Các Tỳ-kheo nên quán nghĩa này. Nếu có Tỳ-kheo công đức đầy đủ, tệ ma Ba-tuần chẳng thể được thuận tiện phá hoại công đức ấy.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Có phước khoái lạc,
Người không phước khổ,
Đời này, đời sau,
Làm phước hưởng vui.*

Như vậy, này các Tỳ-kheo ! Hãy làm phước chớ mỗi mết.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có Tỳ-kheo tu hành một pháp, chẳng bị bại hoại rơi vào đường ác. Chỉ có một bề theo đường lành, một bề hướng đến Niết-bàn. Thế nào là tu hành một pháp chẳng bị bại hoại rơi vào đường ác ? Đó là tâm dốc lòng tin. Đúng là tu một pháp này chẳng thể bị bại hoại rơi vào đường ác. Thế nào là tu hành một pháp hướng đến chỗ lành ? Nghĩa là tâm hành lòng tin tha thiết. Đó là tu một pháp này hướng đến chỗ lành. Thế nào là tu hành một pháp tiến đến Niết-bàn ? Nghĩa là hằng chuyên tâm niệm. Đó là tu hành pháp này được đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy chuyên ròng tâm ý, nghĩ nhớ các gốc lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có Tỳ-kheo tu hành một pháp, chẳng bị bại hoại rơi vào đường ác. Chỉ có một bề theo đường lành, một bề hướng đến Niết-bàn. Thế nào là tu hành một pháp chẳng bị bại hoại rơi vào đường ác ? Đó là tâm dốc lòng tin. Đúng là tu một pháp này chẳng thể bị bại hoại rơi vào đường ác. Thế nào là tu hành một pháp hướng đến chỗ lành ? Nghĩa là tâm hành lòng tin tha thiết. Đó là tu một pháp này hướng đến chỗ lành. Thế nào là tu hành một pháp tiến đến Niết-bàn ? Nghĩa là hằng chuyên tâm niệm. Đó là tu hành pháp này được đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy chuyên ròng tâm ý, nghĩ nhớ các gốc lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có một người xuất hiện ở đời, chúng sanh ở đây liền tăng tuổi thọ, nhan sắc tươi nhuận, khí lực mạnh mẽ, khoái lạc vô cùng, âm thanh hòa nhã. Thế nào là một người ? Nghĩa là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đây là một người xuất hiện ở đời, chúng sanh nơi này liền tăng tuổi thọ, nhan sắc tươi nhuận, khí lực mạnh mẽ, khoái lạc vô cùng, âm thanh hòa nhã. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên chuyên ròng nhất tâm niệm Phật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Không mạn, hai niệm đàn,
Hai thí, chắc không chán,
Thí phước, ma Ba-tuần,
Đường ác và một người.*

*
* *

XI. PHẨM BẤT ĐÁI

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy diệt một pháp, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm. Thế nào là một pháp ? Đó là tham dục. Các Tỳ-kheo, hãy diệt tham dục. Ta chứng cho các Thầy thành A-na-hàm.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Bị nhiễm bởi tham dâm,
Chúng sanh đọa đường ác,
Hãy cần bỏ tham dục,
Liền thành A-na-hàm.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy diệt một pháp, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm. Thế nào là một pháp ? Nghĩa là sân giận. Các Tỳ-kheo nên diệt sân giận, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Bị nhiễm bởi sân giận,
Chúng sanh đọa đường ác,
Hãy cần bỏ sân giận,
Liền thành A-na-hàm.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy diệt một pháp, xa lìa một pháp, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm. Thế nào là một pháp ? Đó là ngu si. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy

diệt trừ ngu si. Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Bị nhiễm bởi ngu si,
Chúng sanh rơi đường ác,
Nên cần bỏ ngu si,
Liền thành A-na-hàm.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy diệt một pháp, xa lìa một pháp, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm. Thế nào là một pháp ? Đó là xan tham. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên diệt xan tham, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Bị xan tham làm nhiễm,
Chúng sanh đọa đường ác,
Nên cần bỏ xan tham,
Liền thành A-na-hàm.*

diệt trừ ngu si. Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Bị nhiễm bởi ngu si,
Chúng sanh rơi đường ác,
Nên cần bỏ ngu si,
Liền thành A-na-hàm.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy diệt một pháp, xa lìa một pháp, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm. Thế nào là một pháp ? Đó là xan tham. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên diệt xan tham, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Bị xan tham làm nhiễm,
Chúng sanh đọa đường ác,
Nên cần bỏ xan tham,
Liền thành A-na-hàm.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta ở trong chúng này, ban đầu không thấy một pháp nào không thể hàng phục, khó được thời nghỉ (tiện dụng), chịu các khổ báo như là tâm. Nay các Tỳ-kheo, tâm này chẳng thể hàng phục, khó được thời nghỉ, chịu các khổ báo. Thế nên, nay các Tỳ-kheo, hãy phân biệt tâm, hãy tư duy tâm, khéo nhớ các gốc lành. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta ở trong chúng này, ban đầu không thấy một pháp nào dễ hàng phục, dễ được thời nghỉ, hưởng các báo lành như là tâm. Nay các Tỳ-kheo,

hãy phân biệt tâm, khéo nhớ các gốc lành ! Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, nếu có một người nghĩ điều gì, Ta đều biết rõ. Về sau người này ở trong đại chúng, không vì ăn uống mà nói lời hư vọng, nhưng hoặc vào lúc khác, Ta xem thấy người này vì sanh tâm nhiễm trước, nghĩ nhớ tài vật nên ở trong đại chúng nói lời hư dối. Sở dĩ như thế, này các Tỳ-kheo, vì dính mắc tài vật thật là khó bỏ, khiến người堕 vào ba đường ác, chẳng được đến chỗ vô vi. Thế nên, này các Tỳ-kheo, đã sanh tâm này liền nên rời bỏ, dù người chưa sanh chớ có khởi lòng dính mắc tài vật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, nếu ai nghĩ rằng: “Thà mất mạng chứ chẳng ở trong chúng mà nói dối.” Ở lúc khác, Ta lại xem thấy người này sanh tâm dính mắc nghĩ nhớ tài vật, rồi ở trong chúng mà nói dối. Sở dĩ như thế, này các Tỳ-kheo, vì tài vật làm dính mắc rất là khó bỏ, khiến người堕 vào ba đường ác, chẳng được đến chỗ vô vi. Thế nên, này các Tỳ-kheo, đã sanh tâm này liền nên rời bỏ, nếu người chưa sanh, chớ khởi lòng dính mắc tài vật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyet, tại vườn trúc Ca-lan-đà, cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy có thể thấy pháp của Đề-bà-đạt-đa thanh tịnh chẳng ? Ngược lại, Đề-bà-đạt-đa tạo ác sâu nặng, sẽ chịu tội nhiều kiếp không thể chữa trị. Đối với pháp của Ta, chẳng thấy được một mảy may điều lành có thể kể ra được. Nay Ta nói đầu

mối các tội của Đê-bà-đạt-đa chẳng thể chữa trị. Ví như có người rơi vào cầu tiêu sâu, thân hình chìm lìm, không một chỗ sạch. Có người muốn đến cứu vớt vị ấy lên chỗ sạch, họ xem khắp bờ hồ xí và thân người đó xem có chỗ nào sạch, liền nghĩ: “Ta muốn nắm vị ấy kéo lên”. Họ nhìn kỹ không một chỗ sạch để có thể nắm được, liền bỏ mà đi. Như vậy, này các Tỳ-kheo, Ta xem Đê-bà-đạt-đa là người ngu si, chẳng thấy chút gì đáng nhớ, sẽ chịu tội nhiều kiếp chẳng thể chữa trị. Sở dĩ như thế vì Đê-bà-đạt-đa một mực ngu si, thiên về lợi dưỡng, tạo tội ngũ nghịch, thân hoại mạng chung sẽ sanh trong đường ác. Như vậy, này các Tỳ-kheo, lợi dưỡng sâu nặng khiến người chẳng đến được chỗ an ổn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, đã sanh tâm lợi dưỡng hãy nên lìa bỏ. Nếu người chưa sanh, chớ khởi lòng nhiễm trước. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, vườn trúc Ca-làn-đà, cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo nghe Như Lai thọ ký riêng Điều-đạt (Đê-bà-đạt-đa) sẽ chịu tội một kiếp

không thể chữa trị. Tỳ-kheo ấy liền đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi nhau xong rồi ngồi một bên.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia hỏi Tôn giả A-nan rằng:

— Thế nào, thưa Tôn giả A-nan, Như Lai xem hết nguồn gốc của Đê-bà-đạt-đa rồi sau đó thọ ký riêng cho ông ta chịu tội một kiếp không thể chữa trị sao ? Lại có lý do có thể thọ ký được ư ?

Tôn giả A-nan nói:

— Lời Như Lai trọn không hư dối, thân hành với khẩu hành không khác nhau. Như Lai chân thật thọ ký Đê-bà-đạt-đa chịu tội sâu nặng sẽ suốt kiếp không thể chữa trị.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên, bạch Thế Tôn:

— Có một Tỳ-kheo đến chỗ con nói rằng: “Thế nào, thưa Tôn giả A-nan ! Như Lai xem hết nguồn gốc của Đê-bà-đạt-đa, sau đó thọ ký riêng cho ông ta chịu tội một kiếp không thể trị liệu sao ? Lại có lý do có thể thọ ký được ư ?”. Nói như thế xong bỏ đi.

Thế Tôn dạy rằng:

— Tỳ-kheo đó chắc là xuất gia tu học trễ muộn,

mới đến trong pháp Ta chưa được bao lâu. Lời Như Lai trọn không hư vọng, tại sao lại khởi do dự ?

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

— Thấy đến chỗ Tỳ-kheo ấy bảo: “Như Lai gọi Thầy”.

A-nan đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn liền đến chỗ Tỳ-kheo kia, đến rồi, bảo Tỳ-kheo kia rằng:

— Như Lai gọi Thầy.

Tỳ-kheo kia đáp:

— Xin vâng, Tôn giả.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia liền sửa sang y phục, cùng A-nan đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy Thế Tôn và ngồi một bên.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

— Này người ngu ! Thấy không tin lời Như Lai sao ? Như Lai dạy không có hư vọng. Nay Thầy lại muốn tìm hư vọng của Như Lai ?

Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

— Tỳ-kheo Đê-bà-đạt-đa có đại thân lực, có oai

thế lớn, làm sao Thế Tôn thọ ký Thấy ta một kiếp chịu tội nặng được ?

Phật bảo Tỳ-kheo:

— Hãy giữ mồm miệng của Thấy, chớ để mãi mãi chịu khổ vô lượng.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Dạo Thiên thế tục không,
Rốt cuộc không giải thoát,
Chẳng đến chỗ diệt tận,
Trở lại đọa địa ngục.*

Giả sử Ta thấy Đê-bà-đạt-đa, thân có một chút pháp lành thì Ta trọn không thọ ký Đê-bà-đạt-đa chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Thế nên, này Người ngu ! Ta chẳng thấy Đê-bà-đạt-đa có một chút pháp lành, vì thế nên thọ ký Đê-bà-đạt-đa chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Sở dĩ như thế vì Đê-bà-đạt-đa ngu si, tham đắm lợi dưỡng, khởi tâm nhiễm trước, tạo năm điều nghịch ác, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục. Sở dĩ như thế là vì tâm lợi dưỡng nặng, làm hư hỏng gốc lành của người, khiến người không đến được chỗ an ổn. Thế nên, các Tỳ-kheo, nếu có tâm lợi dưỡng khởi, liền nên cầu diệt. Nếu không có tâm, chớ khởi tưởng dính mắc. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa sang y phục, cúi lạy Thế Tôn và bạch:

— Nay con tự hối lỗi, cúi mong Thế Tôn rủ lòng tha thứ, vì con ngu si tạo hạnh chẳng lành. Như Lai không nói hai lời mà con ngu si khởi tưởng do dự. Cúi mong Thế Tôn nhận lời cho con sám hối điều cũ để tu sửa về sau.

Thưa như thế đến ba lần. Thế Tôn dạy:

— Lành thay, Tỳ-kheo ! Thấy biết hối hận về ý niệm của mình. Ta tha thứ cho Thấy, vì Thấy không hiểu kịp. Chớ đối với Như Lai mà khởi ý tưởng do dự ! Nay Ta nhận cho Thấy hối lỗi, sau chớ làm đến ba bốn lần.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Dù có làm tội nặng,
Hối lỗi rồi không phạm,
Người này nên cấm giới,
Nhỏ căn nguyên tội này.*

Bấy giờ Tỳ-kheo kia và bốn bộ chúng nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Bốn loại A-na-hàm,
Hai tâm và hai thực (quả),
Bà-đạt và kế kinh,
Người trí hãy giác tri.*

XII. PHẨM NHẬP ĐẠO

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có một lối vào đạo làm trong sạch hạnh của chúng sanh, trừ bỏ sâu lo không có các não, được đại trí tuệ, thành tựu chứng quả Niết-bàn. Đó là nên diệt Ngũ cái, tư duy Tứ ý chỉ (Tứ niệm xứ). Thế nào là một lối vào ? Nghĩa là chuyên nhất tâm. Đó là một lối vào. Thế nào là đạo ? Nghĩa là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh:

- 1) Chánh kiến
- 2) Chánh chí (tư duy)
- 3) Chánh nghiệp
- 4) Chánh mạng

- 5) Chánh phương tiện (tinh tấn)
- 6) Chánh ngữ
- 7) Chánh niệm
- 8) Chánh định.

Đó gọi là đạo. Đó là một lối vào đạo. Thế nào là nên diệt Ngũ cái ? Nghĩa là tham dục cái, sân nhuế cái, điều hí cái (trạo cử), thùy miên cái, nghi cái. Đó là nên diệt Ngũ cái. Thế nào là tư duy Bốn ý chỉ ? Ở đây, Tỳ-kheo bên trong tự quán thân, trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo; bên ngoài tự quán thân trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo; trong, ngoài quán thân trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo. Trong quán thọ khổ mà tự vui thích, ngoài quán thọ khổ, trong ngoài quán thọ khổ; trong quán tâm mà tự vui thích, ngoài quán tâm, trong ngoài quán tâm; trong quán pháp, ngoài quán pháp, trong ngoài quán pháp mà tự vui thích.

Thế nào là Tỳ-kheo trong quán thân mà tự vui thích ? Ở đây Tỳ-kheo quán thân này tùy theo tánh mà hành: từ đầu đến chân, từ chân đến đầu; quán trong thân này thấy đều chẳng sạch, không có gì đáng tham đắm. Lại quán thân này có lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, mỡ miếng, mỡ nước, ruột, bao tử, tim, gan, tỳ, thận đều quán biết hết, phần, tiểu, sanh tạng, thực tạng,

- 5) Chánh phương tiện (tinh tấn)
- 6) Chánh ngữ
- 7) Chánh niệm
- 8) Chánh định.

Đó gọi là đạo. Đó là một lối vào đạo. Thế nào là nên diệt Ngũ cái ? Nghĩa là tham dục cái, sân nhuế cái, điều hí cái (trạo cử), thù miên cái, nghi cái. Đó là nên diệt Ngũ cái. Thế nào là tư duy Bốn ý chỉ ? Ở đây, Tỳ-kheo bên trong tự quán thân, trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo; bên ngoài tự quán thân trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo; trong, ngoài quán thân trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo. Trong quán thọ khổ mà tự vui thích, ngoài quán thọ khổ, trong ngoài quán thọ khổ; trong quán tâm mà tự vui thích, ngoài quán tâm, trong ngoài quán tâm; trong quán pháp, ngoài quán pháp, trong ngoài quán pháp mà tự vui thích.

Thế nào là Tỳ-kheo trong quán thân mà tự vui thích ? Ở đây Tỳ-kheo quán thân này tùy theo tánh mà hành: từ đầu đến chân, từ chân đến đầu; quán trong thân này thấy đều chẳng sạch, không có gì đáng tham đắm. Lại quán thân này có lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, mỡ miếng, mỡ nước, ruột, bao tử, tim, gan, tỳ, thận đều quán biết hết, phần, tiểu, sanh tạng, thực tạng,

nước mắt, đờm dãi, huyết mạch, mỡ, mật, đều nên quán biết, không có gì đáng tham đắm. Như thế, các Tỳ-kheo quán thân tự vui thích, trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo. Lại nữa, này Tỳ-kheo, lại quán thân này có phải là địa chủng chăng ? Là thủy, hỏa, phong chủng chăng ? Tỳ-kheo quán thân này như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này phân biệt các giới có bốn loại. Giống như người khéo mổ trâu, hoặc học trò người mổ trâu, xẻ từng phần để tự xem xét: đây là chân, đây là tim, đây là đốt xương, đây là đầu. Như thế Tỳ-kheo ấy phân biệt giới này mà tự quán sát: thân này có các giới đất, nước, gió, lửa. Tỳ-kheo quán sát thân như thế mà tự vui thích.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ rỉ chảy chẳng sạch, giống như người kia quán vườn trúc hay quán bụi lau. Như vậy Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ chảy ra các thứ bất tịnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi hoặc chết một ngày hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, thân thể sinh trướng, hôi thối chẳng sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân cùng kia không khác, thân ta chẳng thoát khỏi hoạn này. Hoặc Tỳ-kheo lại quán tử thi bị quạ, thước, kên kên ăn nuốt, hoặc bị hổ lang, chó sói, các

loài trùng thú trông thấy ăn thịt. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta chẳng lìa khỏi hoạn này. Đó là Tỳ-kheo quán thân mà tự vui thích.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi hoặc bị ăn một nửa rơi rớt trên đất hôi thúi chẳng sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta chẳng lìa pháp này.

Lại nữa, quán tử thi bị ăn hết thịt chỉ còn có xương bê bết máu. Tỳ-kheo lại đem thân này quán như thân kia cũng không có khác. Tỳ-kheo quán thân này như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi gân ràng rịt như bó củi. Tỳ-kheo lại tự quán thân cùng kia không khác. Tỳ-kheo quán thân này như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi từng đốt xương phân tán rơi vãi khắp nơi. Hoặc xương tay, xương chân mỗi thứ một nơi, hoặc xương đùi, hoặc xương hông, hoặc xương cụt, hoặc xương tay, hoặc xương vai, hoặc xương sườn, hoặc xương sống, hoặc xương cổ, hoặc đầu lâu. Lại nữa, thân này cùng kia chẳng khác. Ta chẳng thoát khỏi pháp này. Thân ta cũng sẽ bại hoại. Như thế Tỳ-kheo quán thân mà tự vui thích.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi màu trắng, màu

loài trùng thú trông thấy ăn thịt. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta chẳng lìa khỏi hoạn này. Đó là Tỳ-kheo quán thân mà tự vui thích.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi hoặc bị ăn một nửa rơi rớt trên đất hôi thúi chẳng sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta chẳng lìa pháp này.

Lại nữa, quán tử thi bị ăn hết thịt chỉ còn có xương bê bết máu. Tỳ-kheo lại đem thân này quán như thân kia cũng không có khác. Tỳ-kheo quán thân này như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi gân ràng rịt như bó củi. Tỳ-kheo lại tự quán thân cùng kia không khác. Tỳ-kheo quán thân này như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi từng đốt xương phân tán rơi vãi khắp nơi. Hoặc xương tay, xương chân mỗi thứ một nơi, hoặc xương đùi, hoặc xương hông, hoặc xương cùi, hoặc xương tay, hoặc xương vai, hoặc xương sườn, hoặc xương sống, hoặc xương cổ, hoặc đầu lâu. Lại nữa, thân này cùng kia chẳng khác. Ta chẳng thoát khỏi pháp này. Thân ta cũng sẽ bại hoại. Như thế Tỳ-kheo quán thân mà tự vui thích.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi màu trắng, màu

ngọc trắng. Tỳ-kheo lại tự quán thân cùng kia không khác, ta chẳng lìa khỏi pháp này. Đó là Tỳ-kheo tự quán thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu thấy tử thi, tướng xương xanh bầm, không có gì đáng tham đắm, hoặc cùng màu tro đất chẳng thể phân biệt, thời như thế Tỳ-kheo tự quán thân trừ bỏ niệm ác không có sầu lo. Thân này vô thường là pháp phân tán. Như thế Tỳ-kheo nội tự quán thân, ngoại quán thân, nội ngoại quán thân hiểu rằng không có.

Thế nào là Tỳ-kheo nội quán thọ khổ ? Ở đây, Tỳ-kheo, lúc được thọ vui thì tự giác tri mình được thọ vui, lúc bị thọ khổ thì tự giác tri mình bị thọ khổ, lúc được thọ không vui không khổ tức tự giác tri ta được thọ không khổ không vui. Nếu lúc thọ vui, liền tự giác tri ta thọ vui. Nếu lúc thọ khổ, liền tự giác tri ta thọ khổ. Nếu lúc thọ không khổ không vui, liền tự giác tri ta thọ không khổ không vui. Nếu lúc không thọ vui, liền tự giác tri ta không thọ vui. Nếu lúc không thọ khổ, liền tự giác tri ta không thọ khổ. Nếu lúc thọ không khổ không vui, liền tự giác tri ta thọ không khổ không vui. Tỳ-kheo nội tự quán thọ như thế.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo lúc được thọ vui, lúc ấy không bị thọ khổ, thời tự giác tri ta được thọ vui.

Nếu lúc thọ khổ, lúc ấy không được thọ vui thời tự giác tri ta thọ khổ. Nếu lúc được không khổ không vui, lúc đó không phải khổ, không phải vui thời tự giác tri ta thọ không khổ không vui. Người đó tập pháp mà tự vui thích, cũng quán diệt pháp, lại quán pháp tập và diệt. Hoặc lại có thọ hiện ở trước, có thể biết, có thể thấy, suy nghĩ nguồn gốc của nó thì không có chỗ y cứ, bèn tự vui thích, không khởi tướng thế gian. Ở trong đó cũng không kinh sợ. Vì không kinh sợ liền được Niết-bàn: “Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa”, như thật mà biết. Tỳ-kheo nội tự quán thọ như thế, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo, ngoại tự quán thọ, nội ngoại quán thọ, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo. Như thế Tỳ-kheo nội ngoại quán thọ.

Thế nào là Tỳ-kheo quán tâm, tâm pháp mà tự vui thích ? Ở đây, Tỳ-kheo có tâm ái dục, liền tự giác tri có tâm ái dục; không có tâm ái dục cũng tự giác tri không có tâm ái dục. Có tâm sân nhuế, liền tự giác tri có tâm sân nhuế; không tâm sân nhuế cũng tự giác tri không tâm sân nhuế. Có tâm ngu si, liền tự giác tri có tâm ngu si; không có tâm ngu si cũng tự giác tri không có tâm ngu si. Có tâm ái niệm, liền tự giác tri có tâm ái niệm; không tâm ái

niệm cũng tự giác tri không có tâm ái niệm. Có tâm thọ nhận, liền tự giác tri có tâm thọ nhận; không tâm thọ nhận cũng tự giác tri không tâm thọ nhận. Có tâm loạn niệm, liền tự giác tri có tâm loạn niệm; không có loạn tâm cũng tự giác tri không có loạn tâm. Có tâm tán loạn, liền tự giác tri có tâm tán loạn không tâm tán loạn cũng tự giác tri không tâm tán loạn. Có tâm phổ biến, liền tự giác tri có tâm phổ biến; không có tâm phổ biến cũng tự giác tri không có tâm phổ biến. Có tâm lớn, liền tự giác tri có tâm lớn; không có tâm lớn cũng tự giác tri không tâm lớn. Có tâm vô lượng, liền tự giác tri có tâm vô lượng; không có tâm vô lượng cũng tự giác tri không có tâm vô lượng. Có tâm tam muội, liền tự giác tri có tâm tam muội; không có tâm tam muội cũng tự giác tri không có tâm tam muội. Tâm chưa giải thoát, liền tự giác tri tâm chưa giải thoát; tâm đã giải thoát cũng tự giác tri tâm đã giải thoát.

Như thế, Tỳ-kheo! Hãy quán ý chỉ, quán tập pháp, quán diệt pháp, cùng quán pháp tập diệt; suy nghĩ về pháp để tự vui thích. Hãy biết, hãy thấy, hãy tư duy, chớ suy nghĩ việc không có chỗ nương tựa, không được khởi tưởng thế gian. Đã không khởi tưởng liền không sợ hãi, đã không sợ hãi liền được vô dư, đã được vô dư liền nhập Niết-bàn:

“Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc phải làm đã xong, không còn thọ thân sau nữa”, như thật mà biết.

Như vậy, Tỳ-kheo! Nội quán tự tâm, tâm ý dừng bất, trừ bỏ loạn tưởng, không có sầu lo, ngoại quán tâm, nội ngoại quán tâm, tâm ý dừng bất, trừ bỏ loạn niệm, không có sầu lo. Ngoại quán tâm, nội quán tâm, tâm ý dừng. Như vậy Tỳ-kheo tâm tâm quán nhau, ý dừng.

Thế nào là Tỳ-kheo pháp tương quán ý dừng? Ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác ý, y quán, y vô dục, y diệt tận, bỏ các pháp ác, tu pháp giác ý, tu tinh tấn giác ý, tu niệm giác ý, tu hỷ (khinh an) giác ý, tu tam muội giác ý, tu hộ (xả) giác ý, y quán, y vô dục, y diệt tận, bỏ các pháp ác. Như vậy là Tỳ-kheo pháp pháp tương quán ý dừng.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với ái dục giải thoát, trừ pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có buộc niệm vui ở Sơ thiền mà tự vui thích. Như thế là Tỳ-kheo pháp pháp tương quán ý dừng.

Lại nữa, Tỳ-kheo bỏ giác, bỏ quán, bên trong phát hoan hỷ chuyên nhất ý, thành tựu không giác, không quán niệm niệm nương vào hỷ mà an; vui ở Nhị thiền mà tự vui thích. Như vậy là Tỳ-kheo pháp pháp tương quán ý dừng.

Lại nữa, Tỳ-kheo xả niệm, tu ở hộ. Hằng tự giác tri thân (giác), vui chỗ cầu của chư Hiền Thánh, hộ niệm thanh tịnh hành ở Tam thiên. Như vậy là Tỳ-kheo pháp pháp tương quán ý dừng.

Lại nữa, Tỳ-kheo xả tâm khổ vui, lại không lo mừng, không khổ không vui, hộ niệm thanh tịnh vui ở Tứ thiên. Như vậy là Tỳ-kheo pháp pháp tương quán ý dừng.

Vị ấy hành tập pháp, hành diệt pháp cùng hành pháp tập diệt mà tự vui thích, liền được pháp ý dừng hiện ở trước, có thể biết, có thể thấy, trừ bỏ loạn tưởng không chỗ nương tựa, chẳng khởi tưởng thế gian. Đã chẳng khởi tưởng liền không sợ hãi. Đã không sợ hãi thời: “Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc phải làm đã xong, không còn thọ thân sau nữa”, như thật mà biết.

Này các Tỳ-kheo, nương một lối vào đạo, chúng sanh sẽ được thanh tịnh, xa lìa buồn lo, lại không có tưởng vui, liền có trí tuệ, chúng được Niết-bàn. Đó là diệt Năm triền cái, tu Bốn ý chỉ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta ở trong đây, không thấy một pháp nào mau đưa đến hoại diệt như là ganh ghét, đố kỵ Phạm hạnh. Thế nên các Tỳ-kheo ! Hãy tu hành từ nhĩn, thân hành từ, miệng hành từ, ý hành từ. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có một người xuất hiện ở đời, tối tôn, tối thượng trong các Trời, Người, Ma và Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, không ai sánh bằng, là phước điển đệ nhất, đáng phụng sự, đáng cung kính.

Thế nào là một người ? Nghĩa là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là một người xuất hiện ở đời vượt hẳn Trời, Người, A-tu-la, Ma và Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, là bậc tối tôn, tối thượng, không ai sánh bằng, là phước điển bậc nhất, đáng phụng sự, đáng cung kính. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy thường nên cúng dường Như Lai. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có người săn sóc người bệnh là đã săn sóc Ta. Người trông nom người bệnh tức là đã trông nom Ta. Sở dĩ như thế là vì nay Ta đích thân coi sóc người tật bệnh.

Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một người nào trong chư Thiên, thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn mà bố thí tối thượng hơn sự bố thí này. Người hành bố thí này mới đúng là thí, sẽ thu hoạch quả báo lớn, được công đức lớn, tiếng tăm trùm khắp, được vị cam lồ. Nghĩa là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác biết rằng bố thí tối thượng không gì hơn thí này. Người hành bố thí này mới đúng là thí, thu hoạch quả báo lớn, được công đức lớn. Nay Ta vì nhân duyên này mà nói như thế. Săn sóc người bệnh tức là đã săn sóc Ta không khác. Các Thầy sẽ luôn luôn được phước đức lớn.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có người tán thán A-lan-nhã (tịch tĩnh) là đã tán thán ta. Sở dĩ như thế, vì nay Ta thường tự tán thán hạnh A-lan-nhã. Nếu có người phỉ báng A-lan-nhã tức là phỉ báng Ta. Nếu có người tán thán khát thực tức là đã tán thán Ta. Sở dĩ như thế, vì Ta hằng tán thán người hay khát thực. Nếu người hủy báng khát thực là đã hủy báng Ta. Có người tán thán độc cư tức là đã tán thán Ta. Sở dĩ như thế là vì ta hằng tán thán người hay độc cư. Có người hủy báng người độc cư là đã hủy báng Ta. Có người tán thán người ngồi một chỗ, ăn một bữa, tức là đã tán thán Ta. Sở dĩ như thế, vì ta hằng tán thán người ngồi một chỗ, ăn một bữa. Ai hủy báng người này tức là đã hủy báng Ta. Nếu có người tán thán người ngồi dưới gốc cây tức là tán thán thân Ta không khác. Sở dĩ như thế là vì Ta hằng tán thán người ngồi dưới gốc cây. Nếu có ai hủy báng người ngồi dưới gốc cây tức là đã hủy

báng Ta. Nếu có ai tán thán người ngồi chỗ đất trống, tức là đã tán thán Ta. Sở dĩ như thế, là vì Ta hằng tán thán người ngồi nơi đất trống (lộ tọa). Ai hủy nhục người ngồi nơi đất trống tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người ở chỗ vắng vẻ an nhàn tức là đã tán thán Ta. Vì sao như thế ? Vì Ta hằng tán thán người ở chỗ vắng vẻ an nhàn. Ai hủy nhục người ở chỗ vắng vẻ an nhàn tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người mặc áo năm mảnh là đã tán thán Ta. Vì sao như thế ? Vì Ta hằng tán thán người mặc áo năm mảnh. Ai hủy nhục người mặc áo năm mảnh tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người giữ ba y tức là đã tán thán Ta. Vì sao như thế ? Vì Ta hằng tán thán người giữ ba y. Ai hủy nhục người giữ ba y tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người ngồi ở gò mả là đã tán thán Ta. Vì sao như thế ? Vì Ta hằng tán thán người ngồi ở gò mả. Ai hủy nhục người ngồi ở gò mả tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người ăn một bữa, tức là đã tán thán Ta. Vì sao như thế ? Vì Ta thường tán thán người ăn một bữa. Ai hủy nhục người ăn một bữa tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người ăn đúng ngọ là đã tán thán Ta. Vì sao như thế ? Vì Ta hằng tán thán người ăn đúng ngọ. Ai hủy báng người ăn đúng ngọ tức là hủy báng Ta. Ai tán thán người hành đầu đà

tức là đã tán thán Ta. Vì sao như thế ? Vì Ta hằng tán thán các người hành đầu đà. Ai hủy nhục người hành đầu đà tức là đã hủy nhục Ta. Nay Ta dạy các Tỳ-kheo hãy như sở hành của Đại Ca-diếp, không có sơ sót. Vì sao như thế ? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp có các hạnh này. Thế nên các Tỳ-kheo, hãy thường nên học như Đại Ca-diếp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyet, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp trụ A-lan-nhã. Đến giờ khát thực, Tôn giả không phân biệt giàu nghèo. Tôn giả ở một nơi, ngồi một chỗ hoặc dưới gốc cây, hoặc ngoài đồng trống, hoặc ở chỗ vắng vẻ trợn không dòi dổi, mặc áo năm mảnh, hoặc giữ ba y, hoặc ở gò mả, hoặc ăn một bữa, hoặc ăn chính ngọc, hoặc hành đầu đà mặc dù tuổi cao già cả. Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp ăn xong liền đến dưới một cội cây thiên định, thiên định xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa sang y phục, đi đến chỗ Thế Tôn.

Bấy giờ Thế Tôn từ xa trông thấy Ca-diếp đến. Thế Tôn bảo rằng:

— Khéo đến, Ca-diếp !

Ca-diếp đến chỗ Phật cúi lạy rồi ngồi một bên. Thế Tôn dạy rằng:

— Ca-diếp ! Nay Thầy đã lớn tuổi, già cả, quá suy, lợm khòm, vậy Thầy nên bỏ hạnh khát thực, cho đến các hạnh đầu đà, mà nên nhận lời mời của các trưởng giả và nhận y áo.

Ca-diếp đáp:

— Con không dám theo lời Như Lai dạy. Vì sao ? Vì nếu Như Lai không thành đạo Vô thượng Chánh chân, thì con ắt thành Bích-chi Phật, mà Bích-chi Phật trọn hành A-lan-nhã. Đến giờ khát thực, còn không phân biệt giàu, nghèo. Con ở một nơi, ngồi một chỗ hoặc ngồi dưới gốc cây, hoặc ngoài đồng trống, hoặc chỗ vắng vẻ trọn chẳng dời đổi, hoặc mặc áo năm mảnh hoặc giữ ba y, hoặc ở gò mả, hoặc ăn một bữa, hoặc ăn đúng ngọ, hoặc hành đầu đà. Nay con chẳng dám bỏ thói cũ mà học hạnh khác.

Thế Tôn bảo rằng:

— Lành thay ! Lành thay Ca-diếp ! Thầy có

nhiều lợi ích, độ người vô lượng; rộng đến tất cả Trời, Người đều được độ. Vì sao ? Ca-diếp ! Nếu hạnh đầu đà này được hành ở đời thì pháp của Ta cũng sẽ được lâu dài ở đời. Nếu có pháp ở đời, thì Thiên đạo tăng thêm, ba đường ác liền giảm. Cũng vậy thành Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, đạo Tam thừa đều còn ở đời. Nay các Tỳ-kheo, hãy học như Ca-diếp tu tập. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Lợi dưỡng quá nặng khiến người không đến được đạo Vô thượng Chánh chân. Vì sao như thế ? Nay các Tỳ-kheo, Đề-bà-đạt-đa ngu si kia nhận năm trăm nôi cơm của Vương tử Bà-la-lưu-chi (A-xà-thế) cúng dường. Nếu ông ta không cho, Đề-bà-đạt-đa ngu si trọn không tạo việc ác này. Vì Vương tử Bà-la-lưu-chi hằng ngày đem năm trăm nôi cơm đến cúng dường nên Đề-bà-đạt-đa mới khởi năm điều nghịch ác, thân hoại mạng chung sanh trong địa

ngục đại A-tỳ. Do phương tiện này mà biết lợi dưỡng quá nặng khiến người chẳng đến được đạo Vô thượng Chánh chân. Nếu chưa sanh tâm lợi dưỡng, chớ nên sanh; đã sanh thì nên diệt đi. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa làm rối loạn chúng Tăng, làm chân của Như Lai bị thương, xúi A-xà-thế giết vua cha, lại giết La-hán Tỳ-kheo-ni, rồi tuyên bố với đại chúng rằng: “Chỗ nào có ác, ác từ đâu sanh ? Ai làm việc ác này, phải chịu quả báo đó. Ta cũng chẳng làm việc ác này mà phải chịu quả báo.”

Bấy giờ có nhiều chúng Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khát thực, nghe nói Đề-bà-đạt-đa ngu si tuyên bố ở trong đại chúng: “Chỗ nào có ác, ác từ đâu sanh ? Ai làm việc ác này phải chịu quả báo đó.”

Bấy giờ những Tỳ-kheo ấy ăn xong, liền cầm y bát, vắt tọa cụ lên vai mặt, đi đến chỗ Thế Tôn,

đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên. Bấy giờ các chúng Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Đê-bà-đạt-đa ngu si tuyên bố ở trong đại chúng rằng: “Vì sao làm ác không có tai ương, làm lành không có quả báo ? Đó là vì không có quả báo thiện ác.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ác thì có tội, các hạnh thiện ác đều có báo ứng. Nếu Đê-bà-đạt-đa ngu si kia biết có quả báo thiện ác, thì sẽ khô héo, sầu lo chẳng vui, máu sôi sẽ phun đầy mặt. Vì Đê-bà-đạt-đa chẳng biết quả báo của thiện ác, do đó mới ở trong đại chúng mà tuyên bố không có quả báo thiện ác, làm ác không tai ương, làm thiện không có phước quả.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Người ngu tự xét rõ,
Làm ác không có phước báo,
Nay Ta rõ biết trước,
Báo ứng của thiện ác.*

Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy xa lìa ác, làm phước chớ mỗi mảy. Các Tỳ-kheo nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nhận lợi dưỡng của người rất nặng, chẳng phải dễ, khiến người chẳng đến được chỗ vô vi. Vì sao như thế ? Vì quả báo của lợi dưỡng cắt vào da người; vì cắt da liền cắt thịt, vì cắt thịt liền đứt xương, vì đứt xương liền thấu tủy. Nay các Tỳ-kheo, hãy dùng phương tiện này liền biết lợi dưỡng rất nặng. Nếu chưa sanh tâm lợi dưỡng thì chớ sanh, đã sanh thì khiến cho diệt. Như vậy, các Tỳ-kheo hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nhận lợi dưỡng của người thật là chẳng dễ, khiến người chẳng đến được chỗ vô vi. Vì sao như thế ? Nếu Tỳ-kheo Lợi-su-la kia chẳng tham lợi dưỡng thì chẳng làm việc sát sanh vô lượng như thế, thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nhận lợi dưỡng người nhiều,
Hoại hạnh thanh bạch người,
Thế nên chế ngự tâm,
Chớ tham đắm mùi vị.
Lợi-sư được định rồi
Cho đến trời Đế Thích
Thần thông bị tổn giảm,
Đọa vào ngục chém giết.*

Các Tỷ-kheo hãy dùng phương tiện này thời liền biết nhận lợi dưỡng của người thật chẳng phải dễ. Như thế, các Tỷ-kheo, hãy học điều này: “Chưa sanh tâm lợi dưỡng phải chế ngự khiến chẳng sanh, đã sanh tâm này hãy cầu phương tiện khiến cho tiêu diệt”. Như vậy, các Tỷ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỷ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*
* *

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nhận lợi dưỡng người nhiều,
Hoài hạnh thanh bạch người,
Thế nên chế ngự tâm,
Chớ tham đắm mùi vị.
Lợi-sư được định rồi
Cho đến trời Đế Thích
Thần thông bị tổn giảm,
Đọa vào ngục chém giết.*

Các Tỳ-kheo hãy dùng phương tiện này thời liền biết nhận lợi dưỡng của người thật chẳng phải dễ. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này: “Chưa sanh tâm lợi dưỡng phải chế ngự khiến chẳng sanh, đã sanh tâm này hãy cầu phương tiện khiến cho tiêu diệt”. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*
* *

XIII. PHẨM LỢI DƯƠNG

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nhận lợi dưỡng của người thật chẳng dễ, khiến người chẳng được đến chỗ vô vi. Vì sao thế ? Nếu Tỳ-kheo Tu-la-đà không tham lợi dưỡng thì đã không ở trong pháp mà xả ba pháp y để làm cư sĩ. Tỳ-kheo Ta-lu-đà vốn tu hạnh A-lan-nhã, đến giờ khát thực, ở một nơi, ngồi một chỗ, hoặc ăn chính gạo, ở dưới gốc cây, ngồi ngoài trời, thích chỗ nhàn cư, mặc áo năm mảnh, hoặc giữ ba y, hoặc thích ở gò mả, khắc khổ thân thể, hành hạnh đầu đà này. Lúc này, Tỳ-kheo Tu-la-đà thường nhận sự cúng

duong của quốc vương Mãn Hô, hàng ngày cung cấp món ăn trăm vị.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia ý nhiễm thức ăn này, dần dần bỏ hạnh A-lan-nhã, đến giờ khát thực, ở một nơi, ngồi một chỗ, ăn chính ngộ, ở dưới gốc cây, ngồi ngoài trời, ở chỗ nhàn cư, mặc áo năm mảnh, hoặc giữ ba y, hoặc thích ở gò mả, khắc khổ thân thể. Bỏ hết những điều này rồi, bỏ ba pháp y; vị ấy trở lại làm người bạch y, giết trâu sát sanh chẳng thể tính kể, khi thân hoại mạng chung sanh vào địa ngục.

Các Tỳ-kheo, do phương tiện này mà biết lợi dưỡng rất nặng, khiến người chẳng đắc đạo Vô thượng Chánh chân. Nếu chưa sanh lợi dưỡng, hãy chế ngự khiến cho chẳng sanh; đã sanh thì tìm phương tiện khiến diệt liền. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hãy diệt một pháp, Ta sẽ chứng cho các

Thấy thành quả thân thông, các lậu được dứt. Thế nào là một pháp ? Đó là tham đắm mùi vị. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy diệt sự tham vị này, Ta sẽ chứng cho Thấy thành quả thân thông, các lậu được dứt.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Chúng sanh đắm vị này,
Chết đọa trong đường ác,
Nay nên xả dục này,
Liền thành A-la-hán.*

Thế nên, các Tỳ-kheo thường nên xả bỏ ý tưởng tham đắm vị này. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ có một trưởng giả, vừa chết một đứa con trai mà ông rất yêu thương chưa hề xa lìa. Ông ta thấy con chết liền phát cuồng, đi lang thang khắp nơi, gặp ai cũng hỏi:

— Có thấy con tôi không ?

Bấy giờ ông ta đi dần dần đến Tinh xá Kỳ

Hoàn, đến chỗ Thế Tôn và đứng một bên. Bấy giờ, ông ta bạch Thế Tôn rằng:

— Sa-môn Cù-đàm ! Có thấy con tôi không ?

Thế Tôn bảo trưởng giả:

— Vì sao mặt mày không vui, các căn rối loạn ?

Bấy giờ trưởng giả thưa đức Cù-đàm:

— Không như vậy sao được ? Vì sao ? Tôi chỉ có một đứa con, nó lại bỏ tôi mà chết. Tôi rất nhớ thương nó, chưa hề rời mắt; vì thương xót đứa con ấy nên tôi phát cuồng. Nay tôi hỏi Sa-môn, có thấy con tôi không ?

Thế Tôn dạy rằng:

— Đúng vậy, Trưởng giả. Như lời Ông hỏi sanh, già, bệnh, chết là phép thường ở đời; ân ái biệt ly khổ; oán ghét gặp gỡ khổ. Đứa con vì vô thường mà bỏ Ông, há không nghĩ đến được sao ?

Bấy giờ ông ta nghe Thế Tôn nói, không bằng lòng bèn bỏ đi; đi đường gặp người ông liền nói:

— Sa-môn Cù-đàm nói rằng: “Ân ái biệt ly liền có khoái lạc.” Sa-môn nói như vậy, xét có đúng không ?

Người kia đáp:

— Ân ái biệt ly mà vui cái gì ?

Ngay lúc đó, cách thành Xá-vệ không xa, có nhiều người đang đánh bạc với nhau. Bấy giờ, ông ta liền nghĩ rằng: “Các ông này thông minh trí tuệ, không việc gì chẳng biết. Nay ta nên đem nghĩa này hỏi họ.”

Bấy giờ ông ta đến chỗ đánh bạc hỏi mọi người rằng:

— Sa-môn Cù-đàm bảo tôi rằng: “Ân ái biệt ly khổ, oán ghét gặp gỡ khổ. Đây là khoái lạc.” Nay các Ông nghĩ sao ?

Bấy giờ những người đánh bạc đáp ông ta:

— Ân ái biệt ly có gì vui ? Nói là khoái lạc, nghĩa này không đúng.

Bấy giờ ông ta liền nghĩ: “Xét lời Như Lai trọn không hư dối. Sao nói xa lìa ân ái lại có vui ư ?” Nghĩa này không đúng.

Bấy giờ người kia vào thành Xá-vệ, đến ngoài cửa cung kêu lên:

— Sa-môn Cù-đàm dạy rằng: “Ân ái biệt ly, oán ghét hội hợp. Đây là khoái lạc.”

Bấy giờ cả thành Xá-vệ và người trong cung truyền lời này khắp nơi. Ngay lúc đó, đại vương

Ba-tu-nặc và phu nhân Mạt-lợi đang ở trên lầu vui vầy với nhau. Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc bảo phu nhân Mạt-lợi:

— Sa-môn Cù-đàm thật có lời này: “Ân ái ly biệt, oán ghét gặp gỡ. Đây đều là khoái lạc chăng ?”

Phu nhân đáp:

— Tôi không nghe Như Lai dạy lời này, nhưng nếu đúng Như Lai có dạy như thế, cũng chẳng phải là việc hư dối.

Vua Ba-tu-nặc bảo:

— Ví như thầy dạy đệ tử: “Làm điều này, bỏ điều này”. Đệ tử đáp rằng: “Xin vâng, Đại sư.”. Nay phu nhân Mạt-lợi, Bà cũng như thế. Sa-môn Cù-đàm kia tuy nói lời này mà Bà ưng thuận nói rằng như thế chẳng khác, không có hư vọng. Vậy Bà hãy đi mau, đừng có đứng trước mặt ta.

Bấy giờ phu nhân Mạt-lợi bảo Bà-la-môn Trúc-bác:

— Nay Ông đến Tinh xá Kỳ Hoàn, tới chỗ Như Lai, đem tên của ta, quỳ dưới chân Như Lai lấy nghĩa này bạch đầy đủ cho Thế Tôn rằng: “Trong thành Xá-vệ và người trong cung có luận bàn điều mà Sa-môn Cù-đàm nói: “Ân ái ly biệt, oán ghét

hội họp. Đây đều là khoái lạc". Chẳng rõ Thế Tôn có dạy như thế chẳng ?". Nếu Thế Tôn có dạy điều gì, Ông hãy khéo nhận lấy rồi về nói lại cho ta.

Bấy giờ, Bà-la-môn Trúc-bác nhận sắc lệnh của phu nhân, tìm đến Tinh xá Kỳ Hoàn. Đến chỗ Thế Tôn chào hỏi, chào hỏi xong ngồi một bên. Rồi Phạm chí kia bạch Thế Tôn:

— Phu nhân Mạt-lợi cúi lạy Thế Tôn và thăm hỏi Như Lai có được nhẹ nhàng dễ chịu, đi đứng có mạnh khỏe không, Giáo hóa người mê muội có mệt nhọc không. Rồi lại nói rằng: "Trong thành Xá-vệ này loan truyền rằng Sa-môn Cù-đàm dạy: "Ân ái biệt ly, oán ghét tụ hội rất khoái lạc". Chẳng rõ Thế Tôn có dạy như thế chẳng ?"

Bấy giờ Thế Tôn bảo Bà-la-môn Trúc-bác rằng:

— Ở trong thành Xá-vệ này có một trưởng giả bị chết mất một đứa con. Ông ta nhớ đứa con này đến cuồng loạn mất tánh, chạy khắp Đông Tây gặp ai cũng hỏi: "Ai thấy con tôi ?". Vậy thì, Bà-la-môn ! Ân ái biệt ly khổ, oán ghét tụ hội khổ. Đây đều không có hoan lạc.

Ngày xưa trong thành Xá-vệ này, lại có người mất mẹ già, cũng cuồng loạn chẳng biết gì cả. Lại

có người mất cha già; lại cũng có anh em, chị em thầy đều vô thường. Họ thấy sự biến đổi vô thường này sanh ra cuồng loạn chẳng biết Đông Tây.

Này Bà-la-môn ! Ngày xưa trong thành Xá-vệ này, có một người vừa rước một người vợ đoan chánh vô song về. Bấy giờ ông ta không bao lâu bị nghèo cùng. Cha mẹ vợ ông ta thấy ông ta nghèo liền nghĩ:

— “Ta hãy đoạt con gái về gả cho người khác.”

Người kia rình nghe cha mẹ vợ muốn đoạt vợ mình để gả cho người khác. Bấy giờ, ông ta dắt dao bén trong áo rồi đến nhà vợ. Bà vợ ông ta đang ngồi dệt ở ngoài vách. Ông ta bước vào nhà cha mẹ vợ hỏi:

— “Nay vợ tôi ở đâu ?”

Mẹ vợ đáp:

— “Vợ con đang dệt ở bóng mát ngoài bờ tường.”

Ông ta liền đến chỗ vợ hỏi:

— “Cha mẹ nàng muốn đoạt nàng để gả cho người khác phải không ?”

Vợ đáp:

— “Thật có lời này, nhưng tôi không ưa nghe nói vậy.”

Bấy giờ người kia rút dao bén đâm chết vợ, rồi lại tự đâm vào bụng mình và nói:

— “Cả hai ta cùng chết.”

Này Bà-la-môn, hãy dùng phương tiện này mà biết ân ái biệt ly, oán ghét hội họp khổ. Đây đều là buồn lo thật chẳng thể nói được.

Bấy giờ Bà-la-môn Trúc-bác bạch Thế Tôn:

— Đúng vậy Thế Tôn ! Có các thứ khổ nào này thực chẳng vui. Vì sao thế ? Xưa con có một đứa con trai nó chết đi, bỏ con, ngày đêm con nhớ mãi chẳng rời tâm. Rồi con vì nhớ con, tâm ý cuồng hoặc, chạy khắp Đông Tây, gặp người liền hỏi: “Ai thấy con tôi ?”. Nay Sa-môn Cù-đàm nói thật đúng như thế. Việc nước bận rộn, con muốn về nhiệm sở.

Thế Tôn dạy:

— Nay là đúng lúc.

Bà-la-môn Trúc-bác liền từ chỗ ngồi đứng lên, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi đi. Đến chỗ phu nhân Mạt-lợi đem việc này tâu đầy đủ cho phu nhân. Phu nhân Mạt-lợi liền đến chỗ vua Ba-tư-nặc thưa:

— Bây giờ tôi có chỗ muốn hỏi, mong Đại vương nghe rồi trả lời từng việc một. Thế nào ? Đại vương có nhớ vương tử Lưu Ly chăng ?

Vua đáp:

— Rất nhớ, thương xót không rời lòng.

Phu nhân hỏi:

— Nếu vương tử chết đi, Đại vương có lo chẳng ?

Vua lại đáp:

— Đúng vậy, phu nhân ! Như lời bà nói.

Phu nhân hỏi:

— Đại vương nên biết ân ái biệt ly đều gây sâu lo. Thế nào ? Đại vương có nhớ Vương tử Y La chẳng ?

Vua đáp:

— Ta rất yêu kính.

Phu nhân hỏi:

— Đại vương ! Nếu vương tử chết đi, Đại vương có sâu lo chẳng ?

Vua đáp:

— Rất sâu lo.

Phu nhân bảo rằng:

— Hãy lấy phương tiện này mà biết ân ái biệt ly không có hoạn lạc. Thế nào ? Đại vương có nhớ Tát-la-đà dòng Sát-lợi không ?

Vua đáp:

— Rất yêu kính, nhớ nghĩ.

Phu nhân nói:

— Thế nào Đại vương, giả sử phu nhân Tát-la-đa có sự biến đổi, Đại vương có lo không ?

Vua đáp:

— Có lo sâu chứ !

Phu nhân nói:

— Đại vương nên biết ân ái biệt ly, đây đều là khổ.

Phu nhân lại nói:

— Vua nhớ thiếp chăng ?

Vua nói:

— Ta yêu nhớ Ái khanh.

Phu nhân nói:

— Giả sử thân thiếp biến đổi, Đại vương có buồn lo không ?

Vua nói:

— Nếu thân Khanh có gì biến đổi, thì ta buồn lo ngay.

— Đại vương, hãy dùng phương tiện này mà biết ân ái biệt ly, oán ghét gặp gỡ không có vui vẻ gì.

Phu nhân lại nói:

— Thế nào Đại vương ? Có nhớ nhân dân Ca-thi Câu-tát-la không ?

— Ta rất yêu nhớ nhân dân Ca-thi Câu-tát-la.

Phu nhân nói:

— Nhân dân Ca-thi Câu-tát-la giả sử biến đổi, Đại vương có buồn lo không ?

Vua nói:

— Nhân dân Ca-thi Câu-tát-la nếu có biến đổi thì mạng ta cũng chẳng còn, huống là chỉ buồn lo. Vì sao thế ? Ta nhờ sức của nhân dân nước Ca-thi Câu-tát-la mới được tồn tại. Dùng phương tiện này biết mạng cũng chẳng còn, hà huống chẳng sanh buồn lo !

Phu nhân nói:

— Lấy đây mà biết: ân ái biệt ly đều có cái khổ này, không có vui vẻ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay hướng về Thế Tôn mà nói:

— Thật kỳ lạ ! Thật kỳ lạ ! Thế Tôn nói được pháp này. Nếu Sa-môn Cù-đàm đến đây, tôi sẽ cùng bàn luận.

Vua lại bảo phu nhân:

— Từ đây về sau, ta sẽ lại xem trọng Khanh hơn ngày thường, cho mang đồ phục sức không khác ta.

Bấy giờ Thế Tôn nghe phu nhân Mạt-lợi cùng Đại vương lập căn bản luận này, liền bảo các Tỳ-kheo:

— Phu nhân Mạt-lợi rất thông minh. Nếu vua Ba-tư-nặc hỏi Ta lời này, Ta cũng lấy nghĩa này mà nói cho vua ấy giống như phu nhân đã nói không khác. Ngài lại bảo các Tỳ-kheo:

— Trong hàng Thanh văn của Ta, Ưu-bà-di chúng đặc lòng tin kiên cố thuần thành bậc nhất là phu nhân Mạt-lợi.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Bạt-kỳ, trong vườn Nai rừng Quỷ, núi Thi-mục-ma-la.

Bấy giờ trưởng giả Na-ưu-la-công đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên, chốc lát lui ngồi bạch Thế Tôn:

— Nay con già cả lại thêm bệnh tật, nhiều điều ưu não, cúi mong Thế Tôn tùy thời dạy dỗ khiến chúng sanh được an ổn lâu dài.

Bấy giờ Thế Tôn bảo trưởng giả rằng:

— Đúng như lời Ông nói, thân có nhiều sợ hãi,

đau đớn, đau thể nung cạy, chỉ có một lớp da mỏng che đầy bên ngoài. Nay Trưởng giả, nên biết người ỷ lại thân này, chính là được cái vui trong chốc lát. Đây là tâm ngu ngốc, chẳng phải điều người trí tuệ quý. Thế nên Trưởng giả, tuy thân có bệnh hãy khiến tâm không bệnh. Như thế, Trưởng giả, hãy học điều này !

Bấy giờ trưởng giả nghe nói như thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy cúi lạy Thế Tôn rồi lui ra.

Bấy giờ Trưởng giả lại nghĩ: “Nay ta có thể đến hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩa này.”

Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới gốc cây cách đó không xa. Bấy giờ Na-ưu-la-công đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, quỳ lạy rồi ngồi một bên.

Tôn giả Xá-lợi-phất bèn hỏi trưởng giả:

— Nhan mạo Ông vui hòa, các căn tịch tĩnh ắt có lý do. Nay Trưởng giả, chắc Ông đã nghe Phật nói pháp phải không ?

Trưởng giả bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Thế nào Tôn giả Xá-lợi-phất ? Làm sao nhan mạo không vui vẻ được ? Vì sao thế ? Vì tôi được Thế Tôn đem pháp cam lộ tưới rót vào lòng.

Trưởng giả đáp tiếp:

đau đớn, đau thể nung cạy, chỉ có một lớp da mỏng che đây bên ngoài. Nay Trưởng giả, nên biết người ỷ lại thân này, chính là được cái vui trong chốc lát. Đây là tâm ngu ngốc, chẳng phải điều người trí tuệ quý. Thế nên Trưởng giả, tuy thân có bệnh hãy khiến tâm không bệnh. Như thế, Trưởng giả, hãy học điều này !

Bấy giờ trưởng giả nghe nói như thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy cúi lạy Thế Tôn rồi lui ra.

Bấy giờ Trưởng giả lại nghĩ: “Nay ta có thể đến hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩa này.”

Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới gốc cây cách đó không xa. Bấy giờ Na-ưu-la-công đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, quỳ lạy rồi ngồi một bên.

Tôn giả Xá-lợi-phất bèn hỏi trưởng giả:

— Nhan mạo Ông vui hòa, các căn tịch tĩnh ắt có lý do. Nay Trưởng giả, chắc Ông đã nghe Phật nói pháp phải không ?

Trưởng giả bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Thế nào Tôn giả Xá-lợi-phất ? Làm sao nhan mạo không vui vẻ được ? Vì sao thế ? Vì tôi được Thế Tôn đem pháp cam lộ tưới rót vào lòng.

Trưởng giả đáp tiếp:

— Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi đến chỗ Thế Tôn quỳ lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ tôi bạch Thế Tôn: “Con tuổi già sức yếu hằng ôm bệnh tật, khổ đau rất nhiều không thể tính kể, cúi mong Thế Tôn, phân biệt thân này khiến khắp chúng sanh đạt được an ổn”. Bấy giờ Thế Tôn bảo tôi rằng: “Đúng vậy Trưởng giả ! Thân này có nhiều suy mòn đau khổ, chỉ có lớp da mỏng che đậy bên ngoài. Trưởng giả nên biết, người nung cây thân này, chính có thể vui chốc lát mà chẳng biết bị khổ vô lượng lâu dài. Thế nên Trưởng giả, thân này tuy có hoạn nạn, nên khiến cho tâm đừng lo hoạn. Như thế Trưởng giả, nên học điều này”. Thế Tôn dùng pháp cam lộ này tưới rót cho tôi.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Thế nào Trưởng giả ? Sao không hỏi lại Thế Tôn nghĩa này: Thế nào là thân có hoạn mà tâm không hoạn ? Thế nào là thân có bệnh, tâm không bệnh ?

Trưởng giả bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Thật sự tôi đã không đem việc này hỏi lại Thế Tôn là thân có hoạn, tâm không hoạn; thân có bệnh, tâm không bệnh. Tôn giả Xá-lợi-phất ! Tôn giả chắc rõ việc này, mong phân biệt đầy đủ cho.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ giảng rộng nghĩa này cho Ông.

— Xin vâng, Tôn giả Xá-lợi-phất.

Trưởng giả vâng lời dạy rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Ông ta:

— Ở đây, Trưởng giả ! Người phạm phu chẳng gặp Thánh nhân, chẳng được Thánh giáo, chẳng theo sự dạy dỗ này, cũng chẳng gặp Thiện tri thức, chẳng theo hầu Thiện tri thức; họ chấp sắc là ngã, sắc là của ngã, ngã là của sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, sắc kia sắc ta hội hợp một chỗ. Sắc kia sắc ta đã hội hợp một chỗ rồi, sắc liền bại hoại, dời đổi chẳng dừng, trong đó lại khởi sầu lo khổ, não; cũng vậy đối với thọ, tưởng, hành thức đều quán ngã có thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức, thức kia thức ta hội hợp một chỗ. Thức kia thức ta đã hợp một chỗ rồi, thức liền bại hoại, dời đổi chẳng dừng, trong đó lại khởi sầu, lo, khổ, não. Như thế Trưởng giả, thân cũng có hoại, tâm cũng có hoại.

Trưởng giả hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Thế nào là thân có hoại, tâm không có hoại ?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Ở đây, Trưởng giả ! Đệ tử bậc Hiền Thánh thừa sự Thánh Hiền, tu hành cấm pháp, theo hầu Thiện tri thức, thân cận Thiện tri thức. Người đó không quán ngã có sắc, chẳng thấy trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, chẳng thấy sắc là của ngã, ngã là của sắc. Sắc kia dời chuyển chẳng dừng. Sắc kia đã chuyển đổi, chẳng sanh hoạn sâu, lo, khổ, não theo sắc, cũng lại không thấy thọ, tưởng, hành, thức; chẳng thấy trong thức có ngã, trong ngã có thức, cũng chẳng thấy thức là của ngã, cũng chẳng thấy ngã là của thức. Thức kia thức ngã đã hội một chỗ, thức liền bại hoại, trong đây không khởi buồn, lo, khổ, não. Như vậy Trưởng giả ! Thân có hoạn mà tâm không hoạn. Thế nên Trưởng giả, hãy học tập như thế, trừ thân bỏ tâm, cũng không nhiễm trước. Nay Trưởng giả, nên học điều này.

Bấy giờ Na-ưu-la-công nghe Xá-lợi-phất dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp cho vài ngàn muôn chúng vây quanh trước sau. Lúc đó Bà-la-môn

Giang Trắc thân gánh một gánh nặng đến chỗ Thế Tôn, đến rồi đặt gánh xuống đến một bên Thế Tôn, và đứng lặng yên. Bảy giờ Bà-la-môn đó suy nghĩ thế này: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm vì mấy ngàn muôn chúng vây quanh trước sau mà thuyết pháp. Ta nay thanh tịnh không khác gì Sa-môn Cù-đàm. Vì sao thế ? Sa-môn Cù-đàm ăn lúa gạo tốt, các thứ ngon lành. Nay ta ăn quả trái để tự nuôi mạng sống.”

Bảy giờ Thế Tôn đã biết tâm niệm Bà-la-môn liên bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có chúng sanh đem hai mươi một kiết làm dính mắc tâm, nên biết người đó ắt dọa đường ác chẳng sanh cõi lành. Thế nào là hai mươi một kiết ? Đó là sân tâm kiết, nuế hại tâm kiết, thù miên tâm kiết, điều hý tâm kiết, nghi tâm kiết, nộ tâm kiết, ky tâm kiết, não tâm kiết, tật tâm kiết, tăng tâm kiết, vô tầm tâm kiết, vô quý tâm kiết, huyễn tâm kiết, gian tâm kiết, ngụy tâm kiết, tranh tâm kiết, kiêu tâm kiết, mạn tâm kiết, đố tâm kiết, tăng thượng mạn tâm kiết, tham tâm kiết. Nay các Tỳ-kheo, nếu người có hai mươi một kiết làm dính mắc tâm này, nên biết người đó ắt dọa đường ác chẳng sanh cõi lành. Ví như áo lông dạ trắng mới, lâu ngày cũ nát có nhiều bụi bặm, ý muốn nhuộm thành màu xanh, vàng, đỏ, đen trộn chẳng thành

được. Vì sao ? Vì có bụi bặm. Như thế, này Tỳ-kheo, nếu có người đem hai mươi mốt kiết làm dính mắc tâm này, hãy quán người này ắt đọa đường ác chẳng sanh cõi lành. Nếu lại có người không có hai mươi mốt kiết làm dính mắc tâm này, nên biết người đó ắt sanh lên trời, không rơi trong địa ngục; ví như da trắng sạch, mới tùy ý muốn nhuộm màu nào: xanh, vàng, đỏ, đen ắt thành màu đó, trọn chẳng bại hoại. Vì sao như thế ? Vì nó sạch vậy. Đây cũng như thế, ai không có hai mươi mốt kiết này làm dính mắc tâm nên biết người này ắt sanh lên Trời, không rơi đường ác. Nếu đệ tử bậc Hiền Thánh kia khởi sân nhuế tâm kiết, quán rồi liền có thể dùng được; khởi nhuế hại tâm kiết, khởi thù miên tâm kiết, khởi điều hý tâm kiết, khởi nghi tâm kiết, khởi nộ tâm kiết, khởi kỵ tâm kiết, khởi não tâm kiết, khởi tật tâm kiết, khởi tăng tâm kiết, khởi vô tâm tâm kiết, khởi vô úy tâm kiết, khởi huyễn tâm kiết, khởi gian tâm kiết, khởi nguy tâm kiết, khởi tranh tâm kiết, khởi kiêu tâm kiết, khởi mạn tâm kiết, khởi đố tâm kiết, khởi tâm thượng mạn tâm kiết, khởi tham tâm kiết. Nếu đệ tử bậc Hiền Thánh kia không sân, không nhuế, không có ngu hoặc; tâm ý vui hòa, dùng tâm từ rải khắp một phương mà tự vui thú: phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư cũng lại như thế; bốn phía trên,

dưới, đối với một trong tất cả cũng thế. Tất cả thế gian vô hạn vô lượng không thể tính kể; tâm không giận dữ mà tự du hí, tâm từ này rải khắp trong đó, được hoan hỉ rồi, tâm ý liền chính.

Lại dùng tâm bi rải khắp một phương mà tự vui thú phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư cũng lại như thế; bốn phía, trên dưới, một trong tất cả cũng vậy. Tất cả thế gian dùng vô lượng, vô hạn cũng không thể tính kể; tâm không giận dữ mà tự du hí, đem tâm bi rải khắp trong đó, được hoan hỉ rồi, tâm ý liền chính.

Lại dùng tâm hỉ rải khắp một phương mà tự vui thú; phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư cũng vậy; bốn phía, trên, dưới, một trong tất cả cũng vậy. Tất cả thế gian dùng vô lượng, vô hạn không thể tính kể; tâm không giận dữ mà tự du hí, dùng tâm hỉ này rải khắp trong đó, được hoan hỉ rồi, tâm ý liền chính.

Lại dùng tâm xả (hộ) rải khắp một phương mà tự vui thú; phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư cũng vậy; bốn phía, trên, dưới, một trong tất cả cũng vậy. Tất cả thế gian dùng vô lượng, vô hạn không thể tính kể; tâm không giận dữ mà tự du hí, đem tâm xả này tràn khắp trong đó, được hoan hỉ rồi, tâm ý liền chính.

Lại đối với Như Lai thành tựu tín căn, căn bản không dời, dựng cờ cao hiển không thể di động. Chư Thiên, Long Thần, A-tu-la, Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Người đời, trong đây được hoan hỷ, tâm ý liên chính. Đây là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, trong đây được hoan hỷ, tâm ý liên chính.

Cũng lại thành tựu đối với pháp. Pháp của Như Lai rất là thanh tịnh, không thể dời đổi, được người yêu kính. Như vậy người trí nên quán điều này, liền ở trong đó được hoan hỷ, tâm ý liên chính.

Cũng lại thành tựu đối với chúng. Thánh chúng của Như Lai rất là thanh tịnh, tánh hạnh thuần hòa, pháp pháp thành tựu, giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát kiến tuệ thành tựu. Thánh chúng gồm bốn đôi tám bậc. Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng yêu, đáng quý, thật đáng thừa sự; trong đây được hoan hỷ, tâm ý liên chính.

Người ấy lại dùng tam-muội này, tâm được thanh tịnh không có vết nhơ. Các kiết liên dứt sạch, cũng không nhiễm ô, tánh hạnh nhu nhuyến, có được thân thông, liền tự biết được việc của vô

lượng đời trước. Từ nơi nào đến đều biết hết, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời; kiếp thành bại, kiếp không thành, hoại, vô số kiếp thành, hoại, vô số kiếp không thành, hoại. “Ta từng ở chỗ kia, tự là gì, tên gì, họ gì, sanh như thế, ăn như thế, chịu khổ vui như thế, thọ mạng ngắn hay dài. Từ chỗ kia chết, sanh chỗ nọ, từ chỗ kia chết sanh ở đây.” Như thế tự biết việc vô số kiếp trước.

Lại do tam-muội này, tâm thanh tịnh không có vết nhơ, biết tâm chúng sanh nghĩ việc gì. Người đó lại dùng Thiên nhãn xem có người sanh, có người chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác; hoặc tốt hoặc xấu tùy hạnh của chúng sanh, đã tạo quả báo thấy đều biết hết. Hoặc có chúng sanh thân làm ác, miệng làm ác, tâm làm ác, phỉ báng Hiền Thánh, tạo hạnh tà kiến, thân hoại mạng chung sanh trong ba đường ác, trong địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân làm thiện, miệng nói thiện, tâm nghĩ thiện, không phỉ báng Hiền Thánh, chánh kiến không có tà kiến, thân hoại mạng chung sanh chỗ lành, lên Trời. Đó là thiên nhãn thanh tịnh xem các loài chúng sanh, có người sanh, có người chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác, hoặc

tốt, hoặc xấu tùy hạnh chúng sanh, quả báo tạo ra thấy đều biết hết.

Người đó lại dùng tam-muội này, tâm thanh tịnh không vết nhơ, không có kiết sử, tâm tánh nhu nhuyễn được thần thông. Lại dùng lậu tận thông mà tự vui thú. Người đó quán khổ này, biết như thực. Lại quán khổ tập, lại quán khổ tận, lại quán khổ xuất yếu, biết như thực. Người đó quán như thế xong, tâm dục lậu được giải thoát, tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu được giải thoát. Được giải thoát rồi liền được trí giải thoát: “Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa”, biết như thực.

Như thế, này Tỳ-kheo, đệ tử bậc Hiền Thánh tâm được giải thoát, tuy có ăn cao lương mỹ vị, các thứ ngon lành nhiều như Tu-di cũng trọn không tội. Vì sao ? Vì không dục ái, đã dứt sạch dục ái vậy; vì không sân, đã dứt sân vậy; vì không ngu si, đã dứt ngu si vậy. Đây là Tỳ-kheo ở trong Tỳ-kheo, đã tắm rửa sạch sẽ hoàn toàn bên trong.

Bấy giờ Bà-la-môn ở cạnh bờ sông bạch Thế Tôn rằng:

— Sa-môn Cù-đàm có thể đến bên sông Tôn-đà-la tắm rửa.

Thế Tôn bảo rằng:

— Thế nào Bà-la-môn, sao gọi đó là nước sông Tôn-đà-la ?

Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

— Nước sông Tôn-đà-la, phước của nó rất thâm sâu, là ánh sáng của đời. Nếu có nhân vật nào tắm tại nước sông đó, tất cả các ác đều trừ sạch cả.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Thân này vô số kiếp,
Từng đến tắm sông kia,
Và các ao vũng nhỏ,
Không đâu không trải khắp.
Người ngu thường thích đó,
Mơ ám không thanh tịnh,
Tội cũ đầy trong thân,
Sông kia sao cứu được.
Người tịnh thường an lạc,
Người giữ giới cũng vậy,
Người sạch làm hạnh sạch,
Kia nguyện tất quả thành.
Hộ trì, không chấp thủ
Hành từ không sát sanh,
Giữ thành thật không dối,
Tâm bi không tăng giảm.*

*Nay Ông tắm ở đây,
Ất được chỗ an ổn,
Sông kia đến chỗ nào,
Như mù nhảy vào tối.*

Bấy giờ Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

— Thật đầy đủ, thật đầy đủ ! Thừa Cù-đàm ! Ví như người gù được thẳng, người tối được sáng, người mê được thấy đường, như đèn sáng trong nhà tối, làm con mắt cho người không mắt. Như vậy, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện thuyết diệu pháp này. Nguyên xin cho con hành đạo.

Bấy giờ Bà-la-môn ở cạnh bờ sông liền được nhập đạo, thọ giới cụ túc. Cũng như người nào có tâm xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng mong đạt đến: “Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa”, vị ấy như thực rõ biết. Lúc này, Tôn giả Tôn-đà-la-đế-lợi thành bậc A-la-hán.

Bấy giờ Tôn giả Tôn-đà-la-đế-lợi nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyet, trong núi Kỳ-xà-quật cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bảy giờ Thích-đê-hoàn-nhân lúc trời đã về chiều liền đến chỗ Thế Tôn, quỳ lạy rồi ngồi một bên. Bảy giờ Thích-đê-hoàn-nhân liền dùng kệ tụng hỏi nghĩa Như Lai:

*Hay thuyết, hay tuyên bố,
Vượt dòng thành vô lậu,
Để qua vực sanh tử,
Nay hỏi nghĩa Cù-đàm.
Con quán chúng sanh này,
Việc tạo nghiệp phước đức,
Tạo các hạnh đường ấy,
Thí ai, phước tối tôn ?
Nay con tại Linh Thứu,
Xin mong giảng nghĩa này,
Biết ý thú của Ngài,
Cũng vì người thí nói.*

Bảy giờ Thế Tôn dùng kệ đáp:

*Bốn đường tạo phước không,
Bốn quả đầy đủ thành,
Các người học được vết,
Nên tin phụng pháp này.
Không dục cũng không giận,
Hết si thành vô lậu,
Vượt hết tất cả vực,*

*Thí kia thành quả lớn.
Các loại chúng sanh này,
Chỗ tạo nghiệp phước đức,
Tạo hạnh bao nhiêu thứ,
Thí Tăng, được phước nhiều.
Chúng này độ vô lượng,
Như biển xuất trần bảo,
Thánh chúng cũng như vậy,
Diễn pháp tuệ quang minh.
Cù-đàm chỗ lành kia,
Người hay thí chúng Tăng,
Được phước không thể kể,
Bậc tối thắng đã nói.*

Khi Thích-đề-hoàn-nhân nghe Phật dạy xong, quỳ lạy Phật rồi lui ra.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyet, trong núi Kỳ-xà-quật cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề, cũng tại thành Vương Xá, bên cạnh núi Kỳ-xà-quật, làm riêng một thất lợp lá để tự thiên tu. Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề thân bị khổ hoạn rất trầm trọng, liền nghĩ rằng:

“Các thống khổ của ta đây sanh ra từ đâu, từ đâu diệt, rồi đi về đâu ?”

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề liền ở ngoài trời trái tọa cụ, chánh thân chánh ý, chuyên chú nhất tâm, ngồi kiết-già, suy nghĩ các nhập, dục hại thống khổ.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân, biết ý nghĩ của Tôn giả Tu-bồ-đề, liền dùng kệ sai Ba-giá-tuần rằng:

*Thiện nghiệp, thoát trối buộc,
Ở tại núi Linh Thứu,
Nay bị bệnh rất nặng,
Vui không, các căn định.
Mau đến thăm hỏi bệnh,
Săn sóc tôn thượng nhân,
Sẽ thấu được phước lớn,
Trống đức không gì hơn.*

Ba-giá-tuần đáp:

— Xin vâng, Tôn giả.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân đem năm trăm Thiên nhân và Ba-giá-tuần; ví như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay, liền biến mất khỏi cõi trời Ba mươi ba; hiện đến núi Linh Thứu, cách Tôn giả Tu-bồ-đề không xa, lại dùng kệ bảo Ba-giá-tuần rằng:

Nay Ông biết Thiện Nghiệp,

*Vui Thiên định tam-muội,
Tiếng nhu hòa thanh tịnh,
Nay khiến từ thiên dậy.*

Ba-giá-tuần đáp:

— Xin vâng !

Bấy giờ Ba-giá-tuần nghe lời Thích-đề-hoàn-nhân, liền đem đàn lưu ly đến trước Tu-bồ-đề, rồi dùng kệ này khen Tu-bồ-đề rằng:

*Kiết tận trọn vô dư,
Các niệm không lấm lẩn,
Các trần cấu đều dứt,
Nguyên mau từ Thiên tỉnh.
Tâm dừng, qua sông hữu,
Hàng ma độc các kiết,
Công đức như biển lớn,
Nguyên mau từ Định khởi.
Mắt sạch như hoa sen,
Các uế trọn chẳng vương,
Vô quy cùng tác quy,
Không Định, hãy mau dậy.
Vượt bốn dòng vô vi,
Khéo giải không già bệnh,
Để thoát nạn hữu vi,
Cúi mong giờ Định tỉnh (giác).*

*Năm trăm trời ở trên,
Thích chủ cũng thân đến,
Muốn hầu Thánh tôn nhan,
Giải không ! Hỡi mau dậy !*

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề liền từ tòa đứng dậy, rồi khen Ba-giá-tuần rằng:

— Lành thay, Ba-tuần ! Nay tiếng Ông cùng tiếng đàn hòa, đàn cùng tiếng hòa, không khác. Mà tiếng đàn không rời tiếng ca, tiếng ca không rời tiếng đàn, hai việc hợp với nhau mới thành tiếng hay.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân liền đến chỗ Tôn giả Tu-bồ-đề, quỳ lạy rồi ngồi một bên. Lúc ấy, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Tu-bồ-đề:

— Ngài Thiện Nghiệp bị bệnh khổ có tăng giảm không ? Nay thân này bệnh từ đâu sanh, từ thân sanh chăng, ý sanh chăng ?

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề bảo Thích-đề-hoàn-nhân rằng:

— Lành thay, Câu Dục ! Pháp pháp tự sanh, pháp pháp tự diệt; pháp pháp cùng động, pháp pháp tự dừng. Ví như, này Câu Dục, có độc dược, lại có hại độc dược. Thiên Đế Thích ! Đây cũng như thế, pháp pháp cùng loạn, pháp pháp tự dừng; pháp có thể sanh pháp, pháp đen dùng pháp trắng trị,

pháp trắng dùng pháp đen trị. Thiên Đế Thích ! Người bệnh tham dục dùng bất tịnh trị, người bệnh sân giận dùng tâm từ trị, người bệnh ngu si dùng trí tuệ trị. Như thế, này Thích-đề-hoàn-nhân, tất cả pháp có đều quy về không; không ngã, không nhân, không thọ, không mạng, không sĩ, không phu, không hình, không tượng, không nam, không nữ. Ví như, này Thích-đề-hoàn-nhân ! Gió làm gãy đại thọ cành lá xác xơ, mưa đá làm hại mầm, hoa quả vừa tốt không nước bị héo, trời giáng mưa xuống nẩy mầm được tồn tại. Như thế, Thiên Đế Thích ! Pháp pháp cùng loạn, pháp pháp tự định. Ta vốn bệnh hoạn đau đớn khổ não. Hôm nay đã trừ không còn hoạn khổ nữa.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân bạch Tu-bồ-đề rằng:

— Tôi cũng có sầu, lo, khổ, não. Nay nghe pháp này không còn sầu, lo nữa. Các việc bận rộn, muốn trở về Trời, việc mình cũng có và các việc Trời đều rất nhiều.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

— Nay chính là lúc nên đi.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân liền từ chỗ ngồi

đứng lên, quỳ lạy Tôn giả Tu-bồ-đề, nhiễu ba vòng rồi đi.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề liền nói kệ:

*Năng nhân nói lời này,
Căn bản đều đầy đủ,
Người trí được an ổn,
Nghe pháp dứt các bệnh.*

Bấy giờ Thích-đế-hoàn-nhân nghe Tôn giả Tu-bồ-đề nói xong, vui vẻ vâng làm.

*Điều-đạt và hai kinh,
Da và Lợi-sư-la
Trúc-bác, Tôn-đà-lợi
Thiện Nghiệp, Thích-đế-hoàn.*

*
* *

XIV. PHẨM NGŨ GIỚI

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã làm, đã làm nhiều thành hạnh địa ngục, hạnh súc sanh, hạnh ngạ quỷ, nếu sanh trong loài người thọ mạng rất ngắn, như là sát sanh.

Này các Tỳ-kheo ! Nếu có người ý thích sát sanh liên địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu sanh trong loài Người thọ mạng rất ngắn. Vì sao thế ? Vì đoạn dứt mạng kẻ khác vậy. Thế nên, hãy học chớ sát sanh. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành rồi, đã thực hành nhiều rồi được hưởng phước trong loài Người, hưởng phước trên Trời, được chứng Niết-bàn như là chẳng sát sanh.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có người chẳng hành sát sanh, cũng không nghĩ giết, thọ mạng rất dài. Vì sao thế ? Vì họ không nhiều loạn vậy. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên học chẳng sát sanh. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã được thực hành, thực hành nhiều rồi lại thành hạnh địa ngục, hạnh ngã quý, hạnh súc sanh, nếu sanh trong loài Người rất là nghèo túng, áo không đủ che thân, cơm chẳng đầy miệngn như là việc ăn trộm.

Này các Tỳ-kheo ! Nếu có người ý thích trộm cắp lấy tài vật của người khác, liền đọa trong ngã quý, súc sanh; nếu sanh trong loài Người rất là nghèo túng. Vì sao thế ? Vì đoạn dứt nghiệp sống của người khác. Thế nên các Tỳ-kheo, hãy học đừng lấy của chẳng cho. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành, thực hành nhiều rồi hưởng phước trong loài Người, hưởng phước trên Trời, được chúng Niết-bàn, như là bố thí rộng rãi.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có người rộng hành bố thí, ở đời hiện tại được sắc đẹp được sức lực, được đầy đủ, trên Trời, trong loài Người hưởng phước vô lượng. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên hành bố thí, chớ có tâm keo kiệt. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào thực hành rồi, đã thực hành nhiều rồi thành hạnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu sanh trong loài Người ở nhà gian dâm không có tịnh hạnh, bị người chê bai, thường bị phỉ báng. Thế nào là một pháp ? Đó là tà dâm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có người dâm dật vô độ, thích xâm phạm vợ người, liên dọạ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu sanh trong loài Người, khuê môn dâm loạn. Thế nên các Tỳ-kheo thường nên chính

ý, chớ khởi nghĩ dâm, cẩn thận chớ dâm người khác. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành, thực hành nhiều rồi, hưởng phước trong loài Người, hưởng phước trên Trời, chúng được Niết-bàn, như là không tà dâm, thân thể thơm sạch cũng không có ý tưởng tà vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có người tinh khiết không dâm liên hưởng phước trong loài Người, trên Trời. Thế nên các Tỳ-kheo, chớ hành tà dâm làm hưng khởi ý dâm. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành, thực hành nhiều rồi thành hạnh địa ngục, hạnh ngã quý, súc sanh, nếu sanh trong loài Người thì hơi miệng hôi thối, làm người chán ghét, như là vọng ngữ. Nay các Tỳ-kheo, nếu có người nói dối, nói thêu dệt, cãi lẩy thị phi, liên đoạ trong súc sanh, ngã quý. Vì sao thế ? Vì nói dối vậy. Thế nên hãy chí thành, không được vọng ngữ. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành, thực hành nhiều rồi hưởng phước trong loài Người, hưởng phước trên Trời, chứng được Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Đó là không nói dối. Các Tỳ-kheo, người không vọng ngữ hơi miệng thơm tho, tiếng tăm vang xa. Thế nên các Tỳ-kheo, nên hành không vọng ngữ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành, thực hành nhiều rồi chịu tội súc sanh, ngựa quý, địa ngục. Nếu sanh trong loài Người thì cuồng, ngu si, hoặc, chẳng biết chân, ngụy như là uống rượu. Nay các Tỳ-kheo, nếu có người tâm thích uống rượu, chỗ sanh ra không có trí tuệ, thường chịu ngu si. Như thế, này Tỳ-kheo, cẩn thận chớ uống rượu. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào hơn pháp này: đã thực hành, thực hành

nhiều rồi hưởng phước trong loài Người, hưởng phước trên Trời, chúng được Niết-bàn. Thế nào là một pháp ? Đó là không uống rượu. Nay các Tỳ-kheo, nếu có người chẳng uống rượu, sanh ra liên thông minh không có ngu dốt, biết rộng nhớ nhiều, ý không nhầm lẫn. Như thế, nay các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Kinh Địa ngục thứ năm,
Đây gọi hạnh bất thiện,
Còn năm, Trời và Người,
Khiến biết số thứ tự.*

*
* *

XV. PHẨM HỮU VÔ

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nên biết có hai kiến (chấp) này. Thế nào là hai ? Nghĩa là hữu kiến và vô kiến. Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với hai kiến này đã học tập, đã tụng đọc, trọn không theo pháp, như thực chẳng biết. Đây chẳng phải là Sa-môn, Bà-la-môn. Ở trong Sa-môn thì phạm pháp Sa-môn, ở trong Bà-la-môn thì phạm pháp Bà-la-môn. Sa-môn, Bà-la-môn này trọn chẳng do thân tác chứng mà tự du hí.

Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với hai kiến này tụng đọc, nghĩ nhớ biết xả bỏ, như thực mà biết. Đây là Sa-môn biết giữ hạnh Sa-môn, Bà-la-môn

biết giữ hạnh Bà-la-môn, tự thân thủ chúng, để tự du hí; sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Thế nên, các Tỳ-kheo, đối với hai kiến này, chẳng nên học hành, chẳng nên đọc tụng, nên liả bỏ hẳn. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai kiến này. Thế nào là hai kiến ? Đó là hữu kiến và vô kiến. Thế nào là hữu kiến ? Nghĩa là dục hữu kiến, sắc hữu kiến, vô sắc hữu kiến. Thế nào là dục hữu kiến ? Nghĩa là ngũ dục. Thế nào là ngũ dục ? Nghĩa là mắt thấy sắc rất yêu thích nghĩ nhớ. Người đời tôn thờ chưa từng xa lìa; như tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc chạm, ý rõ các pháp. Đó là hữu kiến.

Thế nào gọi là vô kiến ? Nghĩa là thấy hữu thường và thấy vô thường. Có cái thấy đoạn diệt và thấy không đoạn diệt; thấy hữu biên, thấy vô biên;

thấy có thân, thấy không thân; thấy có mạng, thấy không mạng; thấy thân khác, thấy mạng khác. Sáu mươi hai kiến (chấp) này gọi là vô kiến, cũng chẳng phải là chân kiến. Đó gọi là vô kiến.

Thế nên, các Tỳ-kheo, nên bỏ hai kiến này. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai sự bố thí này. Thế nào là hai ? Đó là pháp thí và tài thí. Nay các Tỳ-kheo ! Bố thí hơn hết không gì qua pháp thí. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên thường học pháp thí. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai nghiệp. Thế nào là hai nghiệp ? Có pháp nghiệp và có tài nghiệp. Nghiệp trên hết không gì qua pháp nghiệp. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên học pháp nghiệp, chớ học tài nghiệp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai ơn này. Thế nào là hai ? Đó là ơn pháp và ơn tài. Hơn hết trong các ơn, không gì qua ơn pháp. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành ơn pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Người ngu si có hai thứ tướng mạo. Thế nào là hai ? Ở đây, người ngu đối với việc không

đáng làm mà làm, việc làm sắp xong thì chán bỏ. Đó là, này các Tỳ-kheo, người ngu có hai tướng mạo này.

Lại nữa, Tỳ-kheo, người trí có hai tướng mạo. Thế nào là hai ? Ở đây, người trí đối với việc không đáng làm thì không làm, việc làm gần xong không chán bỏ.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, hai tướng mạo của người ngu phải nên xa lìa. Nên nhớ tu hành hai tướng mạo của người trí. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai pháp này, trong tự suy xét chuyên chú một lòng cũng như lễ Như Lai. Thế nào là hai pháp ? Đó là trí tuệ và diệt tận.

Như thế Tỳ-kheo đối hai pháp này trong tự suy xét, chuyên chú một lòng cũng như lễ Như Lai. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai pháp này, trong tự suy xét, chuyên chú một lòng cũng như lễ Pháp bảo hay thần miếu của Như Lai. Thế nào là hai pháp ? Có lực, có vô úy. Như thế, Tỳ-kheo đối hai pháp này trong tự suy xét, chuyên chú một lòng như lễ Pháp bảo và thần miếu của Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai pháp này, trong tự suy xét, chuyên chú một lòng như lễ chùa của Như Lai. Thế nào là hai pháp ? Như Lai cùng người thế gian không có ai bằng. Như Lai có đại từ, đại bi, thương xót nhớ

nghĩ mười phương. Như thế, Tỳ-kheo đối hai pháp này, trong tự suy xét, chuyên chú một lòng như lễ chùa của Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai nhân, hai duyên khởi ra chánh kiến. Thế nào là hai ? Nhận lời dạy dỗ và suy nghĩ về chỉ, quán trong lòng. Như thế, Tỳ-kheo đối hai nhân, hai duyên khởi ra chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Nhị kiến và nhị thí,
Người ngu có hai tướng.
Lễ pháp, miếu Như Lai,
Chánh kiến ở sau cùng.*

*
* *

XVI. PHẨM HỎA DIỆT

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà ở trong vườn Tượng Hoa, lúc đó Tôn giả Nan-đà ở chỗ vắng vẻ liền nghĩ rằng:

— Như Lai ra đời rất khó gặp, ức kiếp mới xuất hiện, thật không thể thấy Như Lai trải qua một thời gian lâu xa mới xuất hiện; như hoa Ưu-đàm-bát xuất hiện, đây cũng như thế. Như Lai ra đời rất khó gặp, ức kiếp mới xuất hiện thật không thể thấy. Nơi này cũng khó gặp; tất cả hành thủy đều dứt hẳn, ái sạch không sót, cũng không ô nhiễm, diệt tận, Niết-bàn.

Bấy giờ có một Thiên tử Ma hạnh, biết được tâm tư của Tôn giả Nan-đà, liền đến chỗ Tôn-đà-lợi, con gái họ Thích; bay trên không, dùng bài tụng này tán thán:

*Nay Cô hãy vui vẻ,
Mặc đẹp, trời ngũ nhạc,
Nan-đà bỏ pháp phục,
Tương lai cùng vui thú.*

Bấy giờ cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi nghe Thiên tử nói xong, hoan hỷ nhảy nhót không dùng được, liền tự trang điểm, dọn dẹp nhà cửa, trải tọa cụ tốt, thổi kỹ nhạc như lúc Nan-đà còn ở nhà không khác.

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc đang nhóm tại giảng đường Phổ Hội, nghe Tỳ-kheo Nan-đà trả lại pháp phục, học tập nghiệp nhà. Vì sao thế ? Vì có vị Trời ở trên hư không bảo người vợ như thế. Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc nghe lời này xong lo buồn liền cỡi voi trắng đi đến vườn kia. Đến nơi, vào trong hồ Hoa Tượng, trông thấy Tôn giả Nan-đà từ xa, liền đến chỗ Nan-đà quỳ lạy rồi ngồi một bên.

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà bảo vua Ba-tu-nặc rằng:

— Vì sao Ngài lại đến đây, mặt mày biến sắc, có việc gì mà đến chỗ tôi ?

Vua Ba-tu-nặc đáp:

— Tôn giả nên biết, tôi ở giảng đường Phổ Tập, nghe Tôn giả bỏ pháp phục, sống lại đời bạch

y. Nghe lời này xong, nên mới đến đây. Chẳng rõ Tôn giả chỉ dạy thế nào ?

Lúc này Tôn giả Nan-đà cười nụ rồi chậm rãi bảo vua:

— Không thấy, không nghe, này Đại vương, tại sao lại nói như thế ? Đại vương, há không nghe Như Lai nói tôi đã trừ các kiết, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa, như thật mà biết; nay thành A-la-hán, tâm được giải thoát sao ?

Vua Ba-tu-nặc nói:

— Tôi chẳng nghe Như Lai nói Tỳ-kheo Nan-đà sanh tử đã dứt, đắc A-la-hán, tâm được giải thoát. Vì sao thế ? Có vị Trời đến bảo con gái họ Thích Tôn-đà-lợi như thế. Bấy giờ, phu nhân Tôn-đà-lợi nghe lời này rồi, liền xướng kỹ nhạc, sửa sang phục sức, trải các tọa cụ. Tôi nghe vậy, liền đến chỗ Tôn giả.

Nan-đà bảo vua:

— Vua chẳng biết, chẳng nghe, có sao lại nói thế ? Có các Sa-môn, Bà-la-môn lúc nào cũng vui cái vui ngưng dứt, vui thiện thế, vui Sa-môn, vui Niết-bàn này chẳng ai đã tự xem dâm như hầm lửa mà còn đến đó. Việc này không đúng. Xương như

vòng khóa, thịt như đông đá, như dao bôn mật, ngôi tham chút lợi nhỏ, chẳng lo cái hoạn về sau, cũng như trái nhiều thì cành gãy, cũng như mắc nợ không lâu phải trả, giống như rừng cây kiếm, cũng như thuốc độc hại, cũng như lá độc, như hoa trái độc. Tôi quán tâm dục này cũng lại như thế, mà còn có ý nhiễm trước thì việc này không đúng. Từ hăm lửa dục cho đến trái độc, nếu không quán việc này mà muốn qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu, và muốn vào cõi Vô dư Niết-bàn để Bát-niết-bàn. Việc này không đúng.

Đại vương nên biết ! Có các Sa-môn, Bà-la-môn quán sát: Đây là cái vui ngưng dứt, vui thiện thế, vui Sa-môn, vui Niết-bàn. Việc này ắt đúng. Người ấy quán sát như thế này: hiểu rõ hăm lửa tâm giống như khóa xương, đông thịt, dao bén bôn mật, trái nhiều cành gãy, mắc nợ; cũng như cây kiếm, cây độc, như thuốc độc hại, thấy đều quán biết rõ. Đây là điều có được. Đã hiểu biết rõ chỗ nổi lên của lửa tâm, liền có thể qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu. Việc này ắt đúng.

Thế nào, Đại vương, lấy gì thấy, lấy gì biết mà nói thế ? Nay tôi, này Đại vương, đã thành A-la-hán, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn vào thai mẹ nữa, tâm được giải thoát.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc trong lòng vui vẻ, tâm lành nảy sinh, bạch Tôn giả Nan-đà rằng:

— Nay tôi không còn hồ nghi chút nào nữa, biết Tôn giả đã thành A-la-hán. Nay xin phép cáo từ, vì việc nước bận bịu.

Tôn giả Nan-đà đáp:

— Nên biết phải lúc.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy rồi lui đi. Vua Ba-tư-nặc đi chưa bao lâu, thì Thiên ma kia đến chỗ Tôn giả Nan-đà, đứng giữa hư không, lại dùng kệ này nói với Tôn giả Nan-đà:

*Mặt phu nhân như trăng,
Thân vàng bạc ngọc ngà,
Nhớ dáng và nét mặt,
Ngũ nhạc thường tự vui,
Gảy đàn, đánh trống ca,
Âm thanh rất mê mại,
Hay trừ các sầu lo,
Sao vui trong rừng này.*

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà liền nghĩ rằng:

— Đây là Thiên nhân Ma hạnh.

Hiểu biết vậy rồi, ngài dùng kệ đáp:

Ta xưa có tâm này,

*Dâm dục không biết chán,
Bị dục cột vào trong,
Chẳng biết già, bệnh, chết.
Ta qua vực ái dục,
Không dơ, không đắm nhiễm,
Vinh hoa thấy là khổ,
Riêng vui pháp chân như.
Nay ta không các kiết,
Dâm, nộ, si đều dứt,
Không còn tập pháp này,
Người ngu nên giác tri.*

Bấy giờ, Thiên nhân Ma hạnh kia nghe lời này liền ôm sầu lo, rồi ở đó biến mất.

Lúc đó nhiều Tỳ-kheo đem chuyện này bạch lại đầy đủ với Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo đoan chính không ai hơn Tỳ-kheo Nan-đà; các căn đặm bực cũng là Tỳ-kheo Nan-đà; không có tâm dục cũng là Tỳ-kheo Nan-đà; không có sân giận cũng là Tỳ-kheo Nan-đà; không có ngu si cũng là Tỳ-kheo Nan-đà; thành A-la-hán cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Vì sao như thế ? Tỳ-kheo Nan-đà đoan chánh, các căn tịch tĩnh.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Đệ tử đoan chánh trong hàng Thanh văn

của Ta là Tỳ-kheo Nan-đà, các căn tịch tĩnh cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng theo.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai pháp về Niết-bàn này. Thế nào là hai ? Hữu dư Niết-bàn và Vô dư Niết-bàn.

Kia tại sao gọi là Hữu dư Niết-bàn ? Ở đây, Tỳ-kheo diệt Năm hạ phần kiết sử, tức người đó nhập Niết-bàn, không trở lại cõi này. Đó gọi là Hữu dư Niết-bàn.

Kia tại sao gọi là Vô dư Niết-bàn ? Nghĩa là Tỳ-kheo dứt hết hữu lậu thành vô lậu, ý giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân tác chứng mà tự du hý, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân nữa, như thật mà biết. Đó là Vô dư Niết-bàn.

Trong hai Niết-bàn này, nên tìm phương tiện đến Vô dư Niết-bàn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói thí dụ về quạ, cũng sẽ nói thí dụ về heo. Hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo rằng:

— Kia tại sao gọi là người ví như quạ ? Ví như có người ở chỗ tịch tĩnh, hằng tập dâm dục làm các hạnh ác; sau bèn xấu hổ, rồi tự hối lỗi, và trình bày rõ việc mình làm cho người nghe. Vì sao như thế ? Hoặc bị các người Phạm hạnh thấy chỉ trích. Người này quen thói dâm dục, làm các hạnh ác. Người ấy làm các hạnh ác rồi, hối lỗi với người, tự biết xấu hổ. Giống như con quạ hằng chịu đói khổ, ăn đồ dơ dáy rồi chùi mỏ sợ có chim khác thấy, nói rằng con quạ này ăn đồ bẩn thỉu. Đây cũng như thế, nếu có một người ở chỗ vắng vẻ, tập dâm dục, làm hạnh

chẳng lành, sau lại xấu hổ mà tự hối lỗi, trình bày với người việc mình làm. Sở dĩ như thế, hoặc bị các người Phạm hạnh trông thấy nhớ biết người này tập dục, làm các hạnh ác. Đó gọi là người giống như quạ.

Kia sao gọi là người như heo ?

Nếu có một người ở chỗ vắng vẻ, tập mãi dâm dục, làm các hạnh ác, cũng chẳng xấu hổ, lại không hối lỗi, đối với người tự khen mình, cống cao tự dụng: “Tôi có thể được ngũ dục tự vui thú, mấy người này không có thể được ngũ dục”. Người ấy làm ác rồi không xấu hổ. Người này ví như heo, hằng ăn đồ dơ bẩn, nằm chỗ bất tịnh, rồi lại lảng xảng đối với các heo khác. Đây cũng như thế, nếu có người tập thói dâm dục, làm các hạnh ác, cũng chẳng xấu hổ, lại chẳng hối lỗi, đối với người tự khen mình, cống cao, tự cho là: “Ta có thể được ngũ dục để vui thú, các người này không thể được ngũ dục để vui thú”. Đây gọi là người như heo. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy nên xa lìa. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hôm nay Ta sẽ nói về: Có người giống lừa, có người giống trâu. Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ đó !

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

— Kia sao gọi là người giống lừa ?

Nếu có một người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bấy giờ người kia các căn bất định. Nếu mắt thấy sắc theo đó khởi tưởng về sắc, theo đuổi vạn mỗi lúc đó nhãn căn không trong sạch, sanh các loạn tưởng, không thể gìn giữ, các ác đến đủ khắp; cũng lại chẳng thể hộ trì nhãn căn; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp, theo đó khởi thức bệnh, rong ruổi vạn mỗi. Bấy giờ ý căn không thanh tịnh, sanh các loạn tưởng, chẳng thể gìn giữ, các ác đến đủ, cũng lại chẳng thể hộ trì ý căn, không có oai nghi lễ tiết cần thiết; bước đi,

tiến dùng, co duỗi, cúi ngược, cầm giữ y bát đều trái giới cấm, liền bị người có Phạm hạnh trông thấy chỉ trích. “Chao ôi ! Người ngu này tựa như Sa-môn” rồi chịu sự chê trách: “Nếu là Sa-môn đáng ra không nên như thế”. Người ấy nói rằng: “Tôi cũng là Tỳ-kheo ! Tôi cũng là Tỳ-kheo !” Ví như con lừa vào trong bầy trâu rồi tự xưng rằng: “Tôi cũng là trâu, tôi cũng là trâu”, nhưng xem hai lỗ tai lại chẳng giống trâu, sừng cũng không giống, đuôi cũng chẳng giống, âm thanh cũng khác. Bấy giờ bầy trâu hoặc lấy sừng húc, hoặc lấy chân đá hoặc lấy miệng cắn. Nay Tỳ-kheo này cũng lại như thế, các căn bất định, nếu mắt thấy sắc, theo khởi tướng sắc, rong ruổi muôn mối; bấy giờ nhãn căn chẳng thanh tịnh, sanh các loạn tướng, chẳng thể gìn giữ, các ác đến đủ, cũng lại chẳng thể hộ trì về nhãn căn, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp, theo đó khởi thức bệnh, rong ruổi muôn mối. Bấy giờ ý căn chẳng thanh tịnh, sanh các loạn tướng, chẳng thể gìn giữ, các ác đủ cả; cũng lại chẳng thể hộ trì ý căn; không có oai nghi lễ tiết đáng làm; đi bước, tiến dùng, co duỗi, cúi ngược, cầm giữ y bát, đều trái giới cấm, liền bị người có Phạm hạnh trông thấy chỉ trích: “Ôi ! Người ngu này tựa như Sa-môn” rồi bị nêu lỗi:

“Nếu là Sa-môn, đáng ra không nên như thế !”. Người ấy nói rằng: “Tôi là Sa-môn”, giống như con lừa vào trong bầy trâu. Đó là người giống lừa.

Người kia tại sao giống trâu ?

Nếu có một người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bấy giờ người kia các căn tịch tịnh, ăn uống biết tiết chế, suốt ngày kinh hành chưa hề rời xa, ý nghĩ pháp Ba mươi bảy đạo phẩm. Nếu mắt thấy sắc, chẳng khởi tưởng sắc, cũng không niệm rong ruổi. Bấy giờ, nhãn căn sẽ được thanh tịnh, sanh các tướng lành, cũng hay gìn giữ không có các ác nữa, thường ủng hộ nhãn căn; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp, chẳng khởi thức bệnh. Bấy giờ ý căn được thanh tịnh. Người kia liền biết đến chỗ các người Phạm hạnh. Các bậc Phạm hạnh từ xa trông thấy người ấy đến, ai nấy tự kêu lên: “Chào mừng, bạn đồng học !”

Rồi tùy thời cúng dường, không để thiếu thốn. Ví như trâu tốt vào trong bầy trâu tự xưng rằng: “Nay tôi là trâu”, thì lông, đuôi, tai, sừng, âm thanh đều đúng là trâu. Các con trâu thấy rồi, mỗi con đến liếm thân. Đây cũng như thế, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bấy giờ người kia, các căn thanh tịnh, uống ăn biết

tiết độ, trọn ngày kinh hành chưa hề lìa bỏ, ý đạo trong pháp Ba mươi bảy đạo phẩm. Nếu mắt thấy sắc không khởi tưởng sắc, cũng không niệm rong ruổi. Bấy giờ nhãn căn được thanh tịnh, sanh các tướng lành, cũng hay gìn giữ, không có các điều ác nữa, thường ủng hộ nhãn căn; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp, chẳng khởi thức bệnh. Bấy giờ ý căn được đầy đủ. Đó là người giống trâu.

Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học như trâu, chớ giống như lừa. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói về hạnh thiện và bất thiện. Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ đó !

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Thế Tôn dạy:

— Thế nào gọi là bất thiện ? Thế nào gọi là thiện ? Nghĩa là: sát sanh là bất thiện, không sát sanh là thiện; lấy của không cho là bất thiện, lấy của cho là thiện; dâm là bất thiện, không dâm là thiện; nói dối là bất thiện, không nói dối là thiện; nói thêu dệt là bất thiện, không nói thêu dệt là thiện; nói hai lưỡi là bất thiện, không nói hai lưỡi là thiện, đấu loạn kia đây là bất thiện, không đấu loạn kia đây là thiện; tham của người là bất thiện, không tham của người là thiện; nổi giận là bất thiện, không nổi giận là thiện; tà kiến là bất thiện, chánh kiến là thiện. Như thế, này các Tỳ-kheo, hành điều ác này xong,ọa trong súc sanh, ngã quỷ, địa ngục. Nếu người làm lành liền sanh trong loài Người, lên Trời và trong các đường lành, A-tu-la. Thế nên, hãy xa lìa hạnh ác, tu tập hạnh lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta sẽ thuyết pháp vi diệu cho các Thầy; ban đầu lành, ở giữa lành và đến cuối cũng lành, có

nghĩa, có ý vị, tu pháp Phạm hạnh được đầy đủ. Đó là hai pháp. Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ nói đầy đủ cho các Thầy.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Lúc này các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

— Thế nào là hai pháp ? Nghĩa là tà kiến và chánh kiến; tà chí và chánh chí (tư duy); tà ngữ và chánh ngữ; tà nghiệp và chánh nghiệp; tà mạng và chánh mạng; tà phương tiện và chánh phương tiện (tinh tấn); tà niệm và chánh niệm; tà tam muội và chánh tam muội. Đó là, này các Tỳ-kheo, gọi là hai pháp. Nay Ta đã nói hai pháp này cho các Thầy. Như Lai điều đáng làm nay đã chu tất, khéo nhớ, quán, tụng chớ có lười mỏi. Nay các Thầy không hành, về sau hối chẳng kịp.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói về pháp “đuoọc sáng”, cũng sẽ nói nghiệp đuoọc soi đường. Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn !

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tại sao gọi đó là đuoọc sáng ? Nghĩa là đã dứt hẳn tham dâm, sân giận và ngu si.

Tại sao gọi đó là nghiệp đuoọc soi đường ? Nghĩa là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh định, chánh tam muội. Đó là nghiệp đuoọc soi đường. Ta vì các Thầy đã nói về đuoọc soi sáng, cũng nói về nghiệp đuoọc soi đường. Như Lai điều đáng làm nay đã chu tất. Hãy khéo nhớ tụng đọc, chớ có giải đãi. Nay chẳng hành, về sau hối không kịp.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai lực này. Thế nào là hai lực ? Nghĩa

là nhẫn lực và tư duy lực. Nếu Ta không có hai lực này trọn chẳng thành Vô thượng Chánh chân Chánh Đăng Giác.

Lại nữa, nếu không có hai lực này, trọn chẳng ở xứ Ưu-lưu-tỳ khổ hạnh sáu năm, lại cũng không thể hàng phục ma oán, thành đạo Vô thượng Chánh Chân ngôi ở đạo tràng. Vì Ta có sức nhẫn, sức tư duy nên có thể hàng phục chúng ma, thành đạo Vô thượng Chánh Chân, ngôi tại đạo tràng. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện tu hai lực này: nhẫn lực và tư duy lực; liền thành đạo Tu-đà-hoàn, đạo Tu-đà-hàm, đạo A-na-hàm, đạo A-la-hán, ở Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở nước Câu-thi-na-kiệt là nơi sanh của ngài. Lúc đó Thích, Phạm, Tú Thiên vương và năm trăm Thiên nhân cùng hai mươi tám Đại quý thân vương liền đến chỗ Tôn giả

A-na-luật. Đến xong cúi đầu lạy rồi đứng một bên, lại dùng kệ này khen A-na-luật:

*Quy mạng nhân trung thượng,
Được mọi người kính thờ,
Nay chúng tôi chẳng biết,
Đang nương loại Thiên nào ?*

Bấy giờ có Phạm chí tên là Xà-bạt-trá là đệ tử của Phạm-ma-dụ, lại đến chỗ Tôn giả A-na-luật, quỳ lạy rồi ngồi một bên. Lúc đó Phạm chí kia hỏi Tôn giả A-na-luật rằng:

— Xưa tôi sanh tại Vương cung, chưa hề được nghe mùi thơm tự nhiên này, có người nào đến nơi đây ? Hay là Thiên long, quỷ thần, nhân và phi nhân chăng ?

Bấy giờ ngài A-na-luật đáp Phạm chí:

— Vừa rồi Thích, Phạm, Tứ Thiên vương và năm trăm Thiên nhân cùng hai mươi tám Đại quỷ thần vương đi đến chỗ tôi, quỳ lạy rồi đứng một bên, lại dùng kệ này mà khen tôi:

*Quy mạng nhân trung thượng,
Được mọi người kính thờ,
Nay chúng tôi chẳng biết,
Đang nương loại Thiên nào ?*

Phạm chí hỏi rằng:

— Vì sao mà nay tôi không thấy hình bóng họ ? Thích, Phạm, Tứ Thiên vương đang ở đâu ?

Tôn giả A-na-luật đáp:

— Vì ông không có Thiên nhãn cho nên không thấy Thích, Phạm, Tứ Thiên vương và năm trăm Thiên nhân cùng hai mươi tám Đại quý thân vương.

Phạm chí hỏi:

— Nếu tôi có được Thiên nhãn thì thấy được Thích, Phạm, Tứ Thiên vương và hai mươi tám Đại quý thân vương này chăng ?

Tôn giả A-na-luật đáp:

— Nếu có được Thiên nhãn thì có thể thấy Thích, Phạm, Tứ Thiên vương và hai mươi tám Đại quý thân vương. Nhưng mà này Phạm chí, thiên nhãn này đâu đủ cho là kỳ lạ; có Phạm thiên tên là Thiên Nhân (ngàn mắt), ông ta thấy ngàn thế giới này như người có mắt tự xem mũi bầu trong bàn tay mình. Vị Phạm thiên này cũng vậy, thấy ngàn thế giới này không có chướng ngại. Nhưng vị Phạm thiên này không tự thấy được phục sức trên thân mình.

Phạm chí hỏi:

— Vì có sao mà Phạm thiên có Thiên nhãn lại không tự thấy phục sức trên thân mình ?

Tôn giả A-na-luật nói:

— Vì vị Trời kia không có mắt trí tuệ vô thượng, nên không tự thấy phục sức trên thân mình.

Phạm chí hỏi:

— Nếu tôi có được mắt trí tuệ vô thượng thì có thể thấy phục sức trên thân này không ?

Tôn giả A-na-luật nói:

— Nếu có được con mắt trí tuệ vô thượng thì có thể thấy phục sức trên thân mình.

Phạm chí hỏi:

— Mong Tôn giả vì tôi nói pháp cực diệu, khiến tôi được con mắt trí tuệ vô thượng.

Tôn giả A-na-luật nói:

— Ông có giới không ?

Phạm chí hỏi:

— Thế nào gọi là giới ?

Tôn giả A-na-luật nói:

— Chẳng tạo các ác, chẳng phạm phi pháp.

Phạm chí đáp:

— Nếu giới là như thế, thì tôi kham phụng trì giới như thế.

Tôn giả A-na-luật nói:

— Phạm chí ! Nay Ông nên giữ cấm giới không sơ sót mảy may, cũng nên trừ khử sự ràng buộc (kiết) của kiêu mạn, chớ chấp ngô ngã, sanh tướng dính mắc.

Phạm chí lại hỏi ngài A-na-luật:

— Thế nào là ngô ? Thế nào là ngã ? Thế nào là kiêu mạn kết ?

Tôn giả A-na-luật nói:

— Ngô là thân thức. Ngã là thân thể. Ở trong đó khởi thức sanh ngô ngã. Đó gọi là kiêu mạn kiết. Thế nên, Phạm chí, nên tìm phương tiện trừ các kiết này. Như vậy, Phạm chí, nên học điều này.

Phạm chí liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy ngài A-na-luật, nhiễu ba vòng mà đi. Chưa đến chỗ ở, giữa đường vị ấy suy nghĩ nghĩa này, các trần cấu dứt hết, được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ có vị Trời, khi xưa là bạn thân của Phạm chí này, biết được trong tâm Phạm chí, được trần cấu dứt hết, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Lúc đó vị Trời kia lại đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cúi lạy xong đứng một bên, liền đem bài kệ này khen ngài A-na-luật rằng:

Phạm chí chưa đến nhà,

*Giữa đường được dấu đạo,
Bụi dứt, mắt pháp sạch,
Không nghi, không do dự.*

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật lại dùng kệ bảo vị Trời rằng:

*Tôi trước quán tâm kia,
Khoảng giữa ứng dấu đạo,
Kia ở Phật Ca-diếp,
Từng nghe dạy pháp này.*

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật rời khỏi nơi ấy, đi dạo trong nhân gian, dần dần đến chỗ Thế Tôn, ở nước Xá-vệ, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ Thế Tôn dạy đủ lời pháp cho A-na-luật. Tôn giả A-na-luật nhận lời Phật dạy rồi liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy và lui đi.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Đệ tử trong hàng Thanh văn của Ta, được Thiên nhân đệ nhất là Tỳ-kheo A-na-luật.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng lãnh.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả La-vân (La-hầu-la) vâng tu cấm giới không hề xúc phạm, tội nhỏ còn tránh hà huống tội lớn; nhưng tâm hữu lậu không được giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ-kheo liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

— Tỳ-kheo La-vân vâng tu cấm giới, không có xúc phạm, nhưng mà tâm hữu lậu không được giải thoát.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Đây đủ pháp cấm giới,
Các căn cũng thành tựu,
Dần dần sẽ đạt được,
Tất cả kiết sử dứt.*

Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên nghĩ nhớ tu tập Chánh pháp, không có sơ sót. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Nan-đà, Niết-bàn, quạ,
Lừa, bất thiện có hai,
Đuốc, nhãn, tư duy,
Phạm chí và La-vân.*

XVII. PHẨM AN BAN (1)

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ đắp y ôm bát dẫn La-vân vào cổng thành Xá-vệ. Khi ấy Phật quay nhìn phía hữu bảo La-vân:

— Nay Thấy nên quán sắc là vô thường.

La-vân đáp:

— Thừa vâng, Thế Tôn. Sắc là vô thường.

Thế Tôn bảo:

— La-vân ! Thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

La-vân đáp:

— Thừa vâng, Thế Tôn. Thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

Lúc này, Tôn giả La-vân lại nghĩ:

— Đây có duyên có gì, mà nay mới đến cổng (phân vệ) thành khát thực đang ở giữa đường. Có sao Thế Tôn lại đối diện dạy dỗ ta ? Nay ta hãy trở về chỗ mình, chẳng nên vào thành khát thực.

Bấy giờ Tôn giả La-vân giữa đường trở về Tịnh xá Kỳ Hoàn, đem y bát đến dưới gốc cây, chính thân, chính ý, ngồi kiết-già, chuyên chú nhất tâm, niệm sắc là vô thường; niệm thọ, tưởng, hành, thức là vô thường.

Bấy giờ Thế Tôn ở thành Xá-vệ khát thực xong, sau khi ăn, đi kinh hành ở Tịnh xá Kỳ Hoàn, dần dần đến chỗ La-vân. Đến rồi, Thế Tôn bảo La-vân rằng:

— Thấy nên tu hành pháp An-ban. Tu hành pháp này, hễ có ý tưởng sầu lo đều sẽ trừ hết. Nay ông lại nên tu hành tướng như nhóp bất tịnh, nếu có tham dục nên diệt trừ hết. La-vân ! Nay Thấy nên tu hành tâm từ, đã hành tâm từ thì hễ có sân giận đều sẽ trừ hết. La-vân ! Nay Thấy nên hành tâm bi, đã hành tâm bi thì hễ có tâm hại ắt sẽ trừ hết. La-vân ! Nay Thấy nên hành tâm hỉ, đã hành tâm hỉ thì hễ có tâm tật đố đều sẽ trừ hết. La-vân ! Nay Thấy nên hành tâm hộ (xả). Đã hành tâm xả thì hễ có kiêu mạn ắt sẽ trừ diệt hết.

Lúc này, Tôn giả La-vân lại nghĩ:

— Đây có duyên có gì, mà nay mới đến cổng (phần vệ) thành khát thực đang ở giữa đường. Có sao Thế Tôn lại đối diện dạy dỗ ta ? Nay ta hãy trở về chỗ mình, chẳng nên vào thành khát thực.

Bấy giờ Tôn giả La-vân giữa đường trở về Tịnh xá Kỳ Hoàn, đem y bát đến dưới gốc cây, chính thân, chính ý, ngồi kiết-già, chuyên chú nhất tâm, niệm sắc là vô thường; niệm thọ, tưởng, hành, thức là vô thường.

Bấy giờ Thế Tôn ở thành Xá-vệ khát thực xong, sau khi ăn, đi kinh hành ở Tịnh xá Kỳ Hoàn, dần dần đến chỗ La-vân. Đến rồi, Thế Tôn bảo La-vân rằng:

— Thấy nên tu hành pháp An-ban. Tu hành pháp này, hễ có ý tưởng sầu lo đều sẽ trừ hết. Nay ông lại nên tu hành tướng như nhóp bất tịnh, nếu có tham dục nên diệt trừ hết. La-vân ! Nay Thấy nên tu hành tâm từ, đã hành tâm từ thì hễ có sân giận đều sẽ trừ hết. La-vân ! Nay Thấy nên hành tâm bi, đã hành tâm bi thì hễ có tâm hại ắt sẽ trừ hết. La-vân ! Nay Thấy nên hành tâm hỉ, đã hành tâm hỉ thì hễ có tâm tật đố đều sẽ trừ hết. La-vân ! Nay Thấy nên hành tâm hộ (xả). Đã hành tâm xả thì hễ có kiêu mạn ắt sẽ trừ diệt hết.

Bấy giờ Thế Tôn hướng về La-vân mà nói kệ:

*Chớ khởi tướng nghĩ luôn,
Hằng nên tự thuận pháp,
Như thế người có trí,
Tên tuổi được lan truyền.
Cầm đuốc sáng cho người,
Khổ ở tối tăm lớn,
Trời, Rồng cung kính thờ,
Kính thờ bậc Sư trưởng.*

Lúc này Tỳ-kheo La-vân lại dùng kệ đáp Thế Tôn:

*Con không khởi trước tướng,
Lại hằng thuận với pháp,
Như thế người có trí,
Thì hay thờ Sư trưởng.*

Bấy giờ Thế Tôn dạy bảo xong, liền trở về tịnh thất. Lúc này Tôn giả La-vân lại nghĩ: “Nay làm sao tu hành An ban trừ bỏ được buồn lo, không có các tướng ?” Bấy giờ La-vân liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy và ngồi một bên. Chốc lát ngồi lui bạch Phật:

— Thế nào là tu hành An-ban trừ khử sầu lo không có các tướng ? Thu hoạch quả báo lớn, được vị cam lồ ?

Thế Tôn bảo:

— Lành thay, lành thay, La-vân ! Thấy có thể ở trước Như Lai rống tiếng sư tử mà hỏi nghĩa này. Thế nào là tu hành An-ban trừ bỏ sầu lo không có các tướng, được đại quả báo, được vị cam lồ ? La-vân ! Nay Thấy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì Thấy phân biệt đầy đủ.

— Xin vâng, Thế Tôn !

Bấy giờ Tôn giả La-vân nhận lời Phật dạy, rồi Thế Tôn bảo:

— La-vân ! Ở đây nếu có Tỳ-kheo vui ở chỗ vắng vẻ không người, rồi chánh thân, chánh ý, ngồi kiết-già, không có niệm khác, buộc niệm ở chót mũi, hơi thở ra dài biết thở ra dài, thở vào dài biết thở vào dài; thở ra ngắn cũng biết thở ra ngắn, thở vào ngắn cũng biết thở vào ngắn; thở ra lạnh cũng biết thở ra lạnh, thở vào lạnh cũng biết thở vào lạnh; thở ra ấm cũng biết thở ra ấm, thở vào ấm cũng biết thở vào ấm. Quán khắp thân thể thở vào, thở ra thấy đều biết hết. Lúc có thở cũng lại biết có, còn lúc không thở cũng lại biết không. Nếu hơi thở từ tâm ra, cũng lại biết từ tâm ra. Nếu hơi thở từ tâm vào cũng lại biết từ tâm vào. Như vậy, này La-vân ! Người hay tu hành An-ban, thì không có

tướng sâu lo não loạn, thu hoạch quả báo lớn, được vị cam lồ.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho La-vân rồi, La-vân liền từ chỗ ngồi đứng lên, lạy Phật, nhiễu ba vòng rồi đi; đến dưới gốc cây tại vườn An-đà, chính thân, chính ý, ngồi kiết-già, không có niệm khác, buộc niệm ở chót mũi, thở ra dài cũng biết thở ra dài, thở vào dài cũng biết thở vào dài; thở ra ngắn cũng biết thở ngắn, thở vào ngắn cũng biết thở vào ngắn; thở ra lạnh cũng biết thở vào lạnh; thở ra ấm cũng biết thở ra ấm, thở vào ấm cũng biết thở vào ấm; Quán khắp thân thể, hơi thở ra thở vào thấy đều biết cả; lúc có hơi thở cũng lại biết có, lúc không hơi thở cũng lại biết không; nếu hơi thở từ tâm ra cũng lại biết từ tâm ra, nếu hơi thở từ tâm vào cũng lại biết từ tâm vào.

Bấy giờ La-vân tư duy như thế, dục tâm liền được giải thoát, không còn các điều ác, có giác, có quán niệm hoan hỷ khinh an lạc ở Sơ thiên. Có giác, có quán, trong tự quán hỷ, chuyên chú nhất tâm, nhập tam muội không giác, không quán, niệm hỷ, lạc ở Nhị thiên. Không còn niệm hỷ, tự giữ giác tri thân lạc, chỗ chư Thánh thường cầu, xả niệm hỷ, đạo ở Tam thiên. Khổ vui kia đã diệt lại không sâu

lo, không khổ không vui, xả (hộ) niệm thanh tịnh, lạc ở Tứ thiên. Do tam-muội này, tâm thanh tịnh không bụi dơ, thân thể nhu nhuyễn; biết từ đâu đến, nhớ việc mình đã làm, tự biết việc túc mạng vô số kiếp, cũng biết một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, mấy ngàn vạn đời; kiếp thành, kiếp hoại; vô số kiếp thành, vô số kiếp hoại, ức năm không thể kể: “Ta từng sanh chỗ kia, tên gì, họ gì, ăn món ăn thế này, thọ khổ vui thế này; thọ mạng dài ngắn, ở kia chết, sanh ở đây, đây chết sanh kia.” Ngài dùng tam-muội này tâm thanh tịnh không vết nhơ, cũng không có kiết sử, cũng biết chỗ khởi tâm của chúng sanh. Ngài lại dùng thiên nhãn thanh tịnh không vết nhơ quán chúng sanh, người sống, người chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường thiện, đường ác, hoặc tốt hoặc xấu, điều lành, điều tạo; như thật rõ biết. Hoặc có chúng sanh thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, phỉ báng Hiền Thánh, thường hành tà kiến, tạo hạnh tà kiến, thân hoại mạng chung vào trong địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, chẳng phỉ báng Hiền Thánh, chẳng hằng hành chánh kiến, tạo hạnh chánh kiến, thân hoại mạng chung

sanh chỗ, thiện lên Trời. Đó là thiên nhân thanh tịnh không vết nhơ, quán chúng sanh người sanh, người chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác, hoặc tốt, hoặc xấu, điều làm, điều tạo, như thật rõ biết, lại thêm bỏ ý, thành tựu tâm hết lậu hoặc.

Ngài quán sự khổ này, như thật mà biết. Ngài lại quán khổ tập, cũng biết khổ tận, cũng biết khổ xuất yếu, như thật rõ biết. Ngài do quán như thế, tâm dục lậu được giải thoát; liền được trí giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, lại không còn thọ thân sau, như thật rõ biết. Lúc này Tôn giả La-vân liền thành A-la-hán. Tôn giả La-vân đã thành La-hán, liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa sang y phục đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên, bạch Thế Tôn:

— Điều con cầu đã được, các lậu đã trừ sạch.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các vị đắc A-la-hán, không ai bằng La-vân. Các hữu lậu dứt hết cũng là Tỳ-kheo La-vân; luận về người trì cấm giới cũng là Tỳ-kheo La-vân. Vì sao thế ? Vì chư Như Lai Đẳng Chánh Giác đời quá khứ cũng có Tỳ-kheo La-vân này. Ta muốn nói là con Phật cũng là Tỳ-kheo La-vân, thân chính từ Phật sanh, là bậc thượng của Pháp.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử bậc nhất trì cấm giới là Tỳ-kheo La-vân.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Đây đủ pháp cấm giới,
Các căn cũng thành tựu,
Dần dần sẽ đắc được,
Tất cả kiết sử hết.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*
* *

PHẨM AN BAN (2)

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hai người cùng xuất hiện ở đời là rất khó có được. Thế nào là hai người ? Nghĩa là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời rất khó được. Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời rất khó được. Hai người cùng xuất hiện ở đời là rất khó có được.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Hai người cùng xuất hiện ở đời rất khó có được. Thế nào là hai người ? Nghĩa là Bích-chi Phật xuất hiện ở đời là rất khó được, bậc lậu tận A-la-hán, đệ tử Như Lai xuất hiện ở đời rất là khó được. Nay Tỳ-kheo ! Đó là hai người xuất hiện ở đời rất là khó có được.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai pháp này ở tại thế gian rất là phiền não. Thế nào là hai pháp ? Nghĩa là làm các ác, gốc khởi các oán hiềm; lại không tạo hạnh lành là gốc của các đức. Nay Tỳ-kheo, đó là hai pháp rất phiền não. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên giác tri pháp phiền não này; cũng nên giác tri pháp không phiền não. Các pháp phiền não nên nhớ đoạn trừ, pháp không phiền não nên nhớ tu hành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Chúng sanh tà kiến, sự nhớ nghĩ, qui hướng, và các hành khác của họ đều không đáng quý. Người thế gian không (nên) ham thích. Vì sao thế ? Vì tà kiến ấy chẳng lành. Ví như có hột trái đắng. Nghĩa là hột trái đắng, rau đắng, hột rau đắng, hột tất-địa bàn-trì và các hột đắng khác. Nếu ở trên đất tốt trồng các hột này, sau đó nảy mầm vẫn đắng như cũ. Vì sao thế ? Vì hột này vốn đắng. Chúng sanh tà kiến này cũng như thế. Việc làm của thân hành, khẩu hành, ý hành, sự quy hướng, nghĩ nhớ và các hạnh khác của họ, tất cả không đáng quý. Người thế gian không ham thích (ưa chuộng). Vì sao vậy ? Vì tà kiến là ác, không lành. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên trừ tà kiến, tập hành chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Chúng sanh chánh kiến, sự suy nghĩ, chỗ quy hướng và các hạnh khác của họ, tất cả đều đáng quý kính. Người thế gian ưa chuộng. Vì sao thế ? Vì chánh kiến rất hay. Ví như có các quả ngọt như mía, như quả bồ đào và tất cả các quả ngon ngọt khác. Có người sửa sang đất tốt rồi lấy trồng, sau đó sanh trái thảy đều ngon ngọt được người ưa thích. Vì sao thế ? Vì hột quả này vốn ngon ngọt. Chúng sanh chánh kiến này cũng như thế, sự suy nghĩ, chỗ quy hướng và các hạnh khác, tất cả đều đáng ưa chuộng. Người đời ai cũng vui vẻ. Vì sao thế ? Vì chánh kiến có rất hay. Thế nên các Tỳ-kheo, nên tập hành chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở chỗ vắng vẻ, tự tư duy một mình, rồi nghĩ: “Có các chúng sanh khởi lên tư tưởng ái dục rồi sanh dục ái, ngày đêm huân tập không nhàm chán.”

Bấy giờ Tôn giả A-nan vào buổi chiều liền từ chỗ ngồi đứng lên, đắp y ngay ngắn rồi đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy và ngồi một bên. Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

— Vừa rồi con ở chỗ vắng vẻ liền sanh niệm này: “Có các chúng sanh khởi tưởng ái dục rồi sanh dục ái, miệt mài tập nhiễm không có nhàm chán.”

Thế Tôn dạy:

— Đúng vậy, A-nan ! Như lời Thầy nói. Có những người khởi tưởng dục ái rồi tăng dục tưởng, miệt mài tập nhiễm, không có nhàm chán. Vì sao thế ? A-nan ! Ngày xưa ở đời quá khứ có Chuyển luân Thánh vương tên là Đảnh Sanh dùng pháp cai trị không có loạn bậy, bảy báu thành tựu. Bảy báu là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là bảy báu. Lại có ngàn người con dũng mãnh, cường tráng, hay hàng phục các ác, thống lãnh bốn thiên hạ chẳng dùng đao gậy. A-nan nên biết ! Bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh liền nghĩ: “Ta nay có cõi Diêm-phù-đề này, nhân dân thịnh vượng, nhiều châu báu. Ta cũng đã theo các bậc trưởng lão kỳ cựu nghe: phía Tây có đất Cù-da-ni, nhân dân thịnh vượng, có nhiều châu báu. Ta nay nên đến thống lãnh quốc độ kia.”

Bấy giờ, này A-nan, Đảnh Sanh vừa sanh niệm này, liền đem bốn bộ binh từ cõi Diêm-phù này biến mất rồi đến đất Cù-da-ni. Bấy giờ người dân đất đó thấy Thánh vương đến, đều tới trước nghinh tiếp quỳ lễ thăm hỏi.

— “Kính chào Đại vương ! Nay nước Cù-da-ni nhân dân thịnh vượng, cúi mong Thánh vương hãy ở đây cai trị nhân dân khiến theo giáo pháp.”

Lúc bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh liền ở Cù-da-ni thống lãnh nhân dân, trải qua vài trăm ngàn năm. Rồi lúc khác Thánh vương Đảnh Sanh lại nghĩ: “Ta có Diêm-phù-đế, nhân dân thịnh vượng, nhiều trân bảo, cũng có mưa bảy báu ngập đến đầu gối. Nay cũng lại có đất Cù-da-ni này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Ta từng theo các bậc trưởng lão kỳ cựu nghe còn có nước Phất-vu-đệ, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Nay ta hãy đến thống lãnh quốc độ kia, dùng pháp cai trị.”

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh vừa sanh niệm đó, liền đem bốn bộ binh, từ Cù-da-ni biến mất, rồi đến Phất-vu-đệ. Bấy giờ nhân dân đất kia thấy Thánh vương đến, đều tới trước nghinh tiếp quỳ lễ thăm hỏi; khác miệng đồng thanh mà nói:

— “Kính chào Đại vương ! Nay nước Phất-vu-đê này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Cúi mong Đại vương nên ở đây cai trị nhân dân khiến theo giáo pháp.”

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đánh Sanh liền ở nước Phất-vu-đê thống lãnh nhân dân, trải qua trăm ngàn vạn năm. Khi ấy Thánh vương Đánh sanh vào lúc khác này sanh niệm này: “Ta ở Diêm-phù-đề, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo, có mưa bảy báu ngập đến đầu gối. Nay lại cũng có Cù-da-ni này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo; nay lại cũng có nước Phất-vu-đê này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Ta cũng từng theo trưởng lão kỳ cựu nghe lại có Uất-đan-việt, nhân dân thịnh vượng, nhiều trân bảo, việc làm tự do không có cố thủ, sống lâu không yếu, chánh thọ ngàn tuổi. Ở đó hết tuổi thọ ắt sanh lên trời chẳng đoạ đường khác, mặc áo kiếp-ba-dục, ăn cơm gạo tự nhiên. Nay ta nên đến thống lãnh quốc độ đó, dùng pháp cai trị.”

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đánh Sanh vừa sanh niệm đó liền đem bốn bộ binh từ Phất-vu-đê biến mất, rồi đến Uất-đan-việt, xa thấy đất đỏ màu xanh rậm rì, thấy rồi liền hỏi quần thần:

— “Các Khanh có thấy khắp cõi này màu sắc xanh um không ?”

Quần thần đáp:

— “Quả nhiên là thấy.”

Vua bảo quần thần:

— “Đây là cỏ mềm mại, mịn như áo trời không khác. Chư hiền hãy ngồi ở đây.”

Chốc lát lại đi tới trước, xa thấy đất kia màu vàng rực. Vua liền bảo quần thần:

— “Các Khanh có thấy khắp đất này màu vàng rực không ?”

Quần thần đáp:

— “Đều thấy hết.”

Đại vương nói:

— “Đây gọi là lúa gạo tự nhiên. Các bậc Hiền ở đây thường ăn thức ăn này. Như các Khanh bây giờ cũng sẽ ăn lúa gạo này.”

Bấy giờ, một lát sau Thánh vương lại đi đến trước, thấy đất kia bằng phẳng, xa thấy đài cao hiện ra rất đặc thù, lại bảo quần thần:

— “Các Khanh có thấy đất này khắp nơi bằng phẳng không ?”

Quân thân đáp:

— “Đúng vậy, tất cả đều thấy thế.”

Đại vương bảo:

— “Đây là áo thứ cây kiếp-ba-dục. Các Khanh cũng lại sẽ mặc áo cây này.”

Bấy giờ, này A-nan, nhân dân cõi đó thấy Đại vương đến, đều tới trước nghinh tiếp, quỳ lạy thăm hỏi, khác tiếng đồng vang mà nói:

— “Kính chào Thánh vương ! Đất Uất-đan-việt này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Cúi mong Đại vương hãy ở đây cai trị nhân dân khiến theo giáo pháp.”

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh liền ở Uất-đan-việt thống lãnh nhân dân, trải qua trăm ngàn vạn năm. Rồi trong lúc khác, Thánh vương Đảnh Sanh lại nảy sanh niệm này: “Nay ta có đất Diêm-phù, nhân dân thịnh vượng, nhiều thứ trân bảo, cũng có mưa bảy báu ngập đến đầu gối, nay ta cũng lại có đất Cù-da-ni, Phất-vu-đê và Uất-đan-việt này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Ta cũng từng theo các trưởng lão kỳ cựu nghe có cõi trời Ba mươi ba khoái lạc không đâu bằng, thọ mạng rất lâu, com áo tự nhiên, ngọc nữ vây

quanh không kể xiết. Nay ta nên đến thống lãnh Thiên cung đó, dùng pháp cai trị.”

Bấy giờ, này A-nan ! Thánh vương Đảnh Sanh vừa sanh niệm này, liền đem bốn bộ binh, từ Uất-đan-việt biến mất, rồi lên đến cõi trời Ba mươi ba. Lúc đó, Thiên Đế Thích từ xa thấy Thánh vương Đảnh Sanh đến, liền nói:

— “Chào mừng Đại vương ! Mời đến đây ngồi !”

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh liền cùng Thích-đề-hoàn-nhân ngồi chung một tòa. Hai người cùng ngồi không thể phân biệt được, nhan mạo, cử động, ngôn ngữ, âm thanh không khác một chút nào.

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh ở đó trải qua vài trăm ngàn năm, rồi liền sanh niệm này: “Nay ta có đất Diêm-phù này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo, cũng có mưa bảy báu ngập đến đầu gối; cũng có Cù-da-ni, lại cũng có Phất-vu-đê, cũng lại có Uất-đan-việt, nhân dân thịnh vượng, nhiều thứ trân bảo. Nay ta đến cõi trời Ba mươi ba này; giờ ta nên hại Thiên Đế Thích này, rồi ở đây riêng làm vua chư Thiên.”

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh

vừa sanh niệm này, liền từ trên tòa tự rơi xuống đến đất Diêm-phù và bốn bộ binh cũng đều dọa lạc. Lúc đó, xe báu cũng mất chẳng biết ở đâu, voi báu, ngựa báu đồng thời chết hết, châu báu tự diệt, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu đều mạng chung.

Bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh thân bị bệnh nặng. Các tông tộc, thân thuộc đều tụ tập hỏi thăm bệnh vua:

— “Thế nào, Đại vương, giả sử Đại vương mạng chung rồi, có người đến hỏi nghĩa này: “Đại vương Đảnh Sanh lúc mạng chung có lời dạy nào ?” Nếu có người hỏi như thế sẽ đáp ra sao ?”

Thánh Vương Đảnh Sanh đáp:

— “Nếu như ta mạng chung, sau khi mạng chung có người đến hỏi thì đáp: “Vua Đảnh Sanh thống lãnh bốn thiên hạ này mà không chán đủ, lại đến cõi trời Ba mươi ba, ở đó trải qua vài trăm ngàn năm; ý còn sanh tham muốn hại Thiên Đế rồi tự dọa lạc mà mạng chung.””

A-nan ! Nay Thấy chớ ôm lòng hoài nghi, vua Đảnh Sanh lúc đó đâu phải người nào khác. Chớ xem như thế ! Vì có sao ? Vua Đảnh Sanh chính là thân Ta vậy. Lúc đó, Ta thống lãnh bốn thiên hạ này và đến cõi trời Ba mươi ba ở trong ngũ dục

không có chán đủ. A-nan ! Hãy dùng cách thức này chúng biết chỗ hướng đến; vì nỗi lòng tham dục, tăng thêm tướng này, ở trong ái dục không biết chán đủ. Muốn cầu chán đủ, nên theo trong trí tuệ Thánh Hiền mà cầu.

Bấy giờ Thế Tôn ở trong đại chúng liền nói kệ:

*Tham dâm như lúc mưa,
Đối dục không nhàm chán,
Vui ít mà khổ nhiều,
Điều người trí từ bỏ.
Chính dù hưởng Thiên dục,
Năm lạc tự vui chơi,
Không bằng đoạn tâm ái,
Đệ tử bậc Chánh Giác.
Tham dục kéo ỨC kiếp,
Phước hết lại vào ngục,
Hưởng vui há bao lâu,
Liên chịu khổ địa ngục.*

Thế nên, này A-nan, hãy dùng cách thức này biết dục mà bỏ dục, trọn không khởi tướng này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Bà-la-môn Sanh Lậu đi đến chỗ Thế Tôn thăm hỏi, rồi ngồi một bên. Lúc này Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

— Nền quán người Ác tri thức thế nào ?

Thế Tôn dạy:

— Nền xem như xem mặt trăng.

Bà-la-môn hỏi:

— Nền quán Thiện tri thức thế nào ?

Thế Tôn dạy:

— Nền xem như xem mặt trăng.

Bà-la-môn nói:

— Nay Sa-môn Cù-đàm nói lược cốt yếu mà chưa giảng rộng nghĩa. Cúi mong Cù-đàm nói rộng rãi nghĩa khiến người chưa hiểu được hiểu.

— Bà-la-môn ! Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì ông giảng rộng nghĩa này.

— Xin vâng, Cù-đàm.

Bà-la-môn Sanh Lậu nhận lời dạy rồi, Thế Tôn bảo:

— Giống như, này Bà-la-môn, trăng cuối

tháng, ngày đêm xoay vần, còn khuyết chưa có đầy. Đó là tổn giảm. Hoặc lại có lúc trăng không hiện, không có người thấy. Đây cũng như thế. Nay Bà-la-môn ! Như Ác tri thức trải qua ngày đêm, dần dần không có tín, không có giới, không có văn, không có thí, không có trí tuệ. Người đó vì không có tín, giới, văn, thí, tuệ nên với Ác tri thức đó, khi thân hoại mạng chung, bị vào trong địa ngục. Thế nên, Bà-la-môn, nay Ta nói là Ác tri thức giống như trăng cuối tháng.

Giống như, này Bà-la-môn, trăng đầu tháng, theo ngày đêm dần qua, ánh sáng tăng lên dần dần tròn đầy, rồi đến ngày rằm tròn đầy; tất cả chúng sanh đều thấy. Cũng vậy, Bà-la-môn, như thiện tri thức, trải qua ngày đêm, tăng thêm tín, giới, văn, thí, trí tuệ. Người ấy do tăng thêm tín, giới, văn, thí, trí tuệ nên thiện tri thức kia, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên trời và cõi lành. Thế nên, Bà-la-môn, Ta nói thiện tri thức này, chỗ thú hướng giống như mặt trăng tròn đầy.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nếu người có tham dục,
Sân giận, si chẳng dứt,
Vớ lành, dần có giảm,*

*Giống như trăng sắp hết.
Nếu người không tham dục,
Sân giận, ai cũng dứt,
Với thiện, có tăng dần,
Giống như trăng tròn đầy.*

Thế nên, Bà-la-môn, nên học như trăng đầu tháng.

Bấy giờ Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

— Lành thay, Cù-đàm ! Ví như người gù được thẳng, người mù được sáng, người mê thấy đường, ở nơi tối tăm có đèn sáng. Đây cũng như thế, Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện thuyết pháp cho con. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tăng. Từ nay xin cho con làm Ưu-bà-tắc, cho đến hết đời không sát sanh.

Bấy giờ Bà-la-môn Sanh Lậu, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ thuyết về pháp Thiện tri thức,

cũng sẽ thuyết về pháp Ác tri thức. Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ !

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

— Kia vì sao gọi là pháp Ác tri thức ? Ở đây, này Tỳ-kheo, người Ác tri thức sanh niệm này: “Ta ở trong dòng hào tộc, xuất gia học đạo; các Tỳ-kheo khác là hạng ty tiện xuất gia.” Ý nơi dòng họ mình, hủy báng người khác. Đó gọi là pháp Ác tri thức. Hơn nữa, người Ác tri thức còn sanh niệm này: “Ta cực kỳ tinh tấn vâng theo các pháp chân chánh; các Tỳ-kheo khác, chẳng tinh tấn trì giới”; Lại dùng nghĩa này hủy báng người khác mà tự cống cao. Đó là pháp Ác tri thức.

Hơn nữa, Ác tri thức lại nghĩ: “Ta tam-muội thành tựu, Tỳ-kheo khác không có tam-muội, tâm ý lầm lẫn không có nhất định.” Người ấy ý vào tam muội này thường tự cống cao, hủy báng người khác. Đó gọi là pháp Ác tri thức.

Hơn nữa, Ác tri thức lại nghĩ: “Ta trí tuệ bậc nhất, các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ”. Người ấy ý vào trí tuệ này mà tự cống cao hủy báng người khác. Đó là pháp Ác tri thức.

Hơn nữa, Ác tri thức lại nghĩ: “Nay ta thường được thức ăn, giường mền, ngựa cưỡi, thuốc men trị bệnh; các Tỳ-kheo khác không có được vật cúng dường này.” Người ấy ý vào vật lợi dưỡng này mà tự cống cao, hủy báng người khác. Đó gọi là pháp Ác tri thức. Như vậy, này các Tỳ-kheo, người Ác tri thức hành tà nghiệp này.

Kia vì sao gọi là pháp Thiện tri thức ? Ở đây, này Tỳ-kheo, người Thiện tri thức không nghĩ thế này: “Ta sanh trong nhà hào tộc, các Tỳ-kheo khác không phải là nhà hào tộc”, thân mình và người không có khác. Đó gọi là pháp Thiện tri thức.

Hơn nữa, người Thiện tri thức không nghĩ: “Nay ta trì giới, các Tỳ-kheo khác không giữ giới hạnh”, thân mình và người không có tăng giảm. Người ấy y theo giới này không tự cống cao, chẳng chê bai người khác, Như vậy, này Tỳ-kheo, gọi là pháp Thiện tri thức.

Hơn nữa, này Tỳ-kheo, người Thiện tri thức lại không nghĩ: “Ta tam-muội thành tựu, các Tỳ-kheo khác ý loạn chẳng định”, thân mình và người cũng không tăng giảm. Người ấy nương tam-muội này không tự cống cao cũng không hủy báng người khác. Như vậy, này Tỳ-kheo, gọi là pháp Thiện tri thức.

Hơn nữa, này Tỳ-kheo, người Thiện tri thức không nghĩ: “Tôi trí tuệ thành tựu, các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ”, thân ta và người không có tăng giảm. Người ấy nương trí tuệ này, không tự cống cao cũng không chê bai người khác. Như vậy, này Tỳ-kheo, gọi là pháp Thiện tri thức.

Hơn nữa, này Tỳ-kheo, người Thiện tri thức không nghĩ: “Ta có thể được y phục thức ăn, giường mền, ngựa cù, thuốc men trị bệnh; các Tỳ-kheo khác không được y phục, thức ăn, giường mền, ngựa cù, thuốc men trị bệnh”, thân mình và thân người cũng không tăng giảm. Người ấy nương lợi dưỡng này, không tự cống cao, cũng không hủy báng người khác. Như vậy, này Tỳ-kheo, gọi là pháp Thiện tri thức.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta phân biệt pháp Ác tri thức cho các Thầy và cũng lại nói pháp Thiện tri thức cho các Thầy rồi. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy cùng nhau xa lìa pháp Ác tri thức, nhớ cùng tu hành pháp Thiện tri thức. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Thích Sí, vườn Ni-câu-lưu, cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ năm trăm người hào quý thuộc dòng họ Thích trong nước muốn có chỗ bàn luận, bèn tập hợp tại giảng đường Phổ Nghĩa. Bấy giờ Bà-la-môn Thế Điển liền đến chỗ dòng họ Thích kia bảo với họ Thích:

— Thế nào chư vị, trong đây có Sa-môn, Bà-la-môn cùng người thế tục nào có thể cùng ta nghị luận chăng ?

Bấy giờ những người họ Thích bảo Bà-la-môn Thế Điển.

— Nay ở trong đây có hai người tài cao học rộng ở tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Hai người nào ? Một người tên là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, hai là Cù-đàm họ Thích, Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. So với Tỳ-kheo Bàn-đặc thì mọi người biết ít, vô văn, cũng không trí tuệ, ngôn ngữ vụng về, không phân biệt trước, sau (khứ lai). Lại nữa, cả nước Ca-tỳ-la-vệ này đều là vô trí, vô văn, cũng không thông tuệ, là người vụng về, có nhiều xấu uế, như thế so với Cù-đàm. Nay Ông có thể cùng họ luận nghị. Nếu Bà-la-môn có thể luận nghị thắng được hai người ấy, năm trăm người chúng tôi sẽ tùy

thời cúng dường những thứ cần dùng, cũng sẽ tặng ngàn giạt vàng ròng (1 giạt: 20 lạng).

Bấy giờ Bà-la-môn liền nghĩ: “Dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ này hẳn đều là thông minh, có nhiều kỹ thuật, gian xảo quỷ quyệt, hư ngụy không có chánh hạnh. Nếu ta cùng hai người kia luận nghị mà thắng được, đâu đủ cho là lạ. Còn như người ấy thắng ta, tức là ta bị người ngu nhiếp phục. Nghĩ hai lẽ này, ta chẳng kham cùng họ luận nghị.”

Bà-la-môn Thế Điển nghĩ như thế rồi liền lui đi.

Lúc này, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đến giờ ôm bát vào thành Ca-tỳ-la-vệ khát thực. Bà-la-môn Thế Điển từ xa trông thấy Châu-lợi-bàn-đặc đi đến, liền hỏi:

— Sa-môn tên gì ?

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc nói:

— Thôi ! Bà-la-môn ! Ông chẳng cần hỏi tên. Sở dĩ Ông đến đây vì muốn hỏi nghĩa, thì nên hỏi đi !

Bà-la-môn nói:

— Sa-môn có thể cùng luận nghị với ta chăng ?

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc nói:

— Ta còn có thể cùng Phạm thiên luận nghị, hà huống cùng người mù không mắt như Ông.

Bà-la-môn nói:

— Người mù tức không phải là người không mắt sao ? Không mắt ắt không phải mù sao ? Đây chỉ là một nghĩa, há không phải là lập lại lời thôi ?

Lúc này, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc liền bay lên không trung hiện mười tám thứ biến hóa. Bấy giờ Bà-la-môn liền nghĩ: “Sa-môn này chỉ có thần túc chứ không biết nghị luận. Nếu có ai giải được nghĩa này cho ta, ta sẽ thân làm đệ tử.”

Lúc này Tôn giả Xá-lợi-phất dùng Thiên nhĩ nghe được lời này: “Châu-lợi-bàn-đặc cùng Bà-la-môn Thế Điển luận nghị.”

Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất liền biến thân thành Tỳ-kheo Bàn-đặc, rồi ẩn hình Tỳ-kheo Bàn-đặc khiến không cho hiện nữa, và bảo Bà-la-môn:

— Bà-la-môn ! Nếu Ông nghĩ rằng Sa-môn này chỉ có thần túc chứ chẳng kham luận nghị, thì nay Ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói cho, ta sẽ đáp nghĩa Ông hỏi, dựa theo gốc của luận này, lại dẫn thêm ví dụ. Nay Bà-la-môn ! Nay Ông tên là gì ?

Bà-la-môn nói:

— Ta tên Phạm Thiên.

Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

— Ông là trượng phu chăng ?

— Ta là trượng phu.

— Là người chăng ?

— Là người.

Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

— Thế nào Bà-la-môn ? Trượng phu cũng là người, người cũng là trượng phu. Đây cũng là một nghĩa, há không là lập lại lời thôi sao ? Nhưng này Bà-la-môn ! Mù cùng với không mắt, nghĩa này không đồng.

Bà-la-môn nói:

— Thế nào, Sa-môn gọi đó là mù ư ?

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

— Ví như chẳng thấy đời này, đời sau, người sanh, người diệt, màu tốt, màu xấu, hoặc đẹp hoặc xấu, chúng sanh tạo hạnh thiện ác, như thực mà chẳng biết, trọn không thấy gì nên gọi đó là mù.

Bà-la-môn nói:

— Thế nào là người không mắt ?

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

— Mắt là mắt trí tuệ vô thượng. Người kia không có con mắt trí tuệ này nên gọi là không mắt.

Bà-la-môn nói:

— Thôi, thôi ! Sa-môn ! Bỏ tạp luận này đi !
Nay ta muốn hỏi nghĩa sâu xa. Thế nào Sa-môn ? Có thể không nương pháp mà được Niết-bàn chăng ?

Châu-lợi đáp:

— Chẳng nương Ngũ thanh ấm mà được Niết-bàn.

Bà-la-môn nói:

— Thế nào Sa-môn ? Ngũ thanh ấm này là có duyên sanh hay vô duyên sanh ?

Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

— Ngũ thanh ấm này là có duyên sanh chứ không phải vô duyên sanh.

— Ngũ thanh ấm duyên cái gì ?

— Ái là duyên.

— Cái gì là ái ?

— Là sanh vậy.

Bà-la-môn nói:

— Cái gì gọi là sanh ?

Tỳ-kheo đáp:

— Tức là ái.

Bà-la-môn nói:

— Ái có đạo nào ?

Tỳ-kheo nói:

— Là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh, đó là Chánh kiến, Chánh nghiệp, Chánh ngữ, Chánh mạng, Chánh hạnh, Chánh phương tiện, Chánh niệm, Chánh định. Đó gọi là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh.

Bấy giờ Châu-lợi-bàn-đặc rộng vì Bà-la-môn thuyết pháp rồi, Bà-la-môn nghe Tỳ-kheo dạy như thế xong, các trần cấu sạch hết, được pháp nhân thanh tịnh; liền ở nơi đó bị (phong) gió đao trong thân nổi lên mà mạng chung.

Lúc này Tôn giả Xá-lợi-phất, hoàn lại thân hình bay lên không trung trở về chỗ ở. Bấy giờ, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đến giảng đường Phổ Nghĩa, chỗ những người họ Thích đang tụ tập. Đến rồi bảo họ:

— Các Ông ! Mau sắm sửa dầu bơ, củi đuốc, đến trà-tỳ Bà-la-môn Thế Điển.

Bấy giờ họ Thích liền sắm sửa dầu bơ, đến trà-tỳ

(na-duy) Bà-la-môn Thế Điển, dựng tháp ở ngã tư đường. Mọi người theo nhau đến chỗ Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, đến rồi quỳ lạy và ngồi một bên. Rồi các người họ Thích dùng bài kệ này nói với Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

*Trà-tỳ rồi dựng tháp,
Chẳng trái lời Tôn giả,
Chúng con được lợi lớn,
Được gặp phước lành này.*

Bấy giờ, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc liền dùng kệ này đáp:

*Nay chuyển Tôn pháp luân,
Hàng phục các ngoại đạo,
Trí tuệ như biển lớn,
Đến đây hàng Phạm chí.
Chỗ tạo hạnh thiện ác,
Quá, hiện và vị lai,
Ưc kiếp không quên mất,
Thế nên hãy làm phước.*

Bấy giờ Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc rộng vì các người họ Thích kia thuyết pháp xong. Họ Thích bạch Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc:

— Nếu Tôn giả cần y phục, thức ăn uống, giường mền, ngựa cù, thuốc men trị bệnh, chúng

con đều sẽ cung cấp mọi thứ. Cúi mong Ngài nhận lời thỉnh cầu, chớ cự tuyệt một chút tình.

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc im lặng nhận lời.

Bấy giờ các người họ Thích nghe Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc nói xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, tại vườn trúc Ca-lan-đà, cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ người ác Đề-bà-đạt-đa liền đến chỗ vương tử Bà-la-lưu-chi (A-xà-thế) bảo vương tử:

— Ngày xưa dân chúng thọ mạng rất dài. Như nay người thọ không quá trăm năm. Vương tử nên biết, mạng người vô thường, nếu không lên ngôi, nửa đường mạng chung chẳng đau sao ? Vương tử ! Giờ hãy dứt mạng vua cha, thống lãnh quốc dân. Nay ta sẽ giết Sa-môn Cù-đàm, làm Vô Thượng Chí Chân Đăng Chánh Giác. Ở nơi nước Ma-kiệt, làm vua mới, Phật mới không thích hay sao ? Như mặt trời xuyên qua mây, không đâu chẳng chiếu; như mặt trăng mây tan sáng rõ giữa ngàn sao.

Bấy giờ vương tử Bà-la-lưu-chi, liền bắt vua cha giam vào ngục sắt, lập thêm quan phụ tá thống lãnh nhân dân.

Khi ấy có nhiều Tỳ-kheo vào thành La-duyet khát thực, liền nghe Đề-bà-đạt-đa dạy vương tử giam vua cha vào ngục sắt, lập thêm quan phụ tá. Lúc này, các Tỳ-kheo khát thực xong trở về chỗ ở, thu xếp y bát đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi bạch Thế Tôn:

— Sáng nay chúng con vào thành khát thực, nghe người ngu Đề-bà-đạt-đa dạy vương tử khiến bắt vua cha giam vào lao ngục, lại lập thần tá. Rồi Ông dạy vương tử: “Ông giết vua cha, ta hại Như Lai, ở nước Ma-kiệt này làm vua mới, Phật mới, chẳng thích sao !”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu vua chúa cai trị không dùng chánh lý, bấy giờ cận thần cũng hành phi pháp. Cận thần đã hành phi pháp, bấy giờ vương thái tử cũng hành phi pháp. Thái tử đã thành phi pháp, bấy giờ quần thần, trưởng quan cũng hành phi pháp. Quần thần, trưởng quan đã hành phi pháp, bấy giờ nhân dân cõi nước cũng hành phi pháp. Nhân dân cõi nước đã hành phi pháp, bấy giờ các chúng binh mã cũng hành phi pháp. Binh chúng đã hành phi pháp, bấy giờ mặt trời, mặt trăng đảo lộn, chuyển vận không đúng giờ. Mặt trời, mặt trăng đã sai giờ liền không có năm tháng. Đã không có năm tháng, trời sai,

trăng lâm, không còn tinh quang. Trời, trăng đã không tinh quang, bấy giờ tinh tú hiện quái. Tinh tú đã hiện biến quái liền có bạo phong nổi lên. Đã có bạo phong nổi lên, thì chư Thần giận dữ. Chư Thần đã giận dữ, bấy giờ có mưa không đúng thời, lúc ấy hạt ngũ cốc ở dưới đất bèn chẳng tăng trưởng, loài người, các loài bò, bay, máy, cựa, nhan sắc biến đổi, thọ mạng rất ngắn.

Nếu lại có lúc phép vua cai trị chính đáng, bấy giờ quân thần cũng hành Chánh pháp. Quân thần đã hành Chánh pháp, thì vương thái tử cũng hành Chánh pháp. Vương thái tử đã hành Chánh pháp, bấy giờ trưởng quan cũng hành Chánh pháp. Trưởng quan đã hành Chánh pháp, nhân dân cõi nước cũng hành Chánh pháp; mặt trời, mặt trăng thuận thường, gió mưa đúng thời, tai quái không hiện, thần kỳ hoan hỷ, ngũ cốc đầy đầy, vua tôi hòa mục, nhìn nhau như anh em, trọn không thêm bớt, loài hữu tình nhan sắc tươi tốt, thức ăn tự tiêu hóa không, có tai hại, thọ mạng cực dài, được người yêu kính.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Ví như trâu lội nước,
Dẫn đường nếu không chính,
Tất cả đều chẳng chính,
Đó do gốc dẫn đường.*

*Chúng sanh cũng như vậy,
Trong chúng đt có người
Dẫn đường hành phi pháp,
Huống là người thấp thỏm.
Dân chúng đều chịu khổ,
Do vương pháp chẳng chính,
Để biết hành phi pháp,
Tất cả dân cũng thế.
Ví như trâu lội nước,
Dẫn đường mà hành đúng,
Người theo cũng đều đúng,
Đó do gốc dẫn đường.
Chúng sanh cũng như vậy,
Trong chúng đt có người
Dẫn đường hành Chánh pháp,
Huống là hạng thú dân.
Dân chúng đều hưởng vui,
Do vương pháp dạy chính,
Nên biết hành Chánh pháp,
Tất cả dân cũng lợi.*

Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy bỏ phi pháp mà hành Chánh pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

XVIII. PHẨM TÂM QUÝ

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai diệu pháp ủng hộ thế gian. Thế nào là hai ? Nghĩa là có tâm, có quý. Nay các Tỳ-kheo, nếu không có hai pháp này, thế gian sẽ không phân biệt có cha, có mẹ, có anh, có em, có vợ con, tri thức, tôn trưởng, lớn nhỏ; liên sẽ cùng lục súc heo, gà, chó, trâu, dê v.v... đồng một loại. Do thế gian có hai pháp này ủng hộ, nên thế gian ấy phân biệt có cha, có mẹ, anh em, vợ con, tôn trưởng, lớn nhỏ, cũng không đồng với lục súc. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tập có tâm, có quý. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Đời có hai người không biết chán đủ mà bị mạng chung. Thế nào là hai người ? Nghĩa là người được tài vật hằng cất giấu và người được vật mà thích cho người. Đó là hai người không biết chán đủ mà bị mạng chung.

Bấy giờ có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Thế Tôn ! Chúng con không hiểu nghĩa chỉ nói sơ lược này. Thế nào là được vật mà cất giấu ? Thế nào là được vật mà cho người ? Cúi mong Thế Tôn diễn rộng nghĩa này.

Thế Tôn dạy:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt nghĩa này.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ Phật dạy các Tỳ-kheo:

— Ở đây có người tộc tánh, học các kỹ thuật,

hoặc tập làm ruộng, hoặc tập thư số, hoặc tập kế toán, hoặc tập thiên văn, hoặc tập địa lý, hoặc tập bói tướng, hoặc tập đi sứ phương xa hoặc làm vương tá, chẳng tránh lạnh nóng, đói rét, cần khổ để tự mưu sống. Người ấy bỏ ra công sức này mà được tài vật, người ấy không dám ăn xài, cũng không cho vợ con, cũng chẳng cho nô tỳ, những người thân thuộc, cũng đều chẳng cho. Tài vật của người ấy hoặc bị vua cướp đoạt, hoặc bị giặc giã, hoặc lửa cháy, nước cuốn, phân tán chỗ khác, chẳng được lợi ích, hoặc ngay trong nhà có người phân tán tài vật này chẳng giữ mãi được. Đó là, này Tỳ-kheo, người được tài vật mà che giấu.

Còn, thế nào là được tài vật mà phân phát ? Có người có tộc tánh, học các kỹ thuật, hoặc tập làm vườn, hoặc tập thư số, hoặc tập kế toán, hoặc tập thiên văn, địa lý, hoặc tập bói tướng, hoặc học làm sứ phương xa, hoặc làm vương tá, chẳng tránh lạnh, nóng, đói rét, cần khổ mà tự mưu sống. Người ấy ra công sức này mà thu hoạch tài vật, họ ban phát cho chúng sanh, cấp cho cha mẹ, nô tỳ, vợ con, cũng cấp rộng đến Sa-môn, Bà-la-môn, tạo các công đức, trồng phước cõi trời. Đó là, này Tỳ-kheo, được tài vật mà bố thí. Đó là, này Tỳ-kheo, hai người không biết chán đủ. Như người trước, được vật mà cất

chứa, các Thầy hãy nhớ xa lìa. Người thứ hai được mà bố thí rộng rãi, các Thầy nên học nghiệp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Thường nên thí pháp, chớ tập thí thức ăn. Sở dĩ như thế vì ngày nay các Thầy có phước báo. Nếu đệ tử Ta cung kính đối với pháp thì không tham lợi dưỡng. Nếu người tham lợi dưỡng thì có lỗi lớn với Như Lai. Vì sao ? Vì là chúng sanh không phân biệt pháp, phá hủy lời dạy của Thế Tôn. Đã hủy lời dạy của Thế Tôn, về sau không đến đạo Niết-bàn được, Ta bèn phải hổ thẹn. Vì sao thế ? Vì đệ tử Như Lai tham đắm lợi dưỡng, chẳng hành đúng pháp, chẳng phân biệt pháp, hủy lời dạy của Thế Tôn, chẳng thuận theo Chánh pháp. Đã hủy lời dạy của Thế Tôn lại chẳng đến đạo Niết-bàn.

Nay Tỳ-kheo các Thầy, hãy nhớ pháp thí, chớ nghĩ dục thí, liền được danh dự nghe khắp bốn phương. Cung kính pháp, không tham tài vật, thì

không bị xấu hổ. Sở dĩ như thế vì ưa pháp thí, không tham nghĩ về dục thí. Đó là, này Tỳ-kheo, hãy nhớ pháp thí, chớ quen theo tài thí. Tỳ-kheo các Thầy, Ta thuyết nghĩa này là vì nghĩa nào mà nói duyên này ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Cúi mong Thế Tôn phân biệt mọi điều.

Bấy giờ Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

— Lúc trước có một người thỉnh Ta đến để cúng dường. Rồi sau đó Ta còn một ít thức ăn có thể bỏ đi. Có hai Tỳ-kheo từ phương xa đến, thân hình mỗi một, nhan sắc biến đổi. Bấy giờ, Ta bèn bảo Tỳ-kheo ấy:

— “Có thức ăn thừa đáng lẽ bỏ đi, Thầy cần thì tùy thời có thể lấy để tự lo cho mình.

Thời một Tỳ-kheo liền nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn có thức ăn dư có thể vứt bỏ, người tùy thời cần có thể lấy được. Nếu chúng ta không lấy ăn, thì sẽ đem thức ăn này trút chỗ đất sạch hoặc bỏ vào nước. Vậy nay chúng ta hãy lấy thức ăn này để lấp bụng đói, thêm khí lực.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy lại nghĩ: “Phật cũng dạy: “Hãy hành pháp thí, chớ nghĩ đến dục thí.” Sở dĩ

như thế, vì bố thí hơn hết không gì qua tài thí. Sau đó, pháp thí là tôn trọng nhất. Nay ta kham chịu suốt ngày cũng xong, chẳng cần nhận phước của tài thí.”

Bấy giờ Tỳ-kheo ấy bèn tự dừng ý, không lấy của thí kia, thân thể mỏi mệt, không thêm để ý đến mạng mình.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo thứ hai lại nghĩ: “Thế Tôn cũng có thức ăn dư đáng bỏ. Nếu chúng ta không lấy ăn thì sẽ mệt mỏi. Nay lấy thức ăn này để lấp bụng đói, được thêm khí lực, ngày đêm an ổn.”

Bấy giờ Tỳ-kheo ấy liền lấy thức ăn, ngày đêm an ổn, khí lực sung túc.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo ấy tuy lấy thức ăn cúng dường kia, trừ được đói thiếu, khí lực sung túc, nhưng chẳng bằng vị Tỳ-kheo trước đáng kính, đáng quý, rất đáng tôn trọng. Tỳ-kheo ấy tiếng tăm vang xa lâu dài, đối với luật tri túc dễ được đầy đủ. Các Tỳ-kheo hãy học pháp thí, chớ học nghĩ đến dục thí. Trước Ta nói là do nhân duyên này.

Bấy giờ Thế Tôn dạy như thế xong, liền rời chỗ ngồi mà đi. Lúc này chúng Tỳ-kheo lại nghĩ: “Vừa rồi Thế Tôn nói lược cốt yếu, trọn không

giảng rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy vào thất lặng lẽ. Nay trong chúng này, ai có thể kham nhận diễn nghĩa sơ lược này cho rộng rãi ?”

Bấy giờ chúng Tỳ-kheo lại nghĩ: “Nay Tôn giả Xá-lợi-phất thường được Thế Tôn khen ngợi. Chúng ta hãy cùng đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất.”

Lúc này chúng Tỳ-kheo liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, vái chào nhau rồi ngồi một bên. Ngồi một bên xong, các Tỳ-kheo mới đem việc đã nghe Thế Tôn dạy, kể lại cho Tôn giả Xá-lợi-phất.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là đệ tử Thế Tôn tham đắm lợi dưỡng không tu hành pháp ? Thế nào là đệ tử Thế Tôn không tham đắm lợi dưỡng tu hành pháp ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Chúng tôi từ xa đến, thưa hỏi nghĩa này để tu hành. Tôn giả Xá-lợi-phất có đủ khả năng xin giảng rộng nghĩa này cho chúng tôi.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

— Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, tôi sẽ vì các Thầy nói rộng nghĩa này.

Các Tỳ-kheo thưa:

— Xin vâng.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

— Đệ tử Thế Tôn học tịch tĩnh, niệm được an ổn mà đệ tử Thanh văn không học như thế. Thế Tôn dạy pháp nên diệt mà các Tỳ-kheo cũng chẳng chịu diệt, trong đó lại giải đãi khởi các loạn tướng; điều nên làm, chẳng chịu làm; chỗ chẳng nên làm, lại tu hành. Bấy giờ, này chư Hiền, các bậc Tỳ-kheo trưởng lão, đối với ba chỗ có sự hổ thẹn. Thế nào là ba ? Thế Tôn thường thích chỗ tịch tĩnh, bấy giờ Thanh văn chẳng học điều này. Tỳ-kheo trưởng lão bèn có hổ thẹn. Thế Tôn dạy người hãy diệt pháp này, mà Tỳ-kheo chẳng diệt pháp này. Tỳ-kheo trưởng lão liền có hổ thẹn. Trong đó khởi niệm loạn tướng, ý không chuyên nhất. Tỳ-kheo trưởng lão liền có hổ thẹn.

Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo trung niên ở ba chỗ liền có hổ thẹn. Thế nào là ba ? Thế Tôn thường thích chỗ tịch tĩnh, bấy giờ Thanh văn chẳng học điều này. Tỳ-kheo bậc trung liền có hổ thẹn. Thế Tôn dạy người nên diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo ấy không diệt pháp này. Tỳ-kheo bậc trung liền có hổ thẹn. Trong đó khởi niệm loạn tướng, ý không chuyên nhất. Tỳ-kheo trung niên liền có hổ thẹn.

Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo niên thiếu ở ba

chỗ có sự hổ thẹn. Thế nào là ba ? Đệ tử Thế Tôn thường thích chỗ tịch tĩnh, bấy giờ Thanh văn chẳng học điều này. Tỳ-kheo niên thiếu liền có hổ thẹn. Thế Tôn dạy người nên diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo ấy không diệt pháp này. Tỳ-kheo niên thiếu liền có hổ thẹn. Trong đó lại khởi niệm loạn tưởng, ý không chuyên nhất. Tỳ-kheo niên thiếu liền có hổ thẹn.

Đó là, này chư Hiền, tham trước đối với tiền tài, không dính dáng đến pháp.

Các Tỳ-kheo bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Thế nào là Tỳ-kheo tham đắm vào pháp, không dính mắc tài lợi ?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Ở đây, này Tỳ-kheo, Thế Tôn thích chỗ tịch tĩnh, Thanh văn cũng học Như Lai thích chỗ tịch tĩnh. Thế Tôn thuyết nên diệt pháp này, các Tỳ-kheo liền diệt pháp này, chẳng giải đãi cũng chẳng loạn, điều nên làm liền tu hành; điều chẳng nên làm, liền chẳng làm.

Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo trưởng lão ở ba chỗ liền có danh xưng. Thế nào là ba ? Ở đây, này Tỳ-kheo, Thế Tôn ưa chỗ tịch tĩnh, thời Thanh văn cũng ưa chỗ tịch tĩnh, thời Tỳ-kheo trưởng lão liền

có danh xưng. Thế Tôn dạy người nên diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, thời Tỳ-kheo trưởng lão liền có danh xưng. Bên trong không khởi niệm loạn tưởng, ý thường chuyên nhất, thời Tỳ-kheo trưởng lão liền có danh xưng.

Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo trung niên ở ba nơi liền có danh xưng. Thế nào là ba ? Ở đây, này Tỳ-kheo, Thế Tôn vui chỗ tịch tĩnh, Thanh văn cũng vui chỗ tịch tĩnh, thời Tỳ-kheo trung niên liền có danh xưng. Thế Tôn dạy người hãy diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, thời Tỳ-kheo trung niên liền có danh xưng. Bên trong không khởi niệm loạn tưởng, ý thường chuyên nhất, thời Tỳ-kheo trung niên liền có danh xưng.

Chư Hiền nên biết ! Tỳ-kheo niên thiếu ở ba chỗ liền có danh xưng. Thế nào là ba ? Ở đây, này Tỳ-kheo, Thế Tôn ưa chỗ tịch tĩnh, Tỳ-kheo niên thiếu cũng ưa chỗ tịch tĩnh, thời Tỳ-kheo niên thiếu liền có danh xưng. Thế Tôn dạy người hãy diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo niên thiếu liền diệt pháp này, thời Tỳ-kheo niên thiếu liền có danh xưng. Bên trong không khởi niệm loạn tưởng, ý thường chuyên nhất, thời Tỳ-kheo niên thiếu liền có danh xưng.

Chư Hiền nên biết, Tham là bệnh, tai họa rất lớn, sân giận cũng thế. Diệt được tham dâm, sân

giận thì được trung đạo, nhân sanh, trí sanh, các trời buộc dứt hết, đến được Niết-bàn. Xan lẫn, tật đổ là bệnh cũng rất nặng, phiền não nung nấu, kiêu mạn cũng sâu, huyền ngục chẳng chân thật, không hổ không thẹn, chẳng thể xa lìa dâm dục, làm bại hoại sự ngay chánh, mạn và tăng thượng mạn cũng lại chẳng bỏ. Hai mạn này nếu diệt sẽ được ở trung đạo, nhân sanh, trí sanh, các trời buộc dứt hết, đến được Niết-bàn.

Tỳ-kheo bạch:

— Tôn giả Xá-lợi-phất ! Thế nào là ở trung đạo, nhân sanh, trí sanh, các trời buộc dứt hết, đến được Niết-bàn ?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Chư Hiền nên biết, đó là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh, nghĩa là Chánh kiến, Chánh trí (tư duy), Chánh ngữ, Chánh hạnh (nghệp), Chánh mạng, Chánh phương tiện (tinh tấn), Chánh niệm, Chánh tam-muội (định). Đây chư Hiền, đó là ở trung đạo, nhân sanh, trí sanh, các trời buộc dứt hết, đến được Niết-bàn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyet, tại vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ đắp y, ôm bát vào thành La-duyet khát thực tại một ngõ làng. Khi ấy ở làng đó, có vợ một Phạm chí muốn ăn cơm nhưng Bà-la-môn lại vừa ra khỏi cửa. Bà ta trông thấy Thế Tôn từ xa liền đến chỗ Thế Tôn mà hỏi:

— Ngài có thấy Bà-la-môn đâu không ?

Khi ấy Tôn giả Đại Ca-diếp đã ở ngõ đó trước rồi. Thế Tôn liền đưa tay chỉ, Ngài nói:

— Đây là Bà-la-môn.

Bấy giờ vợ Bà-la-môn nhìn sừng mặt Như Lai, im lặng không nói.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Người không dục, không sân,
Bỏ ngu không có si,
A-la-hán lậu tận,
Đó gọi là Phạm chí.
Người không dục, không sân,
Bỏ ngu, không có si,
Bỏ hết nhóm kiết sử,
Đó gọi là Phạm chí.
Người không dục, không sân,*

*Bỏ ngu, không có si,
Đã đoạn mạn ngô ngã,
Đó gọi là Phạm chí.
Nếu người muốn biết pháp,
Của bậc Chánh Giác thuyết.
Chí thành tự quay về,
Đấng Tối Tôn Vô Thượng.*

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Ca-diếp:

— Thầy nên đến vì vợ người Phạm chí này khiến cho bà ta ngay thân hiện tại thoát được tội cũ.

Lúc đó Tôn giả Ca-diếp vâng lời Phật dạy, đến nhà vợ Phạm chí, tới tòa mà ngồi. Lúc này vợ Bà-la-môn liền bày các thức ăn uống ngon ngọt cúng dường cho Tôn giả Ca-diếp. Tôn giả Ca-diếp liền nhận các thức ăn uống, vì muốn độ bà ta mà nói kệ:

*Tế tự, lửa hơn hết,
Các sách, tụng tối thượng,
Vua là bậc người trọng,
Các dòng, biển là hơn.
Các sao, trăng đứng đầu,
Chiếu sáng, mặt trời nhất,
Bốn phía và trên dưới,
Ở các phương, cảnh vực.*

*Trời và người thế gian,
Phật là tối Tôn thượng.
Người muốn cầu phước này,
Nên quy y Chánh Giác.*

Vợ Phạm chí kia nghe lời này xong, vui mừng hớn hở không kềm được, đến trước Tôn giả Ca-diếp bạch:

— Cúi mong Tôn giả, hằng nhận lời thỉnh của tôi mà đến nhà này thọ thực.

Tôn giả Ca-diếp nhận lời, thọ thực tại đó. Vợ Bà-la-môn thấy Tôn giả Ca-diếp ăn xong, bèn lấy một ghế thấp đến trước Tôn giả Ca-diếp ngồi. Tiếp đó, Tôn giả Ca-diếp liền thuyết pháp vi diệu cho bà ta, nghĩa là luận về thí, giới luận, luận về sanh thiên, dục là bất tịnh, dứt hết lậu hoặc là cao thượng, xuất gia là căn yếu.

Tôn giả Ca-diếp đã biết vợ Phạm chí tâm ý khai mở, lòng rất hân hoan. Những điều chư Phật thường thuyết pháp: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Tôn giả Ca-diếp đều thuyết cho vợ Phạm chí hết. Vợ Phạm chí ở ngay tòa ngồi, dứt sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Ví như áo lót trắng mới tinh, không có bụi dơ, dễ nhuộm màu; vợ Phạm Chí cũng lại như thế, ngay trên tòa ngồi được pháp

nhân thanh tịnh. Bà ta đã được pháp, thấy pháp, phân biệt pháp chẳng có hồ nghi, đã được vô úy, tự quy y ba bậc đáng tôn trọng là Phật, Pháp và Thánh chúng, thọ trì ngũ giới. Tôn giả Ca-diếp thuyết pháp vi diệu cho vợ Phạm chí một lần nữa, rồi từ chỗ ngồi đứng lên mà đi.

Ngài Ca-diếp đi chưa bao lâu, chồng bà ta ở xa về nhà. Bà-la-môn thấy nhan sắc người vợ vui tươi khác thường liền hỏi vợ. Người vợ đem nhân duyên này kể lại đầy đủ cho chồng. Bà-la-môn nghe xong, liền cùng vợ đi đến Tinh xá, đến chỗ Thế Tôn. Bà-la-môn cùng Thế Tôn chào hỏi nhau xong, ngồi xuống một bên. Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

— Vừa rồi có Bà-la-môn đến nhà tôi, nay ở đâu ?

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp cách Thế Tôn chẳng xa, ngồi kiết-già, chánh thân, chánh ý, suy tư về diệu pháp.

Thế Tôn từ xa chỉ Đại Ca-diếp, nói:

— Đây là tôn trưởng Bà-la-môn.

Bà-la-môn nói:

— Thế nào Cù-đàm ? Sa-môn tức là Bà-la-môn chẳng ? Sa-môn và Bà-la-môn há không khác sao ?

Thế Tôn dạy:

— Muốn nói Sa-môn, chính là thân Ta. Sở dĩ như thế, vì Ta tức là Sa-môn. Có các giới luật mà Sa-môn phải tụng trì, Ta đều đã được. Như nay muốn luận về Bà-la-môn, thì cũng là thân Ta. Vì sao thế ? Vì Ta tức là Bà-la-môn. Các Bà-la-môn thời quá khứ trì pháp hạnh nào, Ta đều đã biết hết.

Muốn luận Sa-môn, tức là Đại Ca-diếp. Vì sao thế ? Sa-môn có các luật, Tỳ-kheo Ca-diếp đều giữ hết. Muốn luận Bà-la-môn, cũng là Tỳ-kheo Ca-diếp. Vì sao thế ? Bà-la-môn phụng trì các cấm giới, Tỳ-kheo Ca-diếp đều rõ biết hết.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Ta chẳng nói Phạm chí,
Là người rành chú thuật,
Xướng rằng sanh Phạm thiên,
Đây là chưa rời trời.
Không trời, không đường sanh,
Hay thoát tất cả kiết,
Lại không xưng phước trời,
Tức Sa-môn, Phạm chí.*

Bấy giờ Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

— Nói là kết phược (buộc trời), những gì gọi là kết ?

Thế Tôn dạy:

— Dục ái là kết, sân nhuế là kết, ngu si là kết. Như Lai không có dục ái này, diệt hẳn không sót; sân nhuế, ngu si cũng lại như thế. Như Lai chẳng còn kết này nữa.

Bà-la-môn nói:

— Cúi mong Thế Tôn nói pháp sâu mầu không có các kết phược này nữa.

Thế rồi đức Thế Tôn lần lượt thuyết luận vi diệu cho Bà-la-môn. Luận tức là thí luận, giới luận, luận sanh thiên; dục là bất tịnh; dứt hết lậu hoặc là hơn hết; xuất gia là căn yếu.

Bấy giờ Thế Tôn biết Bà-la-môn kia tâm ý khai mở, lòng rất hoan hỉ điều mà chư Phật thời xưa thường thuyết pháp: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bấy giờ Thế Tôn đều thuyết hết cho Bà-la-môn. Bà-la-môn ngay trên chỗ ngồi, dứt sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Ví như áo lót trắng tinh, không có bụi dơ, dễ nhuộm màu; Bà-la-môn cũng lại như thế, ngay trên chỗ ngồi được pháp nhãn thanh tịnh. Ông ta đã được pháp, thấy pháp, phân biệt pháp không có hồ nghi, đã đến chỗ vô úy, tự quy Tam tôn: Phật, Pháp và Thánh chúng, thọ trì

— Thôi ! Thôi ! Các Ưu-bà-tắc chớ có sầu não. Vì sao thế ? Thân của Như Lai chẳng phải là thân thể tục, nên chẳng bị người khác làm hại; hoàn toàn không có việc này. Các Ưu-bà-tắc nên biết, đất Diêm-phù-đề Đông Tây rộng bảy ngàn do-tuần, Nam Bắc dài hai mươi một ngàn do-tuần; đất Cù-da-ni bề ngang rộng tám ngàn do-tuần hình như nửa mặt trăng; đất Phất-vu-đệ bề ngang rộng chín ngàn do-tuần, đất đại vuông vức; đất Uất-đan-việt bề ngang rộng mười ngàn do-tuần, đất đại tròn như mặt trăng đầy. Ngay dù trong bốn thiên hạ này đây voi say giống như lúa mè, lùm rừng, số như thế vẫn chẳng thể làm động một mảy lông của Như Lai, huống là hại được Như Lai; hoàn toàn không có việc này. Ngoài bốn thiên hạ ra, lại có cả ngàn thiên hạ, ngàn trời trắng, ngàn núi Tu-di, ngàn nước bốn biển, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Cù-da-ni, ngàn Phất-vu-đệ, ngàn Uất-đan-việt, ngàn Tứ thiên vương, ngàn trời Ba mươi ba, ngàn trời Đâu-suất, ngàn trời Diệm thiên, ngàn trời Hóa tự tại, ngàn trời Tha hóa Tự tại, đây gọi là ngàn thế giới. Cho đến hai ngàn thế giới, đây gọi là trung thiên thế giới. Cho đến ba ngàn thế giới, đây gọi tam thiên đại thiên thế giới. Trong đó Long vương Y-la-bát đây đây vẫn không thể làm động một mảy lông của

ngũ giới, làm đứa con chân thật của Như Lai, không còn lui sụt nữa.

Bấy giờ vợ chồng Bà-la-môn nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyet, vườn trúc Ca-lan-đa cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ vua A-xà-thế có con voi tên Na-la-kỳ-lê, vô cùng hung tàn bạo ngược, mạnh mẽ hay trừ dẹp oán thù. Nhờ sức voi đó, khiến cho không đâu không nép phục một nước Ma-kiệt.

Bấy giờ Đê-bà-đạt-đa liền đến chỗ vua A-xà-thế, nói:

— Đại vương nên biết ! Nay con voi này tàn ác, có thể hàng phục các kẻ thù. Hãy đem rượu mạnh cho voi uống say, sáng sớm Sa-môn Cù-đàm ắt sẽ vào thành khát thực, hãy thả voi say này cho chà đạp chết đi !

Vua A-xà-thế nghe Đê-bà-đạt-đa dạy liền ra lệnh trong nước: Sáng sớm mai sẽ thả voi say, cấm nhân dân đi lại trong làng xóm.

Lúc này Đê-bà-đạt-đa nói với vua A-xà-thế:

— Nếu Sa-môn Cù-đàm kia có nhất thiết trí

biết việc tương lai thì ngày mai ắt không vào thành khát thực.

Vua A-xà-thế nói:

— Đúng như lời Ngài dạy. Nếu người có nhất thiết trí, sáng sớm mai sẽ không vào thành khát thực.

Bấy giờ nam nữ, già trẻ trong thành La-duyệt kính thờ Phật, nghe vua A-xà-thế sáng sớm mai sẽ thả voi say hại Như Lai. Nghe xong ai cũng lo buồn, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên, bạch Thế Tôn:

— Sáng sớm mai xin Thế Tôn chó có vào thành.

— Vì sao thế ?

— Vì nay vua A-xà-thế có ban lệnh bắt “nhân dân trong thành ngày mai chó qua lại ở làng xóm, ta muốn thả voi say hại Sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn có Nhất thiết trí, sáng sớm mai sẽ không vào thành khát thực.”

Cúi mong Thế Tôn chó có vào thành. Nếu Như Lai bị hại, người đời sẽ mất con mắt, không còn được cứu hộ.

Thế Tôn bảo:

Như Lai, huống là con voi này lại muốn hại Như Lai được sao ? Hoàn toàn không có việc này. Vì sao thế ? Thần lực của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai ra đời, trọn chẳng bị người làm tổn hại. Các Ông nên trở về chỗ của mình. Như Lai sẽ tự biết đối phó việc này.

Bấy giờ Thế Tôn rộng thuyết pháp vi diệu cho bốn bộ chúng, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe thuyết Chánh pháp xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng lên lễ Phật mà lui đi.

Sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát muốn vào thành La-duyet khát thực. Khi ấy, Thiên vương Đề-dầu-lại-tra cùng Càn-thát-bà v.v... từ phương Đông đến theo hầu Thế Tôn; Tỳ-lưu-lặc-vương cùng chúng Cưu-bàn-trà theo hầu Thế Tôn; phương Tây có Tỳ-lưu-ba-xoa cùng các chúng rồng theo hầu Như Lai; phương Bắc Thiên vương Câu-tỳ-la cùng chúng quỷ La sát theo hầu Như Lai. Bấy giờ Thích-đề-toàn nhân đem vài ngàn vạn chúng thiên nhân, biến mất từ trời Đâu-suất hiện đến chỗ Thế Tôn, rồi trời Phạm thiên vương cùng vài ngàn vạn chúng Phạm thiên từ cõi trời Phạm thiên đến chỗ Thế Tôn. Thích, Phạm, Tứ thiên vương và hai mươi tám Trời, đại quỷ thần vương, mọi người bảo nhau:

— Hôm nay chúng ta sẽ xem hai thần voi và rồng đấu với nhau, ai sẽ thắng, bại.

Bốn bộ chúng trong thành La-duyet từ xa thấy Thế Tôn cùng chư Tỳ-kheo vào thành khát thực. Nhân dân trong thành đều cất tiếng hô hoán. Vua A-xà-thế nghe tiếng này, hỏi tả hữu:

— Đây là tiếng vang của những gì mà lọt vào đây ?

Thị thân đáp:

— Đây là Như Lai vào thành khát thực, dân chúng trông thấy nên có tiếng này.

A-xà-thế nói:

— Sa-môn Cù-dàm không có Thánh đạo, chẳng biết tâm người mà đến thử đối phó.

Vua A-xà-thế liền sai tượng sư:

— Ông mau cho voi uống rượu mạnh, mũi đeo gươm bén thả cho nó chạy.

Bấy giờ Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo đến cửa thành, vừa nhắc chân vào cửa thì trời đất chuyển động. Các bậc trời thần ở trên hư không tung các loại hoa. Năm trăm Tỳ-kheo thấy voi say đến, đều vùng chạy không biết đi đâu. Voi hung dữ kia thấy Như Lai ở xa liền xông tới. Thị giả A-nan thấy voi say đến, ở sau lưng Thế Tôn chẳng yên, bạch Thế Tôn:

— Voi này bạo ác, sợ sẽ hại mình, phải nên tránh xa nó.

Thế Tôn bảo:

— Chớ sợ, A-nan ! Nay Ta sẽ dùng cánh tay thân của Như Lai để hàng phục voi này.

Như Lai quan sát con voi hung bạo, khi cách nó không gần cũng chẳng xa, Ngài liền hóa ra các sư tử vương ở hai bên, sau lưng voi hóa thành một hầm lửa lớn. Voi hung bạo kia thấy sư tử vương ở hai bên và thấy hầm lửa liền vãi phân tiểu không chỗ phóng chạy, bèn sấn đến trước Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Mi chớ có hại rồng,
Rồng hiện rất khó gặp,
Do không có hại rồng,
Mà được sanh chỗ thiện.*

Voi hung bạo nghe Thế Tôn nói kệ này, như bị lửa đốt, tự cỡi kiếm hướng về Như Lai quỳ hai gối, phục xuống đất lấy vùi liếm chân Như Lai. Thế Tôn duỗi tay phải xoa đầu voi, nói:

*Sân giận sanh địa ngục,
Cũng làm thân rắn rít,
Thế nên hãy bỏ sân,
Chớ thọ lại thân này.*

— Voi này bạo ác, sợ sẽ hại mình, phải nên tránh xa nó.

Thế Tôn bảo:

— Chớ sợ, A-nan ! Nay Ta sẽ dùng cánh tay thân của Như Lai để hàng phục voi này.

Như Lai quan sát con voi hung bạo, khi cách nó không gần cũng chẳng xa, Ngài liền hóa ra các sư tử vương ở hai bên, sau lưng voi hóa thành một hầm lửa lớn. Voi hung bạo kia thấy sư tử vương ở hai bên và thấy hầm lửa liền vãi phân tiểu không chỗ phóng chạy, bèn sấn đến trước Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Mi chớ có hại rồng,
Rồng hiện rất khó gặp,
Do không có hại rồng,
Mà được sanh chỗ thiện.*

Voi hung bạo nghe Thế Tôn nói kệ này, như bị lửa đốt, tự cỡi kiếm hướng về Như Lai quỳ hai gối, phục xuống đất lấy vùi liếm chân Như Lai. Thế Tôn duỗi tay phải xoa đầu voi, nói:

*Sân giận sanh địa ngục,
Cũng làm thân rắn rít,
Thế nên hãy bỏ sân,
Chớ thọ lại thân này.*

Bấy giờ các bậc Trời thân ở trong hư không dùng trăm ngàn loại hoa tung trên Như Lai. Thế Tôn bèn thuyết pháp vi diệu cho bốn bộ chúng, Trời, Rồng, Quỷ, Thần. Bấy giờ hơn sáu vạn nam nữ thấy voi bị hàng phục, liền hết sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tám vạn thiên nhân cũng được pháp nhãn thanh tịnh.

Rồi trong thân voi say kia, gió đao nổi lên, thân hoại mạng chung, sanh lên cung trời Tứ thiên vương.

Bấy giờ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và Trời, Rồng, Quỷ, Thần nghe Thế Tôn dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà, đắp y thật đẹp, màu sắc chói mắt, mang giày viên vàng, lại vẽ hai mắt, tay ôm bình bát định vào thành Xá-vệ.

Khi ấy rất đông chúng Tỳ-kheo từ xa trông thấy Tôn giả Nan-đà, khoát y cực đẹp vào thành Xá-vệ khát thực, liền đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Phút chốc, ngồi lui lại mà bạch Thế Tôn:

— Vừa rồi Tỳ-kheo Nan-đà đắp y cực đẹp, màu sắc chói mắt, vào thành Xá-vệ khát thực.

Khi ấy Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

— Thấy mau đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, nói rằng Như Lai gọi Thầy.

— Xin vâng, Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy nhận lời Thế Tôn dạy, cúi lạy rồi đi, đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, nói với Nan-đà:

— Thế Tôn gọi Thầy.

Nan-đà nghe Tỳ-kheo nói, liền đến chỗ Thế Tôn, đến xong cúi lạy và ngồi một bên. Thế Tôn bảo Nan-đà:

— Nay Thầy vì sao đắp y cực đẹp, lại mang giày viên vàng vào thành Xá-vệ khát thực ?

Tôn giả Nan-đà làm thỉnh chẳng đáp.

Thế Tôn lại nói nữa:

— Thế nào Nan-đà ? Thấy há chẳng do niềm tin kiên cố, xuất gia học đạo sao ?

Nan-đà đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Nay Thầy là con nhà vọng tộc, chẳng hành

đúng luật, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, vì sao lại mặc áo cực đẹp, tô sửa hình vóc, muốn vào thành Xá-vệ khát thực, cùng bọn bạch y kia đâu có khác gì ?

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Ngày nào thấy Nan-đà,
Hay trì hạnh tịch tĩnh,
Tâm vui pháp Sa-môn,
Đầu đà đến bờ kia.*

Nan-đà, nay Thấy chó tạo hạnh như vậy !

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà và bốn bộ chúng nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà chẳng kham hành Phạm hạnh, muốn cỡi pháp y, tập hạnh bạch y. Khi ấy chúng nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Tỳ-kheo Nan-đà chẳng kham hành Phạm hạnh, muốn cỡi pháp phục, tập hạnh tại gia.

Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

— Thấy đến chỗ Nan-đà bảo là Như Lai gọi Thầy.

— Xin vâng, Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy Thế Tôn rồi lui, đi đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, nói:

— Thế Tôn gọi Nan-đà.

— Vâng.

Bấy giờ Tỳ-kheo Nan-đà theo Tỳ-kheo này đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Thế Tôn bảo Nan-đà.

— Thế nào Nan-đà ? Thấy chẳng ưa tu Phạm hạnh, muốn cỡi pháp y, tập hạnh bạch y chẳng ?

Nan-đà đáp:

— Thưa vâng, Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

— Vì sao thế, Nan-đà ?

Nan-đà đáp:

— Vì con lòng dục lòng lấy, kềm chẳng được.

Thế Tôn nói:

— Thế nào Nan-đà ? Thấy không phải là con nhà vọng tộc xuất gia học đạo sao ?

Nan-đà đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn ! Con là dòng dõi vọng tộc, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo.

Thế Tôn bảo:

— Nếu Thấy dòng dõi vọng tộc thì chẳng nên như thế. Vì bỏ nhà học đạo, tu hạnh thanh tịnh, tại sao lại bỏ Chánh pháp muốn tập ô uế ? Nan-đà nên biết, có hai pháp không nhàm chán. Nếu có người học tập hai pháp này, trọn không nhàm chán. Thế nào là hai pháp ? Nghĩa là dâm dục và uống rượu. Đó là hai pháp không nhàm chán. Nếu có người mắc vào hai pháp này, trọn không nhàm chán. Do quả của hạnh này cũng không thể được chỗ vô vi. Thế nên, Nan-đà, hãy nghĩ nhớ bỏ hai pháp này, sau ắt sẽ thành quả báo vô lậu. Nan-đà ! Nay Thấy khéo tu Phạm hạnh, hướng về đạo quả đều do đó cả.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Lộp nhà không kín,
Trời mưa sẽ dột,
Người chẳng chịu hành,
Lọt dâm, nộ, si.
Lộp nhà khéo kín,
Trời mưa chẳng dột,*

*Người hay chuyên hành,
Không dâm, nộ, si.*

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: “Gã vọng tộc này ý dục rất nhiều. Nay Ta phải nên dùng lửa trừ lửa.”

Khi ấy Thế Tôn, liền lấy cánh tay thần lực nắm Nan-đà, ví như người có sức vừa co duỗi cánh tay đem Nan-đà lên núi Hương Sơn. Bấy giờ trên núi có một hang đá, lại có một con khỉ mù đang ở đó. Thế Tôn tay phải nắm Nan-đà bảo:

— Nan-đà ! Thấy có thấy con khỉ mù này chăng ?

— Vâng, Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

— Cái nào đẹp ? Tôn-đà-lợi họ Thích đẹp hay con khỉ mù này đẹp ?

Nan-đà đáp: .

— Ví như có người đánh đập lỗ mũi con chó xấu xí, lại còn bôi thêm độc vào nó, khiến càng xấu hơn. Đây cũng như thế, cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi, nay đem so với con khỉ mù này, không thể ví dụ. Ví như đồng lửa lớn đốt cháy núi rừng còn bỏ thêm củi khô, lửa càng hùng hực. Đây cũng thế, con nhớ cô gái họ Thích kia không là tâm.

Bảy giờ Thế Tôn như trong khoảng cơ duỗi cánh tay từ núi kia biến mất, liền đến cõi trời Ba mươi ba. Lúc ấy chư Thiên cõi trời Ba mươi ba đều tụ tập ở giảng đường Thiện Pháp. Cách giảng đường Thiện Pháp chẳng xa, lại có cung điện, năm trăm ngọc nữ vui đùa với nhau, toàn là con gái chẳng có con trai. Bảy giờ Nan-đà xa thấy năm trăm Thiên nữ ca hát kỹ nhạc vui đùa với nhau, thấy rồi hỏi Thế Tôn:

— Đây là chỗ nào mà có năm trăm Thiên nữ hát xướng kỹ nhạc, vui đùa với nhau ?

Thế Tôn bảo:

— Nan-đà ! Thấy tự đi hỏi đi !

Tôn giả Nan-đà liền đến chỗ năm trăm Thiên nữ, thấy cung điện nhà cửa kia trải tọa cụ tốt đẹp hàng trăm thứ, toàn là con gái không có con trai. Tôn giả Nan-đà liền hỏi Thiên nữ:

— Các Người là Thiên nữ thế nào mà vui chơi khoái lạc với nhau như thế ?

Thiên nữ đáp:

— Chúng tôi có năm trăm người đều thanh tịnh không có phu chủ (chồng). Chúng tôi nghe có đệ tử Thế Tôn tên là Nan-đà là con của di mẫu đức Phật. Ngài đang ở chỗ Như Lai thanh tịnh tu Phạm

hạnh. Sau khi mạng chung sẽ sanh ở đây làm phu chủ của chúng tôi, cùng vui thú với nhau.

Tôn giả Nan-đà lòng rất vui mừng, kèm chẳng được, liền nghĩ: “Nay ta là đệ tử Thế Tôn, lại cũng là con di mẫu. Các Thiên nữ này đều sẽ là vợ ta.”

Lúc ấy Nan-đà liền trở lui đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn nói:

— Thế nào Nan-đà, Ngọc nữ kia nói thế nào ?

Nan-đà đáp:

— Ngọc nữ kia mỗi người nói: “Mỗi người chúng tôi đều không chồng. Nghe có đệ tử Thế Tôn khéo tu Phạm hạnh, sau khi mạng chung sẽ sanh đến đây.”

Thế Tôn bảo:

— Nan-đà ! Ý Thấy thế nào ?

Nan-đà đáp:

— Bấy giờ con tự nghĩ: “Ta là đệ tử Thế Tôn, lại là con di mẫu của Phật. Các Thiên nữ này đều sẽ là vợ ta.”

Thế Tôn bảo:

— Thích thay, Nan-đà ! Hãy khéo tu Phạm hạnh, Ta sẽ tác chứng cho Thấy, khiến năm trăm nữ nhân đều cấp cho Thấy.

Thế Tôn lại nói:

— Thế nào Nan-đà ? Cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi đẹp hay năm trăm thiên nữ này đẹp ?

Nan-đà đáp:

— Ví như con khỉ mù trên núi trước Tôn-đà-lợi, không có tươi nhuận cũng không có sắc. Đây cũng như thế, Tôn-đà-lợi trước Thiên nữ kia cũng vậy, không có sáng tươi.

Thế Tôn bảo:

— Thấy khéo tu Phạm hạnh, Ta sẽ chứng cho Thấy được năm trăm Thiên nhân này.

Bấy giờ Thế Tôn liền nghĩ: “Nay Ta sẽ dùng lửa diệt lửa của Nan-đà.”

Ví như người có sức trong khoảng co duỗi cánh tay, Thế Tôn tay phải cầm cánh tay Nan-đà đưa đến địa ngục. Bấy giờ chúng sanh trong địa ngục chịu biết bao khổ não. Lúc ấy, trong địa ngục kia có một vạc lớn trống rỗng, chẳng có người. Thấy rồi, Nan-đà liền sanh sợ hãi, lông áo dựng đứng, đến trước Thế Tôn, bạch:

— Ở đây các chúng sanh đều chịu đau khổ, chỉ riêng có vạc này bỏ trống không người.

Thế Tôn nói:

— Đây gọi là địa ngục A-tỳ.

Bấy giờ Nan-đà càng thêm khủng khiếp, lòng áo dựng đứng, bạch Thế Tôn:

— Đây là địa ngục A-tỳ mà sao có ngục trống, không có tội nhân ?

Thế Tôn nói:

— Nan-đà ! Thấy hãy tự đến hỏi đi.

Tôn giả Nan-đà liền tự đi hỏi:

— Thế nào ngục tốt, đây là ngục gì mà trống, không có người ?

Ngục tốt đáp:

— Tỳ-kheo nên biết ! Đệ tử đức Phật Thích-ca tên là Nan-đà. Ông ta ở chỗ Như Lai, tịnh tu Phạm hạnh, thân hoại mạng chung sanh cõi lành, trên trời. Ở đó vị ấy sống lâu ngàn tuổi, khoái lạc vui thú, rồi lại ở đó chết, sanh vào địa ngục A-tỳ này. Cái vạc không này vì thế để trống.

Tôn giả Nan-đà nghe lời này xong, lòng hoảng sợ, lòng áo dựng đứng, liền nghĩ: “Cái vạc trống này chính là dành cho ta.”

Tôn giả Nan-đà vội đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, bạch Thế Tôn:

— Mong cho con được sám hối lỗi chính con, do chẳng tu Phạm hạnh, xúc nhiều Thế Tôn.

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà liền nói kệ:

*Đời người không đủ quý,
Trời hết thọ cũng mất,
Địa ngục khổ chưa cay,
Chỉ có Niết-bàn vui.*

Thế Tôn bảo Nan-đà:

—Lành thay ! Lành thay ! Như lời Thầy nói. Niết-bàn rất là tịnh lạc. Nan-đà ! Ta nhận cho Thầy sám hối, Thầy ngu, Thầy si, tự biết lỗi. Nay Như Lai nhận lời hối lỗi của Thầy, sau chớ phạm nữa.

Bấy giờ Thế Tôn trong khoảng co duỗi cánh tay, tay nắm Nan-đà từ địa ngục biến mất, đến thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Nan-đà:

— Nan-đà, nay Thầy nên tu hai pháp. Thế nào là hai pháp ? Đó là Chỉ và Quán. Lại nên tu thêm hai pháp. Thế nào là hai pháp ? Là sanh tử chẳng đáng ưa, biết Niết-bàn là vui. Đó là hai pháp. Lại nên tu thêm hai pháp, đó là trí và biện.

Bấy giờ Thế Tôn đem những pháp này thuyết cho Nan-đà. Tôn giả Nan-đà nhận lời Thế Tôn dạy xong, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy Phật rồi lui đi.

Đến vườn An-đà, Tôn giả ngồi kiết-già dưới một gốc cây, chánh thân chánh ý buộc niệm ở trước, suy nghĩ lời dạy này của Như Lai. Tôn giả ở chỗ nhàn tĩnh, hằng suy nghĩ lời dạy của Như Lai, không rời một phút chốc. Do đó vị vọng tộc này do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, lại không còn thọ thân sau, như thật mà biết. Lúc ấy Tôn giả Nan-đà liền thành A-la-hán. Đã thành A-la-hán rồi, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa sang y phục đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, ngồi một bên. Tôn giả Nan-đà bạch Thế Tôn:

— Thế Tôn trước hứa sẽ chúng cho đệ tử năm trăm thiên nữ, nay con xin bỏ hết.

Thế Tôn bảo:

— Nay Thấy sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập. Ta sẽ bỏ lời hứa.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Nay Ta thấy Nan-đà,
Tu hành pháp Sa-môn
Các ác đều đã dứt,
Đầu đà không có mất.*

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Người đắc A-la-hán, nay là Tỳ-kheo Nan-đa.
Không dâm, nộ, si cũng là Tỳ-kheo Nan-đa.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui
vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Thích-si-sấu, Ca-tỳ-la-
vệ, trong vườn Ni-câu-lưu cùng chúng năm trăm đại
Tỳ-kheo.

Bấy giờ Đại Ái Đạo Cù-đàm-di, liền đến chỗ
Thế Tôn cúi lạy rồi bạch Thế Tôn:

— Mong Thế Tôn hằng giữ gìn mạng sống để
giáo hóa lâu dài cho bọn ngu tối.

Thế Tôn bảo:

— Cù-đàm-di, chớ nên nói lời này với Như Lai.
Thọ mạng của Như Lai vô cùng, Ta hằng giữ gìn
mạng này.

Bấy giờ Đại Ái Đạo Cù-đàm-di liền nói kệ:

*Thế nào lễ tối thắng,
Thế gian không ai bằng ?
Dứt được tất cả nghi,
Cho nên nói lời này.*

Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

*Tinh tấn ý khó thiếu,
Hằng có tâm dũng mãnh,
Bình đẳng nhìn Thanh văn,
Đây tức lễ Như Lai.*

Bà Đại Ái Đạo bạch Thế Tôn:

— Từ nay về sau con sẽ lễ Như Lai. Nay Như Lai dạy lễ tất cả chúng sanh không có ý thêm, bớt. Trên Trời, loài Người, và A-tu-la, Như Lai là tối thượng.

Thế Tôn hứa khả lời bà Đại Ái Đạo nói, bà liền từ chỗ ngồi đứng lên, lễ Phật rồi lui đi.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Đệ tử hiếu rộng biết nhiều bậc nhất trong hàng Thanh Văn của Ta là Đại Ái Đạo.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai hạng người này ở trong chúng Như Lai mà lại khởi lên sự phỉ báng. Thế nào là hai

người ? Là pháp sai nói là pháp đúng; nói pháp đúng là pháp sai. Đó là hai người phi báng Như Lai.

Lại có hai người không phi báng Như Lai. Thế nào là hai ? Nghĩa là pháp sai (phi pháp) nói là pháp sai, pháp đúng (chân pháp) nói là pháp đúng. Đó là hai người không phi báng Như Lai. Thế nên, các Tỳ-kheo, pháp sai hãy nói là pháp sai, pháp đúng hãy nói là pháp đúng. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai hạng người gặt hái được phước vô lượng. Thế nào là hai ? Với người đáng khen ngợi thì khen ngợi, người không đáng khen ngợi thì không khen ngợi. Đó là hai người được phước vô lượng. Lại có hai người chịu tội vô lượng. Thế nào là hai ? Nghĩa là người đáng khen ngợi lại phi báng, người không đáng khen ngợi mà lại khen ngợi. Các Tỳ-kheo, chớ học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

XIX. PHẨM KHUYẾN THỈNH

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Ma-kiệt, dưới cội Bồ-đề ở Đạo tràng.

Bấy giờ Thế Tôn đắc đạo chưa bao lâu, liền sanh niệm này:

“Nay Ta đắc pháp rất sâu, khó hiểu khó rõ, khó thể hiểu biết, không thể tư duy. Trí thôi dứt vì điều là sự hiểu biết có thể phân biệt nghĩa lý, tu tập không chán liền được hoan hỉ. Nếu Ta thuyết diệu pháp cho người, người không tin nhận cũng chẳng vâng làm; đã lao nhọc mà còn hao tổn. Nay Ta nên im lặng, đâu nên thuyết pháp.”

Bấy giờ Phạm thiên ở trên trời Phạm thiên biết Như Lai nghĩ như thế, ví như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay, liền biến mất ở trời Phạm

thiên, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Phạm thiên bạch Thế Tôn:

— Cõi Diêm-phù-đề này ắt sẽ bại hoại, con mắt của ba cõi bị mất. Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, xuất hiện ở đời, nên diễn bày pháp bảo. Nhưng nay Ngài lại chẳng diễn bày pháp vị, cúi mong Như Lai khắp vì chúng sanh, rộng nói pháp thâm sâu. Hơn nữa, chúng sanh ở đây căn nguyên dễ độ. Nếu người chẳng được nghe thì trọn mất pháp nhãn. Đây Ngài nên vì pháp mà lưu truyền lại. Ví như hoa sen Ưu-bát, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi, tuy ra khỏi đất mà chưa ra khỏi nước, cũng chưa xòe nở. Bấy giờ, hoa kia dần dần muốn sanh mà chưa ra khỏi nước, hoặc lúc hoa này đã ra khỏi mặt nước, hoặc lúc hoa này không bị thấm nước. Chúng sanh đây cũng lại như thế, vì sanh, lão, bệnh, tử, chỗ thấy bức xúc, các căn đáng đã chín mùi. Như vậy, nếu không được nghe pháp thì sẽ tiêu mất, không khổ hay sao ? Nay chính phải thời, cúi mong Thế Tôn hãy vì họ mà thuyết pháp.

Bấy giờ Thế Tôn biết tâm niệm của Phạm thiên, và từ mẫn tất cả chúng sanh nên nói kệ:

Nay Phạm thiên đến khuyên,

*Như Lai mở pháp môn,
Người nghe dốc lòng tin,
Phân biệt pháp yếu sâu.
Như trên đỉnh núi cao,
Xem khắp các chúng sanh,
Nay Ta có pháp này,
Thăng đường bày pháp nhān.*

Phạm thiên liên nghĩ: “Như Lai ắt sẽ vì chúng sanh mà thuyết pháp thâm diệu”, rồi liền vui mừng hớn hở không xiết, lạy Phật rồi trở về Trời.

Bấy giờ Phạm thiên nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Ba-la-nại, trong vườn Tiên nhân Lộc-uyển.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai việc này, người học đạo chẳng nên thân cận. Thế nào là hai việc ? Nghĩa là tham đắm pháp dục và lạc. Đây là pháp tâm thường ti tiện. Lại đây là trăm mối khổ não. Đó là hai việc người học đạo chẳng nên thân cận. Như thế, bỏ hai việc này rồi, Ta tự có đạo chí yếu, được thành Chánh giác, nhân sanh, trí sanh, ý được thôi dứt, được các thần thông, thành quả vị Sa-môn, đến Niết-bàn.

Thế nào là đạo chí yếu được thành Chánh giác khiến nhân sanh, trí sanh, ý được thôi dứt, được các thần thông, thành quả Sa-môn, đến Niết-bàn ? Nghĩa là Tám đạo phẩm này vậy, đó là Đăng kiến, Đăng tri, Đăng ngữ, Đăng nghiệp, Đăng mạng, Đăng phương tiện, Đăng niệm, Đăng định. Đây gọi là đạo chí yếu. Nay Ta được thành Chánh giác, nhân sanh, trí sanh, ý được thôi dứt, được các thần thông, thành quả Sa-môn, đến Niết-bàn. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học bỏ hai việc trên và tu tập đạo chí yếu. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*La-vân, Ca-diếp, Long,
Hai nạn, Đại Ái Đạo,
Phi báng, phi phạm pháp,
Hai việc ở sau cùng.*

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy và đứng một bên rồi bạch:

— Thế nào là Tỳ-kheo cắt đứt ái dục, tâm

được giải thoát, đến chỗ cứu cánh an ổn, không có các hoạn nạn, Trời Người cung kính ?

Thế Tôn bảo Thích-đề-hoàn-nhân:

— Ở đây, này Câu-dục (Kiều-thi-ca), nếu các Tỳ-kheo nghe pháp “không” này, hiểu không chỗ có, thì được hiểu rõ tất cả các pháp, như thực biết; thân giác tri pháp khổ vui. Nếu pháp không khổ không vui thì ở thân này quán tất cả đều vô thường, đều qui về không. Người đó đã quán sự biến đổi của không khổ, không vui này thì không khởi tưởng, vì không có tưởng thì không sợ hãi, đã không sợ hãi thì Bát-niết-bàn; sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Đây là, này Thích-đề-hoàn-nhân, Tỳ-kheo cắt đứt ái dục, tâm được giải thoát bèn đến chỗ cứu cánh an ổn, không có tai nạn, Trời Người cung kính.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân cúi lạy Thế Tôn, nhiễu ba vòng mà lui.

Ngay lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cách Thế Tôn không xa, ngồi kiết-già, chính thân, chính ý, buộc niệm ở trước. Tôn giả Mục-kiền-liên nghĩ: “Vừa rồi Đế Thích được đạo tích mà hỏi sự, hay

được giải thoát, đến chỗ cứu cánh an ổn, không có các hoạn nạn, Trời Người cung kính ?

Thế Tôn bảo Thích-đề-hoàn-nhân:

— Ở đây, này Câu-dục (Kiều-thi-ca), nếu các Tỳ-kheo nghe pháp “không” này, hiểu không chỗ có, thì được hiểu rõ tất cả các pháp, như thực biết; thân giác tri pháp khổ vui. Nếu pháp không khổ không vui thì ở thân này quán tất cả đều vô thường, đều qui về không. Người đó đã quán sự biến đổi của không khổ, không vui này thì không khởi tưởng, vì không có tưởng thì không sợ hãi, đã không sợ hãi thì Bát-niết-bàn; sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Đây là, này Thích-đề-hoàn-nhân, Tỳ-kheo cắt đứt ái dục, tâm được giải thoát bèn đến chỗ cứu cánh an ổn, không có tai nạn, Trời Người cung kính.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân cúi lạy Thế Tôn, nhiều ba vòng mà lui.

Ngay lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cách Thế Tôn không xa, ngồi kiết-già, chính thân, chính ý, buộc niệm ở trước. Tôn giả Mục-kiền-liên nghĩ: “Vừa rồi Đế Thích được đạo tích mà hỏi sự, hay

chẳng được đạo tích mà hỏi nghĩa ? Nay ta nên thử xem.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiên-liên dùng thần túc, như trong khoảng co duỗi cánh tay liền đến cõi trời Ba mươi ba. Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân thấy Đại Mục-kiên-liên từ xa đến, liền đứng lên tiếp đón mà nói:

— Kính chào Tôn giả Đại Mục-kiên-liên ! Đã lâu Tôn giả ngài không đến đây ! Rất mong được luận thuyết pháp nghĩa với Tôn giả. Mời Tôn giả ngồi đây.

Mục-kiên-liên hỏi Thích-đề-hoàn-nhân:

— Thế Tôn thuyết pháp đoạn ái dục cho Ông, tôi muốn được nghe. May thật đúng lúc, Ông hãy thuyết cho tôi.

Thích-đề-hoàn-nhân bạch:

— Nay tôi việc chư Thiên bận rộn, hoặc có việc của mình, hoặc có việc của chư Thiên. Tôi nghe được gì tức thời quên mất. Thưa Tôn giả Mục-kiên-liên, khi xưa tôi đánh nhau với các A-tu-la, ngay khi đánh nhau, chư Thiên đắc thắng, A-tu-la phải lui. Bấy giờ tôi cũng đích thân giao chiến, rồi dẫn chư Thiên trở về thiên cung, ngồi ở giảng đường Tối Thắng. Nhân vì đánh thắng nên gọi là

giảng đường Tối Thắng, đường lối thành hàng, bờ bờ gặp nhau. Mỗi một đầu đường có bảy trăm lầu gác, trên mỗi một lầu gác có bảy ngọc nữ, mỗi một ngọc nữ có bảy người hầu. Mời Tôn giả Mục-liên đến đó ngắm xem.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân cùng Thiên vương Tỳ Sa-môn theo sau Tôn giả Mục-liên đến giảng đường Tối Thắng. Thích-đề-hoàn-nhân và Thiên vương Tỳ Sa-môn bạch với Đại Mục-kiên-liên:

— Đây là giảng đường Tối Thắng, Tôn giả đều có thể dạo xem.

Mục-kiên-liên bảo Thiên vương:

— Chỗ này hết sức vi diệu, đều do tiền thân tạo phước đức mà được đến bảo đường tự nhiên này. Ví như có ít chỗ vui ở nhân gian, mỗi chỗ tự vui thú như cung trời không khác, đều do đời trước tạo phước mà được.

Bấy giờ ngọc nữ ở chung quanh Thích-đề-hoàn-nhân đều bỏ chạy tứ tán giống như chỗ cấm kỵ nhân gian, họ đều ôm lòng hổ thẹn. Lúc này Thích-đề-hoàn-nhân cùng ngọc nữ cũng lại như thế, xa thấy Đại Mục-kiên-liên đến đều vùng chạy tứ tán. Đại Mục-kiên-liên liền nghĩ: “Thích-đề-hoàn-nhân này ý rất phóng dật, ta phải khiến cho sợ hãi mới được.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên liền lấy ngón chân phải ấn xuống đất. Cung điện kia sáu lần chuyển động. Thích-đề-hoàn-nhân và Thiên vương Tỳ Sa-môn lòng đều kinh sợ, lông áo dựng đứng, nghĩ: “Đại Mục-kiên-liên này có đại thần túc, có thể làm cung điện này sáu phen chấn động, hết sức lạ lùng, thật chưa từng có.”

Đại Mục-kiên-liên nghĩ: “Nay Thích-đề-hoàn-nhân này đã kinh sợ rồi, ta nên hỏi thăm nghĩa.”

— Thế nào Câu-dục ? Như Lai thuyết kinh trừ ái dục, nay chính phải lúc, xin Ông nói lại cho tôi.

Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

— Thưa Tôn giả Mục-liên ! Lúc trước tôi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Khi ấy tôi bạch Thế Tôn:

“Thế nào là Tỳ-kheo đoạn dứt ái dục, tâm được giải thoát, đến chỗ cứu cánh vô vi, không có hoạn khổ, được Trời Người cung kính ?”

Thế Tôn liền bảo tôi:

— “Ồ đây, này Câu-dục ! Các Tỳ-kheo nghe pháp xong, không còn chỗ dính mắc, cũng không dính sắc, hiểu hết tất cả các pháp trọn không chỗ

có; đã biết tất cả các pháp rồi, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, quán rõ vô thường, diệt tận không sót, cũng không đoạn hoại. Họ đã quán như thế xong, không còn dính mắc, đã chẳng khởi tưởng thế gian, lại không sợ hãi; đã không sợ hãi, liền Bát-niết-bàn. Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Đó là, này Thích-đề-hoàn-nhân, Tỳ-kheo đoạn dục, tâm được giải thoát, liền đến chỗ cứu cánh vô vi, không có hoạn khổ, được Trời Người cung kính.”

Bấy giờ tôi nghe lời này xong, liền cúi lạy Thế Tôn, nhiễu ba vòng, rồi lui trở về cõi Trời.

Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên đem lời pháp thâm sâu phân biệt đầy đủ cho Thích-đề-hoàn-nhân và Tỳ Sa-môn. Mục-kiền-liên thuyết pháp đầy đủ rồi, ví như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay, từ cõi trời Ba mươi ba biến mất, đến thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc, tới chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên.

Bấy giờ Mục-kiền-liên ở ngay trên tòa ngồi, bạch Thế Tôn:

— Như Lai trước thuyết pháp trừ ái dục cho Thích-đề-hoàn-nhân. Cúi mong Thế Tôn hãy nói cho con.

Thế Tôn bảo Mục-kiền-liên:

— Thầy nên biết, Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ của Ta, cúi lạy rồi đứng một bên. Thích-đề-hoàn-nhân hỏi Ta nghĩa này:

— “Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục, tâm được giải thoát ?”. Ta bảo Thích-đề-hoàn-nhân:

— “Câu-dục ! Nếu có Tỳ-kheo hiểu biết tất cả các pháp “không”, không chỗ có, cũng không chỗ dính mắc, hiểu hết tất cả các pháp trọn không chỗ có. Đã biết tất cả các pháp vô thường, diệt tận không sót, cũng không đoạn hoại; vị ấy đã quán như thế xong, không còn chỗ dính mắc, không khởi tưởng thế gian, không còn kinh sợ. Đã không kinh sợ, vị ấy liền Bát-niết-bàn, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Đó là, này Thích-đề-hoàn-nhân, Tỳ-kheo đoạn dục, tâm được giải thoát.”

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân kia liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy chân Ta rồi lui về cõi trời.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Thế gian có hai người này, nếu có thấy sấm rền sét giạt, chẳng ôm lòng sợ hãi. Thế nào là hai người ? Là Sư tử, vua loài thú và bậc lậu tận A-la-hán. Đó là, này Tỳ-kheo, có hai người này ở thế gian nếu thấy sấm rền sét giạt, không ôm lòng hoảng sợ. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên học bậc lậu tận A-la-hán. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai pháp này khiến người không có trí tuệ. Thế nào là hai pháp ? Là chẳng thích hỏi người hơn mình; chỉ tham ngủ nghỉ, không có ý tinh tấn. Đó là, này Tỳ-kheo có hai pháp khiến người không có trí tuệ.

Lại có hai pháp khiến người thành đại trí tuệ.

Thế nào là hai pháp ? Là thích hỏi nghĩa ở người khác; không tham ngủ nghỉ, có ý tinh tấn. Đó là, này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến người có trí tuệ, hãy học xa lìa pháp ác. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai pháp này khiến người bận tiện chẳng được tài sản. Thế nào là hai pháp ? Nếu lúc thấy người khác bố thí, liền cấm chế; lại tự mình chẳng chịu bố thí. Đó là, này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến người bận tiện không có tài bảo. Tỳ-kheo, lại có hai pháp khiến người phú quý. Thế nào là hai pháp ? Nếu lúc thấy người cho người khác vật, liền hoan hỷ trợ giúp; tự mình cũng thích bố thí. Đó là, này Tỳ-kheo, có hai pháp khiến người phú quý. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học bố thí, chớ có tâm tham !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai pháp khiến người sanh trong nhà bất tiện. Thế nào là hai pháp ? Chẳng hiểu để với cha mẹ, các bậc sư trưởng; cũng không thừa sự người hơn mình. Đó là, Tỳ-kheo, có hai pháp này, khiến người sanh trong nhà bất tiện

Này các Tỳ-kheo, lại có hai pháp khiến người sanh trong nhà hào tộc. Thế nào là hai pháp ? Cung kính cha mẹ, anh em, tông tộc; đem của cải nhà mình bố thí. Đó là, này Tỳ-kheo, có hai pháp này sanh trong nhà hào tộc. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, con gái Phạm chí tên là Tu-thâm đến chỗ Tôn giả Câu-hy-la, đến rồi cúi lạy, ngồi một bên.

Cô Tu-thâm con Phạm chí kia bạch Câu-hy-la:

— Ưu-đạp-lam-phát và La-lặc-ca-lam ở trong thâm pháp này trọn không được nhận sự giáo hóa, mỗi người bị mạng chung. Thế Tôn thọ ký cho hai người này; một người sanh Bất dụng xứ (Vô sở hữu xứ), một người sanh Hữu tướng vô tướng xứ (Phi phi tướng xứ). Hai người này thọ mạng hết lại mạng chung, một người sẽ làm quốc vương ở biên địa, gây hại cho nhân dân không thể tính kể, một người làm chôn ác mang cánh, các loài thú bay, đi, chạy đều không thoát khỏi được. Hai người này sau khi mạng chung lại sanh trong địa ngục. Nhưng Thế Tôn không thọ ký họ chừng nào sẽ dứt được mé khổ ? Cớ sao Thế Tôn không thọ ký họ sẽ dứt mé khổ ?

Bấy giờ Tôn giả Câu-hy-la bảo cô Tu-thâm:

— Sở dĩ Thế Tôn không nói, là vì không có ai hỏi nghĩa này. Thế nên Thế Tôn không thọ ký người kia bao giờ sẽ dứt mé khổ.

Cô Tu-thâm nói:

— Ở đây Thế Tôn đã nhập Niết-bàn, vì thế con không hỏi được. Nếu Ngài còn tại thế, con sẽ đến hỏi nghĩa này. Như nay Tôn giả Câu-hy-la hãy nói cho con, người kia bao giờ dứt mé khổ ?

Bấy giờ Tôn giả Câu-hy-la liền nói kệ này:

*Các thứ quả chẳng đồng,
Cõi chúng sanh cũng thế,
Người tự giác, giác tha,
Tôi không biện (rõ) thuyết này.
Thiên trí biện giải thoát,
Nhớ gốc Thiên nhân thông,
Nặng dứt nguồn gốc khổ,
Tôi không biện thuyết này.*

Bấy giờ cô Tu-thâm liền nói kệ:

*Thiện Thệ có trí này,
Chất trực không tỳ vết,
Dũng mãnh có chỗ phục,
Câu ở hạnh Đại thừa.*

Tôn giả Câu-hy-la lại nói kệ:

*Ý này rất khó được,
Hay được pháp yếu khác,
Khó vì đó biện được,
Hướng đến việc kỳ đặc.*

Bấy giờ Tôn giả thuyết pháp yếu đầy đủ cho cô Tu-thâm, cô liền phát tâm vui mừng, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi lui đi.

Cô Tu-thâm nghe Tôn giả Câu-hy-la nói xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Tôn giả Đại Ca-chiên-diên dạo đến nước Bà-na, ở bên bờ ao sâu cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Tôn giả Ca-chiên-diên danh vang khắp bốn phương. Trưởng lão Bà-la-môn Gian-trà đang du hóa ở đây. Lúc ấy Bà-la-môn nghe Tôn giả Ca-chiên-diên cùng năm trăm Tỳ-kheo du hóa bên ao này, nghĩ rằng: “Tôn giả trưởng lão công đức đầy đủ, nay ta có thể đến thăm hỏi Tôn giả”.

Bấy giờ Bà-la-môn Thượng Sắc đem năm trăm đệ tử đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên, thăm hỏi nhau xong, ngồi một bên. Lúc ấy, Bà-la-môn kia hỏi Tôn giả Ca-chiên-diên:

— Như Ca-chiên-diên đây không hành đúng pháp luật. Là Tỳ-kheo trẻ tuổi mà chẳng chịu làm lễ các bậc cao đức Bà-la-môn của chúng tôi.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

— Bà-la-môn nên biết, đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác thuyết hai địa vị này. Thế nào là hai địa vị ? Một là địa vị già cả, hai là địa vị trai tráng.

Bà-la-môn hỏi:

— Thế nào là địa vị già cả ? Thế nào là địa vị trai tráng ?

Ca-chiên-diên đáp:

— Cho dù, này Bà-la-môn, người ở tuổi tám mươi, hay chín mươi, không dừng được dâm dục, làm các hạnh ác. Này Bà-la-môn, đây là người tuy có thể bảo là già, mà nay ở địa vị trai tráng.

Bà-la-môn hỏi:

— Thế nào là tuổi trai tráng mà ở địa vị già cả ?

Ca-chiên-diên đáp:

— Bà-la-môn, nếu có Tỳ-kheo độ hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi tuổi. Người ấy chẳng tập quen dâm dục, cũng chẳng tạo hạnh ác. Đó là Bà-la-môn trai tráng mà ở địa vị già cả.

Bà-la-môn hỏi:

— Trong đại chúng này có một Tỳ-kheo không hành dâm dục, chẳng tạo ác hạnh không ?

Ca-chiên-diên đáp:

— Trong đại chúng này không có một Tỳ-kheo nào tập dục, làm ác cả.

Bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng lên, lạy các Tỳ-kheo mà nói:

— Nay các Ông tuổi niên thiếu mà ở địa vị già cả, còn tôi tuổi già mà ở địa vị niên thiếu.

Bấy giờ Bà-la-môn kia lại đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên cúi lạy và tự trình bày:

— Nay con xin quy y Tôn giả Ca-chiên-diên và Tỳ-kheo Tăng, suốt đời không sát sanh.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

— Nay Ông chớ quy y tôi. Ông nên hướng về chỗ tôi quy y.

Bà-la-môn hỏi:

— Tôn giả Ca-chiên-diên quy y ai ?

Tôn giả Ca-chiên-diên liền quỳ gối hướng về chỗ Như Lai nhập Niết-bàn, nói:

— Có người dòng họ Thích xuất gia học đạo, tôi hằng tự quy y Ngài. Người ấy chính là Thầy tôi.

Bà-la-môn nói:

— Nay Sa-môn Cù-đàm ở đâu ? Tôi muốn gặp Ngài.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

— Vị Như Lai ấy đã nhập Niết-bàn rồi.

Bà-la-môn nói:

— Nếu Như Lai ở đời, con bèn có thể đi trăm ngàn do-tuần đến thăm hỏi. Như Lai kia tuy nhập Niết-bàn, nay con một lần nữa tự quy y Ngài, làm lễ cùng Phật, Pháp và chúng Tăng, suốt đời không sát sanh nữa.

Bấy giờ Bà-la-môn Thượng Sắc nghe Tôn giả Ca-chiên-diên nói xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai người xuất hiện ở đời, rất khó gặp được. Thế nào là hai người ? Đó là người hay thuyết pháp xuất hiện ở đời rất khó được gặp; người hay nghe pháp thọ trì vâng làm rất khó được gặp. Đó là, này Tỳ-kheo, có hai người xuất hiện ở đời rất khó được gặp. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên học thuyết pháp, nên học nghe pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

11. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hành ở nước Ma-kiệt cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo, dần dần đến thành Tỳ-xá-ly; bấy giờ sắp đến phía Bắc Tỳ-xá-ly, trong vườn của cô Am-bà-bà-lợi.

Lúc ấy, cô Am-bà-bà-lợi nghe Thế Tôn đến trong vườn cùng năm trăm đại Tỳ-kheo, bèn cỡi xe vũ bảo (có tràng che) ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến đầu ngõ hẹp, tự xuống xe đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn thấy cô ta từ xa đi lại, liền bảo các Tỳ-kheo:

— Tất cả hãy chuyên tinh, chớ khởi tướng tà.

Cô ta đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp cực diệu cho cô. Thuyết pháp cực diệu rồi, cô bạch Phật:

— Cúi mong Thế Tôn, xin nhận lời mời và Tỳ-kheo Tăng.

Thế Tôn lặng thinh nhận lời cô thỉnh. Cô thấy Thế Tôn im lặng nhận lời rồi liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy, cáo từ trở về.

Bấy giờ trai gái lớn bé trong thành Tỳ-xá-ly nghe Thế Tôn đang ở trong vườn Am-bà-bà-lợi cùng năm trăm đại Tỳ-kheo. Trong thành có năm trăm đồng tử cỡi các thứ xe vũ bảo; trong đó hoặc có người cỡi xe trắng, ngựa trắng, áo dù tràng lọng, thị tùng đều trắng; có người cỡi xe đỏ, ngựa đỏ, áo dù

tràng lọng, thị tùng đều đỏ; có người cỡi xe xanh, ngựa xanh, áo dù tràng lọng, thị tùng đều xanh; hoặc cỡi xe vàng, ngựa vàng, áo dù tràng lọng, thị tùng đều vàng; qai nghi dung mạo trang sức như cách của các vị vua, ra khỏi thành Tỳ-xá-ly đến chỗ Thế Tôn. Còn cách một khoảng, giữa đường họ gặp cô gái kia cỡi xe trâu về phía trong thành. Các đồng tử hỏi cô:

— Cô là đàn bà đáng lẽ phải xấu hổ. Sao lại đánh trâu chạy xe vào trong thành ?

Cô gái đáp:

— Chư Hiền nên biết, ngày mai tôi thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng nên mới chạy xe.

Các đồng tử nói:

— Tôi cũng muốn mời Phật và Tỳ-kheo Tăng thọ thực. Nay cho Cô hai ngàn lạng vàng ròng, hãy để cái hẹn ngày mai cho chúng tôi cúng dường thức ăn.

Cô gái đáp:

— Không được, không được ! Các Công tử ! Tôi không chịu đâu !

Các đồng tử lại nói:

— Cho Cô hai ngàn lạng, ba ngàn, bốn ngàn,

năm ngàn cho đến trăm ngàn lượng vàng, chịu hay không chịu cho chúng tôi ngày mai thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng thọ thực ?

Cô gái đáp:

— Tôi không chịu. Bởi vì Thế Tôn thường nói: “Có hai hy vọng người đời không thể xa lìa. Hai cái gì ? Là mong mỗi lợi lộc và mạng sống.” Ai có thể bảo đảm cho tôi đến ngày mai ? Tôi đã thỉnh Như Lai trước, nay sẽ lo đầy đủ.

Các đồng tử giơ tay lên:

— Chúng ta bao nhiêu người như vậy mà chẳng bằng cô gái.

Nói xong mỗi người chia tay đi. Rồi các đồng tử đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ Thế Tôn thấy các đồng tử đến, bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo các Thầy, xem các đồng tử uy dung, phục sức như lúc trời Đế Thích xuất du, xem giống như nhau không khác.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các đồng tử:

— Thế gian có hai việc thật không thể được. Thế nào là hai ? Người có đến đáp và người chịu ơn nhỏ thường chẳng quên, huống là lớn lao. Đó là, này các Đồng tử, có hai việc rất khó được. Đồng tử

nên biết, hãy nhớ báo đáp và biết ơn nhỏ chẳng quên, huống là ơn lớn.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Tri ân biết báo đáp,
Hằng nhớ người dạy dỗ,
Người trí cung kính hầu,
Danh vang khắp Trời, Người.*

Như thế, các Đồng tử, nên học điều này.

Thế Tôn thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho các đồng tử. Nghe xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy và lui đi.

Trong đêm đó, cô gái bày biện các thứ ăn uống ngon ngọt, trải các tọa cụ. Sáng sớm cô liền đến bạch Phật:

— Giờ đã đến, nay chính phải thời, cúi mong Thế Tôn hạ cố đến nhà con.

Bấy giờ Thế Tôn đáp y, ôm bát, cùng các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đến nhà cô gái ở thành Tỳ-xá-ly.

Lúc cô thấy Thế Tôn đã ngồi yên, liền tự tay dâng thức ăn lên Phật và Tỳ-kheo Tăng. Phật và Tỳ-kheo Tăng dùng cơm xong rửa tay, cô đi lấy nước trong sạch lại, rồi lấy một ghế chạm vàng nhỏ, đến trước Thế Tôn ngồi xuống. Cô bạch Thế Tôn:

— Vườn Am-bà-bà-lợi này xin dùng dâng lên Như Lai và Tỳ-kheo Tăng để chúng Tăng tương lai, quá khứ, hiện tại được dùng nghỉ ở đây. Mong Thế Tôn nhận vườn này.

Bấy giờ Thế Tôn vì cô mà nhận vườn này. Thế Tôn bèn nói bài chú nguyện:

*Vườn quả thì mát mẻ,
Cầu đồ đưa nhân dân,
Gắn đường làm cầu xí,
Nhân dân được nghỉ ngơi.
Ngày đêm được an ổn,
Phước đó không kể xiết,
Các pháp giới thành tựu,
Chết đt sanh lên Trời.*

Bấy giờ Thế Tôn nói lời ghi nhận này xong, liền đứng lên đi. Cô gái nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Đoạn ái và Sư tử,
Vô trí, kém tiền của,
Nhà nghèo, cô Tu-thâm,
Ca-chiên thuyết (pháp), cô gái.*

*
* *

XX. PHẨM THIỆN TRI THỨC

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nên gần gũi Thiện tri thức, chớ lập theo hạnh ác, chớ tin vào nghiệp ác. Vì sao thế ? Gần gũi Thiện tri thức rồi, niềm tin liên tăng thêm, văn, thí, trí tuệ thấy đều tăng thêm. Nếu Tỳ-kheo gần gũi Thiện tri thức thì chớ tập theo hạnh ác. Vì sao thế ? Nếu gần gũi Ác tri thức, sẽ không có tín, giới, văn, thí, trí tuệ. Thế nên các Tỳ-kheo ! Hãy gần gũi Thiện tri thức, chớ gần gũi Ác tri thức. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị vây quanh trước sau mà thuyết pháp.

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi qua, cách Thế Tôn không xa. Thế Tôn từ xa trông thấy Đề-bà-đạt-đa dẫn môn đồ liền nói kệ:

*Chớ gần Ác tri thức,
Cũng chớ ngu theo hầu.
Nên gần Thiện tri thức,
Bậc tối thắng trong Người.
Người vốn không có ác,
Tập gần Ác tri thức, ...
Sau ắt trông cội ác,
Ở mãi trong tăm tối.*

Lúc đó năm trăm đệ tử của Đề-bà-đạt-đa nghe Thế Tôn nói bài kệ này, liền đến chỗ Thế Tôn cúi lạy, ngồi xuống một bên. Chốc lát, lui ngồi hướng về Thế Tôn hối lỗi:

— Chúng con ngu mê không hiểu biết gì. Cúi mong Thế Tôn cho chúng con sám hối.

Bấy giờ Thế Tôn nhận lời sám hối của năm trăm Tỳ-kheo kia, liền thuyết pháp cho họ được tín căn. Lúc ấy, năm trăm Tỳ-kheo ở chỗ nhàn tịnh,

suy nghĩ pháp thâm sâu. Sở dĩ như vậy, con nhà vọng tộc xuất gia học đạo, do lòng tin kiên cố tu Phạm hạnh vô thượng. Bảy giờ năm trăm Tỳ-kheo ấy liền thành A-la-hán, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Bảy giờ năm trăm Tỳ-kheo thành A-la-hán.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bảy giờ Thế Tôn vì vô số chúng vây quanh thuyết pháp.

Lúc đó ngài Đàm-ma-lưu-chi ở trong thất vắng, một mình suy nghĩ, nhập tam-muội thiền, xem thấy tiên thân ở trong biển lớn làm một con cá thân dài bảy trăm do-tuần, liền từ tịnh thất đứng lên như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay đến trên tử thi cũ trong biển lớn đi kinh hành. Bảy giờ Đàm-ma-lưu-chi liền nói kệ này:

*Sanh tử vô số kiếp,
Lưu chuyển không thể kể,
Mỗi mỗi cầu chỗ yên,*

*Thường thường chịu khổ não.
Dù thấy lại thân rồi,
Ý muốn tạo nhà cửa,
Tất cả chi tiết hoai,
Hình thể chẳng được toàn.
Tâm đã lìa các hạnh,
Ái trước trọn không sót,
Lại không thọ thân này,
Vui mãi trong Niết-bàn.*

Bấy giờ Tôn giả Đàm-ma-lưu-chi nói kệ này xong, liền từ chỗ đó biến mất, đến chỗ Thế Tôn ở tinh xá Kỳ Hoàn, thuộc Xá-vệ. Khi ấy Thế Tôn thấy ngài Đàm-ma-lưu-chi đến bèn bảo rằng:

— Lành thay, Đàm-ma-lưu-chi ! Lâu lắm mới đến đây !

Ngài Đàm-ma-lưu-chi bạch Phật:

— Đúng vậy, Thế Tôn ! Đã lâu con mới đến đây.

Bấy giờ, Thượng tọa và các Tỳ-kheo đều nghĩ:

— Ông Đàm-ma-lưu-chi này hằng ở bên cạnh Thế Tôn mà nay Thế Tôn bảo là: “Lành thay, Đàm-ma-lưu-chi ! Lâu lắm mới đến đây !”.

Thế Tôn biết tâm niệm các Tỳ-kheo như thế, muốn dứt sự hồ nghi nên lại bảo các Tỳ-kheo:

— Không phải vì Đàm-ma-lưu-chi lâu đến đây mà Ta nói nghĩa này. Sở dĩ như thế vì khi xưa, vô số kiếp thời quá khứ có Định Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời, giáo hóa tại nước Bát-ma-đại, cùng với mười bốn vạn tám ngàn đại chúng Tỳ-kheo. Bảy giờ, bốn bộ chúng chẳng thể tính kể, quốc vương, quân thân, nhân dân đều đến cúng dường, cung cấp chỗ cần dùng.

Khi ấy có Phạm chí tên Da-nhã-đạt ở cạnh Tuyết Sơn xem các bài sám bí mật, thiên văn, địa lý đều rành rẽ thông suốt, thư số văn tự cũng đều rõ biết; phúng tụng một câu năm trăm lời, tướng của bậc đại nhân cũng rõ biết nữa. Ông ta thờ các thần lửa, mặt trời, mặt trăng tinh tú. Ông dạy năm trăm đệ tử cả đêm không mệt mỏi. Da-nhã-đạt có đệ tử tên Vân Lôì, nhan mạo đoan chánh ít có ở đời, tóc màu xanh biếc. Phạm chí Vân Lôì thông minh thấy rộng, không việc gì chẳng thông, hằng được Da-nhã-đạt yêu mến không rời một khoảnh khắc.

Bảy giờ Bà-la-môn đưa ra tất cả những chú thuật mình hành hết rồi, Phạm chí Vân Lôì nghĩ rằng: “Nay ta đã học đầy đủ những chỗ đáng

học rồi”. Và lại tự nghĩ: “Sách vở ghi các Phạm chí có học, người đã hành chú thuật xong, nên báo ân thầy. Ngày nay, chỗ đáng học ta đã đều biết hết. Nay ta phải nên báo ân thầy. Nhưng ta lại nghèo khó, trống trơn, không có gì để cúng dường thầy, phải nên đi xuống các cõi nước để tìm những vật cần”.

Phạm chí Vân Lô liên đến chỗ thầy, bạch với thầy rằng:

— “Pháp kỹ thuật mà Phạm chí phải học, nay con đã biết hết rồi. Nhưng sách vở ghi chép những người có học kỹ thuật qua rồi, nên báo ân Thầy, mà con nghèo thiếu, không có vàng bạc trân bảo có thể dùng cúng dường, nay muốn đến các cõi nước tìm kiếm tiền của để cúng dường thầy”.

Bà-la-môn Da-nhã-đạt liên nghĩ: “Phạm chí Vân Lô này là người ta yêu mến không rời tâm, dù ta có chết cũng chẳng thể chia lìa, huống là hôm nay muốn bỏ ta đi. Nay ta phải làm cách gì để lưu hấn lại được đây ?”

Bấy giờ, Phạm chí Da-nhã-đạt liên bảo Vân Lô:

— “Này Phạm chí ! Nay vốn có điều Bà-la-môn nên học mà Ông vẫn chưa biết”.

Phạm chí Vân Lô liên đến trước bạch thầy:

— “Cúi mong Thầy chỉ dạy, điều gì con chưa tụng ?”

Vị thầy bảo Vân Lô rằng:

— “Nay có sách này tên là bài tụng năm trăm lời. Ông có thể thọ trì.”

Vân Lô bạch:

— “Mong Thầy truyền dạy, con muốn được phúng tụng.”

Tỳ-kheo nên biết ! Khi ấy Da-nhã-đạt liên trao cho đệ tử bài tụng năm trăm lời này. Chưa đầy mấy ngày, vị đệ tử đã thông suốt hết. Bấy giờ Bà-la-môn Da-nhã-đạt bảo năm trăm đệ tử:

— “Phạm chí Vân Lô này kỹ thuật đầy đủ, không gì chẳng thông, nay ta đặt tên là Siêu Thuật.”

Phạm chí Siêu Thuật này thật là tài ba, thiên văn, địa lý đều thấu suốt rộng rãi, thư số văn tự cũng rõ biết. Phạm chí Siêu Thuật trải qua mấy ngày lại đến bạch thầy:

— “Pháp kỹ thuật mà Phạm chí phải học, nay con đều biết rồi. Nhưng sách vở ghi chép: Các người có học thuật qua rồi, nên báo ân Thầy; nhưng con nghèo thiếu, không có vàng bạc, trân bảo có thể

dùng cúng dường Thầy. Nay con muốn đến cõi nước tìm tiên của dùng cúng dường Thầy. Cúi mong Thầy chấp thuận.”

Phạm chí Da-nhã-đạt bảo:

— “Ông biết đúng lúc.”

Phạm chí Siêu Thuật đến trước lễ chân thầy rồi lui đi.

Bấy giờ nước Bát-ma-đại cách thành chẳng xa, có chúng Phạm chí tập trung một chỗ, muốn cúng tế chung và cũng muốn giảng luận, có đến tám vạn bốn ngàn Phạm chí nhóm chung. Vị thượng tọa đệ nhất, cũng lại phúng tụng thư số ngoại đạo, không gì không biết rành rẽ, thiên văn, địa lý, tinh tú, biến quái đều biết rõ hết. Mỗi lúc muốn giải tán, họ liền lấy năm trăm lượng vàng và một cây gậy vàng, một bốn tấm bằng vàng, một ngàn con trâu dâng lên vị thầy và thượng tọa đệ nhất.

Khi ấy Phạm chí Siêu Thuật nghe cách nước Bát-ma-đại không xa, có tám vạn bốn ngàn Phạm Chí tụ tập một chỗ, họ có thi học thuật, người nào hơn liền được năm trăm lượng vàng và một cây gậy, một bốn tấm bằng vàng với một ngàn con trâu.

Lúc ấy Phạm chí Siêu Thuật tự nghĩ: “Nay ta

việc gì phải đi xin từng nhà, chẳng bằng đến đại chúng kia cùng so kỹ thuật”.

Bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật ấy liền đến chỗ đại chúng. Lúc đó, rất đông Phạm chí trông thấy Phạm chí Siêu Thuật từ xa, đều cất tiếng kêu lớn:

— “Lành thay, Từ chủ (Chủ tế) ! Hôm nay được lợi lớn khiến cho Phạm chí đích thân giáng xuống.”

Rồi tám vạn bốn ngàn các Phạm Chí đều đứng lên nghinh đón, khác miệng đồng âm mà nói rằng:

— “Chào mừng Ngài mới đến ! Đại Phạm Thần Thiên.”

Phạm chí Siêu Thuật liền sanh niệm này:

— “Các Phạm chí này gọi ta là Phạm thiên, nhưng ta đâu phải là Phạm thiên !”

Phạm chí Siêu Thuật bảo các Bà-la-môn:

— “Thôi, thôi ! Chư Hiền ! Chớ gọi tôi là Phạm thiên, các ông chẳng lẽ không nghe phía Bắc núi Tuyết có vị thầy của chúng Phạm chí tên Da-nhã-đạt, thiên văn, địa lý đều thông suốt sao ?”

Các Phạm chí nói:

— “Chúng tôi có nghe nhưng không được thấy.”

Phạm chí Siêu Thuật nói:

— “Tôi là đệ tử của vị ấy, tên Siêu Thuật.”

Bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật hướng về vị thượng tọa đệ nhất của chúng ấy mà bảo rằng:

— “Nếu ngài biết kỹ thuật, xin nói cho tôi với.”

Vị thượng tọa đệ nhất của chúng ấy liền hướng về Phạm chí Siêu Thuật, tụng Tam tạng, kỹ thuật không có sơ sót. Bà-la-môn Siêu Thuật lại bảo thượng tọa kia rằng:

— “Còn một câu năm trăm lời, nay hãy nói ra.”

Vị thượng tọa kia nói:

— “Tôi không hiểu nghĩa này ! Cái gì là một câu năm trăm lời ?”

Phạm chí Siêu Thuật bảo:

— “Chư Hiền ! Hãy yên lặng lắng nghe tôi thuyết một câu năm trăm lời về tướng của bậc đại nhân.”

Tỳ-kheo nên biết ! Bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật thuật hết Tam tạng và một câu năm trăm lời về tướng của bậc đại nhân. Khi ấy tám vạn bốn ngàn Phạm chí khen ngợi:

— “Chưa từng có ! Rất là kỳ quặc ! Chúng ta

chưa hề nghe một câu năm trăm lời về tướng của bậc Đại nhân. Nay Tôn giả xứng đáng đứng trên vị thượng tọa đệ nhất.”

Bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật đổi chỗ vị thượng tọa kia, đến ngôi chỗ cao nhất. Lúc ấy, vị thượng tọa của chúng kia hết sức giận dữ, phát lời thề nguyện rằng: “Nay người này dời chỗ ngồi của ta mà chiếm chỗ ấy. Nay phước mà ta có được do tụng kinh, trì giới, khổ hạnh đều đem hết để thề: Người này sanh chỗ nào, muốn làm gì, ta hằng làm hư hỏng công lao của ông ta”.

Bấy giờ vị thí chủ kia bỏ ra năm trăm lạng vàng và một gậy vàng, một bốn tấm vàng, một ngàn con trâu và một cô gái đẹp, đem đưa cho thượng tọa để chú nguyện. Lúc đó thượng tọa bảo chủ nhân rằng:

— Nay tôi nhận năm trăm lạng vàng này với gậy vàng, bốn vàng để cúng dường Thầy tôi. Cô gái này và ngàn con trâu trả lại chủ nhân. Vì sao thế ? Vì tôi không tập dục, cũng không chứa chất tài sản.

Phạm chí Siêu Thuật nhận gậy vàng, bốn vàng rồi, liền đến nước Bát-ma-đại. Vua nước này tên là Quang Minh. Lúc ấy, quốc vương đang thỉnh Định Quang Như Lai và chúng Tỳ-kheo để cúng dường y thực. Quốc vương ra lệnh nhân dân trong thành: “Ai có hương hoa đều không được bán, nếu

có người bán sẽ bị phạt nặng. Ta sẽ xuất tiền mua, không cần bán cho người khác”. Vua lại ra lệnh cho nhân dân quét dọn sạch sẽ, không cho đất cát do bẩn, treo giăng phướn lọng, rưới nước hương trên đất, kỹ nhạc xướng ca không thể tính kể.

Bấy giờ Phạm chí kia thấy rồi, liền hỏi người đi đường:

— “Hôm nay là ngày gì mà quét dọn đường sá, dẹp bỏ rác rến, treo giăng phướn lọng không thể tính kể, chẳng lẽ thái tử của vua lấy vợ chăng ?”

Người đi đường đáp:

— “Phạm chí không biết sao ? Hôm nay quốc vương Bát-ma-đại thỉnh Định Quang Như Lai Chí Chân Đăng Chánh Giác để cúng dường y thực, nên sửa sang đường sá, treo giăng phướn lọng.”

— “Nhưng bi ký của Phạm chí cũng có nói rằng: “Như Lai ra đời rất khó gặp được. Đúng lúc bèn xuất hiện, thật không thể thấy, ví như hoa Ưu-đàm-bát đúng thời mới nở. Đây cũng như thế, Như Lai xuất hiện ở đời thật chẳng thể gặp”. Lại nữa, sách Phạm chí cũng có nói: “Có hai người ra đời rất khó được gặp. Thế nào là hai người ? Là Như Lai và Chuyển luân Thánh vương. Hai người này xuất hiện rất khó gặp được”.

Bấy giờ ông ta lại nghĩ rằng:

— “Nay ta đâu cần cấp tốc báo ân thầy. Nay hãy đem năm trăm lượng vàng này, dâng lên Định Quang Như Lai.”

Ông lại nghĩ: “Sách vở ghi Như Lai không nhận vàng bạc trần bảo. Ta có thể cầm năm trăm lượng vàng này mua hương hoa rải lên Như Lai.”

Bấy giờ Phạm chí liền vào trong thành tìm mua hương hoa. Mọi người qua lại trong thành bảo:

— “Phạm chí không biết sao ? Quốc vương có ra lệnh người nào bán hương hoa sẽ phạt nặng.”

Phạm chí Siêu Thuật liền nghĩ: “Ta thật phước mỏng, tìm hoa chẳng được biết làm thế nào ?”

Rồi ông trở ra cửa thành mà đứng. Bấy giờ có một cô gái Bà-la-môn tên là Thiện Vị, cầm bình đi lấy nước, tay cầm năm cành hoa. Phạm chí thấy rồi hỏi cô gái ấy rằng:

— “Đại muội, nay tôi cần hoa, mong Em bán cho tôi.”

Cô gái Phạm chí nói:

— “Tôi em gái ông hỏi nào ? Ông có biết ba má tôi không ?”

Phạm chí Siêu Thuật lại nghĩ: “Cô gái này tánh nét phóng khoáng, có ý đùa cợt”. Rồi ông nói rằng:

— “Hiền nữ ! Tôi sẽ trả giá phải chăng, mong cho tôi hoa này.”

Cô gái Phạm chí nói:

— “Há Ông không nghe Đại vương ra nghiêm lệnh không được bán hoa sao ?”

Phạm chí nói:

— “Hiền nữ ! Việc này không khó. Vua không làm gì cô đâu ! Nay tôi cần gấp năm cành hoa này. Tôi được hoa này còn cô được giá hời.”

Cô gái Phạm chí nói:

— “Ông cần gấp hoa này định làm gì ?”

Phạm chí đáp:

— “Nay tôi thấy có đất tốt, muốn trồng hoa này.”

Cô gái Phạm chí nói:

— “Hoa này đã lìa rễ, không thể sống được, làm sao lại nói “tôi muốn trồng ?”.”

Phạm chí đáp:

— “Như chỗ ruộng tốt hôm nay tôi thấy, trồng tro nguội còn sống hà huống hoa này !”

Cô gái Phạm chí nói:

— “Cái gì là ruộng tốt ? Trồng tro chết mà sống sao ?”

Phạm chí đáp:

— “Hiền nữ ! Có Phật Định Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời.”

Cô gái Phạm chí nói:

— “Định Quang Như Lai là hạng người nào ?”

Phạm chí liền bảo cô gái ấy rằng:

— “Định Quang Như Lai có đức như thế, có giới như thế, thành tựu các công đức.”

Cô gái Phạm chí nói:

— “Dù người có công đức, nhưng Ông muốn cầu phước gì ?”

Phạm chí đáp:

— “Mong đời sau tôi sẽ như Định Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, cấm giới, công đức cũng sẽ như thế.”

Cô gái Phạm chí nói:

— “Nếu Ông hứa với tôi đời đời làm vợ chồng, tôi sẽ cho Ông hoa.”

Phạm chí nói:

— “Nay việc làm của tôi, ý không dính mắc dục tình.”

Cô gái Phạm chí nói:

— “Như tôi, thân bây giờ không mong làm vợ Ông, cho tôi đời tương lai làm vợ Ông.”

Phạm chí Siêu Thuật nói:

— “Hạnh của Bồ-tát không có yêu tiếc. Nếu làm vợ tôi, ắt phá hoại tâm tôi.”

Cô gái Phạm chí nói:

— “Tôi trọn không làm hồng ý bố thí của Ông, ngay cho đem thân tôi bố thí cho người, tôi trọn không làm hồng tâm bố thí.”

Bấy giờ Phạm chí liền đem năm trăm lạng vàng mua năm cành hoa, cùng cô gái kia thể nguyện với nhau rồi từ biệt đi.

Lúc ấy, Định Quang Như Lai Chí Chân Đăng Chánh Giác, đến giờ đắp y ôm bát cùng Tỳ-kheo Tăng trước sau vây quanh vào nước Bát-ma-đại. Phạm chí Siêu Thuật từ xa thấy Định Quang Như Lai, nhan mạo đoan chánh, ai trông thấy cũng hoan hỉ, các căn tịch tịnh, bước đi không rối loạn, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, ví như nước lặng không có dơ đục, ánh sáng chiếu suốt không có

chương ngại, ví như núi báu xuất hiện vượt trên các núi. Ông ta thấy rồi liền phát tâm hoan hỉ đối với Như Lai, ông cầm năm cành hoa đến chỗ Định Quang Như Lai, đến rồi đứng một bên. Phạm chí Siêu Thuật bạch Phật Định Quang rằng:

— “Mong Ngài nhận và thuyết pháp cho con. Nếu nay Ngài không truyền yếu quyết cho con, con sẽ ở chỗ này chấm dứt mạng sống, không mong sống nữa.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng:

— “Phạm chí ! Đâu thể đem năm cành hoa này đòi truyền Vô Thượng Đăng Chánh Giác.”

Phạm chí bạch:

— “Xin Thế Tôn thuyết pháp “Bồ-tát sở hành cho con”.

Phật Định Quang nói:

— “Sở hành của Bồ-tát là không chỗ yêu tiếc.”

Bấy giờ Phạm chí liền nói kệ:

*Chẳng dám đem cha mẹ,
Cầm thí cho người ngoài,
Phật, Chân nhân, Sư trưởng,
Cũng lại chẳng dám cho,
Nhật nguyệt xoay ở đời.*

*Hai thứ chẳng thể cho,
Thứ khác đều cho hết,
Ý quyết chẳng có khó.*

Phật Định Quang lại dùng kệ này đáp Phạm chí:

*Như điều Ông nói thí,
Chẳng phải lời Như Lai,
Nên nhẫn ức kiếp khổ,
Thí đầu, thân, mắt, tai,
Vợ con, nước, tiền của,
Xe ngựa, người theo hầu,
Nếu kham thí được vậy,
Ta sẽ truyền yếu quyết.*

Ma-nạp (Phạm chí) liền nói kệ:

*Núi lớn hùng như lửa,
Ức kiếp kham đội đầu,
Chẳng thể hoại ý đạo,
Cúi mong truyền yếu quyết.*

Bấy giờ Định Quang Như Lai im lặng chẳng nói. Phạm chí kia tay cầm năm cành hoa, quỳ gối mặt xuống đất, tung lên Định Quang Như Lai và nói:

— “Riêng phước đức này dành cho đời sau, sẽ

được như Định Quang Như Lai Chí Chân Đăng Chánh Giác, không có sai khác.”

Rồi ông trải tóc mình trên bùn, thâm nghĩ: “Nếu Như Lai truyền yếu quyết cho ta, thì sẽ lấy chân đạp trên tóc ta mà đi qua”.

Tỳ-kheo nên biết ! Định Quang Như Lai quán sát tâm niệm của Phạm chí, liền bảo Phạm chí rằng:

— “Ông đời tương lai sẽ làm Phật Thích-ca Văn Như Lai Chí Chân Đăng Chánh Giác.”

Phạm chí Siêu Thuật có bạn đồng học tên Đàm-ma-lưu-chi ở bên cạnh Như Lai. Vị này thấy Phật Định Quang truyền yếu quyết cho Phạm chí Siêu Thuật, lại đạp chân trên tóc, thấy rồi liền nói:

— “Sa-môn đầu trọc này, sao nỡ cất chân đạp trên tóc Phạm chí thanh tịnh này. Đây chẳng phải hạnh của người.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— “Bấy giờ Phạm chí Da-nhã-đạt đầu phải người nào khác ! Chớ nên xem như thế. Vì sao ? Bấy giờ Da-nhã-đạt nay là vua Bạch Tịnh (Tịnh-phạn); thượng tọa của tám vạn bốn ngàn Phạm chí nay là Đề-bà-đạt-đa, Phạm chí Siêu Thuật là Ta; cô

gái Phạm chí bán hoa lúc đó, nay là Cù-di; vị từ chủ lúc đó nay là Phạm chí chấp trượng; Đàm-ma-lưu-chi lúc đó, miệng tạo hạnh nói lời bất thiện nay là Đàm-ma-lưu-chi. Sau đó, Đàm-ma-lưu-chi trải qua vô số kiếp hằng làm súc sanh, thọ thân sau cũng làm thân cá dài bảy trăm do-tuần ở trong biển lớn. Từ đó mạng chung đến sanh ở đây, cùng phụng sự thiện tri thức, hằng gần gũi thiện tri thức, tập các pháp lành, các căn thông lợi. Do nhân duyên này, Ta nói đã lâu mới đến đây. Đàm-ma-lưu-chi cũng tự trình bày: “Đúng vậy, Thế Tôn ! Đã lâu con mới đến đây”. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tu tập thân, miệng, ý hành. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói: Có người như sư tử và có người như dê. Các Thầy hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ đó.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo rằng:

— Người kia tại sao mà giống Sư tử ? Ở đây, Tỳ-kheo ! Có người được cúng dường y phục, đồ ẩm thực, giường nằm, thuốc men trị bệnh. Người đó được rồi liền tự ăn uống, không khởi tâm dính mắc, cũng không có dục ý, chẳng khởi các tưởng, hoàn toàn không có niệm này, tự biết pháp xuất yếu. Cho dù không được lợi dưỡng, cũng không khởi loạn niệm, không có tâm tăng giảm. Ví như sư tử ăn thịt thú nhỏ. Bấy giờ vua loài thú ấy cũng không nghĩ rằng: “Cái này tốt, cái này chẳng tốt”, không có tâm dính mắc, cũng không dục ý, không khởi các tưởng. Người này cũng lại như thế. Nếu được cúng dường y phục, đồ ẩm thực, giường nằm, thuốc men, trị bệnh, người này được rồi liền tự ăn uống, không khởi ý dính mắc; ví dù không được cũng không có các niệm.

Ví như có người nhận người cúng dường y phục, đồ ẩm thực, giường nằm, thuốc men trị bệnh, được rồi liền ăn uống, khởi tâm dính mắc, sanh ý ái dục, không biết đạo xuất yếu. Giả sử không được, người ấy hằng sanh tưởng niệm này. Người ấy được

cúng dường rồi, hướng về các Tỳ-kheo, mà tự cống cao hủy báng người khác: “Chỗ ta hay được y phục, đồ ẩm thực, giường nằm, thuốc men trị bệnh. Các Tỳ-kheo này không hay được”. Ví như có một con dê trong bầy dê lớn, ra khỏi bầy, đến đồng phân lớn. Con dê này ăn phân no rồi trở về bầy dê, liền tự cống cao: “Nay ta được ăn ngon, các con dê này không hay được ăn”. Đây cũng như thế, nếu có một người được lợi dưỡng y phục, ẩm thực, giường nằm, thuốc men trị bệnh, khỏi các loạn tưởng, sanh tâm dính mắc, người ấy liền hướng về các Tỳ-kheo mà tự cống cao: “Ta hay được cúng dường, các Tỳ-kheo này chẳng hay được cúng dường”. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy học như vua sư tử, chớ như dê. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có chúng sanh biết báo đền, người này đáng kính, ân nhỏ còn chẳng quên huống là ân lớn. Cho dù người ấy rời nơi đây ngàn do-tuần, trăm

ngàn do-tuần mà chẳng là xa, vẫn không khác gần Ta. Vì sao ? Tỳ-kheo nên biết, Ta thường khen ngợi người biết báo đến.

Có các chúng sanh chẳng biết báo đến, ân lớn còn chẳng nhớ hà huống nhỏ. Người đó chẳng gần Ta, Ta chẳng gần người đó. Ngay cho họ đắp Tăng-già-lê ở sát bên Ta, người này vẫn xa. Vì sao ? Ta thường chẳng nói về người không báo đến. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nghĩ báo đến, chớ học không báo đến. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có người lười biếng, trông hạnh bất thiện, có sự mất mát đối với công việc. Nếu có người có thể không lười biếng, tinh tấn, người này tối diệu, có sự tăng ích ở các pháp lành. Vì sao ? Bồ-tát Di-lặc trải qua ba mươi kiếp, đáng lẽ làm Phật Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Ta do sức tinh tấn, dũng mãnh, khiến Di-lặc ở sau. Hằng sa Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác thời quá khứ đều

do dũng mãnh mà được thành Phật. Do phương tiện này nên biết lười biếng là khổ, làm các hạnh ác, có tổn hại cho việc làm. Nếu hay tinh tấn, tâm dũng mãnh mạnh, các công đức lành có tăng thêm. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nhớ tinh tấn, chớ có lười biếng. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo tịch tĩnh (A-lan-nhã) nên tu hành hai pháp. Thế nào là hai pháp ? Nghĩa là Chỉ và Quán. Nếu Tỳ-kheo tịch tĩnh, được Chỉ, thôi dứt, thì giới luật được thành tựu, chẳng mất oai nghi, chẳng phạm cấm hạnh, tạo các công đức. Nếu Tỳ-kheo tịch tĩnh lại được Quán rồi, liền quán Khổ này, như thật mà biết, quán Khổ tập, quán Khổ tận, quán Khổ xuất yếu, như thật mà biết. Người đó quán như thế xong, tâm dục lậu giải thoát, tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu được giải thoát, liền được trí giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau

nữa, như thật mà biết. Chư Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác quá khứ đều do hai pháp này mà được thành tựu. Vì sao thế ? Giống như Bồ-tát lúc ngồi dưới gốc thọ vương, trước suy nghĩ pháp Chỉ và Quán này. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát được Chỉ rồi, liền có thể hàng phục ma oán. Nếu Bồ-tát lại được Quán rồi, liền thành tựu tam đạt trí, chứng đắc Vô Thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Thế nên, các Tỳ-kheo ! Tỳ-kheo tịch tĩnh nên tìm phương tiện hành hai pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có Tỳ-kheo tu hạnh tịch tĩnh (A-lan-nhã) ở chỗ vắng vẻ, không ở trong chúng, hằng nên cung kính, phát tâm hoan hỉ. Nếu lại có Tỳ-kheo tu tịch tĩnh, ở chỗ vắng vẻ, không có cung kính, không phát tâm hoan hỉ thì ngay cho ở trong đại chúng, họ sẽ bị người đàm luận là không biết pháp tịch

tính (A-lan-nhã): “Thế là Tỳ-kheo tịch tĩnh này, không cung kính, không phát tâm hoan hỉ”.

Lại nữa, Tỳ-kheo ! Tỳ-kheo tịch tĩnh, ở chỗ vắng vẻ, không ở trong chúng, thường nên tinh tấn, chớ có giải đãi, tất sẽ hiểu rõ các pháp yếu. Nếu Tỳ-kheo tịch tĩnh (A-lan-nhã) lại ở chỗ vắng vẻ, có tâm lười biếng, tạo các hạnh ác thì họ ở trong chúng bị người luận bàn: “Tỳ-kheo tịch tĩnh (A-lan-nhã) này giải đãi, không có tinh tấn”. Thế nên, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tịch tĩnh ở chỗ vắng vẻ, không ở trong chúng thường nên thấp ý, phát tâm hoan hỉ, chớ có giải đãi, không có cung kính, nhớ hành tinh tấn, ý không dôi đổi, ở các pháp lành tất sẽ đầy đủ. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai người không thể khéo thuyết pháp ngữ. Thế nào là hai ? Là người không tin mà thuyết pháp tin cho họ, việc này rất khó. Người

tâm xan tham mà thuyết pháp thí cho họ, đây cũng rất khó.

Lại nữa, này Tỳ-kheo ! Nếu người không tin mà thuyết pháp về đức tin cho họ, họ liền nổi sân giận, khởi tâm làm hại. Ví như chó dữ lại thêm mũi đau, càng giận dữ nhiều thêm. Các Tỳ-kheo ! Đây cũng như thế, người không tin mà thuyết pháp tin cho họ, họ liền nổi sân giận, sanh tâm tổn hại.

Lại nữa, này Tỳ-kheo ! Nếu người xan tham mà thuyết pháp bố thí cho họ, họ liền sanh sân giận, khởi tâm tổn hại. Ví như mụn nhọt chưa mùi, lại thêm dao khoét đau không chịu nổi. Đây cũng như thế, người xan tham mà thuyết pháp bố thí cho họ, họ lại càng sân giận, khởi tâm tổn hại. Đó là, này Tỳ-kheo ! Hai người này khó vì họ thuyết pháp.

Lại nữa, này Tỳ-kheo ! Có hai người dễ vì họ thuyết pháp. Thế nào là hai ? Người có lòng tin, thuyết pháp tin cho họ; người không xan tham thuyết pháp thí cho họ. Này Tỳ-kheo ! Nếu người có lòng tin thuyết pháp tin cho họ, họ liền được hoan hỷ, ý không hối hận biến đổi. Ví như người có bệnh, nói thuốc trừ bệnh, liền được bình phục. Đây cũng như thế, người có lòng tin, thuyết pháp tin cho họ, họ liền được hoan hỷ, tâm không biến đổi.

Lại nữa, nếu người không tham, thuyết pháp thí cho họ, họ liền được hoan hỉ, không có tâm hối hận. Ví như có trai, gái đoan chính, tự ưa tắm rửa mặt mũi tay chân, lại có người đến cắm hoa đẹp dâng lên tô bồi nhan sắc; lại lấy áo tốt, phục sức dâng lên người ấy. Người ấy được rồi càng thêm hoan hỉ. Đây cũng như thế, người không lẩn tiếc, thuyết pháp thí cho họ, họ liền được hoan hỉ, không có tâm hối hận. Đó là, này Tỳ-kheo, hai người này dễ vì họ thuyết pháp. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy học có lòng tin, cũng nên học bố thí, chớ có xan tham. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai pháp dành cho người phạm phu, được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi. Thế nào là hai pháp ? Là cúng dường cha, mẹ. Đó là hai người được công đức lớn, thành quả báo lớn.

Lại nữa, nếu cúng dường Bồ-tát một đời bố xứ,

được công đức lớn, được quả báo lớn. Đó là, này Tỳ-kheo ! Bố thí hai người này được công đức lớn, hưởng quả báo lớn, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy thường nhớ hiếu thuận, cúng dường cha, mẹ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

11. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Dạy hai người làm lành, không thể báo ân được. Thế nào là hai ? Nghĩa là cha, mẹ.

Này Tỳ-kheo, nếu lại có người, vai phải cõng cha, vai trái cõng mẹ đến ngàn vạn năm, lo y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men trị bệnh, dù cha mẹ tiểu tiện, đại tiện ở trên vai, người ấy vẫn chẳng thể báo ân được. Tỳ-kheo nên biết, cha mẹ ân nặng, bông ăm, nuôi nấng, tùy lúc gìn giữ chẳng lơ thời tiết như được thấy mặt trời, mặt trăng. Dùng phương tiện này, biết ân này, khó báo. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy cúng dường cha mẹ, thường nên hiếu thuận,

chẳng lỗ thời tiết. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

12. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Bàn-đặc bảo em là Châu-lợi-bàn-đặc rằng:

— Nếu em không thể trì giới được thì trở về làm cư sĩ.

Ngài Châu-lợi-bàn-đặc nghe lời này xong, liền đến đứng ngoài cửa Tinh xá Kỳ Hoàn khóc ròng. Bấy giờ đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh, xem thấy Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đứng ngoài cửa buồn khóc không dùng được. Thế Tôn liền từ tịnh thất đứng lên, dường như đi kinh hành, đến ngoài cửa Tinh xá Kỳ Hoàn hỏi Châu-lợi-bàn-đặc rằng:

— Tỳ-kheo, có sao đứng đây khóc lóc ?

Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

— Bạch Thế Tôn, Anh con xua đuổi con, nói không thể trì giới thì trở về làm cư sĩ, không nên ở đây. Vì thế, con buồn khóc.

Thế Tôn bảo:

— Tỳ-kheo, chớ ôm lo sợ, Ta thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chớ chẳng phải Bàn-đặc anh Thấy đặc đạo.

Bấy giờ Thế Tôn tay nắm Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc, dẫn đến tịnh thất bảo ngói, rồi Thế Tôn lại dạy cầm chổi quét:

— Thấy tụng chữ này là chữ gì ?

Bấy giờ Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc tụng chữ “quét” lại quên chữ “chổi”. Nếu tụng chữ “chổi” lại quên chữ “quét”. Bấy giờ Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc tụng “chổi quét” nay qua mấy ngày. Mà “chổi quét” này lại gọi là trừ dơ. Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc lại nghĩ: “Cái gì là trừ ? Cái gì là dơ ?”

Dơ là tro, đất, ngói, gạch; trừ là thanh tịnh.

Tôn giả lại nghĩ: “Thế Tôn có sao dùng điều này dạy ta. Nay ta nên suy nghĩ nghĩa này”. Do suy nghĩ nghĩa này, Tôn giả lại nghĩ: “Nay trên thân ta cũng có bụi dơ, ta tự ví dụ. Thế nào là trừ ? Thế nào là dơ ?”

Tôn giả lại nghĩ: “Buộc kết là dơ, trí tuệ là trừ. Nay ta có thể lấy chổi trí tuệ quét trói buộc này.”

Bấy giờ Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc suy nghĩ Ngũ thanh ẩm, sự thành, sự bại, nghĩa là sắc này,

sắc tập, sắc diệt; thọ, tướng, hành, thức, sự thành, sự bại cũng lại như vậy. Lúc ấy, Tôn giả tư duy về Ngũ thanh âm này xong, tâm dục được giải thoát, tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu được giải thoát; đã được giải thoát liền được trí giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa, như thật mà biết. Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc liền thành A-la-hán. Đã thành A-la-hán, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng lên, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên, bạch Thế Tôn:

— Nay con đã có trí, nay đã có tuệ, nay đã hiểu chối quết.

Thế Tôn nói:

— Tỳ-kheo, Thấy hiểu thế nào ?

Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

— Trừ đó là tuệ, dư là kết.

Thế Tôn bảo:

— Lành thay, Tỳ-kheo ! Như lời Thấy nói, trừ là tuệ, dư là kết.

Bấy giờ Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc hướng về Thế Tôn mà nói kệ:

*Nay tụng này đã đủ,
Như chỗ Ngài đã nói,*

*Trí tuệ hay trừ dơ
Chẳng do hạnh nào khác.*

Thế Tôn bảo:

— Tỳ-kheo, như lời Thầy nói, do trí tuệ chứ không do gì khác.

Bấy giờ Tôn giả nghe Thế Tôn dạy xong, vui vẻ vâng làm.

13. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có hai pháp này, chẳng thể mong đợi cũng chẳng đủ yêu mến, người đời ném bỏ. Thế nào là hai pháp ? Là oán ghét gặp gỡ. Điều này không thể mong đợi, cũng không đủ yêu mến, người đời ném bỏ; và ân ái biệt ly, chẳng thể mong đợi cũng không đủ yêu mến, người đời ném bỏ. Đó là, Tỳ-kheo, có hai pháp này, người đời chẳng vui, chẳng thể mong đợi.

Này Tỳ-kheo, lại có hai pháp người đời chẳng bỏ. Thế nào là hai pháp ? Oán ghét biệt ly là chỗ người đời ưa và ân ái tụ họp một chỗ, rất đáng yêu kính, là chỗ người đời ưa thích. Đó là, Tỳ-kheo, có

hai pháp người đời ưa thích. Nay Ta nói về oán ghét tụ hợp, ân ái biệt ly này, lại nói oán ghét biệt ly, ân ái tụ hợp là có nghĩa gì ? Có duyên gì ?

Tỳ-kheo đáp:

— Thế Tôn là vua các pháp, cúi mong Thế Tôn thuyết cho chúng con, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ cùng vâng làm.

Thế Tôn bảo:

— Lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các Thầy phân biệt nói. Nay các Tỳ-kheo, hai pháp này do ái mà dấy lên, do ái mà sanh, do ái mà thành, do ái mà khởi. Nên học trừ ái, chớ khiến cho sanh. Như thế, nay các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*
* *

XXI. PHẨM TAM BẢO

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba đức tự quy y. Thế nào là ba ? Nghĩa là quy y Phật, đức thứ nhất; quy y Pháp, đức thứ hai; quy y Tăng, đức thứ ba.

Thế nào gọi là đức tự quy y Phật ? Có các chúng sanh hai chân, bốn chân, chúng nhiều chân; có sắc, không sắc, có tướng không tướng đến trên Ni Duy Tiên Thiên (Trời Sắc cứu cánh); trong đây, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng, không ai bì kịp. Do bò được sữa, do sữa được bơ, do bơ được tô, do tô được đề hồ; nhưng ở trong đây, đề hồ là thứ tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Đây cũng như

thể, có các chúng sanh hai chân, bốn chân, chúng nhiều chân, có sắc, không sắc, có tướng không tướng đến trên Ni Duy Tiên Thiên (Trời Sắc cứu cánh); ở trong đó, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng, không ai sánh kịp. Có các chúng sanh thừa sự Phật, đó là đức phụng sự đệ nhất. Đã được đức đệ nhất, liền hưởng phước trên Trời, hay trong loài Người. Đây gọi là đức đệ nhất.

Thế nào gọi là đức tự quy y Pháp ? Nghĩa là các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận Niết-bàn; nhưng pháp Niết-bàn ở trong các pháp là tối tôn, tối thượng, không gì có thể bằng. Do bò được sữa, do sữa được bơ, do bơ được tô, do tô được đề hồ; nhưng ở trong đó, đề hồ lại là tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Đây cũng như thế, nghĩa là các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận, Niết-bàn; nhưng trong đó, pháp Niết-bàn là tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Có các chúng sanh thừa sự pháp, đó là đức thừa sự đệ nhất. Đã được đức đệ nhất, liền được hưởng phước trên Trời, trong loài Người. Đây gọi là đức đệ nhất.

Thế nào gọi là đức tự quy y Thánh chúng ? Thánh chúng nghĩa là trong các loại chúng sanh hữu hình nhóm lại thành nhóm lớn, chúng lớn, thì

ở trong chúng này, chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Do bò được sữa, do sữa được bơ, do bơ được tô, do tô được đề hồ; nhưng trong đó đề hồ lại là tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Đây cũng như thế, Thánh chúng nghĩa là chúng Tăng của Như Lai trong loài hữu hình nhóm họp điều thành chúng lớn, là tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Đó là đức thừa sự đệ nhất. Đã được đức thứ nhất, liền được hưởng phước trên Trời, trong loài Người. Đây gọi là đức đệ nhất.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Đệ nhất thừa sự Phật,
Tối tôn không ai hơn,
Kế lại thừa sự Pháp,
Vô dục không chỗ vương,
Kính thờ chúng Hiền Thánh,
Là ruộng phước tốt nhất,
Người ấy trí đệ nhất,
Hưởng phước trước hơn hết,
Nếu ở trong Trời, Người,
Ở chúng là chánh đạo
Cũng được tòa tối diệu
Tự nhiên uống cam lộ.
Thân mặc áo bảy báu,
Được mọi người cung kính,*

*Giới đầy đủ hoàn toàn,
Các căn không sơ sót.
Cũng được biến trí tuệ,
Đến đến cõi Niết-bàn.
Người có tam quy này,
Hướng đến đạo chẳng khó.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba phước nghiệp này. Thế nào là ba ?
Bố thí là phước nghiệp, bình đẳng là phước nghiệp,
tư duy là phước nghiệp.

Thế nào gọi bố thí là phước nghiệp ? Nếu có một người mở lòng bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người hết sức bần cùng, người cô độc, người không nơi nương tựa, cần ăn cho ăn, cần nước cho nước, y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men trị bệnh, hương hoa, chỗ ở, tùy theo sự thuận tiện của thân, không có yêu tiếc. Đây gọi là phước nghiệp bố thí.

Thế nào gọi bình đẳng là phước nghiệp ? Nếu

có một người không giết hại, không trộm cắp, hằng biết hổ thẹn, không đầy tư tưởng ác, cũng không trộm cắp, thích bố thí cho người, không tâm tham lẫn, nói năng hòa nhã, không tổn thương tâm người, cũng không dâm dục với vợ hay chồng người khác, tự tu Phạm hạnh, tự đủ với sắc vợ hay chồng mình, cũng không vọng ngữ, hằng nghĩ chí thành, không lời hư dối. Người ấy được người đời kính nể, không có thêm bớt, cũng không uống rượu, hằng biết tránh loạn động; lại đem tâm từ rải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng thế; tám hướng, trên dưới, đầy khắp trong đó không hạn, không lượng, không thể giới hạn, không thể tính kể; dùng tâm từ này che khắp tất cả khiến được an ổn; lại đem tâm bi, hỉ, xả (hộ) rải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng vậy, tám hướng, trên dưới đều tràn đầy trong đó không hạn, không lượng, chẳng thể tính kể; dùng tâm bi, hỉ, xả này rải đầy trong đó. Đó gọi là bình đẳng là phước nghiệp.

Thế nào gọi tư duy là phước nghiệp ? Ở đây, Tỳ-kheo, tu hành niệm giác ý, y vô dục, y vô quán, y diệt tận, y xuất yếu; tu pháp giác ý, tu niệm giác ý, tu ý giác ý, tu định giác ý, tu xả (hộ) giác ý, y vô

dục, y vô quán, y diệt tận, y xuất yếu. Đó gọi là tư duy là phước nghiệp. Như thế, Tỳ-kheo, có ba phước nghiệp này.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Bố thí và bình đẳng,
Từ tâm, xả, tư duy,
Có ba xứ sở này,
Chỗ người trí thân cận.
Trong đây hưởng báo này,
Trên trời cũng lại thế.
Do có ba chỗ này,
Sanh Thiên đât chẳng nghi.*

Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện đến ba chỗ này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba nhân duyên khiến thức đi đến thọ thai. Thế nào là ba ? Ở đây, Tỳ-kheo ! Mẹ có dục

ý, cha mẹ ở chung một nơi, cùng nghỉ ngơi chung; nhưng ngoại thức lại chưa ứng hướng đến liên chẳng thành thai. Nếu thức muốn chạy đến mà cha mẹ không giao hợp thì chẳng thành thai. Nếu người mẹ lại không dục, cha mẹ cộng hợp một nơi, bấy giờ ý dục của cha mạnh, mẹ không ân cần lắm thì không thành thai. Nếu cha mẹ hợp lại một nơi, mẹ lòng dục mạnh mẽ mà cha chẳng ân cần lắm thì không thành thai. Nếu cha mẹ lại ở một nơi, cha có bệnh phong, mẹ có bệnh lạnh thì không thành thai. Nếu cha mẹ lại ở một nơi, mẹ có bệnh phong, cha có bệnh lạnh thì không thành thai. Nếu lại có lúc cha mẹ hợp một chỗ, thân cha thủy khí hơi nhiều, mẹ không có bệnh này thì không thành thai. Nếu lại có lúc, cha mẹ hợp một nơi, tướng cha có con, tướng mẹ không con thì không thành thai. Nếu có lúc, cha mẹ hợp một nơi, tướng mẹ có con, tướng cha không con thì không thành thai. Nếu lại có lúc tướng cả cha lẫn mẹ không con, thì không thành thai. Nếu lại có lúc thức thần đến thai mà cha đi vắng thì không thành thai. Nếu lại có lúc cha mẹ nên ở một nơi, mà mẹ đi xa thì không thành thai. Nếu lại có lúc cha mẹ đáng lý ở một nơi, nhưng thân cha gặp bệnh nặng lúc thức thần hướng đến thì không thành thai. Nếu lại có lúc cha mẹ đáng

nên hợp một nơi, thức thân hướng đến nhưng thân mẹ bị bệnh nặng thì không thành thai. Nếu lại có lúc cha mẹ đáng nên hợp một nơi, thức thân chạy đến, nhưng thân cả cha và mẹ đều bệnh tật thì không thành thai.

Lại nữa, này Tỳ-kheo, nếu cha mẹ hợp một nơi, cha mẹ không bệnh, thức thân hướng đến, mà tướng cha mẹ đều có con, thì đây thành thai. Đó là ba nhân duyên này mà đến thọ thai. Thế nên, Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện đoạn dứt ba nhân duyên. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có chúng sanh muốn khởi tâm từ, có lòng tin thuần thành, vâng nhận phụng sự cha mẹ, anh em, dòng họ, nhà cửa, bằng hữu, tri thức nên đặt ở ba nơi khiến không di động. Thế nào là ba ? Nên phát tâm hoan hỉ đối với Như Lai, tâm không di động, bậc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô

Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư hiệu là Phật, Thế Tôn.

Lại nên phát ý ở trong Chánh pháp, pháp của Như Lai khéo thuyết, vô ngại, rất là vi diệu, do đây mà thành quả vị. Như thế người trí nên học để biết, cũng nên phát ý với Thánh chúng này, Thánh chúng của Như Lai thấy đều hòa hợp, không có lẫn lộn, pháp thành tựu, giới thành tựu, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát kiến tuệ thành tựu. Thánh chúng nghĩa là bốn đôi, tám bậc, mười hai Hiền Thánh. Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng kính, đáng quý. Đây là phước điền vô thượng của thế gian. Có các Tỳ-kheo học ba điều này thì thành tựu quả báo lớn. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo Cù-ba-ly đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên.

Lúc ấy Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

— Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên việc làm rất ác, tạo các hạnh ác.

Thế Tôn bảo:

— Chớ nói thế ! Thấy hãy phát tâm hoan hỉ đối với Như Lai. Tỳ-kheo Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất việc làm thuần thiện, không có các điều ác.

Tỳ-kheo Cù-ba-ly hai ba phen bạch Thế Tôn:

— Như Lai nói thật không có hư vọng, nhưng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên việc làm rất ác, không có gốc lành.

Thế Tôn bảo:

— Thấy là người ngu ! Chẳng tin lời Như Lai, mới bảo Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên việc làm rất ác. Nay Thấy tạo hạnh ác này, sau sẽ chịu quả báo không lâu.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia ở ngay trên chỗ ngồi, thân mọc mụn nhọt độc, lớn bằng hột cải, dần bằng hột đậu, dần dần như trái a-ma-lặc, gấn bằng bồ đào, lại bằng nắm tay, máu mủ chảy tràn, thân hoại mạng chung, sanh trong địa ngục hoa sen.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Cù-ba-ly mạng chung, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy ngồi một bên. Chốc lát, Tôn giả ngồi lùi ra bạch Phật:

— Tỳ-kheo Cù-ba-ly bị sanh ở đâu ?

Thế Tôn bảo:

— Người đó mạng chung sanh trong địa ngục hoa sen.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

— Nay con muốn đến địa ngục ấy giáo hóa Thầy ấy.

Thế Tôn bảo:

— Mục-liên, Thầy chẳng cần đến đó.

Mục-liên lại bạch Thế Tôn lần nữa:

— Con muốn đến địa ngục đó giáo hóa Thầy ấy.

Bấy giờ Thế Tôn cũng im lặng không đáp. Tôn giả Mục-kiền-liên như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay, từ Xá-vệ biến mất, liền đến trong đại địa ngục hoa sen. Ngay lúc đó, Tỳ-kheo Cù-ba-ly thân thể đang bị lửa đốt, lại có trăm con trâu cày trên lưới.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên ngồi kiết-già ở trong hư không, búng móng tay báo cho Tỳ-kheo kia. Tỳ-kheo ấy ngược lên hỏi;

— Thầy là ai ?

Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:

— Cù-ba-ly, Ta là đệ tử Phật Thích-ca Văn, tên Mục-kiền-liên, họ Câu-lợi-đà.

Lúc ấy, Tỳ-kheo thấy Mục-kiền-liên rồi liền thốt lời ác:

— Nay ta đã dọa xuống cội ác này, vẫn không thoát khỏi thấy Thầy ở trước nữa sao ?

Nói lời này xong, lập tức có ngàn con trâu cày trên lưỡi. Tôn giả Mục-kiền-liên thấy rồi tăng thêm buồn rầu, sanh lòng hối hận, liền biến mất, trở về nước Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Tôn giả đem nhân duyên này bạch đủ với Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Trước Ta đã nói với Thầy chẳng cần đến đó gặp người ác ấy. Thế Tôn bèn nói kệ:

*Phàm người sanh ra,
Búa ở trong miệng,
Sở dĩ chém thân,
Do lời ác này.
Kia dứt ta dứt,
Cả hai đều thiện,
Đã tạo hạnh ác,
Đó dọa cội ác.
Đây là ác nhất,*

*Hữu tộn, vô tộn,
Ác với Như Lai,
Người này nặng nhất.
Một muôn ba ngàn,
Sáu (mươi) một ngục tro.
Báng Thánh đọa đó,
Do thân miệng tạo.*

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nên học ba pháp để thành tựu hạnh của mình. Thế nào là ba ? Thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có Tỳ-kheo thành tựu ba pháp, ở pháp hiện tại khéo được khoái lạc, dùng mãnh tinh tấn, dứt sạch được hữu lậu. Thế nào là ba ? Ở đây, Tỳ-kheo các căn tịch tĩnh, ăn uống biết tiết độ, chẳng bỏ kinh hành.

Thế nào là Tỳ-kheo các căn tịch tĩnh ? Ở đây, Tỳ-kheo nếu mắt thấy sắc, chẳng khởi tưởng dính mắc, không có nghĩ nhớ (thức niệm) ở nhãn căn được thanh tịnh, nhãn kia cấu giải thoát, hằng thủ hộ nhãn căn. Nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp, chẳng khởi tưởng dính mắc, không có nghĩ nhớ (thức niệm) ở ý căn được thanh tịnh, nhãn đó cấu giải thoát, hằng hộ ý căn. Như thế là Tỳ-kheo các căn tịch tĩnh.

Thế nào là Tỳ-kheo ăn uống biết điều độ ? Ở đây, Tỳ-kheo suy xét thức ăn uống từ chỗ nào đến, chẳng cầu mập trắng, chỉ muốn thân hình được toàn vẹn tứ đại: “Nay ta nên trừ thọ cũ, chẳng cho cái mới sanh, khiến thân có sức được tu hành theo đạo, để Phạm hạnh chẳng dứt tuyệt.” Ví như thân nam, nữ sanh mụn nhọt độc, dùng cao mỡ bôi nhọt. Sở dĩ bôi lên mụn nhọt là muốn cho nó lành. Đây cũng như thế ! Các Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ. Ở đây Tỳ-kheo suy nghĩ thức ăn từ đâu tới, chẳng cầu mập trắng, chỉ muốn thân hình được vẹn toàn tứ đại: “Nay ta nên trừ thọ cũ, khiến cái mới chẳng sanh, khiến thân có sức được tu hành đạo, khiến Phạm hạnh chẳng dứt.” Ví như xe chở nặng, sở dĩ bôi mỡ vào trục bánh, là muốn xe chở nặng mà đi

đến nơi được. Tỳ-kheo cũng như thế, ăn uống biết tiết độ, suy nghĩ từ đâu đến, chẳng cầu mập trắng, chỉ mong thân hình được vẹn toàn tứ đại: “Nay ta nên trừ thọ cũ, khiến cái mới chẳng sanh, khiến thân có sức được tu hành đạo, khiến Phạm hạnh chẳng dứt.” Như thế là Tỳ-kheo ăn uống có tiết độ.

Thế nào là Tỳ-kheo không bỏ mất việc kinh hành ? Ở đây, Tỳ-kheo đầu đêm, cuối đêm hằng nhớ kinh hành không bỏ thời tiết, thường nhớ buộc niệm ở trong đạo phẩm; nếu ở ban ngày, hoặc đi, hoặc ngồi, suy nghĩ diệu pháp trừ khử ảm (ngũ ảm), cái (ngũ cái); đầu hôm, hoặc đi, hoặc ngồi, suy nghĩ diệu pháp trừ khử ảm, cái; lại ở giữa đêm nằm nghiêng hông bên phải, tư duy buộc ý ở chỗ sáng kia; lại ở cuối đêm thức dậy hoặc đi, hoặc ngồi suy nghĩ thâm pháp, trừ khử ảm, cái (sự che đậy); như thế là Tỳ-kheo không bỏ mất kinh hành.

Nếu có Tỳ-kheo các căn tịch tĩnh, ăn uống biết tiết độ, chẳng mất kinh hành, thường nhớ buộc niệm trong đạo phẩm, Tỳ-kheo này liền thành tựu Nhị quả, ở trong pháp hiện tại đắc A-na-hàm. Ví như người khéo lái xe, ở giữa đường chánh bằng phẳng, lái xe tứ mã không có ngưng trệ, thì đến nơi mong muốn, quả nhiên không còn nghi ngờ. Tỳ-kheo này cũng lại như thế, nếu các căn tịch tĩnh,

ăn uống có tiết độ, chẳng mất kinh hành, thường nhớ buộc ý trong đạo phẩm, Tỳ-kheo này liền thành tựu Nhị quả, ở trong pháp hiện tại lậu tận, đắc A-na-hàm.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba bệnh lớn. Thế nào là ba ? Nghĩa là phong là bệnh lớn, đàm là bệnh lớn, lạnh là bệnh lớn. Đó là, Tỳ-kheo, có ba bệnh lớn này. Nhưng trị ba bệnh lớn này có ba thuốc hay. Thế nào là ba ? Nếu bệnh phong thì tô là thuốc hay, và lấy tô làm thức ăn. Nếu bệnh đàm thì mật là thuốc hay và lấy mật làm thức ăn. Nếu bệnh lạnh thì dầu là thuốc hay và lấy dầu làm thức ăn. Đó là, Tỳ-kheo, ba bệnh lớn này có ba thuốc hay này. Như thế, Tỳ-kheo, cũng có ba loại bệnh lớn này. Thế nào là ba ? Đó là tham dục, sân giận và ngu si. Đó là, Tỳ-kheo, có ba bệnh lớn này. Nhưng ba bệnh lớn này lại có ba loại thuốc hay. Thế nào là ba ? Nếu lúc tham dục khởi lên, dùng (phép quán) bất tịnh để trị và suy nghĩ

đạo bất tịnh. Bệnh lớn sân giận thì dùng tâm từ để trị và suy nghĩ về đạo từ tâm. Bệnh lớn ngu si thì dùng trí tuệ để trị và đạo nhân duyên khởi. Đó là, Tỳ-kheo, ba bệnh lớn này có ba thuốc hay này. Thế nên, Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện cầu ba thuốc này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba hạnh ác. Thế nào là ba ? Đó là thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Đó là, Tỳ-kheo, có ba hạnh ác, nên tìm phương tiện tu ba hạnh lành. Thế nào là ba ? Thân làm ác hãy tu thân làm lành, miệng nói ác hãy tu miệng nói lành, ý nghĩ ác hãy tu ý nghĩ lành.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Hãy ngăn thân làm ác,
Tu tập thân làm lành,
Nhớ bỏ thân làm ác,
Nên học thân làm lành.*

*Hãy ngăn miệng nói ác,
Tu tập miệng nói lành,
Nhớ bỏ miệng nói ác,
Nên học miệng nói lành.
Hãy ngăn ý nghĩ ác,
Tu tập ý nghĩ lành,
Nhớ bỏ ý nghĩ ác,
Nên học ý nghĩ lành.
Thân hành là lành thay !
Khẩu hành cũng lại thế,
Ý hành là lành thay !
Tất cả cũng như thế,
Ngừa miệng, ý thanh tịnh,
Tịnh ba hạnh tích này,
Đến chỗ tiên vô vi.*

Như thế, các Tỳ-kheo, hãy bỏ ba hạnh ác, tu ba hạnh lành. Như thế, này Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo, đến giờ đắp y, ôm

bát vào thành khát thực. Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: “Chúng ta vào thành khát thực mà ngày giờ còn sớm, bây giờ nên dẫn nhau đến chỗ Phạm chí ngoại đạo”. Rồi chúng Tỳ-kheo liền đến chỗ Phạm chí dị học, thăm hỏi nhau xong, ngồi xuống một bên. Phạm chí liền hỏi Sa-môn rằng:

— Đạo sĩ Cổ-đàm thường thuyết về Dục luận, Sắc luận, Thọ luận, Tưởng luận. Những luận như thế có gì sai khác ? Chỗ luận của chúng tôi cũng là chỗ thuyết của Sa-môn, chỗ Sa-môn thuyết cũng là chỗ chúng tôi luận, thuyết pháp cũng giống sự thuyết pháp của chúng tôi, sự dạy dỗ cũng giống sự giáo hối của chúng tôi.

Chúng Tỳ-kheo nghe lời này rồi, cũng không nói hay cũng chẳng nói dở, liền từ chỗ ngồi đứng lên mà đi, cùng nghĩ rằng: “Chúng ta nên đem nghĩa này đến hỏi Thế Tôn”.

Bấy giờ chúng Tỳ-kheo sau khi ăn xong, liền đến chỗ Thế Tôn quỳ lạy rồi ngồi một bên. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đem sự việc Phạm chí hỏi nhân duyên đầu đuôi bạch hết với Thế Tôn. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu Phạm chí kia hỏi thế. Các Thầy hãy đem nghĩa này đáp lại câu hỏi ấy: Dục có vị ngọt

gì ? Có tội lỗi gì nên xa lìa dục ? Sắc có vị gì, có lỗi gì, nên xa lìa sắc ? Thọ có vị gì, có lỗi gì, nên xa lìa thọ ? Các Thầy nếu đem lời này đáp câu hỏi ấy, các Phạm chí kia sẽ im lặng không đáp được. Dù có nói cũng không thể hiểu nghĩa thâm sâu này, và tăng thêm ngu hoặc, đọa ở bờ mé. Vì sao thế ? Vì chẳng phải cảnh giới của họ. Sau đó, này các Tỳ-kheo, trong Ma và Thiên ma, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương, Sa-môn, Bà-la-môn, Người và Phi nhân; không ai có thể hiểu nghĩa sâu xa này, chỉ trừ Như Lai Đẳng Chánh Giác và Thánh chúng của Như Lai, thọ giáo với Ta thì chẳng kể.

Dục có vị gì ? Đó là năm dục vậy. Thế nào là năm ? Mắt thấy sắc khởi nhãn thức, rất ưa thích nghỉ chỗ vui của thế gian; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm rất ưa thích nghỉ chỗ vui của người đời. Nếu lại ở trong năm dục này mà khởi tâm khổ vui thì đó là dục vị.

Thế nào là lỗi của dục ? Nếu có một người con nhà vọng tộc, người đồ hoặc học các kỹ thuật để tự mưu sống, hoặc học làm ruộng, hoặc học viết thư số, hoặc học đủ nghề, hoặc học toán số, hoặc học mưu mẹo, hoặc học điêu khắc, hoặc học thông tin từ kia đến đây, hoặc học hầu hạ vua, thân không tránh né lạnh, nóng, chịu đựng cần khổ, không

được tự do; họ làm cực khổ như thế để thu hoạch tiền tài sự nghiệp. Đây là lỗi lớn của dục, hiện đời khổ não do ân ái này đều vì tham dục. Nhưng sau, người ấy làm lụng cần khổ mà không thâu được tài bảo, liền buồn lo khổ não vô kể, liền tự nghĩ rằng: “Ta tạo công lao này, mất nhiều phương kế mà chẳng được tài sản”. So sánh như thế, nên người ấy nghĩ xa lìa. Đó là nên xa lìa dục.

Lại nữa, gã dòng dõi vọng tộc kia, hoặc lúc làm phương kế này mà thâu hoạch được tài sản; đã thâu được tài sản rồi, lại phải tìm nhiều cách gìn giữ luôn luôn, sợ nhà vua ra lệnh đoạt, bị giặc trộm cắp, bị nước trôi, bị lửa đốt. Anh ta lại nghĩ: “Chính muốn chôn giấu, lại sợ sau quên mất; chính muốn bỏ ra sanh lời, lại sợ không xong; hoặc nhà sanh con ác, nó tiêu phí tan tành tài sản của ta”. Đó là hoạn lớn của dục. Tất cả do gốc dục mà đến tai biến này.

Lại nữa, gã vọng tộc kia hằng sanh tâm này muốn bảo vệ tài sản, mà sau vẫn bị quốc vương chiếm đoạt, bị giặc cướp, bị nước trôi, bị lửa đốt, chỗ chôn giấu cũng lại không xong, chính muốn xuất ra lấy lời cũng lại không thâu hoạch được, nhà ở sanh con ác, tiêu tan tài sản, một vạn thâu chẳng được một, liền ôm sầu lo, khổ não, thấm ngực hô hoán: “Tài sản vốn được của ta, nay đều mất hết.”

Anh ta bèn trở nên ngu ngơ, tâm ý lầm lẩn. Đó là hoạn lớn của dục, do gốc dục này không đến được vô vi.

Lại nữa, do gốc dục này mà mặc giáp, cầm gậy công phạt lẫn nhau. Đã công phạt lẫn nhau rồi, hoặc trước bảy voi, hoặc trước đám ngựa, hoặc ở trước bộ binh, hoặc ở trước đám xe, thấy ngựa đấu với ngựa, thấy voi đấu với voi, thấy xe đấu với xe, thấy bộ binh đấu với bộ binh, hoặc chém, bắn lẫn nhau, dùng giáo đâm chém nhau. So sánh như thế, dục là hoạn lớn. Do dục làm gốc đưa đến tai biến này.

Lại nữa, do gốc dục này mà mặc giáp, cầm gậy hoặc ở cửa thành, hoặc ở trên thành, bắn chém lẫn nhau hoặc dùng giáo đâm, hoặc lấy vòng sắt nghiêng đầu, hoặc lấy sắt vụn tung vào nhau, chịu khổ não như thế, người chết rất nhiều.

Lại nữa, dục biến đổi, không thường, thay nhau biến chuyển không ngừng. Người ta không hiểu dục này biến chuyển vô thường. Đây gọi là hoạn lớn của dục.

Thế nào là nên xa lìa dục ? Nếu người hay tu hành trừ tham dục. Đó là xả bỏ dục. Có các Sa-môn, Bà-la-môn chẳng biết hoạn lớn của dục, cũng lại

chẳng biết nguyên nhân xả dục; như thực chẳng biết oai nghi Sa-môn, Bà-la-môn. Đã chẳng biết oai nghi Sa-môn, Bà-la-môn thì đây chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn, cũng lại chẳng thể toàn thân tác chúng để tự du hí. Nghĩa là các Sa-môn, Bà-la-môn xét biết dục là hoạn lớn, hay xa lìa dục, như thực chẳng dối, biết Sa-môn có oai nghi Sa-môn, Bà-la-môn có oai nghi Bà-la-môn, tự thân tác chúng mà tự du hí. Đó là xa lìa dục.

Thế nào là sắc vị ? Nếu có thấy các con gái dòng Sát-lợi, con gái dòng Bà-la-môn, con gái dòng Trưởng giả, tuổi mười bốn, mười lăm, mười sáu, chẳng cao, chẳng thấp, chẳng mập, chẳng ốm, chẳng trắng, chẳng đen, đoan chánh vô song, hiếm có trên đời; người kia vừa gặp nhan sắc ấy, khởi tưởng hoan hỉ. Đó là sắc vị.

Thế nào là sắc đại hoạn ? Lại nữa, nếu về sau thấy đàn bà kia tuổi tám mươi, chín mươi cho đến một trăm, nhan sắc đổi khác, đã qua tuổi thiếu, tráng niên, răng rụng, đầu tóc bạc trắng, thân thể cằn ghet, da dòn mặt nhăn, xương sống còng xuống, run rẩy, thân như chiếc xe mục nát, hình thể lác lù, nương gậy mà đi; thế nào, Tỳ-kheo, vừa thấy sắc đẹp, sau lại biến đổi; há chẳng phải là hoạn lớn sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn !

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, đây nếu thấy cô gái kia mang bệnh nặng nằm trên giường, đại tiểu tiện chẳng thể đứng lên; thế nào, Tỳ-kheo, vốn thấy sắc đẹp nay đến hoạn này; há chẳng phải là hoạn lớn sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Các Tỳ-kheo ! Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu thấy cô gái kia thân hoại mạng chung đưa đến gò mả; thế nào, Tỳ-kheo, vốn thấy sắc đẹp, nay đã biến đổi, ở trong đó khởi tương khổ vui; há chẳng phải là hoạn lớn sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy cô gái kia chết quá một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày cho đến bảy ngày, thân thể sinh trương, thối rữa hôi hám, vung vãi mọi nơi;

thế nào, Tỳ-kheo, vốn có sắc đẹp mà nay biến đổi thế này; há chẳng phải là hoạn lớn sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Đó là hoạn lớn của sắc. Nếu thấy cô gái kia bị quạ diều, kên kên tranh nhau đến ăn thịt, hoặc bị cáo, cây, hổ trông thấy ăn thịt, hoặc bị loài giun trùng, bò bay máy cựa nhỏ nhít thấy ăn thịt; thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn có sắc đẹp, nay biến đổi thế này, ở trong đó khởi tưởng khổ vui, há chẳng phải là hoạn lớn sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy cô gái kia, thân bị trùng quạ ăn một nửa, ruột, bao tử, máu thịt dơ dáy bất tịnh; thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn có sắc đẹp, nay biến đổi đến thế này, ở trong đó khởi tưởng khổ vui. Đây chẳng phải là hoạn lớn sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy thân cô gái kia đã hết máu thịt, hài cốt liền nhau; thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn có sắc đẹp, nay biến đổi đến thế, ở trong đó khởi tướng khổ vui. Đây há chẳng phải là hoạn lớn sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy thân cô gái kia đã hết máu thịt, chỉ có gân ràng rịt như bó củi; thế nào, Tỳ-kheo, vốn có sắc đẹp mà nay biến đổi thế này, ở trong đó khởi tướng khổ vui. Đây chẳng phải là hoạn lớn sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu lại thấy thân cô gái kia, hài cốt tan rã, rơi vãi mỗi nơi, hoặc xương chân một chỗ, xương tay một chỗ, hoặc xương đùi một nơi, xương cánh tay một nơi, hoặc xương sườn một chỗ, xương bả vai một chỗ, hoặc xương cổ một nơi, đầu lâu một nơi; thế nào, các

Tỳ-kheo, vốn có sắc đẹp mà nay biến đổi dường ấy, ở trong đó khởi tưởng khổ vui. Đây há chẳng phải hoạn lớn sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy thân cô gái kia xương màu bạc trắng như màu bồ câu; thế nào, Tỳ-kheo, vốn có sắc đẹp nay biến đổi đến thế, ở trong đó khởi tưởng khổ vui. Đây há chẳng phải là hoạn lớn sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy cô gái kia, hài cốt trải qua vô số năm, hoặc bị mục nát bại hoại đồng màu với đất; thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn có sắc đẹp, nay biến đổi đến vậy, ở trong đó khởi tưởng khổ vui, há chẳng phải hoạn lớn sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, sắc này vô thường biến đổi, không được lâu dài, không có bền vững. Đó là hoạn lớn của sắc.

Thế nào là sắc xuất yếu ? Nếu hay xa lìa sắc, trừ các loạn tướng. Đó là xa lìa đối với sắc. Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc, dính mắc vào sắc, chẳng biết hoạn lớn, cũng chẳng xa lìa, như thực mà chẳng biết. Đây chẳng phải là Sa-môn, Bà-la-môn. Ở trong Sa-môn, chẳng biết oai nghi Sa-môn, ở trong Bà-la-môn chẳng biết oai nghi Bà-la-môn, chẳng thể dùng tự thân tác chứng để tự du hí. Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc chẳng dính mắc sắc, biết rõ là hoạn lớn, năng biết xa lìa. Đó là ở trong Sa-môn, biết oai nghi Sa-môn, ở trong Bà-la-môn, biết oai nghi Bà-la-môn, tự thân tác chứng để tự du hí. Đó là xa lìa sắc.

Thế nào gọi là vị của thọ ? Ở đây, Tỳ-kheo lúc được thọ vui, liền biết ta được thọ vui, lúc bị thọ khổ, liền biết ta bị thọ khổ. Nếu lúc được không vui không khổ liền biết ta được không vui không khổ. Nếu lúc được ăn thọ vui, liền biết ta được ăn thọ vui. Nếu lúc bị ăn thọ khổ, liền biết ta bị ăn thọ khổ. Nếu lúc được ăn không khổ không vui, liền

biết ta được không khổ không vui. Lúc không ăn thọ khổ, liền biết ta không ăn thọ khổ. Nếu lúc không ăn thọ vui, liền tự biết ta không ăn thọ vui. Nếu lúc không ăn thọ không khổ không vui, liền tự biết ta không ăn thọ không khổ không vui.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu lúc thọ vui, bấy giờ không thọ khổ, cũng lại không thọ không vui không khổ. Lúc đó ta chỉ có thọ vui. Nếu lúc thọ khổ, bấy giờ không có thọ vui, cũng không thọ không khổ không vui, chỉ có thọ khổ. Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu lúc được thọ không khổ không vui thì bấy giờ không có thọ vui hay thọ khổ, chỉ có thọ không khổ không vui.

Lại nữa, thọ là pháp vô thường biến đổi. Đã biết thọ là pháp vô thường biến đổi, nghĩa là thọ là hoạn lớn.

Thế nào là thọ xuất yếu ? Nếu hay ở thọ xa lìa thọ, trừ các loạn tướng. Đó là xa lìa thọ.

Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với thọ, dính mắc thọ, chẳng biết hoạn lớn, cũng chẳng xa lìa, như thực mà chẳng biết. Đây chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn. Ở Sa-môn, chẳng biết oai nghi Sa-môn; ở Bà-la-môn, chẳng biết oai nghi Bà-la-môn; chẳng hay đem thân tác chúng để tự du hí. Có các Sa-

môn, Bà-la-môn đối với thọ, không dính mắc thọ, biết rõ là hoạn lớn, hay biết xa lìa. Đó là, ở Sa-môn biết oai nghi Sa-môn; ở Bà-la-môn biết oai nghi Bà-la-môn; đem thân tác chứng mà tự du hí. Đó là xa lìa đối với thọ.

Lại nữa Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn chẳng biết thọ khổ, thọ vui, thọ chẳng khổ chẳng vui; như thực mà chẳng biết, lại giáo hóa người khiến họ thực hành. Đây không thích hợp. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hay xa lìa thọ, như thực mà biết, lại khuyên dạy người khiến xa lìa. Đây chính thích hợp. Đó là xa lìa thọ.

Này Tỳ-kheo, nay Ta đã thuyết về dính mắc dục, vị của dục, dục là hoạn lớn, lại có thể xa bỏ; cũng thuyết về dính mắc sắc, vị của sắc, sắc là hoạn lớn, hay xa lìa sắc; đã thuyết về dính mắc thọ, vị của thọ, thọ là hoạn lớn, hay xa lìa thọ. Chỗ các Như Lai phải hành, chỗ thi thiết, nay Ta đã nói đủ. Hãy thường nhớ ở dưới gốc cây, chỗ vắng vẻ, ngôi thiền, nghiên ngắm chớ có giải đãi. Đó là lời Ta dạy dỗ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba thứ không bền chắc, thiết yếu. Thế nào là ba ? Thân không bền chắc, mạng không bền chắc, tài sản không bền chắc. Đó là, này Tỳ-kheo, có ba thứ không bền chắc. Ở đây, Tỳ-kheo, trong ba thứ không bền chắc nên tìm phương tiện thành tựu ba thứ bền chắc. Thế nào là ba ? Thân không bền chắc cầu cho bền chắc, mạng không bền chắc cầu cho bền chắc, tài sản không bền chắc cầu cho bền chắc.

Thế nào là thân không bền chắc cầu cho bền chắc ? Nghĩa là khiêm hạ, kính lễ, tùy thời thăm hỏi. Đó là thân không bền chắc, cầu cho bền chắc. Thế nào là mạng không bền chắc cầu cho bền chắc ? Ở đây, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, suốt đời không sát sanh, chẳng thêm dao gậy, thường biết hổ thẹn, có lòng từ bi, nghĩ đến tất cả chúng sanh, suốt đời chẳng trộm cắp, hằng nhớ bố thí, tâm không có ý tưởng lẩn tiếm; suốt đời không dâm dục, cũng không dâm vợ người; suốt đời không vọng ngữ, thường niệm chí thành, không khi dối người đời. Đó là mạng không bền chắc cầu bền chắc. Thế nào là tài sản không bền chắc cầu bền chắc ? Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, thường nghĩ bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, các người nghèo khổ; người cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, y

phục, ẩm thực, giường trải đồ nằm, bệnh tật thuốc thang, cửa nhà thành quách; những vật cần dùng thấy đều cho hết; như thế là tài sản chẳng bền chắc, cầu cho bền chắc.

Đó là, này Tỳ-kheo, đem ba thứ không bền chắc đó cầu ba thứ bền chắc này.

Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Biết thân không bền chắc,
Mạng cũng không kiên cố,
Tài sản, pháp suy hao,
Nên cầu sự bền vững.
Thân người rất khó được,
Mạng cũng chẳng dùng lâu,
Tài sản, pháp mòn diệt,
Hoan hỉ niệm ban phát.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Đệ nhất đức phước nghiệp,
Ba nhân ba, an, Cù,
Ba đê, bịnh, hạnh ác,
Khổ trừ, không bền chắc.*

XXII. PHẨM CÚNG DƯỜNG

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba người, người đời nên cúng dường. Thế nào là ba ? Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, người đời nên cúng dường. Bạc lậu tận A-la-hán, đệ tử Như Lai, người đời nên cúng dường. Chuyển luân Thánh vương, người đời nên cúng dường.

Có nhân duyên gì mà Như Lai đáng được người đời cúng dường ?

Phàm Như Lai là bậc mà người không phục phải phục, người không hàng phải hàng, độ được người khó độ, người chưa giải thoát khiến được giải thoát, người chưa Bát-niết-bàn khiến thành Niết-

bàn, người không được cứu hộ khiến họ được cứu hộ, cho người mù con mắt, giúp đỡ cho người bệnh. Ngài là bậc Tôn quý đệ nhất, Ma hoặc Thiên ma, Trời và Người đời, ở trong đó là phước điền cao trọng nhất, đáng kính, đáng quý, làm người dẫn đường khiến cho người biết đường chánh, thuyết đạo dạy cho người chưa biết đạo. Do nhân duyên này, người đời nên cúng dường.

Lại có nhân duyên gì mà bậc lậu tận A-la-hán, đệ tử của Như Lai đáng được người đời cúng dường ?

Tỳ-kheo nên biết: Lậu tận A-la-hán đã qua khỏi nguồn sanh tử, không còn thọ thân sau, đã đắc pháp vô thượng, dâm nô si dứt sạch trọn chẳng còn, là phước điền của đời. Do nhân duyên gốc nhơn này, khiến bậc lậu tận A-la-hán đáng được người đời cúng dường.

Lại nhân duyên gì mà Chuyển luân Thánh vương đáng được người đời cúng dường ?

Tỳ-kheo nên biết: Chuyển luân Thánh vương dùng pháp cai trị giáo hóa, tự mình không sát sanh, lại dạy dỗ người khác không sát sanh; tự mình không trộm cắp cũng lại dạy người khác không trộm cắp; tự mình không dâm dật, lại dạy người

khác không hành dâm dật; tự mình chẳng vọng ngữ cũng lại dạy người khác không vọng ngữ; tự mình không nói hai lưỡi, cãi lộn kia đây, cũng lại dạy người khác không nói hai lưỡi; tự mình không tật đố, giận dữ, si mê, cũng lại dạy người khác không học tập pháp này; tự mình hành chánh kiến, lại dạy người khác không hành tà kiến. Do nhân duyên này, do gốc ngọn này, khiến Chuyển luân Thánh vương đáng được người đời cúng dường.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

— Có ba căn lành chẳng thể cùng tận, tiến dần đến Niết-bàn. Thế nào là ba ? Nghĩa là trông công đức ở Như Lai, căn lành này chẳng thể cùng tận. Trông công đức ở Chánh pháp, căn lành này chẳng thể cùng tận. Trông công đức ở Thánh chúng, căn lành này chẳng thể cùng tận. Đó là, này A-nan, ba căn lành này chẳng thể cùng tận, đến được Niết-bàn. Thế nên, này A-nan, hãy cầu phương tiện thâu được phước chẳng thể cùng tận này. Như thế, A-nan, hãy học điều này !

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba thọ này. Thế nào là ba ? Nghĩa là thọ vui, thọ khổ, thọ không vui không khổ. Các Tỳ-kheo nên biết: thọ vui kia là dục ái sử, thọ khổ kia là sân khuê sử, thọ không khổ không vui là si sử. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy học phương tiện cầu diệt các sử này. Vì thế, nên tự mạnh mẽ, nên tự tu hành pháp đáng tu hành, được pháp không gì sánh được. Các Tỳ-kheo nên biết: Sau khi Ta diệt độ, có Tỳ-kheo niệm tự mạnh mẽ, tu hành pháp này, được pháp không thể so sánh. Đây là Thanh văn bậc nhất.

Này Tỳ-kheo ! Thế nào là nên tự mạnh mẽ, nên tự tu hành, được pháp tu hành, được pháp không gì sánh được ?

Ở đây, Tỳ-kheo ! Nội tự quán thân, ngoại tự quán thân, nội ngoại tự quán thân mà tự du hí. Nội quán thọ, ngoại quán thọ, nội ngoại quán thọ mà tự du hí. Nội quán ý, ngoại quán ý, nội ngoại quán ý mà tự du hí. Nội quán pháp, ngoại quán pháp, nội

ngoại quán pháp mà tự du hí. Như thế, Tỳ-kheo !
Hãy tự hăng hái tu hành pháp này, được pháp
không gì sánh. Các Tỳ-kheo hành pháp này là đệ
tử bậc nhất trong hàng Thanh văn. Như thế, Tỳ-
kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui
về vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn
Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba việc che giấu thì hay, lộ bày thì
chẳng hay. Thế nào là ba ? Đàn bà, che giấu thì
hay, lộ bày thì chẳng hay. Chú thuật của Bà-la-
môn, che giấu thì hay, lộ bày thì chẳng hay. Nghiệp
tà kiến che giấu thì hay, lộ bày thì chẳng hay. Đó
là, này Tỳ-kheo, có ba việc như thế che giấu thì
hay, lộ bày thì chẳng hay. Lại có ba việc, lộ thì hay,
che đây thì chẳng hay. Thế nào là ba ? Mặt trời lộ
bày thì hay, che đây thì chẳng hay. Mặt trăng lộ
bày thì hay, che đây thì chẳng hay. Pháp ngữ của
Nhu Lai lộ bày thì hay, che đây thì chẳng hay.

Đó là, này Tỳ-kheo, có ba việc lộ bày thì hay,
che đây thì chẳng hay.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Đàn bà và chú thuật,
Tà kiến, hạnh bất thiện,
Đây là ba pháp đời,
Che giấu thì tối diệu.
Mặt trời, trăng rộng chiếu,
Chánh pháp ngữ Như Lai,
Đây là ba pháp đời,
Tỏ bày hay đệ nhất.*

Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tỏ bày hiện pháp của Như Lai, chớ cho che giấu. Như thế, Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Đây là ba tướng hữu vi của pháp hữu vi. Thế nào là ba ? Là biết từ đâu khởi, biết sẽ biến đổi, biết sẽ diệt tận.

Thế nào là biết từ đâu khởi ? Nghĩa là sanh

ra, lớn lên thành hình ngũ âm, được các sự gìn giữ các căn (trì nhập). Đó là biết chỗ từ đâu khởi.

Thế nào là diệt tận ? Nghĩa là chết, mạng sống qua mất, không dùng, vô thường; các âm tan hoại, dòng họ biệt ly, mạng căn đoạn dứt. Đó là diệt tận.

Thế nào là biến đổi ? Răng rụng, tóc bạc, khí lực cùng kiệt, tuổi bèn suy vi, thân thể rã rời. Đó là pháp biến đổi. Nay Tỳ-kheo ! Đó là ba tướng hữu vi của pháp hữu vi. Nên biết ba tướng hữu vi này và khéo phân biệt. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Người ngu có ba tướng, ba pháp không thể nhờ cậy. Thế nào là ba ? Ở đây, người ngu điều chẳng thể tư duy mà tư duy, chỗ chẳng thể luận bàn mà luận bàn, chỗ chẳng thể hành mà tu tập.

Thế nào là người ngu điều chẳng thể tư duy mà nghĩ nhớ ? Ở đây, người ngu hay nghĩ nhớ đến

ba hạnh của ý. Thế nào là ba ? Ở đây, người ngu khởi tâm tật đố với tài vật và nữ sắc của người khác. Tâm nhớ lời ác, rồi nổi lòng tật đố: “Sở hữu của người kia mong là sẽ cho tôi”. Như thế là người ngu, điều không thể tư duy mà tư duy.

Thế nào là người ngu, việc chẳng thể luận bàn mà lại luận bàn ? Ở đây, người ngu tạo bốn lỗi của miệng. Thế nào là bốn ? Ở đây, người ngu hằng ưa nói dối, nói lời thêu dệt, nói ác và tranh cãi kia đây. Như thế, người ngu tạo bốn lỗi của miệng.

Thế nào là người ngu tạo các hạnh ác ? Ở đây, người ngu tạo hạnh ác của thân, thường nghĩ sát sanh, trộm cắp, dâm dật. Như thế là người ngu tạo các hạnh ác. Như thế, này Tỳ-kheo, người ngu có ba hạnh này. Người ngu si tập ba việc này.

Lại nữa, Tỳ-kheo ! Người trí có ba việc nên nhớ tu hành. Thế nào là ba ? Ở đây, người trí, việc đáng tư duy liền tư duy; việc đáng luận bàn liền luận bàn, nên làm thiện liền tu hành thiện.

Thế nào là người trí việc đáng tư duy liền tư duy ? Ở đây, người trí tư duy ba hạnh của ý. Thế nào là ba ? Ở đây, người trí chẳng tật đố, sân giận, si mê, thường hành chánh kiến, thấy tài vật người khác không sanh tưởng nghĩ. Như thế người trí, việc đáng tư duy liền tư duy.

Thế nào là người trí việc đáng luận bàn liên luận bàn ? Ở đây, người trí thành tựu bốn hạnh của miệng. Thế nào là bốn ? Ở đây, người trí chẳng nói dối, cũng chẳng dạy người nói dối, thấy người nói dối, ý không vui thích. Đó là người trí giữ gìn miệng mình. Lại nữa, người trí không nói ý ngũ, ác khẩu, tranh cãi kia đây, cũng không dạy người khiến nói ý ngũ, ác khẩu, tranh cãi. Như thế người trí thành tựu bốn hạnh của miệng.

Thế nào là người trí thành tựu ba hạnh của thân ? Ở đây, người trí tư duy về thân hành không chỗ xúc chạm. Hơn nữa, người trí không tự mình sát sanh, cũng không dạy người sát sanh, thấy người giết hại, tâm không vui mừng; tự mình không trộm cắp, không dạy người trộm cắp, thấy người trộm cắp, tâm không vui mừng; cũng không dâm dật, thấy sắc dâm bà khác, tâm không khởi tưởng, cũng không dạy người khác hành dâm dật. Nếu thấy người già, xem như mẹ mình, bậc trung coi như chị, người nhỏ như em; ý không cao thấp. Như thế, người trí thân thành tựu ba hạnh. Đó là việc làm của người trí. Như thế, Tỳ-kheo, có ba tướng hữu vi này. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên xa lìa ba tướng của người ngu, và chớ phế bỏ ba việc làm của người trí trong chốn lát. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba pháp này chẳng thể giác tri, chẳng thấy, chẳng nghe, mà khi qua lại trong sanh tử, chưa từng được ngắm nhìn. Ta và các Thầy chưa hề thấy nghe. Thế nào là ba ? Nghĩa là giới của Hiền Thánh, chẳng thể giác tri, chẳng thấy, chẳng nghe, trải qua sanh tử chưa từng được ngắm nhìn, Ta và các Thầy chưa hề thấy nghe. Tam-muội của Hiền Thánh, trí tuệ của Hiền Thánh, chẳng thể giác tri, chẳng thấy, chẳng nghe. Nay như thân Ta cùng với các Thầy thấy đều giác tri, cảm giới của Hiền Thánh, tam-muội của Hiền Thánh, trí tuệ của Hiền Thánh, thấy đều thành tựu, không thọ thân sau nữa, đã đoạn cội gốc sanh tử. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy nhớ tu hành ba pháp này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba pháp rất đáng kính yêu, người đời ham muốn. Thế nào là ba ? Tuổi trai trẻ (thiếu tráng), rất đáng kính yêu, người đời ham muốn. Không bệnh rất đáng kính yêu, người đời ham muốn. Sống lâu rất đáng kính yêu, người đời ham muốn.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, có ba pháp này rất đáng kính yêu, người đời ham muốn. Lại nữa, các Tỳ-kheo, tuy có ba pháp này rất đáng kính yêu, người đời ham muốn, nhưng lại có ba pháp, chẳng đáng kính yêu, người đời không ham. Thế nào là ba ? Tuy có tuổi trai trẻ nhưng ắt sẽ già, là điều chẳng đáng kính yêu, người đời không ham. Tỳ-kheo nên biết. Tuy không có bệnh nhưng ắt sẽ bệnh, điều đó chẳng đáng kính yêu, người đời không ham. Tỳ-kheo nên biết. Tuy có sống lâu nhưng ắt sẽ chết, điều đó chẳng đáng kính yêu, người đời không ham. Tỳ-kheo nên biết.

Thế nên, các Tỳ-kheo, dù đang thiếu niên trai tráng, nên cầu chẳng già, đến Niết-bàn. Tuy có không bệnh, nên cầu phương tiện khiến cho không có bệnh. Tuy có sống lâu, nên cầu phương tiện

khiến không mạng chung. Như thế, Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ví như mùa xuân, trời mưa đá lớn; nếu Như Lai không ra đời chúng sanh sẽ vào địa ngục. Cũng lại như thế, bấy giờ đàn bà sẽ vào địa ngục nhiều hơn đàn ông. Vì sao thế ? Tỳ-kheo nên biết: vì ba việc mà chúng sanh thân hoại mạng chung phải vào ba đường ác. Thế nào là ba ? Là tham dục, thù miên và điều hí (trạo cử). Có ba điều này ràng buộc tâm ý, thân hoại mạng chung rơi vào ba đường ác. Đàn bà suốt ngày tập quen ba pháp để tự vui thú. Thế nào là ba ? Sáng sớm dùng tâm tật đố mà ràng buộc mình, đến trưa lại đem thù miên kết buộc, về chiều lấy tâm tham dục cột trời. Do nhân duyên này khiến đàn bà ấy thân hoại mạng chung sanh vào ba đường ác. Thế nên các Tỳ-kheo, hãy nhớ lìa ba pháp này.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Tật đổ, ngủ, điều hí,
Tham dục là pháp ác,
Đốt người đến địa ngục,
Rốt cuộc không giải thoát.
Vì thế nên xả lìa,
Tật đổ, ngủ, điều hí,
Cũng nên lìa bỏ dục,
Chớ tạo hạnh ác kia.*

Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nhớ bỏ lìa tật đổ, không tâm xan lẫn, thường hành bố thí, không đắm thù miên, hãy hành bất nhiễm, chẳng mắc tham dục. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba pháp này, quen thói thì không biết nhàm chán, cũng lại không thể đến chỗ thôi dứt. Thế nào là ba ? Nghĩa là tham dục, nếu có người quen pháp này, ban đầu không chán; hoặc lại có người quen uống rượu, ban đầu không chán; hoặc lại có người quen ngủ nghỉ, ban đầu không chán.

Đó là, các Tỳ-kheo ! Nếu có người quen ba pháp này, ban đầu không chán, lại cũng không thể đến chỗ diệt tận. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường hãy bỏ lìa ba pháp này, chẳng nên gần gũi. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Cúng dường, ba căn lành,
Ba thọ, ba che bày,
Tướng, pháp, ba bất giác,
Kính yêu, xuân, không đủ.*

*
* *

XXIII. PHẨM ĐỊA CHỦ

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc bảo các quần thần rằng:

— Các Ông hãy sai sửa soạn xe vũ bảo (xe có lọng). Ta muốn đến chỗ Thế Tôn để lễ bái, thăm hỏi.

Bấy giờ tả hữu vâng lệnh vua sửa soạn xe vũ bảo rồi thưa vua:

— Đã sửa soạn xe xong, nay đã đến giờ.

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc liền ngồi xe vũ bảo, có vài ngàn người đi bộ và cỡi ngựa đi theo, vây quanh trước sau, ra khỏi nước Xá-vệ, đến Tinh xá Kỳ Hoàn, tới chỗ Thế Tôn. Như các pháp của vua, vua tháo bỏ năm món trang sức là: lọng, mũ, kiếm, giày

và phát trần vàng, để qua một bên, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết thâm pháp cho vua, khuyến khích, làm cho hoan hỷ. Vua Ba-tư-nặc nghe thuyết pháp xong, bạch Thế Tôn:

— Cúi mong Thế Tôn nhận lời con thỉnh trong ba tháng, cùng Tỳ-kheo Tăng, chớ đi nơi khác.

Thế Tôn làm thỉnh nhận lời thỉnh của vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc thấy Thế Tôn yên lặng nhận lời mời, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi lui đi. Về đến thành Xá-vệ, vua ra lệnh cho các quần thần:

— Ta muốn cúng dường thức ăn cho đức Phật và Tỳ-kheo Tăng trong ba tháng, cung cấp các thức cần dùng như y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men khi bệnh tật. Các Ông cũng nên phát tâm hoan hỷ.

Quần thần đáp:

— Xin vâng.

Vua Ba-tư-nặc liền cất đại giảng đường ngoài cửa cung hết sức đẹp đẽ, treo giảng phướn, lọng, kỳ nhạc xướng lên vô kể, bày các ao tắm, chung các đèn dầu, dọn các thức ăn trăm vị.

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc bạch Phật:

— Đã đến giờ, cúi mong Thế Tôn đoái đến chốn này.

Thế Tôn thấy đã đến giờ, đắp y, ôm bát, cùng các Tỳ-kheo Tăng, vây quanh trước sau vào thành Xá-vệ, đến giăng đường kia. Đến rồi Ngài lại tòa ngời, các Tỳ-kheo mỗi vị ngời theo thứ tự. Khi ấy, vua Ba-tu-nặc cùng các cung nhân tự tay đem thức ăn cung cấp chỗ cần dùng; suốt ba tháng không chút thiếu sót, cung cấp y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men khi bệnh tật. Thấy Thế Tôn ăn xong, vua đem các thứ hoa rải lên Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng rồi lấy một ghế nhỏ đến trước Như Lai ngời, bạch Thế Tôn:

— Con từng theo Phật nghe: do gốc nhân duyên bố thí thức ăn cho súc sanh được phước trăm lần, cho người phạm giới ăn được phước ngàn lần, cho người trì giới ăn được phước vạn lần, cho tiên nhân đoạn dục ăn được phước ức lần, cho bậc hướng Tu-đà-hoàn ăn được phước chẳng thể kể, huống lại Thánh quả Tu-đà-hoàn, huống là bậc hướng Tu-đà-hàm, đắc đạo Tu-đà-hàm, huống bậc hướng A-na-hàm, đắc đạo A-na-hàm, huống bậc hướng A-la-hán, đắc đạo A-la-hán, huống bậc hướng Bích-chi Phật, đắc Bích-chi Phật, huống bậc hướng Như Lai Chí

Chân Đăng Chánh Giác, hưởng bậc thành Phật và Tỳ-kheo Tăng, phước đó công đức không thể tính kể. Hôm nay con tạo công đức đã xong.

Thế Tôn bảo:

— Đại vương ! Chớ có nói thế ! Làm phước không nhằm chán, hôm nay có sao nói đã làm xong ? Vì sao thế ? Vì sanh tử dài lâu không thể kể.

Thuở quá khứ lâu xa, có vua tên là Địa Chủ, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này. Vua có đại thần tên Thiện Minh, chu toàn cho vua từng chút một, chẳng sợ khó khăn.

Bấy giờ nhà vua chia cho đại thần một nửa đất Diêm-phù-đề để cai trị. Tiểu vương Thiện Minh tự tạo thành quách, Đông, Tây mười hai do tuần, rộng bảy do tuần, đất đai thuần thực, màu mỡ, dân chúng đông đúc. Thành ấy tên là Viễn Chiếu, vị phu nhân đệ nhất của vua Thiện Minh tên là Nhật Nguyệt Quang, không cao, không thấp, không mập, không ốm, chẳng trắng, chẳng đen, nhan mạo đoan chánh, hiếm có ở đời, miệng thơm hương hoa ưu-bát, thân có mùi chiên-đàn. Chưa được mấy hôm, bà có thai, phu nhân ấy liền đến tâu vua:

— “Nay tôi có thai.”

Vua nghe xong vui mừng hơn hờ, không thể

kể được, liền sai tả hữu xếp đặt tọa cụ khoải lạc vô kể. Phu nhân mang thai, đến ngày sanh một bé trai. Khi đang sanh, thấy đất Diêm-phù sắc vàng rực rỡ, nhan mạo của cậu bé đoan chánh, đủ ba mươi hai tướng, thân màu vàng. Đại vương Thiện Minh thấy thái tử này thì vui mừng hơn hở, hân hoan vô lượng, liền mời các đạo sĩ Bà-la-môn, rồi bồng Thái tử đến để xem tướng:

— “Nay ta sanh đứa bé này, các Khanh xem tướng và đặt tên cho ta.”

Các thầy tướng vâng lệnh vua, mỗi người bế thái tử lên ngắm nghía, quan sát tướng mạo, cùng tâu vua:

— “Thái tử của Thánh vương đoan chánh vô song, các căn không khiếm khuyết, có ba mươi hai tướng. Nay, thái tử sẽ có hai đường: Nếu ở tại nhà sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, bảy báu đầy đủ. Bảy báu là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là bảy. Chuyển luân Thánh vương sẽ có ngàn đứa con mạnh mẽ, cương cường, hay dẹp trừ quân địch, chẳng dùng đao trượng, tự nhiên hàng phục được bốn bể. Nếu vương tử này xuất gia học đạo, sẽ thành Vô thượng Chánh giác, danh đức vang xa khắp toàn thể giới. Hôm nay sanh thái tử này, ánh

sáng chiếu xa, nay xin đặt tên tự vương tử là Đăng Quang.”

Các thầy tướng đặt tên xong liền lui đi. Suốt ngày, vua bồng thái tử không rời mắt. Rồi vua lập ba giảng đường cho thái tử: mùa thu, mùa đông, mùa hạ tùy đó mà thích nghỉ. Cung nhân, thể nữ đây cung cho thái tử vui chơi ở đó.

Lúc thái tử của vua hai mươi chín tuổi, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Ngay đêm xuất gia ngài thành Phật.

Bấy giờ khắp đất Diêm-phù-đề đều hay biết thái tử của vua xuất gia học đạo, ngay ngày ấy thành Phật. Sáng sớm, vua cha nghe thái tử xuất gia học đạo, đêm đó thành Phật. Vua liền nghĩ rằng: “Đêm qua, ta nghe chư Thiên đều cùng khen lành trên hư không. Đây chắc là điềm lành, chẳng phải tiếng dữ. Nay ta hãy đến để gặp gỡ”.

Vua liền dẫn bốn mươi ức nam nữ vây quanh đi đến chỗ Phật Đăng Quang. Đến rồi cúi lạy và ngồi một bên, bốn mươi ức chúng cùng lễ lạy ngồi ở một bên. Bấy giờ, Như Lai thuyết diệu luận lần lượt cho phụ vương và bốn mươi ức chúng. Luận nghĩa là: luận bố thí, luận trì giới, luận sanh thiên, dục là ô uế, lậu là hạnh bất tịnh, xuất gia là căn yếu để được quả báo thanh tịnh.

Bấy giờ Như Lai xem ý của chúng sanh tâm tánh nhu hòa. Những pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo mà chư Như Lai thường thuyết, Ngài đều rộng thuyết nghĩa này cho bốn mươi ức chúng kia cả. Họ liền ngay chỗ ngồi sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bốn mươi ức chúng bạch Đấng Quang Như Lai rằng:

—“ Chúng con có ý muốn cạo tóc xuất gia học đạo.”

Đại vương nên biết ! Bấy giờ bốn mươi ức chúng đều được xuất gia học đạo, ngay ngày hôm đó thành A-la-hán.

Đấng Quang Như Lai đem bốn mươi ức chúng đều là những người không còn dính mắc, du hành trong cõi nước ấy. Nhân dân trong nước cúng dường bốn món: y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc thang khi bệnh tật, không thiếu thốn gì. Bấy giờ Đại vương Địa Chủ nghe ngài Đấng Quang thành Vô Thượng Chí Chân Đấng Chánh Giác, đem bốn mươi ức chúng đều là bậc không dính mắc, du hành cõi nước kia, liền nghĩ: “Nay ta nên nhắn tin đến thỉnh Như Lai ở đây du hóa. Nếu khiến Ngài đến được thì bốn nguyện của ta được đầy đủ. Nếu Ngài không đến, tự ta sẽ đến lễ bái, quỳ lạy thăm hỏi”. Rồi vua liền sai một vị quan:

— Ông đến nơi đó thăm hỏi Như Lai, đem tên tuổi ta cúi lạy thăm hỏi Như Lai sống có nhẹ nhàng, đi đứng có mạnh khỏe không ? Hãy nói: “Vua Địa Chủ thăm hỏi Như Lai có được nhẹ nhàng, đi đứng mạnh khỏe không ? Cúi mong Thế Tôn chiếu cố đến chốn này.”

Người ấy nhận lệnh vua liền đến nước kia. Đến rồi cúi lạy Thế Tôn, đứng qua một bên rồi thưa:

— “Đại vương Địa Chủ cúi lạy Như Lai, thăm hỏi Thế Tôn sinh hoạt có nhẹ nhàng, đi đứng mạnh khỏe không ? Cúi mong Thế Tôn chiếu cố đến nước kia.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh ấy. Rồi Đấng Quang Như Lai cùng với bốn mươi ức đại chúng Tỳ-kheo dần dần du hành trong nhân gian, khắp nơi đều được cung kính, mọi người đều đem công hiến y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men khi bệnh tật. Chư vị dần đến cõi nước của vua Địa Chủ. Đại vương Địa Chủ nghe Đấng Quang Như Lai đem bốn mươi ức đại chúng Tỳ-kheo đến nước này, đang ở trong vườn Bắc-bà-la, liền nghĩ: “Nay ta nên tự đến nghinh đón”. Đại vương Địa Chủ lại đem bốn mươi ức chúng đến chỗ Đấng Quang Như Lai; đến rồi cúi lạy, ngồi một bên và bốn mươi ức chúng cúi lạy ngồi một bên. Bấy giờ Đấng Quang Như Lai đối

diện lần lượt thuyết diệu luận cho vua kia và bốn mươi ức chúng. Luận nghĩa là: luận bố thí, luận trì giới, luận sanh thiên, dục là ô uế, lậu là hạnh bất tịnh, xuất gia là căn yếu để được quả báo thanh tịnh.

Bấy giờ Như Lai xem ý của chúng sanh, tâm tánh nhu hòa, pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo chư Phật Như Lai thường thuyết, Ngài rộng thuyết hết nghĩa này cho bốn mươi ức chúng. Mọi người ở ngay trên tòa sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bốn mươi ức chúng bạch Đấng Quang Như Lai:

— “Chúng con ý muốn cạo râu tóc, xuất gia học đạo.”

Đại vương nên biết ! Bấy giờ bốn mươi ức chúng đều được xuất gia học đạo, ngay ngày hôm đó thành A-la-hán. Đại vương Địa Chủ liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi lui đi.

Đấng Quang Như Lai đem tám mươi ức chúng đều là A-la-hán du hành trong nước đó. Nhân dân trong nước cúng dường bốn món: y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc men khi bệnh tật; mọi việc cung cấp không thiếu sót gì.

Bấy giờ, Đại vương Địa Chủ lại vào lúc khác đem quân thân đến chỗ Như Lai, cúi lạy rồi ngồi

một bên. Đấng Quang Như Lai thuyết pháp vi diệu cho Quốc vương kia. Đại vương Địa Chủ bạch Như Lai rằng:

— “Cúi mong Thế Tôn nhận sự cúng dường của con suốt đời và các Tỳ-kheo Tăng, con sẽ cung cấp y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men khi bệnh tật, thầy đều cung cấp.”

Đấng Quang Như Lai im lặng nhận lời thỉnh của Đại vương. Vua thấy Phật im lặng nhận thỉnh, lại bạch Thế Tôn lần nữa:

— “Nay con theo Thế Tôn cầu mong được chấp nhận.”

Thế Tôn bảo:

— “Pháp của Như Lai đã quá sự mong ước này.”

Vua bạch Thế Tôn:

— “Nay con cầu nguyện rất là tịnh diệu !”

Thế Tôn bảo:

— “Chỗ cầu nguyện tịnh diệu thế nào ?”

Vua bạch Thế Tôn:

— “Nhu ý của con thì hôm nay chúng Tăng dùng một bát ăn, ngày mai lại dùng bát khác ăn;

hôm nay chúng Tăng mặc một loại y phục, ngày mai lại đổi y phục khác; hôm nay chúng Tăng ngồi một loại tòa, ngày mai lại ngồi tòa khác; hôm nay chúng Tăng sai khiến thị giả, ngày mai lại đổi thị giả. Chỗ cầu mong của con chính là nghĩa này.

Đặng Quang Như Lai bảo:

— “Tùy chỗ Ông nguyện, nay chính đúng lúc.”

Đại vương Địa Chủ vui mừng hớn hở không kềm được, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi lui về cung. Đến rồi bảo các quần thần:

— Nay ý ta muốn suốt đời cúng dường Đặng Quang Như Lai Chí Chân Đăng Chánh Giác và chúng Tỳ-kheo y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc men khi bệnh tật, khuyên các Ông cũng nên giúp đỡ ta sắp đặt cúng dường.

Quần thần đáp:

— “Nhu lời Đại vương dạy.”

Cách thành không xa, non một do tuần, vua tạo lập một tòa nhà, chạm trổ văn vẽ, năm màu khắp trời đất, treo tua phướn bảo cái, xướng kỹ nhạc, rưới hương ướm đất, sửa sang ao tắm, đặt đủ đèn sáng và các thức ăn uống ngon ngọt, xếp đặt chỗ ngồi. Rồi vua bạch Phật giờ đến:

— “Nay chính đúng giờ, mong Ngài chiêu cố.”

Đặng Quang Như Lai đã biết đến giờ, liền đáp y, ôm bát cùng chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đi đến giảng đường, mỗi người đến tòa mà ngồi. Đại vương Địa Chủ thấy Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi xong, đem cung nhân, thể nữ và các đại thần, tạy tay chiêm chúc, dọn các món ăn uống trăm vị.

Đại vương nên biết ! Bấy giờ Đại vương Địa Chủ trong bảy vạn năm cúng dường Đặng Quang Như Lai và tám mươi ức chúng A-la-hán, chưa hề lười mỏi. Như Lai kia giáo hóa chu tất rồi liền ở Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Đại vương Địa Chủ dùng trăm thứ hương hoa cúng dường. Ở bốn ngã đường dựng lên bốn tháp mỗi cái bằng bảy báu vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, treo tua, phướn, bảo cái, hương hoa phướn lọng và tám mươi ức chúng lần lượt ở Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Bấy giờ Đại vương thu thập Xá-lợi của tám mươi ức chúng, lập thần tự, đều treo tua, phướn lọng, hương hoa cúng dường.

Đại vương nên biết ! Bấy giờ Đại vương Địa Chủ lại cúng dường tháp Đặng Quang Như Lai và tháp tám mươi ức La-hán; lại trải qua bảy vạn năm tùy thời cúng dường, thấp đèn rải hoa, treo tua, phướn lọng.

Đại vương nên biết ! Giáo pháp của Đấng Quang Như Lai để lại diệt hết, vua kia mới chịu diệt độ. Đại vương Địa Chủ lúc đó nào phải là ai khác. Chớ có xem như thế. Vì có sao ? Đại vương Địa Chủ tức là thân Ta vậy. Ta lúc đó trong bảy vạn năm đem y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc men khi bịnh tật cúng dường Phật kia không để giảm thiểu. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, Ta lại ở trong bảy vạn năm cúng dường hình tượng Xá-lợi, tháp hương, đốt đèn, treo tua, phướn lọng, không chỗ nào cạn thiếu. Lúc đó Ta đem công đức này, cầu được phước ở trong sanh tử, chẳng cầu giải thoát.

Đại vương nên biết ! Phước đức có được lúc bấy giờ, nay có dư thừa chăng ? Chớ xem thế ! Như ta hôm nay, phước đức kia chẳng còn một mảy may như lông tóc. Vì sao thế ? Vì sanh tử lâu dài không thể kể nhớ. Trong đó thấy hưởng hết phước, chẳng còn một hào ly. Thế nên, Đại vương, chớ có bảo rằng: “Hôm nay, ta tạo phước đức đã xong”. Đại vương ! Hãy nói rằng: “Nay thân, miệng, ý của ta tạo các hạnh đều mong cầu giải thoát, chẳng cầu ở trong sanh tử. Nghiệp phước liền được luôn luôn an ổn vô lượng.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc liền ôm lòng sợ hãi, lông áo dựng ngược, buồn khóc lẫn lộn, lấy tay gạt

lệ, cúi lạy, tự trình bày lỗi của mình, như ngu, như ngậy, không hiểu biết gì:

— Cúi mong Thế Tôn nhận lời hối lỗi của con. Nay năm vóc gieo xuống đất, sửa đổi lỗi đã qua, con chẳng nói năng như thế nữa. Cúi mong Thế Tôn nhận con hối lỗi. Như thế đến ba lần. Thế Tôn bảo:

— Lành thay, lành thay, Đại vương ! Nay ở trước Như Lai sám hối sự phi pháp này, đổi lỗi cũ để tu sửa về sau. Nay Ta chấp nhận sự hối lỗi của Ngài, chớ tạo lại nữa.

Bấy giờ ở trong đại chúng có một Tỳ-kheo-ni tên Ca-chiên-diên, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi bạch Thế Tôn:

— Nay Thế Tôn nói thật là vi diệu. Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc rằng: “Đại vương nên biết ! Thân, miệng, ý tạo các hạnh đều cầu giải thoát, chớ cầu ở trong sanh tử hưởng phước nghiệp này, lại luôn luôn được an ổn vô lượng”. Vì sao như thế ? Con tự nhớ ba mươi một kiếp, Phạm Thúc Cật Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, du hóa tại thế giới Dã-mã.

Bấy giờ đức Phật đến giờ đắp y, ôm bát vào

thành Dã Mã khát thực. Lúc đó trong thành có một người làm thuê tên là Thuần Hắc. Ông ta thấy Như Lai ôm bát vào thành khát thực, thấy rồi liền nghĩ:

“Nay Như Lai vào thành ắt phải ăn uống”.

Ông liền vào nhà lấy thức ăn ra bố thí cho Như Lai và phát lời thệ nguyện: “Con trì công đức này, không bị đọa trong ba đường ác; khiến con đời tương lai cũng sẽ gặp bậc Thánh Tôn như thế, cũng sẽ khiến Thánh Tôn kia vì con thuyết pháp được giải thoát”. Thế Tôn và vua Ba-tư-nặc đều cùng biết đó. Lúc ấy, người làm thuê Thuần Hắc há là người khác ư ? Chớ xem như thế. Vì có sao ? Bấy giờ người làm thuê Thuần Hắc chính là thân con. Con ở thời Phạm Thức Cật Như Lai ấy phát thệ nguyện này: khiến đời tương lai gặp vị Thánh Tôn này thuyết pháp cho con được giải thoát. Con ở ba mươi mốt kiếp chẳng đọa trong ba đường ác, sanh trong Trời, Người, cuối cùng ngày nay thọ thân phận này, gặp gỡ Thánh Tôn được xuất gia học đạo, dứt sạch các hữu lậu thành A-la-hán. Như lời Thế Tôn nói rất là vi diệu, bảo với vua Ba-tư-nặc: “Thân, miệng, ý tạo các hạnh đều cầu giải thoát, chớ ở sanh tử hưởng phước nghiệp này”.

Con nếu thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tâm hoan hỷ, ý hướng về Như Lai, con liền

nghĩ rằng: “Các bậc Hiền sĩ này dụng ý vẫn không phải là lời Như Lai nói về sự ái kính cúng dường”. Con thấy bốn bộ chúng liền đến bảo rằng:

— “Chư Hiền có cần vật gì không ? Y bát, tọa cụ, ống kim, bốn tấm ? Và các Sa-môn khác cần vật gì tôi đều sẽ cung cấp.”

Con đã hứa, liền đi khắp nơi cầu xin; nếu con được thì rất may, nếu khiến chẳng được thì liền đến Uất-đơn-việt, Cù-na-di, Phất-vu-đê để tìm hỏi xin cho họ. Vì sao thế ? Con đều do bốn bộ chúng này mà đặc đạo Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn quán sát tâm Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, liền bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy có thấy người nào tín tâm giải thoát như thế so với Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Không thấy, bạch Thế Tôn !

Thế Tôn bảo:

— Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ nhất Tỳ-kheo-ni được tín giải thoát là Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên.

Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, cùng vua

Ba-tư-nặc với bốn bộ chúng nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyet, trong núi Kỳ-xà-quật, cùng với năm trăm đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ Tôn giả Bà-câu-lô ở tại một hóc núi, vá nạp y cũ. Khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân từ xa trông thấy Tôn giả Bà-câu-lô ở một hóc núi vá y cũ, thấy rồi liền nghĩ rằng:

— Tôn giả Bà-câu-lô này đã thành A-la-hán, các trời buộc đã cởi, trường thọ vô lượng, hằng tự hàng phục, suy nghĩ vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng dính mắc việc đời, cũng lại chẳng thuyết pháp cho người khác, lặng lẽ tự tu như ngoại đạo dị học. Chẳng rõ vị Tôn giả này có thể thuyết pháp cho người khác hay không làm nổi. Nay ta nên thử xem.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân từ cõi trời Ba mươi ba biến mất, đến núi Kỳ-xà-quật, đứng trước Tôn giả Bà-câu-lô, cúi lạy rồi đứng một bên. Khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân liền nói kệ này:

*Người trí khen ngợi thuyết,
Cớ sao chẳng thuyết pháp ?*

*Đẹp kiết, thành hạnh Thánh,
Sao lại lặng lẽ trụ ?*

Tôn giả Bà-câu-lô lại dùng kệ mà đáp Thích-đê-hoàn-nhân:

*Có Phật, Xá-lợi-phất
A-nan, Quan-đầu, Bàn (Đặc)
Cũng cùng các tôn trưởng
Khéo hay thuyết pháp mẫu.*

Thích-đê-hoàn-nhân bạch Tôn giả Bà-câu-lô:

— Căn tánh của chúng sanh có bao nhiêu loại, nhưng Ngài nên biết: Thế Tôn cũng nói chúng sanh rất nhiều chủng loại ở cõi đất. Có sao Tôn giả Bà-câu-lô không thuyết pháp cho người khác ?

Ngài Bà-câu-lô đáp:

— Các loại chúng sanh rất khó hiểu biết. Thế giới bao nhiêu quốc độ chẳng đồng, đều dính mắc ngã sở và không phải ngã sở. Nay tôi quán sát nghĩa này rồi, nên không thuyết pháp cho người.

Thích-đê-hoàn-nhân nói:

— Xin Ngài thuyết tho tôi nghĩa ngã sở và không phải ngã sở.

Tôn giả Bà-câu-lô nói:

— Ta, người, thọ mạng, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc sĩ phu (chúng sanh), đều nương mạng này mà tồn tại. Nhưng lại, này Câu-dục, Thế Tôn cũng nói: “Tỳ-kheo nên biết ! Hãy tự hăng hái không khởi pháp tà, cũng hay yên lặng như Hiền Thánh. Tôi xem nghĩa này rồi nên làm thính.”

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân vọng về Thế Tôn, chấp tay nói bài kệ này:

*Quy mạng đáng Thập Lực,
Tròn sáng không bụi bặm,
Khắp vì tất cả người,
Đây thật rất kỳ đặc.*

Tôn giả Bà-câu-lô nói:

— Vì sao Đề Thích nói: Đây thật rất kỳ đặc ?

Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

— Tôi tự nhớ lúc xưa đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy Thế Tôn mà hỏi nghĩa này: loài Trời, Người có tướng niệm nào ?

Bấy giờ Thế Tôn bảo tôi rằng:

— “Thế giới này bao nhiêu loại, mỗi mỗi sai khác, nguồn gốc chẳng đồng.”

Tôi nghe lời này xong, đáp:

— “Đúng vậy, Thế Tôn ! Như Thế Tôn nói thế giới bao nhiêu loại, mỗi mỗi chẳng đồng. Nếu thuyết pháp cho chúng sanh kia thì có người thành Thánh quả.”

Tôi do đây nên nói: đây rất là kỳ đặc. Mà Tôn giả Bà-câu-lô cũng nói như thế: Thế giới bao nhiêu loại, mỗi mỗi chẳng đồng.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ: “Tôn giả này kham nhậm thuyết pháp cho người chứ không phải không thể.” Thích-đề-hoàn-nhân từ chỗ ngồi đứng lên mà đi.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân nghe Tôn giả Bà-câu-lô nói xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Chiêm-bà bên bờ hồ Lôi Thanh.

Bấy giờ Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ (Sona) ở trong chỗ vắng, tự tu pháp bốn, chẳng bỏ hai mươi pháp hạnh đầu đà, ngày đêm kinh hành chẳng lìa lời dạy về Ba mươi bảy đạo phẩm, hoặc ngồi, hoặc đi thường tu Chánh pháp. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm hằng tự gắng gỏi, chẳng bỏ trong chốc lát, nhưng lại không thể ở pháp dục lậu, tâm được giải thoát.

Tôn giả Sô-na đi kinh hành bị đứt chân chảy máu đầy khắp lê đường, giống như chỗ mổ trâu, quạ diều đến hút máu, mà lại chẳng thể đối với dục lậu mà tâm được giải thoát. Tôn giả Sô-na liền nghĩ: “Trong đệ tử tinh tấn khổ hạnh của Phật Thích-ca Văn, ta là đệ nhất. Nhưng hôm nay, ta tâm lậu chẳng được giải thoát. Lại nữa, gia nghiệp của ta nhiều tiền lắm của, đáng nên xả bỏ pháp phục trở về làm cư sĩ, đem tài vật rộng bố thí. Nay làm Sa-môn rất khó, chẳng phải dễ dàng”.

Bấy giờ Thế Tôn từ xa biết tâm niệm của Sô-na, liền bay lên hư không, đến chỗ ông ta kinh hành, trái tòa mà ngồi. Khi ấy Tôn giả Sô-na đến chỗ Phật cúi lạy rồi ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi Sô-na rằng:

— Vừa rồi có sao Thầy lại nghĩ: “Trong số đệ tử tinh tấn khổ hạnh của Phật Thích-ca Văn, ta là đệ nhất. Nhưng hôm nay ta lậu tâm chẳng được giải thoát. Lại gia nghiệp ta lắm tiền nhiều báu, nên xả bỏ pháp phục, trở về làm cư sĩ, lấy tài vật rộng bố thí, nay làm Sa-môn thật khó, chẳng phải dễ dàng” ?

Sô-na đáp:

— Đúng vậy, bạch Thế Tôn !

Thế Tôn bảo:

— Nay Ta lại hỏi Thấy, Thấy tùy đó mà đáp lời Ta. Thế nào Sô-na ? Xưa lúc Thấy ở nhà, đánh đàn có giỏi không ?

Sô-na đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn ! Xưa lúc ở nhà, con đánh đàn rành.

Thế Tôn bảo:

— Thế nào Sô-na ! Nếu dây đàn quá căng thì tiếng chẳng đều. Lúc đó tiếng đàn nghe có hay không ?

Sô-na đáp:

— Bạch Thế Tôn, không !

Thế Tôn bảo:

— Thế nào Sô-na ? Nếu dây đàn lại chùng, thì tiếng đàn nghe có hay chăng ?

Sô-na đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn bảo:

— Thế nào Sô-na ? Nếu dây đàn không căng, không chùng thì bấy giờ tiếng đàn nghe có hay không ?

Sô-na đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn ! Nếu dây đàn không chùng cũng không căng, bấy giờ tiếng đàn có thể nghe hay.

Thế Tôn bảo:

— Đây cũng như thế. Người quá tinh tấn giống như điều hý (trạo cử). Nếu người giải đãi, người này sẽ đọa vào tà kiến. Nếu người có thể ở giữa hai điều này thì đây là thượng hạnh, như thế chẳng bao lâu sẽ thành bậc Vô lậu.

Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho Tỳ-kheo Sô-na xong, trở về bên bờ hồ Lôì Âm.

Khi ấy, Tôn giả Sô-na tư duy lời dạy của Thế Tôn, ở chỗ vắng vẻ tu hành pháp này không hở một giây. Sở dĩ người dòng dõi vọng tộc, xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Tôn giả Sô-na liền thành A-la-hán.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử tinh cần, khổ hạnh đệ nhất là Tỳ-kheo Sô-na.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ, có trưởng giả Bà-đề mắc bệnh rồi chết, nhưng trưởng giả ấy chẳng có con cái, nên bao nhiêu tài sản đều nhập vào cung hết. Bấy giờ vua Ba-tư-nặc thân đích búi đất đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên.

Khi ấy Thế Tôn hỏi vua:

— Đại vương ! Có sao búi đất đây người mà đến chỗ Ta ?

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

— Trong thành Xá-vệ này có trưởng giả tên là Bà-đề, hôm nay mạng chung, ông ta không có con, nên con đích thân đến tịch thu tài sản sai nhập vào cung: tám vạn cân vàng ròng, huống là các vật linh tinh khác. Nhưng trưởng giả đó ngày còn sống ăn những thức ăn hết sức dở tệ như thế, không ăn món ngon lành, mặc y phục bẩn thỉu chẳng sạch, cỡi xe ngựa hết sức ốm o.

Thế Tôn bảo:

— Đúng vậy, Đại vương ! Như lời vua nói. Phàm người tham lam keo kiệt, được tài sản này

chẳng thể ăn uống, chẳng cho cha mẹ, vợ con, đầy tớ, nô tỳ; cũng lại chẳng cho bạn bè, tri thức; cũng lại chẳng cho Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc Tôn trưởng. Nếu người có trí được tài bảo này, liền có thể bố thí, cứu giúp rộng rãi tất cả không có lẩn tiếm, cung cấp Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc cao đức.

Vua Ba-tư-nặc nói:

— Trưởng giả Bà-đề này mạng chung sanh về nơi nào ?

Thế Tôn bảo:

— Trưởng giả Bà-đề này mạng chung sanh vào đại địa ngục Thế Khốc (khốc lóc). Vì sao thế ? Đây là người đã đoạn gốc lành, thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục Thế Khốc.

Vua Ba-tư-nặc nói:

— Trưởng giả Bà-đề dứt gốc lành ư ?

Thế Tôn bảo:

— Đúng vậy, Đại vương ! Như lời vua nói, trưởng giả đó dứt hẳn gốc lành. Mà trưởng giả đó phước cũ đã hết, lại chẳng tạo phước mới.

Vua Ba-tư-nặc nói:

— Trưởng giả đó không còn sót lại chút phước nào sao ?

Thế Tôn bảo:

— Không, Đại vương ! Ông ta không còn lại một mảy may nào, như người làm ruộng chỉ thu hoạch mà chẳng trồng, sau bị cùngh khốn dần dần đến chết. Vì sao thế ? Ông ta chỉ hưởng nghiệp cũ không tạo cái mới. Trưởng giả này, cũng lại như thế, chỉ hưởng phước cũ không tạo thêm phước mới. Trưởng giả này đêm nay sẽ ở trong địa ngục Thế Khốc.

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc kinh sợ, gạt lệ mà thưa:

— Trưởng giả này ngày xưa làm công đức phước nghiệp gì mà sanh trong nhà giàu ? Lại tạo căn bản bất thiện nào mà chẳng được hưởng của cải cực phú này, chẳng ưa trong ngũ dục lạc ?

Thế Tôn bảo vua Ba-tu-nặc rằng:

— Quá khứ lâu xa, vào thời Phật Ca-diếp, vị trưởng giả này ở trong thành Xá-vệ là con nhà làm ruộng. Khi ấy, Phật đã nhập diệt rồi, có Bích-chi Phật ra đời, đến nhà trưởng giả này. Bấy giờ trưởng giả này thấy Phật Bích-chi ở ngoài cửa, thấy rồi liền nghĩ: “Nhu Tôn giả này ra đời rất khó. Nay ta nên đem thức ăn uống bố thí cho người này”.

Bấy giờ trưởng giả liền bố thí cho Phật Bích-chi kia thức ăn. Phật Bích-chi thọ thực xong liền

bay lên hư không mà đi. Vị trưởng giả kia thấy Phật Bích-chi vận thân túc, liền thệ nguyện rằng: “Nguyện đem gốc lành này, khiến đời đời, chỗ sanh không đọa trong ba đường ác, thường có nhiều tài bảo.”

Sau đó ông ta lại hối hận: “Thức ăn vừa rồi đáng lẽ cho tôi tớ, chẳng nên cho đạo nhân trọc đầu này ăn”.

Bấy giờ trưởng giả nhà nông nọ há là người nào khác, chớ có xem như thế. Vì có sao ? Trưởng giả nhà nông bấy giờ nay là trưởng giả Ba-đề này.

Khi ấy bố thí xong phát lời thệ nguyện này: “Tri công đức này, chỗ sanh sẽ không đọa ba đường ác, thường được lắm tiền nhiều của, sanh trong nhà phú quý, không thiếu thốn gì cả”. Đã bố thí rồi, sau lại hối hận: “Ta thà cho tôi tớ ăn, chẳng nên cho đạo nhân trọc đầu này ăn”.

Do nhân duyên đầu đuôi như thế, chẳng được hưởng của giàu có này, cũng chẳng được vui trong ngũ dục. Chẳng nuôi nấng chính mình cũng chẳng cho cha mẹ, anh em, vợ con, đầy tớ, bạn bè, tri thức; chẳng cho Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc Tôn trưởng. Ông ta chỉ hướng nghiệp cũ, chẳng tạo cái mới. Thế nên Đại vương, nếu có người trí, được tài

sản này, nên rộng bố thí, chớ có tiếc lẫn, lại sẽ được tài sản vô cùng. Như thế, Đại vương, nên học điều này.

Vua Ba-tu-nặc bạch Thế Tôn:

— Từ nay về sau con sẽ rộng bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, bốn bộ chúng. Còn các người ngoại đạo dị học tôi xin, con sẽ không chịu cho.

Thế Tôn bảo:

— Đại vương ! Chớ nghĩ thế. Vì có sao ? Tất cả chúng sanh đều do ăn mà sống còn, không có ăn liền chết.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nhớ nên rộng bố thí,
Trọn chớ đoan tâm thí,
Tất sẽ gặp Hiền Thánh,
Độ nguồn sanh tử này.*

Vua Ba-tu-nặc bạch Thế Tôn:

— Nay con càng thêm hoan hỷ hướng về Như Lai. Vì sao thế ? Tất cả chúng sanh đều do ăn mà được tồn tại, không ăn thì chẳng còn.

Vua Ba-tu-nặc nói:

— Từ nay về sau, con sẽ rộng bố thí không có lẫn tiếc.

Khi ấy Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho vua. Vua liền từ chỗ ngồi đứng lên cúi lạy rồi lui đi.

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở chỗ vắng vẻ, liền nghĩ rằng: “Ở thế gian, có loại hương nào vừa bay ngược gió, vừa bay thuận gió, vừa bay cả thuận gió, ngược gió chẳng ?”

Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng lên đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên.

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

— Con ở chỗ vắng vẻ chợt nghĩ rằng: “Thế gian có mùi hương nào vừa bay ngược gió, vừa bay thuận gió, vừa bay cả thuận gió, ngược gió chẳng ?”

Thế Tôn bảo A-nan:

— Có loại diệu hương này mà mùi thơm cũng bay ngược gió, cũng bay thuận gió, cũng bay cả trong gió thuận và ngược.

A-nan bạch Thế Tôn:

— Đây là mùi hương nào mà hương cũng bay ngược gió, cũng bay thuận gió, cũng bay cả trong gió thuận và ngược ?

Thế Tôn bảo:

— Có hương này mà sức của mùi thơm cũng bay ngược gió, cũng bay thuận gió, cũng bay cả trong gió thuận và ngược.

A-nan bạch Phật:

— Đây là hương nào, cũng thơm ngược gió, cũng thơm thuận gió, cũng thơm cả trong gió thuận và ngược ?

Thế Tôn bảo:

— Ba loại hương này cũng bay ngược gió, cũng bay thuận gió, cũng bay cả trong gió thuận và ngược.

A-nan bạch Thế Tôn:

— Ba loại nào ?

Thế Tôn bảo:

— Giới hương, văn hương và thí hương. Đó là, này A-nan ! Có loại hương này mà lại bay ngược gió, cũng bay thuận gió, cũng bay ngược gió thuận gió. Các mùi hương có trên thế gian, thì ba loại hương này tối thắng, tối thượng, không gì bằng,

không gì bì kịp. Ví như do bò có sữa, do sữa có lạc, do lạc có tô, do tô có đề hồ, mà đề hồ này tối thắng, tối thượng, không gì bằng, không gì sánh kịp. Đây cũng như thế, các mùi hương có trong thế gian, ba loại này tối thắng, tối thượng không thể bì kịp.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Mộc mật và chiên-đàn,
Uu-bát và các hương,
Và các thứ mùi hương,
Giới hương là hơn hết.
Giới này làm thành tựu,
Vô dục, không chỗ nhiễm,
Đẳng trí mà giải thoát,
Chỗ đi mà chẳng hay.
Hương này tuy là diệu,
Và các hương đàn, mật,
Hương giới là vi diệu,
Mười phương thấy đều nghe.
Chiên đàn tuy có hương,
Uu Bát và hương khác,
Trong các thứ hương này,
Văn hương tối đệ nhất.
Chiên-đàn tuy có hương,
Uu-bát và hương khác,*

*Trong các thứ hương này,
Thí hương tối đệ nhất.*

Đó là ba loại hương này cũng thơm ngược gió, cũng thơm thuận gió, cũng thơm cả thuận gió ngược gió. Thế nên, A-nan, nên cầu phương tiện thành tựu ba loại hương này. Như vậy, A-nan, nên học điều này !

Bấy giờ A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyet tại vườn trúc Ca-lan-đa, cùng với năm trăm đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ, đắp y ôm bát vào thành La-duyet khát thực. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa cũng vào thành khát thực. Đề-bà-đạt-đa đi vào trong ngõ xóm, Phật cũng đến chỗ đó. Nhưng Phật từ xa trông thấy Đề-bà-đạt-đa đến liền muốn thối lui mà đi.

Khi ấy A-nan bạch Phật:

— Có sao muốn xa lìa xóm này ?

Thế Tôn bảo:

— Nay Đề-bà-đạt-đa ở xóm này, nên Ta tránh đi.

A-nan bạch Phật:

— Thế Tôn ! Há sợ Đề-bà-đạt-đa sao ?

Thế Tôn bảo:

— Ta chẳng sợ Đề-bà-đạt-đa, nhưng kẻ ác này chẳng nên gặp gỡ.

A-nan thưa:

— Nhưng, bạch Thế Tôn ! Có thể khiến cho Đề-bà-đạt-đa này tới phương khác.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Ta trọn không tâm này,
Khiến Đề-bà ra đi,
Rồi sẽ tự tạo hạnh
Và tự ở chỗ khác.*

A-nan bạch Phật:

— Nhưng Đề-bà-đạt-đa có lỗi với Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Người ngu hoặc chẳng nên gặp gỡ.

Bấy giờ Thế Tôn nhìn A-nan mà nói kệ:

*Chẳng nên thấy người ngu,
Chớ cùng ngu làm việc,
Cũng chớ nói năng cùng,
Nói những việc thị phi.*

Khi ấy, A-nan lại dùng kệ đáp Thế Tôn:

*Người ngu làm gì được ?
Người ngu có lỗi gì ?
Ngay cho cùng nói chuyện,
Lại có những lỗi nào ?*

Thế Tôn lại dùng kệ đáp A-nan:

*Người ngu tự tạo hạnh,
Chỗ làm là phi pháp,
Chánh kiến trái luật thường,
Tà kiến ngày càng thêm.*

Thế nên, A-nan, chớ cùng ác tri thức tụng sự. Vì có sao ? Cùng ác tri thức tụng sự thì không tín, không giới, không văn, không trí. Cùng thiện tri thức tụng sự thì tăng thêm công đức, giới thành tựu đầy đủ. Như vậy, A-nan, hãy học điều này !

Bấy giờ A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, tại vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với năm trăm người.

Bấy giờ vua A-xà-thế thường đem năm trăm nô lệ cơm cấp cho Đề-bà-đạt-đa. Khi đó Đề-bà-đạt-đa danh vang bốn phương, giới đức đầy đủ, tiếng khen

đầy đủ, có thể khiến cho vua hằng ngày đến cúng dường.

Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa được lợi dưỡng này rồi. Các Tỳ-kheo nghe được bạch với Thế Tôn:

— Nhân dân trong nước khen ngợi Đề-bà-đạt-đa, tiếng khen vang xa; khiến cho vua A-xà-thế hằng đến cúng dường.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo các Thầy ! Chớ ôm lòng ham lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa. Vì sao thế ? Người ngu Đề-bà-đạt-đa tạo ba việc này: thân, miệng, ý hành trọn không kinh sợ, hãi hùng. Như nay người ngu Đề-bà-đạt-đa sẽ lại hết các công đức lành này. Ví như đem chó dữ cắt mũi nó, nó lại càng thêm hung ác. Người ngu Đề-bà-đạt-đa cũng lại như thế; nhận lợi dưỡng này rồi bèn khởi cống cao. Thế nên, các Tỳ-kheo, cũng chớ khởi lòng đắm trước lợi dưỡng. Nếu có Tỳ-kheo mắc vào lợi dưỡng sẽ không được ba pháp. Thế nào là ba ? Đó là Giới Hiền Thánh, Tam-muội Hiền Thánh và Trí tuệ Hiền Thánh không được thành tựu. Nếu có Tỳ-kheo không mắc lợi dưỡng sẽ được ba pháp. Thế nào là ba ? Đó là giới Hiền Thánh, Tam-muội Hiền Thánh, và Trí tuệ Hiền Thánh. Nếu muốn thành tựu ba pháp này

nên phát lòng lành chớ mắc lợi dưỡng. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba bất thiện căn này. Thế nào là ba ? Tham bất thiện căn, khuể bất thiện căn, si bất thiện căn. Nếu Tỳ-kheo có ba bất thiện căn này sẽ堕 vào ba đường ác. Thế nào là ba ? Nghĩa là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như thế, Tỳ-kheo, nếu có ba bất thiện căn này sẽ có ba đường ác. Tỳ-kheo nên biết ! Có ba thiện căn này. Thế nào là ba ? Là bất tham thiện căn, bất khuể thiện căn, bất si thiện căn. Đó là, Tỳ-kheo, có ba thiện căn này nếu người có ba thiện căn này liền có hai đường thiện và Niết-bàn là ba. Thế nào là hai đường ? Nghĩa là Người, Trời vậy. Đó là, này các Tỳ-kheo, người có ba điều lành này sẽ sanh cõi lành này. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy lìa ba bất thiện căn, tu ba thiện căn. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba nhóm này. Thế nào là ba ? Nghĩa là nhóm chánh (đẳng tụ), nhóm tà và nhóm bất định.

Thế nào là nhóm chánh ? Nghĩa là chánh kiến, chánh tư duy (chánh chí), chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn (phương tiện), chánh niệm, chánh định. Đó là nhóm chánh.

Thế nào gọi là nhóm tà ? Nghĩa là tà kiến, tà tư duy (tà chí), tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện (tinh tấn), tà niệm, tà định. Đó là nhóm tà.

Thế nào gọi là nhóm bất định ? Nghĩa là không biết Khổ, không biết Tập, không biết Tận (diệt), không biết Đạo, không biết nhóm chánh, chẳng biết nhóm tà. Đó là nhóm bất định.

Các Tỳ-kheo nên biết, lại có ba nhóm. Thế nào là ba ? Nghĩa là nhóm thiện, nhóm chánh, nhóm định.

Thế nào gọi là nhóm thiện ? Nghĩa là ba thiện căn. Những thiện căn nào ? Nghĩa là bất tham

thiện căn, bất sân thiện căn, bất si thiện căn. Đó là nhóm thiện.

Thế nào gọi là nhóm chánh ? Nghĩa là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định (tam-muội). Đó là nhóm chánh.

Thế nào gọi là nhóm định ? Đó là biết Khổ, biết Tập, biết Tận, biết Đạo, biết nhóm lành, biết đường ác, biết nhóm định. Đó gọi là nhóm định.

Thế nên, các Tỳ-kheo, trong ba nhóm này, nhóm tà và nhóm bất định phải nên tránh xa. Còn nhóm chánh này nên vâng làm. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba quán tưởng này. Thế nào là ba ? Nghĩa là quán dục tưởng, quán sân khuể tưởng và sát hại tưởng. Đó là, Tỳ-kheo, có ba tưởng này Tỳ-kheo nên biết: Nếu có người quán dục tưởng,

lúc chết sẽ đọa trong địa ngục. Nếu quán sân khuể tướng, lúc chết sanh trong súc sanh; đó là thuộc loại gà, chó, loài rắn rết mà sanh trong đó. Nếu quán hại tướng khi chết thì sẽ sanh trong ngạ quỷ, hình thể bị thiêu đốt, khổ sở không kể được. Đó là, này Tỳ-kheo, có ba tướng này sẽ sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Lại có ba tướng. Thế nào là ba ? Nghĩa là xuất yếu tướng, bất hại tướng và bất khuể tướng. Nếu có người có tướng xuất yếu, lúc chết sẽ sanh trong loài Người. Nếu người có tướng bất hại, lúc chết sanh lên cõi Trời. Nếu có người có tâm bất sát, lúc chết đoạn được năm kiết (sử) sẽ ở nơi đó mà nhập Niết-bàn. Đó là, Tỳ-kheo, có ba tướng này thường nhớ tu hành; ba ác tướng này nên xa lìa chúng. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Địa Chủ, Bà-câu, Nhĩ (Sô-na),
Bà-đề, nghịch thuận hương,
Ngu, thế gian, ba bất thiện,
Ba nhóm, quán ở sau.*

XXIV. PHẨM CAO TRÀNG (1)

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ngày xưa, Trời Đế Thích bảo Trời Ba mươi ba: “Các Khanh, nếu lúc vào cuộc chiến lớn, hễ có tâm sợ hãi, kinh hoàng, các Khanh hãy quay nhìn lá tràng (cờ) của Ta thì sẽ không sợ hãi. Nếu chẳng nhớ lá cờ của ta hãy nhớ lá cờ của Thiên vương Y-sa, vì nhớ cờ đó, người sẽ tiêu hết sự sợ hãi. Nếu không nhớ cờ của Ta và cờ của Thiên vương Y-sa, bấy giờ hãy nhớ lá cờ của Thiên vương Bà-lu-na, vì nhớ lá cờ kia, liền tiêu diệt sự sợ hãi”.

Nay Ta lại bảo các Thầy: Nếu có Tỳ-kheo,

Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nếu có sợ hãi, lông áo dựng ngược, bấy giờ hãy nhớ đến thân Ta, đây là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời. Nếu ai có sợ hãi, lông áo dựng đứng thì sợ hãi ấy liền tự tiêu diệt. Nếu lại chẳng nhớ Ta, bấy giờ nên nhớ Pháp, Pháp của Như Lai rất là vi diệu, là chỗ người trí học. Do nhớ Pháp, liền tiêu diệt sợ hãi. Nếu chẳng nhớ Ta, cũng chẳng nhớ Pháp, bấy giờ nên nhớ Thánh chúng, Thánh chúng, của Như Lai rất là hòa thuận, pháp pháp thành tựu, giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát kiến tuệ thành tựu; nghĩa là bốn đôi, tám bậc; đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng kính, đáng thờ, là phước điền của thế gian, đó là Thánh chúng của Như Lai, bấy giờ nếu nhớ Tăng rồi, sự sợ hãi liền tiêu diệt.

Tỳ-kheo nên biết, Thích-đề-hoàn-nhân còn có dâm nộ si, mà Trời Ba-mươi-ba nhớ đến chúa mình liền không sợ hãi, huống lại Như Lai không có tâm dục nộ si, nên nhớ mà có sợ hãi sao ? Nếu Tỳ-kheo có sợ hãi thì sợ hãi ấy liền tự tiêu diệt. Thế nên các Tỳ-kheo, nên nghĩ nhớ ba bậc Phật, Pháp, Thánh chúng. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ nước Bạt-kỳ có quỷ tên là Tỳ-sa ở tại nước đó rất hung bạo, giết người vô số; hằng ngày giết một người, hoặc ngày giết hai người, ba người, bốn người, năm người, mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người.

Bấy giờ các quỷ thần, La-sát đầy đầy khắp trong nước. Lúc ấy nhân dân Bạt-kỳ tụ tập nhau lại mà nói rằng:

— Chúng ta phải tránh nước này, đi đến nước khác, chẳng nên ở đây.

Bấy giờ ác quỷ Tỳ-sa biết tâm niệm của nhân dân, liền bảo họ rằng:

— Các Ngươi chớ lìa xứ này đến xứ khác. Vì sao thế ? Vì trọn chẳng khỏi tay ta. Các Ngươi ngày ngày đem một người dâng ta, ta sẽ không khuấy rối các Ngươi.

Từ đó, nhân dân mỗi ngày đem một người nạp cho ác quỷ kia. Quỷ kia ăn người đó xong, đem hài

cốt ném vào núi phía khác. Về sau, xương đây hang, suối.

Khi ấy, có trưởng giả tên là Thiện Giác, ở tại nước ấy, lắm tiền nhiều của, tài sản ngàn ức, lưà, ngựa, lạc đà không đếm xiết; vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách cũng không thể đếm. Bảy giờ, trưởng giả có tên là Na-ưu-la, là đứa con duy nhất ông ta rất yêu quý không rời mắt. Lúc ấy, có kỳ hạn này, đứa bé Na-ưu-la đến phiên dâng cho quý. Cha mẹ Na-ưu-la tắm rửa cho đứa bé này, mặc áo đẹp đem đến bãi tha ma nơi quý ở. Đến rồi, họ khóc lóc, kể lể không thể tả, cùng nói rằng:

— Chư Thần, Địa thần đều cùng chứng minh. Chúng tôi chỉ có một đứa con này, mong các thần minh hãy chứng minh cho, và hai mươi tám Đại quý Thần vương, hãy gìn giữ đứa bé khỏi bị nguy ách; Và Tứ thiên vương, đều xin cùng được gởi gắm tánh mạng, mong ủng hộ đứa bé này khiến được tai qua nạn khỏi; cùng Thích-đề-hoàn-nhân, cũng xin hướng về quy mạng Ngài, mong cứu mạng đứa bé này; và cũng lại quy mạng Phạm thiên vương nguyện thoát được mạng này, tất cả Quý Thần hộ thế, chúng tôi xin quy mạng, cho thoát được ách này; các đệ tử A-la-hán lậu tận của Như Lai con cũng xin quy mạng, khiến thoát khỏi ách này, con

cũng lại quy y các Bích-chi Phật không thấy tự giác, khiến thoát được ách này; con cũng tự quy y đấng Như Lai, là bậc hàng phục những người không hàng phục, độ những người chưa độ, thâu nhận những người chưa được thâu nhận, giải thoát người chưa giải thoát, người chẳng nhập Niết-bàn khiến nhập Niết-bàn, người không được cứu liên cứu hộ cho, Ngài làm con mắt cho người mù, làm đại y vương cho người bệnh. Nếu ở Trời, Rồng, Quỷ thần, tất cả Dân ma và Thiên ma, Ngài là bậc tối tôn, tối thượng, không ai sánh kịp, khả kính, đáng quý, làm ruộng phước tốt lành cho người, không ai vượt trên Ngài. Vậy mong Như Lai hãy giám sát cho, xin Như Lai hãy soi thấu lòng thành này.

Bấy giờ, cha mẹ Na-ưu-la liền đem đứa bé này giao cho quỷ rồi lui đi. Khi ấy, Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh, lại dùng thiên nhãn thấu suốt, nghe được lời này, (biết) cha mẹ Na-ưu-la khóc lóc không thể kể xiết. Thế Tôn liền dùng sức thần túc đến chỗ ác quỷ ở trong núi kia. Ác quỷ ở chỗ của quỷ thần tại phía Bắc Tuyết Sơn. Thế Tôn vào trụ xứ của quỷ mà ngồi, chánh thân, chánh ý ngồi kiết-già. Bấy giờ, đứa bé Na-ưu-la đi dần đến chỗ ác quỷ ở. Bé Na-ưu-la xa trông thấy Như Lai tại trụ xứ của ác quỷ, hào quang rực rỡ, chánh thân, chánh ý,

buộc niệm ở trước, nhan sắc đoan chánh, kỳ lạ hơn đời, các căn tịch tĩnh, được các công đức hàng phục các ma. Các đức như thể chẳng thể tính kể. Ngài có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, như núi Tu-di cao vượt các đỉnh núi, mặt như mặt trời, mặt trăng, lại cũng như ánh sáng núi vàng chiếu xa. Cậu bé thấy xong mừng rỡ, hướng đến Như Lai và nghĩ: “Đây chắc chẳng phải ác quỷ Tỳ-sa. Vì sao thế ? Nay ta thấy Ngài lòng vui mừng hết sức. Nếu đúng là ác quỷ xin tùy ý để cho ăn.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng:

— Na-uru-la, như lời con nói, nay Ta là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đến để cứu con và hàng phục ác quỷ này.

Bé Na-uru-la nghe xong, vui mừng hơn hờ không kềm được, liền đến chỗ Như Lai cúi lạy, rồi ngồi một bên. Thế Tôn thuyết luận diệu nghĩa cho bé. Luận là luận về thí, luận về giới, luận sanh thiên, dục là uế ác, lậu là bất tịnh, xuất gia là căn yếu, trừ các loạn tướng.

Thế Tôn thấy bé Na-uru-la tâm ý hoan hỉ, tánh nhu nhuyễn. Chư Phật Thế Tôn thường thuyết Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nay Thế Tôn thuyết đủ cho

chú bé. Chú bé ở ngay chỗ ngôi, sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bé đã thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, vâng nhận các pháp không có hồ nghi, hiểu rõ lời dạy của Như Lai. Bé quy y Phật, Pháp và Thánh chúng mà thọ ngũ giới.

Lúc đó ác quỷ Tỳ-sa trở lại chỗ ở của mình, từ xa ác quỷ trông thấy Thế Tôn ngôi ngay ngắn, tư duy, thân không nghiêng động. Thấy rồi, ác quỷ giận dữ nổi mưa, sấm, chớp, sét rền hướng vào Như Lai; hoặc mưa đao kiếm, nhưng lúc chưa rơi xuống đất liền hóa thành hoa sen ưu-bát. Bấy giờ quỷ kia càng thêm sân hận, mưa các thứ núi, sông, đá, gạch; lúc rơi xuống đất lại hóa thành thức ăn, thức uống. Quỷ kia lại hóa thành voi lớn kêu rống phóng tới Như Lai. Bấy giờ Thế Tôn lại hóa làm sư tử chúa. Quỷ kia lại hóa làm thân sư tử phóng đến Như Lai. Bấy giờ Thế Tôn hóa làm đồng lửa lớn. Quỷ kia càng thêm tức giận hóa làm rồng lớn có bảy đầu. Bấy giờ Thế Tôn hóa làm chim cánh vàng lớn. Quỷ kia liền nghĩ: “Ta có bao nhiêu thân lực đã hiện hết rồi, nhưng Sa-môn này lông áo vẫn bất động. Nay ta hãy đến hỏi thâm nghĩa”. Rồi quỷ kia hỏi Thế Tôn rằng:

— Nay ta là Tỳ-sa muốn hỏi thâm nghĩa. Nếu không đáp được sẽ nắm hai chân Ngài ném vào biển Nam.

Thế Tôn bảo:

— Ác quỷ nên biết, Ta tự quan sát, không có Trời, Người, Sa-môn, Bà-la-môn, như người hay phi nhân nào có thể nắm hai chân Ta mà ném vào biển Nam đước. Nhưng nay Ông muốn hỏi nghĩa thì cứ hỏi đi .

Ác quỷ bèn hỏi:

— Sa-môn ! Thế nào là hạnh cũ ? Thế nào là hạnh mới ? Thế nào là hạnh diệt ?

Thế Tôn bảo:

— Ác quỷ nên biết: Mắt là hạnh cũ, việc làm ngày xưa duyên với thọ thành hạnh; tai, mũi, miệng, thân, ý, đây là hạnh cũ, lúc trước tạo duyên với thọ thành hạnh. Nay ác quỷ, đó là hạnh cũ.

Quỷ Tỳ-sa nói:

— Sa-môn ! Cái gì là hạnh mới ?

Thế Tôn bảo:

— Thân ngày nay tạo: thân ba, miệng bốn, ý ba. Nay ác quỷ, đây là hạnh mới.

Ác quỷ hỏi:

— Thế nào là hạnh diệt ?

Thế Tôn bảo:

— Ác quỷ nên biết: Hạnh cũ diệt hết không khởi lên nữa, lại chẳng tạo hạnh, hay giữ hạnh này trọn chẳng sanh, dứt hẳn không sót. Đó là hạnh diệt.

Bấy giờ quý ấy bạch Thế Tôn rằng:

— Nay ta quá đói, sao lại đoạt thức ăn của ta ? Đứa bé này là món ăn của ta. Sa-môn, hãy trả cho ta đứa bé này.

Thế Tôn bảo:

— Khi xưa lúc Ta chưa thành đạo, từng làm Bồ-tát, có bồ câu bay đến Ta, Ta còn chẳng tiếc thân mạng cứu bồ câu ấy khỏi nạn, huống ngày nay Ta đã thành Như Lai, lại có thể bỏ đứa bé này cho Ông ăn thịt ? Ác quỷ, nay dù Ông dùng hết thân lực, Ta trọn chẳng trao cho Ông đứa bé này. Thế nào Ác quỷ ? Dưới thời Phật Ca-diếp, Ông từng làm Sa-môn, tu trì Phạm hạnh, sau lại phạm giới mà sanh làm ác quỷ này.

Bấy giờ ác quỷ nương oai thần của Phật, nhớ lại các hạnh đã tạo ngày xưa, liền đến chỗ Thế Tôn cúi lạy mà nói:

— Nay con ngu mê, không phân biệt chân ngụy mà sanh tâm này đối với Như Lai. Cúi mong đức Thế Tôn cho con sám hối.

Thưa như thế ba bốn lần. Thế Tôn bảo:

— Chấp nhận Ông hối lỗi, chớ có phạm nữa.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho ác quỷ khiến được hoan hỉ. Ác quỷ dâng mấy ngàn lượng vàng lên Thế Tôn và bạch Thế Tôn rằng:

— Nay con đem hang núi này cúng cho chiêu đề tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận cho con và mấy ngàn lượng vàng này.

Như thế hai ba lần. Lúc ấy, Thế Tôn liền nhận hang núi rồi nói kệ:

*Vườn quả thí thanh lương,
Và làm cầu đồ sông,
Nếu hay tạo thuyền lớn,
Và các vật dưỡng sanh,
Ngày đêm không lười mỏi,
Được phước không thể lường,
Pháp nghĩa, giới thành tựu,
Chết rồi, sanh lên trời.*

Quý kia bạch Thế Tôn:

— Chẳng rõ Thế Tôn còn dạy gì không ?

Thế Tôn bảo:

— Nay Ông nên bỏ hình tướng cũ, đắp ba y làm Sa-môn, vào thành Bạt-kỳ, đi khắp nơi nói lời dạy này: “Chư Hiền nên biết: Như Lai ra đời, người

không chịu hàng phục liền được hàng phục; độ người không độ được; người không giải thoát khiến biết giải thoát; cứu hộ người không được cứu; làm con mắt cho người mù, là bậc tối tôn, tối thượng, không ai bằng trong chư Thiên nhân, Thiên long, Quỷ thần, Ma hoặc Thiên ma, Nhân và Phi nhân, đáng kính, đáng quý, làm phước điền tốt lành cho người. Hôm nay Ngài đã độ đứa bé Na-ưu-la và hàng phục ác quỷ Tỳ-sa. Các Ông nên đến nơi ấy nghe lời giáo hóa”.

Ác quỷ đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ quỷ Tỳ-sa làm Sa-môn, đắp ba y vào các làng xóm nói lời dạy này: “Hôm nay Thế Tôn độ đứa bé Na-ưu-la và hàng phục ác quỷ Tỳ-sa. Các Ông nên đến nhận lời dạy dỗ của Ngài.”

Ngay lúc đó, ở nước Bạt-kỳ, nhân dân tụ tập đông đúc. Trưởng giả Thiện Giác nghe lời này xong, vui mừng hơn hở không kềm được, liền đem tám vạn bốn ngàn người đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, cúi lạy xong ngồi một bên. Bấy giờ, nhân dân Bạt-kỳ, có người lạy chân Phật, có người nâng tay. Khi tám vạn bốn ngàn chúng đã ngồi một bên xong, Thế Tôn dần dần thuyết pháp vi diệu cho họ. Luận tức

là luận về thí, luận về giới, luận sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, lậu là họa lớn.

Bấy giờ Thế Tôn quan sát tám vạn bốn ngàn chúng kia, tâm ý vui thích. Chư Phật Thế Tôn thuyết pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Ngài đem pháp này thuyết cho tám vạn bốn ngàn chúng kia. Tất cả ở ngay trên tòa các trần cấu sạch hết, được pháp nhân thanh tịnh giống như áo trắng sạch dễ nhuộm màu. Tám vạn bốn ngàn chúng này cũng lại như thế. Các trần cấu sạch, được pháp nhân thanh tịnh, đắc pháp, thấy pháp, phân biệt các pháp không có hồ nghi, được không chỗ sợ, họ tự quy y Tam bảo Phật, Pháp, Thánh chúng mà thọ ngũ giới.

Trưởng giả cha của Na-ưu-la bạch Thế Tôn:

— Cúi mong Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của con.

Lúc ấy Thế Tôn yên lặng nhận lời. Trưởng giả thấy Thế Tôn yên lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi lui về nhà, bày các thức ăn uống bao nhiêu vị. Sáng sớm hôm đó ông tự đến bạch Phật rằng đã đến giờ.

Bấy giờ, Thế Tôn đứng giờ, đắp y ôm bát vào thành Bạt-kỳ, đến nhà trưởng giả, lại tòa mà ngồi. Trưởng giả thấy Thế Tôn đã ngồi yên, ông tự mình

châm chước các thức ăn uống. Khi thấy Phật ngo trai xong, ông đem nước trong sạch đến, rồi lấy một chiếc ghế đến trước Như Lai ngồi, bạch Thế Tôn:

— Lành thay, Thế Tôn ! Nếu bốn bộ chúng căn y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, đều xin đến nhà con lấy.

Thế Tôn bảo:

— Lành thay, Trưởng giả ! Như lời Ông nói.

Thế Tôn liền thuyết pháp vi diệu cho trưởng giả, thuyết pháp xong liền từ chỗ ngồi đứng lên đi.

Bấy giờ, Thế Tôn như trong khoảng co duỗi cánh tay, từ Bạt-kỳ biến mất, trở về Tinh xá Kỳ Hoàn ở Xá-vệ. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu bốn bộ chúng căn y phục, ẩm thực, giường nằm, thuốc men trị bệnh, nên đến nhà cha của Na-ưu-la mà lấy.

Thế Tôn lại bảo Tỳ-kheo:

— Như Ta hôm nay, đệ tử Ưu-bà-tắc không lẫn tiếc bậc nhất là cha của Na-ưu-la.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn Thích-sí Ni-câu-lưu cùng với năm trăm đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ mấy ngàn người vọng tộc họ Thích, đến chỗ Thế Tôn cúi lạy và ngồi một bên.

Những người họ Thích bạch Thế Tôn:

— Ngày nay, Ngài nên làm vua cai trị nước nhà để dòng họ chúng ta không bị hư mất, không làm cho ngôi Chuyển luân Thánh vương bị đoạn diệt. Nếu Thế Tôn không xuất gia, đáng lẽ làm Chuyển luân Thánh vương trong thiên hạ, thống lãnh bốn thiên hạ, đầy đủ ngàn con. Dòng họ chúng ta tên tuổi vang xa là dòng họ Thích sanh ra Chuyển luân Thánh vương. Vì thế, Thế Tôn, hãy làm vua, đừng để dòng vua đoạn dứt.

Thế Tôn bảo:

— Nay Ta chính là thân vua, gọi là Pháp vương. Vì sao thế ? Nay Ta hỏi các Ông: Thế nào các vị họ Thích ? Bảo rằng Chuyển luân Thánh vương bảy báu đầy đủ, có ngàn con dưng mãnh. Nay Ta ở trong tam thiên đại thiên cõi nước là bậc Tối tôn, Tối thượng chẳng ai bằng, thành tựu Thất giác ý bảo, có vô số hàng ngàn con Thanh văn vây quanh.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Nay dùng địa vị này,
Được rồi sau lại mất,
Vị này là Tối thắng,
Không cuối, không có đầu.
Đã thắng, không thể đoạt,
Thắng này là tối thắng,
Nhưng Phật vô lượng hạnh,
Không vết, ai noi dấu ?*

Thế nên, này các vị Thích tử (Cồ-đàm), hãy tìm phương tiện làm vua Chánh pháp để cai trị. Như thế, các Thích tử, hãy học điều này !

Bấy giờ những vị họ Thích nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

— Có sắc nào thường còn không biến đổi, tồn tại mãi ở đời mà không di động chẳng ? Có thọ, tưởng, hành, thức nào hằng còn không biến đổi, tồn tại mãi ở đời mà không di động chẳng ?

Thế Tôn bảo:

— Tỳ-kheo, không có sắc nào hằng còn tồn tại mãi ở đời mà không biến đổi; lại cũng không có thọ, tưởng, hành, thức hằng còn mãi ở đời mà không biến đổi. Nay Tỳ-kheo, nếu lại có sắc này hằng còn mãi ở đời mà không biến đổi thì người tu Phạm hạnh chẳng thể phân biệt; nếu thọ, tưởng, hành, thức tồn tại mãi ở đời mà không biến đổi thì người tu Phạm hạnh chẳng thể phân biệt. Thế nên, nay Tỳ-kheo, vì sắc chẳng thể phân biệt, không tồn tại mãi ở đời, thế nên người Phạm hạnh có thể phân biệt, dứt hết gốc khổ; thọ, tưởng, hành, thức cũng không tồn tại mãi ở đời, thế nên người Phạm hạnh có thể phân biệt, dứt được gốc khổ.

Bấy giờ Thế Tôn vót một ít đất để trên móng tay bảo Tỳ-kheo kia:

— Thế nào Tỳ-kheo, Thấy thấy đất trên móng tay này chẳng ?

Tỳ-kheo đáp:

— Thưa vâng, Thế Tôn ! Con đã thấy.

Phật bảo Tỳ-kheo:

— Nếu có một chút sắc như thế hằng còn ở đời, thì người Phạm hạnh chẳng thể phân biệt được

hết mé khổ. Vì thế, Tỳ-kheo, vì không một chút sắc nào còn, liền hành được Phạm hạnh, dứt được mé khổ. Vì sao như thế ? Tỳ-kheo nên biết, ngày xưa Ta từng làm đại vương, thống lãnh bốn thiên hạ, dùng pháp cai trị, thống lãnh nhân dân, bảy báu đầy đủ. Bảy báu là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Tỳ-kheo nên biết, lúc đó Ta là Chuyển luân Thánh vương thống lãnh bốn thiên hạ, có tám vạn bốn ngàn voi thân, voi tên Bồ-hô; lại có bốn ngàn xe vũ bảo, hoặc dùng da sư tử phủ, hoặc dùng da beo phủ, treo đầy tràng phan, lọng cao; lại có tám vạn bốn ngàn đài cao rộng, giống như chỗ ở của Thiên đế; lại có tám vạn bốn ngàn giảng đường so bằng giảng đường thuyết pháp; lại có tám vạn bốn ngàn ngọc nữ thân như thiên nữ; lại có tám vạn bốn ngàn y phục để phục sức, đều đẹp dễ mê mại; lại có tám vạn bốn ngàn món ẩm thực, bao nhiêu thứ mùi vị. Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy, Ta cỡi một con voi lớn, màu cực trắng, miệng đẹp có sáu ngà, vàng bạc kết đầy thân, có thể bay được, cũng có thể ẩn hình, hoặc lớn hoặc nhỏ, voi ấy tên Bồ-hô; lúc ấy, Ta cỡi một con thần mã, lông đuôi màu đỏ, đi thân không động, vàng bạc kết trên thân, có thể bay đi, cũng có thể ẩn hình, hoặc lớn hoặc nhỏ, ngựa ấy tên Mao Vương; lúc ấy, Ta ở trong một đài giữa tám vạn bốn

ngàn dài cao rộng, dài tên Tu-ni-ma, làm bằng vàng ròng; lúc ấy Ta nghỉ ngơi trong một giảng đường, giảng đường tên Pháp Thuyết, làm bằng vàng ròng; lúc ấy Ta cỡi một xe vũ bảo, xe tên Tối Thắng, làm bằng vàng ròng, Ta cùng một ngọc nữ ở bên cạnh để sai khiến cũng như chị em; lúc ấy Ta ngồi trên một tòa trong số tám vạn bốn ngàn tòa cao rộng, vàng bạc, anh lạc chẳng thể tính kể, Ta mặc ý phục đẹp như áo trời, ăn những thức ăn mùi vị cam lồ, đương lúc đó, Ta làm Chuyển luân Thánh vương, tám vạn bốn ngàn voi thần mỗi sáng đến, làm phía ngoài cửa bị hư hại rất nhiều, chẳng thể tính kể. Ta liền nghĩ: “Tám vạn bốn ngàn voi thần này sáng sáng kéo đến, khiến ngoài cửa tổn hại rất nhiều không thể kể xiết. Nay lòng Ta muốn chia chúng làm hai phần, mỗi sáng bốn vạn hai ngàn con đến châu.”

Bấy giờ, này Tỳ-kheo, Ta nghĩ: “Xưa Ta tạo phước gì, lại làm đức gì, mà nay có được oai lực này ?” Rồi Ta lại nghĩ: “Do ba việc nhân duyên khiến Ta gặt được phước đức này. Thế nào là ba ? Nghĩa là tuệ thí, nhân từ, và tự gìn giữ”.

Tỳ-kheo hãy xem, các hành bấy giờ đã diệt hẳn không còn sót. Bấy giờ đạo ở dục ý không biết chán. Chán là đối với giới luật Hiền Thánh sanh

chán bỏ. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc này là thường hay vô thường ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, vô thường.

— Nếu là vô thường, là pháp biến đổi, Thấy có nên sanh tâm này: “Đây là của ta, ta thuộc về nó” chăng ?

— Thưa không, bạch Thế Tôn.

— Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, vô thường.

— Nếu là vô thường là pháp biến đổi, Thấy có nên sanh tâm này: “Đây là ta, ta thuộc về nó” chăng ?

— Thưa không, bạch Thế Tôn.

— Thế nên, Tỳ-kheo, các sắc đã có, từ quá khứ, hiện tại, vị lai, hoặc lớn hay nhỏ, hoặc tốt hay xấu, hoặc xa hay gần. Sắc này cũng chẳng phải của ta, ta cũng chẳng phải thuộc sắc. Đây là chỗ học của người trí. Các thọ đã có từ quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc xa hay gần, thọ này cũng chẳng phải của ta, ta cũng chẳng phải thuộc nó. Như thế người trí

giác biết. Tỳ-kheo nên quán thế này: Nếu bậc Thanh văn chán ghét tai họa của mắt, chán ghét hoạn ở sắc, chán ghét hoạn của nhãn thức, nếu do mắt sanh khổ vui cũng lại chán ghét. Cũng lại chán ghét đối với tai, chán tiếng, chán nhĩ thức, nếu nương nhĩ thức (tai) sanh khổ vui cũng lại chán ghét; mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại chán ghét, nếu nương ý pháp sanh khổ vui cũng lại chán ghét. Đã chán ghét liền giải thoát, đã giải thoát liền được trí giải thoát: “Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân nữa”, như thực mà biết.

Khi ấy Tỳ-kheo kia được Thế Tôn dạy như thế, ở chỗ vắng vẻ tư duy tự tu. Đó là người vọng tộc, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia, tu phạm hạnh vô thượng: “Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa”, như thật mà biết. Tỳ-kheo kia liền thành A-la-hán.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Ma-kiệt, nơi cây Bồ-đề-Đạo Tràng, lúc vừa thành Phật. Bấy giờ Thế Tôn liền nghĩ: “Nay Ta được pháp thâm sâu này, khó

hiếu, khó rõ, khó tri, khó giác. Trí cực kỳ vi diệu mới giác tri được. Nay Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên ? Người hiểu được pháp Ta là ai ?”

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: “La-lặc-ca-lam, các căn thuần thực đáng được độ trước, vì ông ta trông đợi pháp của Ta”.

Nghĩ thế xong, trên hư không có vị Trời bạch Thế Tôn:

— La-lặc-ca-lam đã chết bảy ngày.

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: “Thật khổ thay ! Ông ta chẳng nghe được pháp Ta mà đã mạng chung. Nếu nghe pháp Ta liền được giải thoát”.

Thế Tôn lại nghĩ: “Nay Ta nên thuyết pháp cho ai đầu tiên để họ được giải thoát ? Nay Uất-đầu-lam-phát đáng được độ trước, Ta sẽ thuyết pháp cho ông ta. Nghe pháp Ta xong, ông sẽ được giải thoát trước”.

Thế Tôn nghĩ vậy rồi, thì trong hư không có vị Trời nói rằng:

— Nửa đêm hôm qua, ông ta đã mạng chung.

Thế Tôn lại nghĩ: “Uất-đầu-lam-phát sao mà khổ thế ! Chẳng được nghe pháp của Ta thì ông mà đã chết rồi. Nếu được nghe pháp của Ta thì ông liền được giải thoát”.

Thế Tôn lại nghĩ: “Ai nghe pháp trước tiên mà được giải thoát ?”.

Thế Tôn lại tư duy lần nữa: “Năm Tỳ-kheo có nhiều lợi ích, khi Ta mới sanh họ vẫn theo sau Ta”.

Thế Tôn lại nghĩ: “Nay năm Tỳ-kheo đang ở chỗ nào ?”.

Ngài liền dùng thiên nhãn quán năm Tỳ-kheo đang ở trong vườn Nai của Tiên nhân tại nước Ba-la-nại, rồi nghĩ: “Nay Ta trước tiên đến thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo, họ nghe pháp Ta rồi sẽ được giải thoát”.

Bấy giờ Thế Tôn trong suốt bảy ngày nhìn chăm chú cây Bồ-đề (đạo thọ) không hề chớp mắt.

Thế Tôn nói bài kệ này:

*Nay Ta ngồi chỗ này,
Trải qua khổ sanh tử,
Cắm vững búa trí tuệ,
Chặt đứt rễ trống xưa.
Thiên vương đến nơi này,
Và các quyền thuộc ma,
Lại đem phương tiện hàng,
Khiến đội mũ giải thoát.
Nay dưới gốc cây này,
Ngồi trên tòa kim cương,*

*Đã được nhất thiết trí,
Được tuệ không chỗ ngại.
Ta ngồi dưới cây này,
Thấy rõ khổ sanh tử,
Đã bỏ nguồn gốc chết,
Già, bệnh, trợn không sót.*

Thế Tôn nói kệ này xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng về nước Ba-la-nại mà đi.

Lúc đó Phạm chí Ưu-ti-ca từ xa, trông thấy Thế Tôn có hào quang rực rỡ che khuất ánh sáng mặt trời, mặt trăng.

Thấy rồi, ông bạch Thế Tôn:

— Nay Sư chủ (Thầy) của Cô-đàm ở đâu ?
Ngài nương theo ai xuất gia học đạo ? Hằng ưa thuyết giáo pháp nào ? Ngài từ đâu đến và muốn đi đâu ?

Thế Tôn hướng về Phạm chí kia mà nói kệ:

*Ta thành A-la-hán,
Thế gian chẳng ai sánh,
Trời và Người thế gian,
Nay Ta là Tối thượng.
Ta cũng chẳng thấy dạy,
Lại cũng không ai bằng,*

*Độc tôn chẳng người hơn,
Lạnh mà chẳng ấm lại.
Nay sẽ chuyển Pháp luân,
Đến tại nước Ca-thi
Nay đem thuốc cam lồ,
Mở mắt người mù lòa.
Cõi nước Ba-la-nại,
Vương thổ nước Ca-thi,
Chỗ năm Tỳ-kheo ở,
Muốn thuyết pháp vi diệu,
Khiến họ sớm thành đạo,
Và được lậu tận thông,
Để trừ nguồn pháp ác,
Thế nên là Tối thắng.*

Khi ấy Phạm chí kia khen ngợi, cúi đầu, chấp tay, khảy móng tay, mỉm cười theo đường mà đi.

Khi Thế Tôn đến Ba-la-nại, năm Tỳ-kheo từ xa thấy Thế Tôn đến, bèn cùng bàn bạc với nhau:

— Đây² là Sa-môn Cù-dàm từ xa đến, Ông ta tánh tình lắm lần, tâm không chuyên nhất tinh cần. Chúng ta chớ có nói chuyện với Ông ta, cũng đừng đứng dậy đón, cũng đừng mời ngồi.

Bấy giờ năm người liền nói kệ:

Người này chẳng đáng kính,

*Cũng chó cùng thân cận,
Lại dùng kêu chào mừng,
Cũng chẳng nên mời ngồi.*

Năm người nói kệ này xong đều im lặng. Thế Tôn tiến dần đến năm Tỳ-kheo. Khi đến gần, năm Tỳ-kheo từ từ đứng lên tiếp đón, người thì trải tòa, người múc nước. Lúc ấy Thế Tôn liền đến trước ngôi, suy nghĩ thế này: “Đây là người ngu si, trọn không thể giữ tròn lời hứa của mình”.

Năm Tỳ-kheo gọi Thế Tôn là Ông. Thế Tôn mới bảo năm Tỳ-kheo:

— Các Ông chó gọi bậc Vô Thượng Chí Chân Đăng Chánh Giác là Ông. Vì có sao ? Nay Ta đã thành Vô Thượng Chí Chân Đăng Chánh Giác, đã gặt được thiện cam lộ, các Ông hãy tự chuyên niệm nghe lời nói pháp của Ta.

Năm Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Cù-đàm xưa lúc khổ hạnh còn chẳng thể được pháp Thượng nhân, huống nữa là hôm nay ý tình thác loạn mà nói là đắc đạo ư ?

Thế Tôn bảo:

— Thế nào các Ông ? Các Ông từng nghe Ta nói dối chăng ?

Năm Tỳ-kheo đáp:

— Không, Cù-đàm !

Thế Tôn bảo:

— Như Lai Vô Thượng Chí Chân Đăng Chánh Giác đã được cam lộ. Các Ông phải cùng chuyên tâm nghe Ta thuyết pháp.

Lúc ấy, Thế Tôn lại nghĩ: “Nay Ta đủ sức hàng phục năm người này”.

Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

— Các Ông nên biết có Bốn đế này. Thế nào là bốn ? Khổ đế, Khổ tập đế, Khổ tận đế và Khổ xuất yếu đế.

Thế nào là Khổ đế ? Đó là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ưu bi khổ não, sầu ưu thống khổ không thể kể xiết, oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, chỗ muốn chẳng được cũng lại là khổ, tóm lại là Ngũ thanh ẩm khổ. Đó là Khổ đế.

Thế nào là Khổ tập đế ? Nghĩa là phần thọ ái, tập quen chẳng mỏi mệt, ý thường tham luyến. Đó là Khổ tập đế.

Thế nào là Khổ tận đế ? Nghĩa là hay khiến cho ái kia diệt hết không sót, cũng chẳng sanh lại. Đó là Khổ tận đế.

Thế nào là Khổ xuất yếu đế ? Nghĩa là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh. Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Đó gọi là pháp Tứ đế. Nhưng lại, này năm Tỳ-kheo, pháp Tứ đế này, Khổ đế là pháp vốn chưa được nghe, khiến nhân sanh, trí sanh, minh sanh, giác sanh, quang sanh, tuệ sanh. Lại nữa, Khổ đế là chân thật, minh sanh, giác sanh, quang sanh, tuệ sanh. Lại nữa, Khổ đế là chân thật, quyết định, không hư, không dối, trọn không có khác, là lời Thế Tôn dạy nên gọi là Khổ đế.

Khổ tập đế là pháp vốn chưa nghe, khiến nhân sanh, trí sanh, minh sanh, giác sanh, quang sanh, tuệ sanh. Lại nữa Khổ tập đế là chân thật, quyết định, không hư, không dối, trọn không có khác, là lời Thế Tôn dạy nên gọi là Khổ tập đế.

Khổ tận đế là pháp vốn chưa nghe, khiến nhân sanh, trí sanh, minh sanh, giác sanh, quang sanh, tuệ sanh. Lại nữa Khổ tận đế là chân thật, quyết định, không hư, không dối, trọn không có khác, là lời Thế Tôn dạy nên gọi là Khổ tận đế.

Khổ xuất yếu đế là pháp vốn chưa nghe khiến nhân sanh, trí sanh, minh sanh, giác sanh, quang sanh, tuệ sanh. Lại nữa, Khổ xuất yếu đế là chân

thật, quyết định, không hư, không dối, trọn không có khác, là lời Thế Tôn dạy nên gọi là Khổ xuất yếu đế.

Năm Tỳ-kheo nên biết, Tứ đế này ba phen chuyển, mười hai hành. Người chẳng biết như thật thì chẳng thành Vô Thượng Chí Chân Đăng Chánh Giác. Ta vì phân biệt Tứ đế này, ba chuyển, mười hai hành, như thật mà biết. Thế nên Ta thành Vô Thượng Chí Chân Đăng Chánh Giác.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp xong, A-nhã Câu-lân (A-nhã Kiều-trần-như) hết các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc ấy Thế Tôn bảo Câu-lân:

— Nay Thầy đã đến với pháp, đã đắc pháp.

Câu-lân đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn. Con đã đắc pháp, đã đến với pháp.

Bấy giờ địa thần nghe lời này xong, liền xướng lên rằng:

— Nay Như Lai tại Ba-la-nại chuyển Pháp luân, là chỗ chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Thiên ma, Nhân và Phi nhân chẳng thể chuyển được. Hôm nay Như Lai chuyển Pháp luân này, A-nhã Câu-lân đã được pháp cam lồ.

Lúc ấy, Tứ Thiên vương nghe địa thần xướng, lại chuyển lời nói:

— A-nhã Câu-lân đã được pháp cam lồ.

Lúc ấy Trời Ba mươi ba nghe lời của Tứ thiên vương, Trời Diêm-ma nghe Trời Ba mươi ba, cho đến Trời Đâu-suất đều nghe tiếng cho đến Phạm thiên cũng lại nghe tiếng:

— Như Lai tại Ba-la-nại chuyển Pháp luân, chỗ mà chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Thiên ma, Nhân và Phi nhân chẳng thể chuyển được. Hôm nay Như Lai chuyển Pháp luân này. Bấy giờ gọi là A-nhã Câu-lân.

Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

— Các Thầy, hai người ở lại nhận lời dạy dỗ, còn ba người đi khát thực, thức ăn của ba người này, sáu người sẽ cùng ăn. Rồi ba người ở lại nhận lời dạy dỗ, hai người đi khát thực; thức ăn có được của hai người, sáu người sẽ cùng ăn.

Bấy giờ năm người được dạy dỗ, lúc này thành pháp vô sanh Niết-bàn, cũng thành không sanh, không bệnh, không già, không chết. Lúc ấy năm Tỳ-kheo đều thành A-la-hán. Lúc ấy tam thiên đại thiên quốc độ có năm A-la-hán với Phật là sáu.

Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

— Các Thầy khát thực đều cùng nhân gian (chung dụng), cần thận chớ đi một mình. Nhưng lại có chúng sanh các căn thuần thực đáng được độ, vì thế Ta sẽ đến thôn Ưu-lưu-tỳ thuyết pháp tại đó.

Bấy giờ Thế Tôn liền đến thôn Ưu-lưu-tỳ. Lúc ấy bên bờ sông Liên-nhã có Ca-diếp tại đó. Ông ta biết thiên văn, địa lý, thông suốt tất cả, toán số, cây lá đều rõ biết, cùng với năm trăm đệ tử hằng ngày giáo hóa. Cách Ca-diếp không xa có động đá, ở trong động đá có rồng dữ ngụ. Bấy giờ Thế Tôn đến chỗ Ca-diếp, đến rồi, bảo Ca-diếp:

— Ta muốn ở trong động đá một hôm. Nếu Ông bằng lòng, Ta sẽ đến ở đó.

Ca-diếp đáp:

— Tôi không tiếc gì, nhưng ở đó có rồng dữ, sợ nó sẽ hại Ngài.

Thế Tôn bảo:

— Ca-diếp, không sao, rồng dữ chẳng hại Ta. Nếu Ông bằng lòng thì Ta ở một đêm.

Ca-diếp đáp:

— Nếu Ngài muốn ở thì tùy ý đến ở.

Bấy giờ Thế Tôn liền đến động đá, trải tòa mà ở. Ngài ngồi kiết-già, chánh thân, chánh ý buộc

niệm ở trước. Lúc ấy rồng dữ thấy Thế Tôn ngồi liên phun lửa độc. Thế Tôn liền nhập Từ tam-muội. Từ tam-muội dậy, Ngài nhập Diễm quang tam-muội.

Khi ấy, lửa rồng và Phật quang bùng lên một lượt. Bảy giờ Ca-diếp ban đêm dậy xem tinh tú, thấy trong động đá có ánh lửa lớn. Thấy rồi, ông liền bảo đệ tử:

— Sa-môn Cù-đàm này dung mạo đoan chánh, nay bị rồng hại thật đáng thương xót. Trước ta đã nói ở đó có rồng dữ không thể ở được.

Lúc ấy Ca-diếp bảo năm trăm đệ tử:

— Các Ông đem bình nước và đem thang cao đến đó cứu lửa, khiến Sa-môn kia thoát nạn này.

Ca-diếp đem năm trăm đệ tử đến động đá cứu lửa. Người thì cầm nước tưới, người thì bắc thang mà chẳng thể dập tắt lửa. Đó đều do oai thần của Như Lai.

Bảy giờ Thế Tôn nhập Từ tam-muội, dần dần làm cho rồng kia chẳng còn sân giận. Lúc đó, rồng dữ kia trong lòng sợ hãi, vùng chạy khắp nơi muốn ra khỏi động đá, nhưng không thể thoát ra được. Rồng bèn chui vào bình bát của Như Lai. Thế Tôn lấy tay phải sờ thân rồng dữ mà nói kệ:

Rồng ra được thật khó,

Rỗng cùng rỗng tụ tập,
Rỗng chớ dấy tâm hại,
Rỗng ra thật rất khó.
Quá khứ hằng sa số,
Chư Phật nhập Niết-bàn,
Người trọn chẳng gặp gỡ,
Đều do lửa sân giận.
Lòng lành hướng Như Lai
Mau bỏ độc dữ này,
Đã trừ độc sân giận,
Liền được sanh lên Trời.

*
* *

PHẨM CAO TRÀNG (2)

Bấy giờ rồng dữ kia thè lưỡi liếm tay Như Lai, triu mến nhìn mặt Như Lai.

Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn tay cầm rồng dữ này đến Ca-diếp và bảo Ca-diếp:

— Đây là rồng dữ hết sức hung bạo, nay đã bị hàng phục.

Lúc ấy Ca-diếp trông thấy rồng dữ liền khiếp sợ, bạch Thế Tôn:

— Thôi, thôi, Sa-môn ! Chớ có đến trước, rồng sẽ làm hại.

Thế Tôn bảo:

— Ca-diếp chớ sợ ! Nay Ta đã hàng phục nó rồi, trọn chẳng làm hại. Vì sao thế ? Rồng này đã được Ta giáo hóa.

Bấy giờ Ca-diếp và năm trăm đệ tử đều khen là chưa từng có, hết sức kỳ lạ:

— Sa-môn Cù-đàm này oai thần rất lớn, có thể hàng phục rồng dữ này khiến nó không làm ác. Tuy vậy, Ông cũng không bằng ta, đã được đạo chân thật.

Ca-diếp bạch Thế Tôn:

— Đại Sa-môn, hãy nhận lời tôi thỉnh trong chín mươi ngày. Chỗ cần y phục, thức ăn uống, giường chõng, thuốc men trị bệnh, tôi đều sẽ cung cấp.

Thế Tôn im lặng nhận lời Ca-diếp và đem rồng dữ thả vào biển lớn. Rồng thần kia theo thọ mạng ngắn, dài, lúc mạng chung sanh lên trời Tứ thiên vương. Như Lai trở lại ở động đá. Ca-diếp bày các thức ăn uống cúng, rồi đến bạch Thế Tôn:

— Thức ăn đã dọn, xin mời Ngài đến dùng.

Ca-diếp đi rồi. Thế Tôn đến trên cõi Diêm-phù-đê, dưới cây diêm-phù hái trái diêm-phù rồi trở về ngồi trong động đá trước Ca-diếp.

Lúc đó, Ca-diếp thấy Thế Tôn trong động đá, bạch Thế Tôn:

— Sa-môn ! Ngài theo đường nào mà đến động đá ?

— Ông đi rồi, Ta đến trên cội Diêm-phù-đê, hái trái diêm-phù rồi trở về đây. Ca-diếp nên biết, trái này rất thơm ngon, hãy lấy ăn đi.

— Tôi không cần, Sa-môn hãy lấy ăn.

Ca-diếp lại nghĩ: “Sa-môn này thật có thần túc, có oai lực lớn có thể lên cội Diêm-phù hái trái ngon, tuy vậy chẳng bằng đạo chân thật của ta”.

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ.

Sáng sớm, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn, đến rồi bạch Thế Tôn:

— Giờ ăn đã đến, Ngài có thể đến ăn.

— Ông về trước, Ta sẽ đến sau.

Ca-diếp đi rồi, Phật bèn đến cội Diêm-phù lấy trái xoài rồi trở về đến trước Ca-diếp, ngồi trong động đá. Ca-diếp bạch Thế Tôn:

— Sa-môn, Ngài theo đường nào mà đến đây ?

— Ông đi rồi, Ta lên cội Diêm-phù lấy quả này đến, hết sức ngon lành, nếu Ông cần thì lấy ăn.

— Tôi không cần, Sa-môn cứ lấy ăn.

Bấy giờ Ca-diếp lại nghĩ: “Sa-môn này thật có thần lực, có oai thần lớn, sau khi ta đi, Ông lại hái

trái này đem đến, tuy vậy mà chẳng bằng ta, ta đã đắc đạo”.

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ.

Sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn nói:

— Giờ ăn đã đến, Ngài có thể đến ăn.

— Ông đến trước, Ta sẽ đến sau.

Ca-diếp đi rồi, Thế Tôn đến Châu Bắc Uất-đan-việt lấy cơm gạo tự nhiên, trở về động đá của Ca-diếp. Ca-diếp hỏi Phật:

— Sa-môn, Ngài theo đường nào đến đây ngôi ?

— Ca-diếp nên biết, Ông đi rồi, Ta đến Uất-đan-việt lấy cơm gạo tự nhiên rất là thơm ngon. Ca-diếp, Ông cần thì lấy ăn.

— Tôi không cần. Sa-môn cứ tự lấy ăn.

Ca-diếp lại nghĩ: “Sa-môn này rất có thần túc, có đại thần lực, tuy vậy mà chẳng bằng ta đã được đạo chân thật”.

Thế Tôn ăn xong trở về kia nghỉ.

Sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn nói:

— Giờ ăn đã đến, Ngài có thể đến ăn.

— Ông về trước, Ta sẽ đến sau.

Ca-diếp đi rồi, Thế Tôn đến Cù-da-ni lấy trái ha-lê-lặc, rồi đến trước Ca-diếp, ngồi trong động đá.

— Sa-môn, Ngài theo đường nào đến đây ngồi ?

— Ông đi rồi, Ta đến Cù-da-ni lấy trái này về, hết sức thơm ngon. Ca-diếp, Ông cần thì có thể lấy ăn.

— Tôi không cần. Sa-môn cứ tự lấy ăn.

Ca-diếp lại nghĩ: “Sa-môn này rất có thần lực, có đại oai thần, tuy vậy chẳng bằng ta đắc đạo chân thật”.

Thế Tôn ăn xong, trở về kia nghỉ.

Ngày mai, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn bạch:

— Tới giờ rồi, Ngài có thể đến ăn.

— Ông về trước, Ta sẽ đến sau.

Ông đi rồi, Thế Tôn đến Phát-vu-đệ, lấy trái ty-ê-lặc, đến trước Ca-diếp, ngồi trong động đá. Ca-diếp hỏi rằng:

— Sa-môn ! Ngài theo đường nào đến đây ngồi ?

— Ông đi rồi, Ta đến Phát-vu-đệ lấy trái này, rất là thơm ngon. Ca-diếp, Ông cần thì có thể lấy ăn.

— Tôi không cần, Sa-môn cứ tự lấy ăn.

Ca-diếp lại tự nghĩ: “Sa-môn này rất có thần lực, có đại thần lực, tuy vậy chẳng bằng ta đắc đạo chân thật”.

Thế Tôn ăn rồi lại về kia nghĩ.

Khi ấy, Ca-diếp muốn cúng tế lớn. Năm trăm đệ tử cầm búa chặt củi, tay cầm búa mà búa chẳng hạ xuống. Ca-diếp liền nghĩ: “Đây chắc là do Sa-môn Cù-dàm làm”.

— Nay tôi muốn chặt củi mà tại sao không hạ búa xuống được ?

— Muốn hạ được búa à ?

— Muốn cho hạ xuống.

Búa liền hạ xuống. Bấy giờ búa kia đã hạ lại nhắc lên chẳng được. Ca-diếp lại bạch Phật:

— Có sao không nhắc được búa ?

— Muốn nhắc búa lên à ?

— Muốn cho nhắc lên.

Búa liền nhắc được. Bấy giờ đệ tử Ca-diếp có ý muốn đốt lửa, mà lửa chẳng chịu cháy. Ca-diếp liền nghĩ: “Đây chắc do Sa-môn Cù-dàm làm”. Ca-diếp bạch Phật:

— Có sao lửa không cháy ?

— Muốn cho lửa cháy à ?

— Muốn cho cháy.

Tức thời lửa cháy lên. Bấy giờ họ có ý muốn dập lửa mà lửa chẳng tắt. Ca-diếp bạch Phật:

— Có sao lửa không tắt.

— Muốn cho lửa tắt à ?

— Muốn cho tắt.

Lửa liền tắt. Ca-diếp lại nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm này mặt mày đoan chánh, hiếm có ở đời. Ngày mai ta muốn cúng tế lớn. Quốc vương, nhân dân đều sẽ đến tụ tập. Nếu họ thấy Sa-môn này thì ta chẳng được cúng dường nữa. Ngày mai Sa-môn này không đến thì thật là may mắn lớn.

Lúc ấy Thế Tôn biết tâm niệm của Ca-diếp. Sáng sớm ngày mai, Ngài đến Uất-đan-việt lấy cơm gạo tự nhiên, đến Cù-da-ni lấy sữa tươi rồi đến suối A-nậu-đạt mà ăn, ở đó suốt ngày, đến chiều lại trở về động đá nghĩ.

Hôm sau Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn hỏi:

— Sa-môn ! Hôm qua vì sao không đến ?

— Hôm qua Ông nghĩ rằng: “Cù-đàm này rất

là đoan chính, hiếm có ở đời. Sáng mai ta tế lớn. Nếu Quốc vương, đại thần thấy được liền chấm dứt sự cúng dường ta. Nếu ông ta không đến thì may lắm.” Ta biết tâm Ông ta nghĩ thế, nên đến Uất-đan-việt lấy cơm gạo tự nhiên, đến Cù-da-ni lấy sữa tươi, lên đến suối A-nậu-đạt ăn, ở đó trọn ngày, đến chiều trở về động đá nghỉ.

Bấy giờ Ca-diếp lại nghĩ: “Vị đại Sa-môn này rất có thần túc, thật có oai thần, tuy vậy chẳng bằng ta đắc đạo chân thật”.

Thế Tôn ăn xong trở về động đá nghỉ. Đêm ấy Tứ thiên vương đến chỗ Thế Tôn để nghe kinh pháp. Tứ thiên vương cũng có hào quang sáng chói, Phật cũng phóng hào quang lớn chiếu núi rừng đó rỗng suốt một màu. Đêm đó Ca-diếp thấy ánh sáng, sáng sớm hôm sau đến chỗ Thế Tôn, đến rồi bạch Thế Tôn:

— Đêm qua có ánh sáng gì chiếu núi rừng này ?

— Đêm qua Tứ thiên vương đến chỗ Ta nghe pháp. Đó là ánh sáng của Tứ thiên vương ấy.

Khi đó, Ca-diếp lại nghĩ: “Sa-môn rất có thần lực, có thể khiến Tứ thiên vương đến nghe pháp, tuy có thần lực này vẫn chẳng bằng ta đắc đạo chân thật”.

Thế Tôn ăn xong lại về nghỉ. Nửa đêm Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ Thế Tôn nghe pháp. Ánh sáng của Thiên Đế Thích lại chiếu núi kia. Ban đêm Ca-diếp thức dậy nhìn sao, thấy ánh sáng này. Sáng sớm hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn hỏi:

— Cù-đàm ! Đêm qua ánh sáng rất lạ lùng. Có nhân duyên gì mà có ánh sáng này ?

— Đêm qua Thiên Đế Thích đến đây nghe Pháp nên có ánh sáng này.

Ca-diếp liền nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm này rất có thần lực, có đại oai thần, có thể khiến Thiên Đế Thích đến nghe pháp, tuy vậy chẳng bằng ta đắc đạo chân thật”.

Thế Tôn ăn xong trở về kia nghỉ. Nửa đêm Phạm thiên vương phóng đại quang minh chiếu vào núi kia rồi đến chỗ Thế Tôn mà nghe pháp. Bấy giờ Ca-diếp ban đêm thức dậy thấy ánh sáng. Hôm sau đến chỗ Thế Tôn hỏi:

— Đêm qua ánh sáng chiếu hơn ánh sáng trời, tăng gấp bội. Có nhân duyên gì mà có ánh sáng này ?

— Ca-diếp nên biết, đêm qua Phạm thiên vương đến chỗ Ta nghe pháp.

Ca-diếp lại nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm này rất có

thần lực, có thể khiến tổ phụ ta đến chỗ Sa-môn này nghe pháp, tuy vậy chẳng bằng ta đắc đạo chân thật”.

Bấy giờ Thế Tôn được y năm mảnh tẻ nát, có ý muốn giặt giũ, liền nghĩ: “Nay Ta nên giặt y này ở đâu ?”

Thích-đề-hoàn-nhân biết ý Thế Tôn, liền hóa ra ao tắm, rồi bạch Thế Tôn:

— Ngài có thể giặt y ở đây.

Khi ấy Thế Tôn nghĩ rằng: “Ta sẽ vò giặt y này ở đâu ?”.

Tứ thiên vương biết tâm niệm Thế Tôn, liền nhắc một tảng đá vuông lớn đặt ở mé nước, bạch Thế Tôn:

— Ngài nên vò giặt ở đây.

Thế Tôn lại nghĩ: “Ta phơi y này ở đâu ?”.

Thọ thần biết tâm niệm Thế Tôn liền rủ cành cây xuống, bạch Thế Tôn:

— Xin Thế Tôn phơi y ở đây.

Sáng sớm hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn hỏi Thế Tôn:

— Vốn không có ao này, nay có ao; vốn không

— Ông cũng chẳng phải A-la-hán, lại chẳng biết đạo A-la-hán, Ông còn chẳng biết tên A-la-hán huống là đắc đạo ư ? Ông là người mù, mắt chẳng thấy gì. Như Lai hiện biến hóa như thế, Ông còn nói: “Chẳng bằng ta đắc đạo chân thật.” Ông vừa nói: “Ta có thể đi trên nước”. Nay chính đúng lúc, Ông có thể cùng Ta đi trên nước chẳng ? Nay Ông nên bỏ tâm tà kiến, chẳng để chịu khổ não này mãi mãi.

Bấy giờ, Ca-diếp nghe Thế Tôn nói xong, liền đến trước cúi lạy chân Phật:

— Nay con hối lỗi, thâm biết phi pháp mà xúc phạm Như Lai, cúi mong nhận lời con hối lỗi.

Như thế lập lại ba phen. Thế Tôn bảo:

— Nhận cho Ông sửa lỗi, đã tự biết xúc nào Như Lai.

Bấy giờ Ca-diếp bảo năm trăm đệ tử:

— Các Ông mỗi người tùy ý, nay ta tự quy y Sa-môn Cù-đàm.

Năm trăm đệ tử bạch Ca-diếp:

— Chúng con trước cũng có lòng đối với Sa-môn Cù-đàm, ngay lúc Cù-đàm hàng phục rộng, chúng con đã muốn quy mạng. Nếu Thấy tự quy

Cù-dàm, năm trăm đệ tử chúng con đều tự quy với Cù-dàm cả.

Ca-diếp đáp:

— Nay chính đúng lúc. Vì tâm ta lại chấp điều ngu si này, thấy bao nhiêu biến hóa mà ý còn chưa hiểu, nên tự xưng là đạo ta chân chánh.

Ca-diếp đem năm trăm đệ tử, trước sau vây quanh đến chỗ Thế Tôn cúi lạy dưới chân rồi đứng một bên, bạch Thế Tôn:

— Cúi mong Thế Tôn cho chúng con được làm Sa-môn, tu hạnh thanh tịnh.

Pháp thường của chư Phật nếu gọi: “Khéo đến, Tỳ-kheo !” thì người kia liền thành Sa-môn. Bấy giờ Thế Tôn bảo Ca-diếp:

— Khéo đến, Tỳ-kheo ! Pháp này vi diệu, khéo tu Phạm hạnh.

Ca-diếp và năm trăm đệ tử y áo đang mặc đều biến thành ca-sa, đầu tóc tự nhiên rụng như được cạo đã bảy ngày. Lúc đó Ca-diếp đem dụng cụ học thuật và chú thuật ném xuống nước. Rồi năm trăm đệ tử bạch Thế Tôn:

— Cúi mong Thế Tôn cho chúng con được làm Sa-môn.

— Khéo đến, Tỳ-kheo !

Lúc ấy năm trăm đệ tử liền thành Sa-môn, ca-sa đắp thân, tóc trên đầu tự rụng.

Bấy giờ thuận dòng về phía hạ lưu có Phạm chí tên Giang Ca-diếp ở bên bờ sông. Lúc ấy Giang Ca-diếp thấy đồ chú thuật bị nước cuốn trôi hết, liền nghĩ rằng: “Chao ôi, sư huynh của ta bị nước chìm chết rồi !”.

Bấy giờ Giang Ca-diếp đem ba trăm đệ tử theo dòng lên phía thượng lưu tìm thầy của anh, xa thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây cùng Đại Ca-diếp và năm trăm đệ tử đang vây quanh trước sau thuyết pháp. Thấy rồi, ông liền đến trước Ca-diếp, nói:

— Việc này hay nhỉ ! Vốn là thầy người, nay làm đệ tử, đại huynh có sao lại làm đệ tử của Sa-môn ?

Ca-diếp đáp:

— Điều này tốt nhất, không gì hơn điều này.

Bấy giờ Ưu-tỳ Ca-diếp hướng về Giang Ca-diếp mà đọc kệ này:

*Thấy này Người Trời quý,
Nay ta thờ kính thấy.*

*Chư Phật hiện ra đời,
Rất là khó được gặp.*

Giang Ca-diếp nghe danh hiệu Phật hết sức vui mừng hớn hở, không kềm được, đến trước bạch Thế Tôn:

— Xin cho con hành đạo.

— Khéo đến, Tỳ-kheo ! Khéo tu Phạm hạnh, dứt hết mé khổ.

Bấy giờ Giang Ca-diếp và ba trăm đệ tử liền thành Sa-môn, ca-sa đắp thân, tóc trên đầu tự rụng. Lúc ấy, Giang Ca-diếp và ba trăm đệ tử đem đồ chú thuật liệng hết xuống nước.

Khi ấy cuối dòng sông có Phạm chí tên Già-di Ca-diếp ở bên bờ sông, xa thấy đồ chú thuật trôi trên nước, liền nghĩ: “Ta có hai anh ở sông phía trên học đạo, nay đồ chú thuật đều bị nước trôi, hai anh Ca-diếp chắc bị nước hại”.

Ông liền đem hai trăm đệ tử theo dòng lên thượng lưu, đến chỗ học chú thuật, xa thấy hai anh làm Sa-môn, liền nói:

— Việc này hay nhỉ ! Vốn được người tôn kính, nay làm đệ tử Sa-môn !

Ca-diếp đáp:

— Chỗ này tốt nhất, không đâu hơn đây.

Bấy giờ Già-di Ca-diếp liền nghĩ: “Nay hai anh ta học rộng biết nhiều. Nơi đây ắt là chỗ tốt, khiến hai anh ta ở đó học đạo. Nay ta cũng nên ở đó học đạo”. Khi ấy Già-di Ca-diếp đến trước Thế Tôn bạch:

— Cúi mong Thế Tôn cho con làm Sa-môn.

Thế Tôn bảo:

— Khéo đến, Tỳ-kheo ! Khéo tu Phạm hạnh, dứt hết mé khổ.

Bấy giờ Già-di Ca-diếp liền thành Sa-môn, ca-sa đắp thân, tóc trên đầu tự rụng, như cạo đầu đã bảy ngày. Lúc đó, Thế Tôn ở bên bờ sông ấy, dưới gốc cây Ni-câu-luật thành Phật chưa bao lâu, có một ngàn đệ tử đều là bậc tôn túc kỳ cựu.

Thế Tôn dùng ba việc giáo hóa. Thế nào là ba ? Đó là thân túc giáo hóa, ngôn giáo giáo hóa và huấn hối giáo hóa.

Thế nào gọi là thân túc giáo hóa ? Nghĩa là Thế Tôn hoặc biến bao nhiêu thân hình hợp lại làm một, hoặc biến mất, hoặc hiện đi qua vách đá không chướng ngại, hoặc từ đất chui lên, hoặc chui vào đất, giống như nước chảy không chạm ngại, hoặc ngồi kiết-già đầy khắp hư không, như chim trong không, chẳng bị chướng ngại; cũng như núi lửa lớn

— Chỗ này tốt nhất, không đâu hơn đây.

Bấy giờ Già-di Ca-diếp liền nghĩ: “Nay hai anh ta học rộng biết nhiều. Nơi đây ắt là chỗ tốt, khiến hai anh ta ở đó học đạo. Nay ta cũng nên ở đó học đạo”. Khi ấy Già-di Ca-diếp đến trước Thế Tôn bạch:

— Cúi mong Thế Tôn cho con làm Sa-môn.

Thế Tôn bảo:

— Khéo đến, Tỳ-kheo ! Khéo tu Phạm hạnh, dứt hết mé khổ.

Bấy giờ Già-di Ca-diếp liền thành Sa-môn, ca-sa đắp thân, tóc trên đầu tự rụng, như cạo đầu đã bảy ngày. Lúc đó, Thế Tôn ở bên bờ sông ấy, dưới gốc cây Ni-câu-luật thành Phật chưa bao lâu, có một ngàn đệ tử đều là bậc tôn túc kỳ cựu.

Thế Tôn dùng ba việc giáo hóa. Thế nào là ba ? Đó là thân túc giáo hóa, ngôn giáo giáo hóa và huấn hối giáo hóa.

Thế nào gọi là thân túc giáo hóa ? Nghĩa là Thế Tôn hoặc biến bao nhiêu thân hình hợp lại làm một, hoặc biến mất, hoặc hiện đi qua vách đá không chướng ngại, hoặc từ đất chui lên, hoặc chui vào đất, giống như nước chảy không chạm ngại, hoặc ngồi kiết-già đầy khắp hư không, như chim trong không, chẳng bị chướng ngại; cũng như núi lửa lớn

phun khói vô lượng, như mặt trời mặt trăng có thần lực lớn không thể hạn lượng, dùng tay với đến cõi Phạm thiên. Thế Tôn hiện thần túc như thế.

Thế nào gọi là ngôn giáo giáo hóa ? Nghĩa là Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo nên bỏ điều này, nên giữ điều này, nên gần điều này, nên xa điều này, nên nhớ điều này, nên trừ điều này, nên quán điều này, không nên quán điều này.

Thế nào là nên tu hay không nên tu ? Nghĩa là nên tu Thất giác chi, nên diệt ba kiết (sử).

Thế nào là nên quán, không nên quán ? Nên quán nghĩa là nên khéo quán ba pháp kiết của Sa-môn, đó là vui xuất yếu, vui không sân, vui không nộ. Thế nào là không nên quán ? Nghĩa là ba điều khổ của Sa-môn. Thế nào là ba ? Đó là quán dục, quán sân, quán nộ.

Thế nào là niệm ? Thế nào là không nên niệm ? Nghĩa là nên niệm Khổ đế, nên niệm Tập đế, nên niệm Tận đế, nên niệm Đạo đế; chứ niệm tà đế, kiến chấp thường, kiến chấp vô thường, kiến chấp hữu biên, kiến chấp vô biên; kia là mạng, kia là thân, không phải mạng, không phải thân, Như Lai mạng chung, Như Lai chẳng mạng chung, có chấm dứt, có không chấm dứt, cũng chẳng có chấm dứt cũng chẳng không chấm dứt. Chớ có nghĩ thế.

Thế nào gọi là huấn hối giáo hóa ? Lại nữa, nên đi thế này, không nên đi thế này, đến thế này, không nên đến thế này, nên làm thính, nên nói năng thế này, nên giữ y thế này, chẳng nên giữ y như thế, nên vào làng như thế, không nên vào làng như thế. Đó gọi là huấn hối giáo hóa.

Bấy giờ Thế Tôn dùng ba việc này giáo hóa ngàn Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo kia nhận lời Phật dạy rồi, ngàn Tỳ-kheo đều thành A-la-hán. Khi ấy, Thế Tôn đã thấy ngàn Tỳ-kheo đắc A-la-hán. Bấy giờ trong cội Diêm-phù có ngàn La-hán và năm Tỳ-kheo với Phật là sáu. Rồi Phật ngồi xoay mình hướng về Ca-tỳ-la-vệ. Khi ấy Ưu-tỳ Ca-diếp liền nghĩ: “Thế Tôn vì sao ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ ?”.

Ưu-tỳ Ca-diếp liền quỳ trước Thế Tôn bạch:

— Chẳng rõ Như Lai vì sao ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ ?

Thế Tôn bảo:

— Như Lai ở đời nên làm năm việc. Thế nào là năm ? Nên chuyển Pháp luân, nên thuyết pháp cho cha, nên thuyết pháp cho mẹ, nên dắt dẫn phạm phu lập hạnh Bồ-tát, nên thọ ký Bồ-tát. Đó là, này Ca-diếp, Như Lai ra đời nên hành năm pháp này.

Uu-tỳ Ca-diếp lại nghĩ rằng: “Nhu Lai nhớ thân tộc và nước của mình nên ngồi hướng về đó”.

Năm Tỳ-kheo dân đến bên sông Ni-liên, đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Lúc ấy, Tôn giả Ưu-đà-da xa thấy Thế Tôn ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ, thấy rồi bèn nghĩ: “Thế Tôn chắc đang muốn đến Ca-tỳ-la-vệ để gặp thân thích”. Ưu-đà-da đến quỳ trước Thế Tôn bạch:

— Nay con kham nhậm có chỗ muốn hỏi, cúi mong Ngài diễn bày.

Thế Tôn bảo:

— Thấy muốn hỏi gì cứ hỏi.

Ưu-đà-la bạch Thế Tôn:

— Con xem ý Nhu Lai muốn hướng đến Ca-tỳ-la-vệ.

Thế Tôn bảo:

— Đúng vậy, như lời Thầy nói. Ưu-đà-la nên biết: Hãy đến chỗ vua Chân Tịnh (Bạch Tịnh) trước, Ta sẽ đến sau. Vì sao thế ? Dòng Sát-đế-lợi trước sai sứ báo cho biết, sau đó Nhu Lai sẽ đến. Thầy đến báo với vua: Sau bảy ngày, Nhu Lai sẽ đến gặp vua.

Ưu-đà-da đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Ưu-đà-da liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa sang y phục, cúi lạy Thế Tôn, ở trước Thế Tôn biến mất, đến chỗ vua Chân Tịnh, nơi Ca-tỳ-la-vệ, đến rồi, đứng trước vua. Bấy giờ vua Chân Tịnh đang ngồi trên đại điện với các thế nữ. Khi ấy, Ưu-đà-da bay trên không trung, vua Chân Tịnh thấy Ưu-đà-da tay ôm bát, cầm gậy đứng trước. Thấy rồi sợ hãi nói:

— Đây là ai ? Người, Phi nhân, Trời, Quỷ, Dạ xoa, La sát, Trời, Rồng, Quỷ thần chăng ?

Vua Chân Tịnh hỏi Ưu-đà-da:

— Ông là ai ?

Rồi vua dùng kệ này nói với Ưu-đà-da:

Là Trời hay là quỷ ?

Là Càn-thát-bà chăng ?

Nay Ông tên là gì ?

Nay ta muốn biết vậy.

Ưu-đà-da lại dùng kệ đáp vua:

Tôi cũng chẳng phải Trời,

Chẳng phải Càn-thát-bà

Ở đây nước Ca-tỳ,

Người đất nước Đại vương,

Xưa diệt mười tám ức

*Chúng Tệ ma Ba-tuần,
Thấy tôi Thích-ca văn,
Tôi thật đệ tử Ngài.*

Vua Chân Tịnh lại dùng kệ này bảo Ưu-đà-da:

*Ai hoại mười tám ức
Chúng Tệ ma Ba-tuần,
Ai tên Thích-ca Văn,
Mà nay Ông tán thán ?*

Ưu-đà-da lại nói kệ:

*Như Lai lúc mới sanh,
Trời đất đều chấn động,
Thệ nguyện tất hoàn thành,
Hôm nay hiệu Tất-đạt.
Ngài hàng mười tám ức
Chúng Tệ ma Ba-tuần,
Ngài tên Thích-ca Văn,
Hôm nay thành Phật đạo.
Người nay cho Thích Sư,
Đệ tử của Cù-đàm,
Hôm nay làm Sa-môn,
Vốn tên Ưu-đà-da.*

Vua Chân Tịnh nghe lời này rồi, vui mừng không kềm được, bảo Ưu-đà-da:

— Thế nào Ưu-đà-da, thái tử Tất-đạt-nay có ở đây sao ?

Ưu-đà-da đáp:

— Hôm nay Phật Thích-ca Văn hiện có mặt.

Vua hỏi:

— Nay đã thành Phật sao ?

— Nay đã thành Phật.

— Hôm nay Như Lai lại ở nơi nào ?

— Nay Như Lai ở nơi cây Ni-câu-loại nước Ma-kiệt.

— Đệ tử theo học Ngài là những ai ?

— Hàng ức chư Thiên, ngàn Tỳ-kheo và Tứ thiên vương hằng ở bên cạnh.

— Mặc y phục như loại nào ?

— Như Lai mặc y phục gọi là ca-sa.

— Ăn thức ăn gì ?

— Thân Như Lai lấy Pháp làm thức ăn.

Vua lại hỏi:

— Thế nào Ưu-đà-da, ta có thể gặp được Như Lai chăng ?

Ưu-đà-da đáp:

— Vua chó buồn rầu, bảy ngày sau Như Lai sẽ vào thành.

Vua hết sức vui mừng, không kềm được, tự tay san sót thức ăn cúng dường Ưu-đà-da. Bảy giờ vua Chân Tịnh đánh trống vang lừng ra lệnh nhân dân trong nước san bằng đường sá, dọn dẹp rác rến, lấy nước thơm rải trên đất, treo cờ phướn, lọng, xướng kỹ nhạc chẳng thể kể xiết, lại ra lệnh trong nước: “Những người điếc, đui, câm, ngọng đều không được xuất hiện. Sau bảy ngày Tất-đạt sẽ vào thành.”

Vua Chân Tịnh nghe Phật sẽ vào thành, trong bảy ngày cũng không ngủ nghỉ. Lúc ấy, Thế Tôn đến ngày thứ bảy, liền nghĩ: “Nay Ta nên dùng sức thần túc để đến nước Ca-tỳ-la-vệ”.

Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo, trước sau vây quanh đến nước Ca-tỳ-la-vệ, đến rồi, liền vào trong vườn Tát-lô ở phía Bắc thành. Bảy giờ vua Chân Tịnh nghe Thế Tôn đã đến Ca-tỳ-la-vệ ở trong vườn Tát-lô phía Bắc thành. Lúc ấy vua Chân Tịnh đem dòng họ Thích đến chỗ Thế Tôn. Khi ấy, Thế Tôn lại nghĩ: “Nếu đích thân vua Chân Tịnh đến, đây là điều chẳng nên. Nay Ta nên đến cùng vua gặp gỡ. Vì sao ? Phụ mẫu ân nặng, dưỡng dục tình thâm”.

Bảy giờ Thế Tôn đem chúng Tỳ-kheo đến cửa thành, bay trên hư không cách đất bảy nhấc. Khi

ấy, vua Chân Tịnh thấy Thế Tôn đoan chánh vô cùng, thế gian hiếm có, các căn lặng lẽ, không có nhiều niệm. Thân có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tự trang nghiêm thân, liền phát tâm hoan hỉ, cúi lạy rồi nói:

— Tôi là vua dòng Sát-lợi tên Chân Tịnh.

Thế Tôn bảo:

— Chúc Đại vương hưởng thọ vô cùng. Thế nên, Đại vương, hãy dùng Chánh pháp cai trị, chớ dùng tà pháp. Đại vương nên biết, những người dùng Chánh pháp cai trị, thân hoại mạng chung sanh vào cõi lành, lên Trời.

Lúc ấy Thế Tôn đi trong không trung đến cung vua Chân Tịnh, đến rồi lại tòa ngồi. Vua thấy Thế Tôn ngồi yên, tự tay mình san sát các thức ăn uống. Thấy Thế Tôn ăn xong thì đem nước sạch đến, rồi vua lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi nghe pháp. Bảy giờ Thế Tôn dần dần thuyết diệu nghĩa cho vua Chân Tịnh. Chỗ nói luận là thí luận, giới luận, luận sanh cõi trời, dục là hạnh bất tịnh, xuất yếu là vui.

Bảy giờ Thế Tôn thấy vua tâm ý khai mở. Chư Phật Thế Tôn thuyết pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Ngài đều nói hết cho vua. Lúc ấy vua Chân Tịnh ở

trên tòa ngói, dứt các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Thế Tôn thuyết pháp cho vua xong, liền từ chỗ ngói đứng lên đi. Vua Chân Tịnh mới tập hợp hết chúng họ Thích mà nói:

— Các Ông Sa-môn mặt mày rất xấu. Dòng Sát-lợi mà cùng chúng Phạm chí, đây thật là chẳng nên. Dòng Thích Sát-lợi lại được chúng Sát-lợi, đây mới là hay.

Các người họ Thích đáp:

— Đúng vậy, Đại vương ! Như Đại vương bảo, Sát-lợi lại được chúng Sát-lợi, đây thật là hay.

Bấy giờ vua bảo trong nước, những người có hai anh em, hãy để một người hành đạo. Ai không tuân theo sẽ bị phạt nặng. Lúc ấy, dòng họ Thích nghe lệnh vua ban: “Những người có hai anh em, nên cho một người hành đạo, ai không tuân lời sẽ phạt nặng”. Bấy giờ Đế-bà-đạt-đa họ Thích bảo Thích A-nan rằng:

— Hôm nay vua Chân Tịnh có dạy rằng mấy người có hai anh em, nên chia một người hành đạo. Nay em xuất gia học đạo, anh sẽ ở nhà sửa sang gia nghiệp.

Bấy giờ A-nan vui mừng hơn hờ đáp:

— Em sẽ y theo lời anh bảo.

Khi ấy Nan-đà họ Thích bảo A-na-luật:

— Vua Chân Tịnh có bảo, ai có hai anh em hãy chia một người hành đạo, nếu không nghe sẽ phạt tội nặng. Nay em xuất gia, tôi sẽ ở nhà.

A-na-luật nghe xong, vui mừng hơn hở, không kềm được đáp:

— Vâng, như lời anh bảo.

Bấy giờ vua Chân Tịnh cùng Thích Hộc Tịnh, Thích Thúc Tịnh, Thích Cam Lộ đến chỗ Thế Tôn.

Khi ấy các vua cỡi xe tứ mã, xe trắng lọng trắng, ngựa trắng đóng vào xe. Họ Thích thứ nhì đi xe xanh, lọng xanh, đóng ngựa xanh. Họ Thích thứ ba đi xe vàng, lọng vàng, đóng ngựa vàng. Họ Thích thứ tư đi xe đỏ, lọng đỏ, đóng ngựa đỏ. Lúc ấy, họ Thích có người cỡi voi, có người cỡi ngựa, đều đến tụ tập.

Thế Tôn xa trông thấy vua Chân Tịnh đem các Thích chúng đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy hãy xem các Thích chúng này và xem chúng vua Chân Tịnh. Tỳ-kheo nên biết, Trời Ba mươi ba lúc dạo vườn xem cũng như lối này không khác.

Bấy giờ A-nan cởi voi trắng lớn, áo trắng, lọng trắng. Phật thấy rồi bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy có thấy A-nan cởi voi trắng mặc áo trắng chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Thưa vâng, Thế Tôn, chúng con có thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Người này sẽ xuất gia học đạo, là người đa văn đệ nhất, kham hầu cận bên Ta. Các Thầy thấy A-na-luật này chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Thưa vâng, đã thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Người này sẽ xuất gia học đạo, là thiên nhân đệ nhất.

Bấy giờ vua Chân Tịnh và bốn anh em cùng với Nan-đà, A-nan đều bước đến trước, trừ bỏ năm món trang sức, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Lúc ấy, vua Chân Tịnh bạch Phật:

— Đêm qua tôi nghĩ: “Chúng Sát-lợi chẳng nên cùng chúng Phạm chí, mà nên cùng chúng Sát-lợi. Đây mới thích nghi”. Tôi liền ra lệnh trong

nước, ai có hai anh em, liền chọn một người cho xuất gia học đạo. Cúi mong Thế Tôn cho họ xuất gia học đạo.

Thế Tôn bảo:

— Lành thay, Đại vương! Việc này có nhiều lợi ích, Trời, Người được an. Vì sao như thế ? Thiện tri thức này là ruộng phước tốt lành. Tôi cũng nhờ Thiện tri thức mà thoát được sanh, già, bệnh, chết này.

Bấy giờ các chúng họ Thích liền được hành đạo. Vua Chân Tịnh bạch Thế Tôn:

— Cúi mong Thế Tôn, dạy dỗ các tân Tỳ-kheo này sẽ như dạy dỗ Ưu-đà-da. Vì sao thế ? Tỳ-kheo Ưu-đà-da này rất có thần lực, xin cho Tỳ-kheo Ưu-đà-da hằng ở trong cung giáo hóa, khiến chúng sanh được an ổn lâu dài. Vì sao thế ? Tỳ-kheo này rất có thần lực, tôi vừa thấy Tỳ-kheo Ưu-đà-da liền phát tâm hoan hỉ, tôi liền nghĩ: “Đệ tử còn có thần lực, huống Như Lai kia lại không có thần lực này sao ?”.

Thế Tôn bảo:

— Đúng thế, Đại vương ! Như Đại vương nói, Tỳ-kheo Ưu-đà-da này rất có thần lực, có oai đức lớn.

Bảy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Đệ tử bậc nhất về biết rộng hiểu nhiều, được quốc vương nhớ đến là Tỳ-kheo A-nhã Câu-lân. Hay khuyến hóa nhân dân là Tỳ-kheo Ưu-đà-da. Có trí mau lẹ là Tỳ-kheo Ma-ha-nam. Hằng ưa phi hành là Tỳ-kheo Tu-bà-hưu. Qua lại trên không là Tỳ-kheo Bà-phá. Có nhiều đệ tử là Tỳ-kheo Ưu-tỳ Ca-diếp. Ý được quán không là Tỳ-kheo Giang Ca-diếp. Ý được chỉ quán là Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp.

Lúc ấy Thế Tôn rộng thuyết pháp vi diệu cho vua Chân Tịnh. Vua nghe pháp xong liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy rồi lui đi.

Bảy giờ các Tỳ-kheo và vua Chân Tịnh nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

PHẨM CAO TRÀNG (3)

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Trong mười lăm ngày có ba pháp chay. Thế nào là ba ? Ngày mồng tám, ngày mười bốn, và ngày mười lăm. Tỳ-kheo nên biết, hoặc có giờ này, mồng tám ngày chay, Tứ thiên vương sai phụ thần quán sát thế gian xem ai làm lành, làm ác, những chúng sanh nào hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng. Nếu có chúng sanh ưa thích bố thí, tu giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tam-muội thời phước thân sẽ diễn rộng kinh nghĩa, trì bát quan trai, phân biệt đầy đủ.

Nếu không có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ,

Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng thời phụ thân bạch Tứ thiên vương:

— Nay thế gian này không có chúng sanh hiểu thuận cha mẹ, Sa-môn, đạo sĩ, hành tứ đẳng tâm, từ mẫn chúng sanh.

Tứ thiên vương nghe xong, sầu lo buồn thảm chẳng vui. Lúc ấy Tứ thiên vương liền lên trời Đạo Lợi đến giảng đường Thiện Pháp, đem nhân duyên này bạch đầy đủ cho Đế Thích:

— Thiên đế nên biết, nay thế gian này không có chúng sanh hiểu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng.

Bấy giờ Đế Thích cõi trời Ba mươi ba nghe lời đó xong, đều sầu lo buồn thảm chẳng vui vì chúng chưa Thiên giảm, chúng A-tu-la tăng.

Lại có lúc, nếu chúng sanh ở thế gian có người hiểu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng, trì Bát quan trai, tu đức thanh tịnh, không phạm cấm giới lớn bằng sợi tóc. Bấy giờ sứ giả vui mừng hơn hờ không kềm được, liền bạch Tứ thiên vương:

— Nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiểu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng.

Thiên vương nghe rồi rất vui mừng liền đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân, đem nhân duyên này bạch đủ cho Đế Thích:

— Thiên đế nên biết, nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiểu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng.

Đế Thích, cõi trời Ba mươi ba đều hoan hỉ không kềm được vì chúng chư Thiên tăng thêm và chúng A-tu-la bị giảm bớt. Địa ngục đánh khảo tự nhiên thôi dứt độc ác, đau đớn.

Nếu ngày mười bốn, vào ngày trai giới, Tứ thiên vương sai Thái tử xuống quan sát thiên hạ, xem xét nhân dân thi hành thiện, ác, xem có chúng sanh tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng, hiểu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng, ưa thích bố thí, trì Bát quan trai, đóng bít lục tình, ngăn chặn ngũ dục hay không.

Nếu không có chúng sanh tu Chánh pháp, hiểu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn. Bấy giờ Thái tử bạch Tứ thiên vương thời Tứ thiên vương nghe rồi liền sầu lo buồn thảm, không vui, đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân đem nhân duyên này bạch đủ cho Thiên đế:

— Đại vương nên biết, nay thế gian này không

có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng.

Bấy giờ Thiên đế trời Ba mươi ba đều sầu lo buồn thảm, không vui vì chúng chur Thiên giảm, chúng A-tu-la tăng.

Nếu chúng sanh lại có người hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng, trì Bát quan trai thời Thái tử vui mừng hơn hỏ, không kém được, liền đến bạch Tứ thiên vương:

— Đại Vương nên biết, nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng.

Khi ấy, Tứ thiên vương nghe lời này xong, rất vui mừng liền đến Thích-đế-hoàn-nhân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ với Thiên đế:

— Thánh vương nên biết: Nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng, thọ tam quy, có tâm từ, can gián, thành tín không khi dối.

Bấy giờ Thiên đế, Tứ thiên vương và trời Ba mươi ba đều hoan hỉ không kém được vì chúng chur Thiên tăng, chúng A-tu-la giảm bớt.

Tỳ-kheo nên biết, ngày mười lăm, lúc thuyết

giới, Tứ thiên vương đích thân xuống đi khảo sát thiên hạ, xem xét nhân dân, tìm xem những chúng sanh nào hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng, ưa thích bố thí, trì Bát quan trai, pháp trai giới của Như Lai. Nếu không có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng, thì Tứ thiên vương liền buồn bã, thăm sầu chẳng vui, đến chỗ Đế Thích, đem nhân duyên này bạch đủ với Thiên đế:

— Đại vương nên biết, nay thế gian này không có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng.

Bấy giờ Thích-đế-hoàn-nhân, trời Ba mươi ba đều sầu lo buồn thảm không vui vì chúng chur Thiên giảm, chúng A-tu-la tăng thêm.

Lúc đó, nếu lại có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng, trì Bát quan giới, thời Tứ thiên vương liền vui mừng hơn hờ không kém được, liền đến Đế Thích đem nhân duyên này bạch đầy đủ cho Thiên đế:

— Đại vương nên biết, nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng.

Bấy giờ Thích-đế-hoàn-nhân, trời Ba mươi ba

và Tú thiên vương đều vui mừng không thể tự kềm, vì chúng chư Thiên tăng, chúng A-tu-la bị giảm bớt.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là ngày mười lăm trì pháp Bát quan trai ?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Như Lai là vua các pháp, là dấu ấn của các pháp, cúi mong Thế Tôn hãy vì các Tỳ-kheo mà diễn rộng nghĩa này, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng làm.

Thế Tôn bảo:

— Lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt nói đủ. Ở đây, này các Tỳ-kheo, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, ngày mười bốn, ngày mười lăm trong tháng, khi thuyết giới trì trai, đến trong bốn bộ chúng nên nói:

— “Nay tôi ngày chay, muốn trì pháp Bát quan trai. Cúi mong Tôn giả, hãy thuyết cho tôi.”

Bấy giờ, bốn bộ chúng nên dạy thuyết pháp Bát quan trai cho họ. Trước hết dạy:

— “Thiện nam tử, hãy tự xưng tên họ.”

Họ đã xưng tên rồi, bèn sẽ thuyết pháp Bát

quan trai. Khi ấy, bậc giáo thọ dạy trước người rằng:

— “Nay tôi vâng giữ pháp chay của Như Lai đến sáng sớm ngày mai, tu giới thanh tịnh, trừ bỏ pháp ác. Nếu thân làm ác, miệng thốt lời ác, ý sanh niệm ác; thân ba, miệng bốn, ý ba, các điều ác hạnh đã tạo, đang tạo hoặc hay vì tham dục sẽ tạo, hoặc hay vì sân hận sẽ tạo, hoặc hay do ngu si sẽ tạo, hoặc hay vì hào tộc mà tạo, hoặc hay nhân ác tri thức mà tạo, hoặc có thể do thân này, thân sau, vô số thân, hoặc hay chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, hoặc hay tranh đấu với Tỳ-kheo Tăng, hoặc hay sát hại cha mẹ và các bậc tôn trưởng. Nay tôi tự sám hối, chẳng tự che giấu, nương theo giới, nương theo pháp để thành tựu các giới hạnh, thọ Bát quan trai của Như Lai.

Thế nào là pháp Bát quan trai ? Giữ tâm như chân nhân, trọn đời không giết, không có tâm hại. Đối với chúng sanh có niệm từ tâm. Nay con tên....., trì trai đến sáng sớm ngày mai, chẳng giết, chẳng có tâm hại, có tâm từ đối với tất cả chúng sanh.

Như A-la-hán không có tà niệm, suốt đời không trộm cắp, vui thích bố thí. Nay con tên.....

suốt đời không trộm cắp, từ nay đến ngày mai. Giữ gìn tâm như chân thân; nay con suốt đời không dâm dật, không có tà niệm, hằng tu Phạm hạnh, thân thể thơm sạch. Hôm nay trì giới chẳng dâm, cũng chẳng nhớ vợ mình, cũng chẳng nghĩ đến đàn bà khác, đến sáng sớm ngày mai không có xúc phạm.

Như A-la-hán suốt đời không vọng ngữ, hằng biết chân thành chẳng dối gạt người; từ nay đến ngày mai con không vọng ngữ. Con từ nay về sau không nói dối nữa.

Như A-la-hán suốt đời không uống rượu, tâm ý chẳng loạn, giữ gìn cấm giới của Phật không chỗ xúc phạm; nay con cũng sẽ như vậy; từ hôm nay đến ngày mai không uống rượu nữa, giữ gìn cấm giới Phật không chỗ xúc phạm.

Như A-la-hán suốt đời không hoại trai pháp, hằng ăn đúng giờ, ăn ít, biết đủ, không đắm mùi vị, nay con cũng lại như thế, suốt đời không hoại trai pháp, hằng ăn đúng giờ, ăn ít biết đủ, không đắm mùi vị. Từ hôm nay đến sáng mai không có xúc phạm.

Như A-la-hán suốt đời không ngồi trên giường cao rộng; giường cao rộng là giường vàng, bạc, ngà voi, hoặc giường (sùng) tòa của Phật, tòa Bích-chi

Phật, tòa A-la-hán, tòa các Tôn sư, vậy A-la-hán, không ngồi trên tám loại tòa này, con cũng không chạm đến chỗ ngồi này.

Như A-la-hán suốt đời không đeo hương hoa, trang điểm phấn sáp; nay con cũng sẽ như thế, suốt đời không đeo hương hoa phấn sáp tốt đẹp.

Nay con tên..... là tám việc này, vâng giữ pháp Bát quan trai chẳng dọ ba đường ác. Giữ công đức này không vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và trong tám nạn, hằng được thiện tri thức, chẳng theo hầu ác tri thức, hằng được sanh vào nhà cha mẹ lành, chẳng sanh chỗ biên địa không Phật pháp, chẳng sanh cõi trời Trường Thọ, chẳng làm nô tỳ cho người, chẳng làm Phạm thiên, chẳng làm trời Đế Thích, cũng chẳng làm Chuyển luân Thánh vương, hằng sanh ở trước Phật, tự mình thấy Phật, tự nghe Pháp, khiến các căn chẳng loạn. Con chỉ thệ nguyện hướng Tam thừa tu hành mau thành đạo quả.

Tỳ-kheo nên biết, nếu có Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, trì pháp Bát quan trai này, thiện nam tử, thiện nữ nhân đó sẽ hướng đến ba đường, hoặc sanh trong loài Người, hoặc sanh lên Trời, hoặc nhập Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Không giết cũng chẳng trộm,
Chẳng dâm, không nói dối,
Tránh rượu, xa hương hoa,
Người đắm vị, phạm trai (giới).
Ca múa và hát xướng,
Học bỏ như La-hán,
Nay giữ Bát quan trai,
Ngày đêm không quên mất.
Không có khổ sanh tử,
Không có hẹn xoay vần,
Chớ cùng ân ái nhóm,
Cũng chớ oán ghét hội.
Nguyện diệt Năm ấm khổ,
Các bệnh sanh tử nảo,
Niết-bàn không các hoạn,
Nay Ta tự quay về.*

Thế nên các Tỳ-kheo, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn trì Bát quan trai xa lìa các khổ, được chỗ lành, muốn được hết các lậu, nhập vào thành Niết-bàn, nên cầu phương tiện thành tựu pháp Bát quan trai này. Vì sao thế ? Danh vị trong loài Người chẳng đủ là quý, khoái lạc trên trời chẳng đáng khen ngợi. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn cầu phước vô thượng, nên tìm phương tiện thành tựu trai pháp này. Nay Ta răn dạy các

Thấy một lần nữa: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu Bát quan trai, muốn cầu sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, cũng đạt được nguyện này, người trì giới sẽ được toại nguyện. Ta vì thế mà nói nghĩa này. Địa vị vinh dự của loài Người chẳng đủ quý, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân giữ Bát quan trai, thân hoại mạng chung được sanh cõi lành, lên trời, cũng sanh Diêm thiên, Đâu-suất, Hóa tự tại thiên, Tha hóa Tự tại thiên, trọn không hư dối. Vì có sao ? Vì người trì giới này sẽ đạt được sở nguyện.

Các Tỳ-kheo, nay Ta lập lại cho các Thầy hay: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân trì Bát quan trai, sẽ sanh cõi Dục thiên, sanh Sắc thiên cũng thành tựu nguyện của mình. Vì sao thế ? Vì người trì giới này sẽ đạt được sở nguyện.

Lại nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân trì Bát quan trai, muốn được sanh Vô sắc thiên thì cũng có kết quả như nguyện. Tỳ-kheo nên biết, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, trì Bát quan trai, muốn sanh trong nhà bốn dòng họ cũng lại được sanh. Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân trì Bát quan trai muốn làm thiên tử một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng đạt được nguyện. Muốn cầu làm Chuyển luân Thánh vương cũng toại nguyện. Vì sao thế ? Vì người trì giới này sở

nguyện sẽ được. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn cầu làm Thanh văn, Duyên giác, Phật thừa ắt thành như nguyện. Nay Ta thành Phật do trì giới này. Ngũ giới, Thập thiện không nguyện nào chẳng được.

Các Tỳ-kheo, nếu muốn thành đạo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba việc hiện ở trước mắt, thời thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Thế nào là ba ? Nếu tín hiện ở trước, thời thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Nếu tài hiện ở trước, thời thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Nếu trì Phạm hạnh hiện ở trước, thời thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng.

Đó là, này Tỳ-kheo, có ba việc này hiện ở trước sẽ được phước vô lượng.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Tín, tài, Phạm khó được,
Người thọ, người trì giới,
Biết ba việc này rồi,
Người trí tùy thời thí.
Lâu dài được an ổn,
Chư Thiên hằng nâng đỡ,
Tại đó tự vui thú,
Ngũ dục không biết chán.*

Do đó, này các Tỳ-kheo, thiện nam tử, thiện nữ nhân, hãy tìm phương tiện thành tựu ba pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành Câu-thâm trong vườn Cù-su-la.

Bấy giờ Tỳ-kheo ở Câu-thâm hằng ưa tranh tụng, phạm các hạnh ác, đối mặt cãi cọ, hoặc có lúc dùng dao gậy đập nhau. Bấy giờ Thế Tôn sáng sớm đến chỗ các Tỳ-kheo ấy. Đến rồi, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo các Thầy, cần thận chớ gây gổ, chớ tranh phải trái với nhau. Này các Tỳ-kheo, nên

cùng hòa hợp, là bạn bè cùng một thầy, đồng nhất như nước với sữa, sao lại gây gổ ?

Khi ấy Tỳ-kheo ở Câu-thâm bạch Thế Tôn:

— Cúi mong Thế Tôn chớ lo việc này, chúng con tự lo liệu lẽ này. Lỗi lầm như thế, chúng con tự biết tội này.

Thế Tôn bảo:

— Thế nào, các Thầy, vì vua mà hành đạo, hay vì sợ hãi mà hành đạo, hay vì đời sống thiếu thốn mà hành đạo ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Không phải thế, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Thế nào các Tỳ-kheo, các Thầy há chẳng phải muốn xa lìa sanh tử, cầu đạo vô vi mà hành đạo sao ? Nhưng thân ngũ ấm thật chẳng thể bảo toàn.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng vậy, Thế Tôn, như lời Thế Tôn dạy. Chúng con là con nhà vọng tộc, sở dĩ xuất gia học đạo vì cầu đạo vô vi, diệt thân ngũ ấm, thế nên học đạo.

Thế Tôn bảo:

— Các Tỳ-kheo không chịu học đạo mà lại tranh đấu đấm, đánh nhau, đối mặt gây phải trái, nói ác với nhau. Các Thầy phải nên thành tựu hạnh này. Cùng đồng một pháp, một thầy dạy, cũng nên hành pháp lục hòa này, cũng nên hành thân, khẩu, ý hành này, cũng nên hành việc cúng dường những vị Phạm hạnh.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đây là việc của chúng con. Thế Tôn chớ lo việc này.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ở Câu-thâm:

— Thế nào, các Người ngu, các Thầy chẳng tin lời của Như Lai sao mà nói Như Lai chớ lo việc này ? Các Thầy sẽ tự chịu quả báo tà kiến này.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo ấy lần nữa:

— Quá khứ lâu xa, trong thành Xá-vệ này có vua tên Trường Thọ thông minh trí tuệ, không việc gì chẳng biết. Nhưng tuy sành sỏi pháp đạo kiếm, nhà vua lại thiếu báu vật, các kho chẳng đầy, tài sản giảm thiểu, bốn bộ binh cũng chẳng nhiều, quần thần phò tá cũng ít ỏi.

Ngay lúc đó, nước Ba-la-nại có vua tên Phạm-ma-đạt, dũng mãnh cương cường, không đâu không hàng phục. Tiền tài bày báu thấy đều đầy kho, bốn bộ binh cũng chẳng thiếu, quân thần phò tá đầy đủ.

Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt liền nghĩ: “Vua Trường Thọ này không có quân thần phò tá, lại thiếu tài sản, không có trân bảo, thời nay ta nên đến công phạt nước ấy”.

Vua Phạm-ma-đạt liền dấy binh đến chinh phạt nước kia. Vua Trường Thọ nghe vua Phạm-ma-đạt đem binh công phạt nước mình liền thiết bày phương kế: “Nay ta tuy không có gia tài bày báu, quân thần phò tá và bốn bộ binh. Vua kia tuy có nhiều binh lính, như ngày nay một mình ta cũng đủ sức tiêu diệt tám trăm ngàn người kia, sát hại chúng sanh vô kể. Nhưng ta chẳng thể lấy sự vinh quang một đời để tạo tội muôn đời. Nay ta nên ra khỏi thành này, đến ở nước khác để không xảy ra đấu tranh.”

Bấy giờ vua Trường Thọ chẳng nói cho quân thần hay, đem đệ nhất phu nhân và một người ra khỏi thành Xá-vệ vào trong núi sâu. Quân thần và nhân dân trong thành Xá-vệ vì không thấy vua

Trường Thọ nên sai sứ đưa tin, đến chỗ vua Phạm-ma-đạt nói:

— Cúi mong Đại vương hãy đến nước này. Nay vua Trường Thọ chẳng biết ở đâu.

Phạm-ma-đạt đến nước Ca-thi cai trị. Vua Trường Thọ có hai phu nhân đều có thai, sắp đến ngày sanh. Lúc ấy phu nhân nằm mộng thấy mình sanh ở giữa đô thị, lúc mặt trời vừa mọc, bốn bộ binh cầm đao dài năm thước đi vòng quanh, chỉ sanh một mình không người hầu hạ. Thấy rồi liền giết mình tỉnh giấc, đem nhân duyên này kể cho vua Trường Thọ. Vua bảo phu nhân:

— “Nay ta ở trong núi sâu này, do đâu mà sanh được ở giữa đô thị trong thành Xá-vệ ? Nay phu nhân muốn sanh, hãy như nai sanh.”

Lúc ấy, phu nhân nói:

— “Nếu tôi không được sanh như thế, lúc ấy tôi sẽ chết.”

Vua Trường Thọ nghe lời này rồi, ngay đêm đó đổi y phục không đem theo ai, đi vào thành Xá-vệ. Vua Trường Thọ có một vị đại thần tên Thiện Hoa, rất thân thiết. Vị này có chút việc cần ra khỏi thành và gặp vua Trường Thọ đang vào thành. Đại thần Thiện Hoa nhìn sủng vua rồi bỏ đi, rơi lệ thở than theo đường mà đi. Vua Trường Thọ

liền đuổi theo vị đại thần đến một chỗ khuất mà bảo:

— “Xin Ông cẩn thận, đừng nói ra.”

Đại thần đáp:

— “Tôi sẽ như lời Đại vương dạy. Chẳng rõ minh vương có dạy bảo gì chẳng ?”

Vua Trường Thọ nói:

— “Nếu nhớ ân xưa của ta thì Ông nên đến đáp.”

Vị đại thần đáp:

— “Đại vương có ra lệnh, thần sẽ làm xong.”

Vua Trường Thọ nói:

— “Đêm qua, phu nhân của ta mộng sanh con giữa đô thị, lại có bốn bộ binh vây quanh, sanh một đứa con trai hết sức đoan chánh. Nếu chẳng được sanh như mộng, trong bảy ngày phu nhân sẽ chết.”

Đại thần đáp:

— “Nay thần có thể lo việc này như lời vua dạy.”

Nói lời này xong, mỗi người bỏ đi. Đại thần liền đến chỗ Phạm-ma-đạt, đến rồi nói:

— “Trong bảy ngày, ý tôi muốn xem quân

lính, tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh của Đại vương, rốt cuộc là bao nhiêu.”

Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt ra lệnh cho tả hữu:

— “Hãy đốc thúc quân lính như lời Thiện Hoa.”

Đại thần Thiện Hoa trong vòng bảy ngày, tập quân binh tại giữa đô thị Xá-vệ. Vị phu nhân kia trong bảy ngày đến giữa đô thị. Đại thần Thiện Hoa từ xa trông thấy phu nhân đến liền nói:

— “Kính chào Hiền nữ. Nay chính đúng lúc.”

Lúc phu nhân thấy bốn bộ binh rồi, lòng rất hoan hỉ, sai người hầu cận, giăng bức màn lớn, lúc mặt trời vừa lên, phu nhân ấy liền sanh một bé trai, đoan chánh vô song, hiếm có trên đời. Rồi phu nhân ôm đứa bé về núi. Vua Trường Thọ xa thấy phu nhân ôm con đến liền nói:

— “Chúc Con sống lâu, thọ mạng vô cùng.”

Phu nhân tâu vua:

— “Xin vua đặt tên cho nó.”

Vua liền đặt tên là Trường Sanh.

Lúc thái tử Trường Sanh vừa tám tuổi, vua cha Trường Thọ có chút việc vào thành Xá-vệ, bấy giờ người hót tóc, Kiếp Tỷ ngày xưa của vua

Trường Thọ thấy vua vào thành, liền đứng ngắm mãi từ đầu đến chân; thấy rồi, liền đến chỗ vua Phạm-ma-đạt mà nói:

— “Đại vương hết sức hơ hồng, hiện nay vua Trường Thọ đang ở tại thành này.”

Vua nổi giận sai tả hữu lùng bắt vua Trường Thọ. Tả hữu đại thần cùng tên Kiếp Tỷ đi lùng bắt khắp nơi. Lúc ấy, Kiếp Tỷ xa trông thấy vua Trường Thọ bèn chỉ và nói với các đại thần:

— “Đây là vua Trường Thọ.”

Rồi tiến tới bắt ông dẫn đến chỗ vua Phạm-ma-đạt, tâu:

— “Đại vương, vua Trường Thọ là người này.”

Nhân dân trong nước đều nghe biết vua Trường Thọ đã bị bắt. Phu nhân cũng nghe vua Trường Thọ bị Phạm-ma-đạt bắt được, liền nghĩ: “Nay ta còn sống làm gì, thà cùng chết một lần với Đại vương”. Phu nhân liền dẫn thái tử vào thành Xá-vệ. Phu nhân bảo thái tử:

— “Nay con nên tìm chỗ sống.”

Thái tử Trường Sanh nghe xong im lặng không đáp. Phu nhân đi thẳng đến chỗ vua Phạm-ma-đạt. Vua xa trông thấy vui mừng hơn hờ không

kêu được, liền sai đại thân đem phu nhân này và vua Trường Thọ đến ngã tư đường chặt làm bốn khúc. Các đại thân vâng lệnh vua, đem vua Trường Thọ và phu nhân trôi ngược lại, dẫn vòng quanh thành Xá-vệ cho muôn dân xem. Bấy giờ nhân dân ai cũng đau lòng. Thái tử Trường Sanh ở trong đám đông thấy cha mẹ bị đem đến chợ giết, nhan sắc không biến đổi. Vua Trường Thọ quay lại bảo Trường Sanh:

— “Con chó thấy hay, cũng chó thấy dở.”

Rồi nói bài kệ:

*Oán oán chẳng dùng nghĩ,
Từ xưa có pháp này,
Không oán hay thắng oán,
Pháp này trọn bất hủ.*

Bấy giờ các quan bảo nhau:

— “Vua Trường Thọ hết sức ngu hoặc, thái tử Trường Sanh là người nào mà ông ta lại ở trước chúng ta nói kệ này.”

Vua Trường Thọ bảo các quan:

— “Ta chẳng ngu hoặc, chỉ có người trí trong đây rõ được lời ta. Chư Hiền nên biết, dùng sức một người như ta đủ để làm tan hoại tám trăm vạn

người này. Nhưng ta lại nghĩ rằng: “Chúng sanh này, người chết khó đến. Chẳng thể vì một thân ta mà chịu tội nhiều đời.”

*Oán oán chẳng dùng nghĩ,
Từ xưa có pháp này,
Không oán hay thắng oán,
Pháp này trọn bất hủ.*

Rồi các quan ấy đem vua Trường Thọ và phu nhân đến ngã tư đường chặt làm bốn phần, rồi bỏ về nhà.

Thái tử Trường Sanh đến chiêu thu thập cây cỏ hòa táng cha mẹ, rồi đi. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt ở trên lầu cao, xa thấy có đứa nhỏ thiêu vua Trường Thọ và phu nhân, liền ra lệnh cho tả hữu:

— “Đây hẳn là thân thuộc của vua Trường Thọ, các Ông mau bắt đến đây.”

Các thân dân liền đến chỗ đó, chưa kịp đến thì đứa bé đã chạy mất rồi. Khi ấy, thái tử Trường-Sanh liền nghĩ: “Vua Phạm-ma-đạt này giết cha mẹ ta lại ở trong nước của ta, nay ta sẽ báo oán cho cha mẹ”. Thái tử Trường Sanh liền đến chỗ thấy dạy đàn mà nói rằng:

— “Nay tôi muốn học đàn.”

Thầy dạy đàn hỏi:

— “Nay con họ gì ? Cha mẹ ở đâu ?”

Đứa bé đáp:

— “Tôi không có cha mẹ. Tôi vốn ở trong thành Xá-vệ này, cha mẹ mất sớm.”

Thầy dạy đàn nói:

— “Con muốn học thì học.”

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ thái tử Trường Sanh học đàn những ca khúc. Thái tử Trường Sanh vốn thông minh, nên chưa qua mấy ngày đã có thể đàn các ca khúc, không bài nào chẳng biết.

Bấy giờ, thái tử Trường Sanh ôm đàn đến chỗ vua Phạm-ma-đạt, lúc không người vào trong chuông voi, ngồi đàn và hát một mình. Lúc ấy, vua Phạm-ma-đạt ở trên lầu cao, nghe tiếng đàn ca, liền hỏi tả hữu:

— “Người nào ở trong chuông voi, đàn ca chơi một mình vậy ?”

Quân thân đáp:

— “Trong thành Xá-vệ này có một đứa bé đàn hát chơi một mình.”

Vua bảo người hầu:

— “Ông nên ra lệnh cho đứa bé này đến đây chơi, ta muốn gặp nó.”

Người hầu gọi đứa bé đến chỗ vua. Vua Phạm-ma-đạt hỏi đứa bé:

— “Đêm qua, cháu đàn trong chuông voi phải không ?”

— “Đúng vậy, Đại vương.”

Phạm-ma-đạt nói:

— “Nay Ngươi hãy ở bên ta, đánh đàn ca múa, ta sẽ cung cấp áo quần, thức ăn.”

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ thái tử Trường Sanh ở trước Phạm-ma-đạt đánh đàn, ca múa hết sức tuyệt vời. Vua Phạm-ma-đạt nghe tiếng đàn này trong lòng hoan hỉ, bèn bảo thái tử Trường Sanh:

— “Ngươi hãy giữ kho châu báu cho ta.”

Thái tử Trường Sanh nhận lời vua sai, chưa hề thất thố, thường tùy ý vua, cười trước nói sau, thường nhường ý vua. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt lại ra lệnh:

— “Lành thay, Lành thay ! Nay Ngươi là người rất thông minh, nay ta cho Ngươi vào nội cung. Ngươi hãy biết vậy.”

Thái tử Trường Sanh ở trong nội cung lấy

tiếng đàn dạy các kỹ nữ, cũng lại dạy cỡi voi, ngựa, kỹ thuật, đều biết tất cả.

Bấy giờ Phạm-ma-đạt muốn xuất du dạo vườn rừng và cùng nhau vui chơi, liền sai Trường Sanh hối thúc soạn sửa xe vũ bảo. Thái tử Trường Sanh vâng lệnh vua lo xe vũ bảo, bành voi, vàng bạc, yên cương, rồi trở lại tâu vua:

— “Xe đã sửa soạn xong, xin Vua biết đã đến giờ.”

Vua Phạm-ma-đạt đi xe vũ bảo, sai Trường Sanh đánh xe, cùng dẫn theo bốn bộ binh. Thái tử Trường Sanh đánh xe dẫn đường, thường tách xa đám đông. Vua Phạm-ma-đạt hỏi thái tử Trường Sanh:

— “Bây giờ quân lính đâu rồi ?”

Trường Sanh đáp:

— “Thần cũng chẳng biết quân lính ở đâu.”

Vua bảo:

— “Hãy dừng lại một chút, thân ta mỏi mệt quá chừng, muốn dừng nghỉ một chút !”

Thái tử Trường Sanh liền ngừng xe để vua nghỉ ngơi, đợi quân lính đến.

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ vua Phạm-ma-đạt kê đầu trên đầu gối của thái tử Trường Sanh mà ngủ vùi. Thái tử Trường Sanh thấy vua ngủ liền nghĩ: "Vị vua này là đại oán cừu của ta, đã giết cha mẹ ta còn ở trên đất nước ta, nay ta không báo oán thì lúc nào mới báo, bây giờ ta phải giết hắn". Thái tử Trường Sanh tay phải rút kiếm, tay trái tóm tóc vua, nhưng lại nghĩ: "Cha ta sắp chết đã bảo ta rằng: "Trường Sanh nên biết ! Chớ thấy hay, cũng chớ thấy là dở." Cha ta còn nói thêm bài kệ:

*"Oán oán chẳng dùng nghĩ,
Từ xưa có pháp này,
Không oán hay thắng oán,
Pháp này trọn bất hủ."*

"Nay ta phải bỏ oán này." Rồi thái tử tra kiếm vào vỏ. Như thế hai ba phen, sau thái tử lại nghĩ: "Vua này thật là đại oán cừu của ta, đã giết cha mẹ ta, còn ở trên đất nước ta, nay ta không báo oán thì ngày nào mới báo ? Nay ta chính phải chấm dứt mạng của ông ta mới gọi là báo oán". Lúc ấy thái tử lại nhớ: "Trường Sanh con, chớ thấy hay, cũng chớ cho là dở. Vua cha có lời dạy:

*"Oán oán không dùng nghĩ,
Từ xưa có pháp này,*

*Không oán hay thắng oán,
Pháp này trọn bất hủ."*

"Nay ta nên bỏ oán này". Rồi thái tử lại tra kiếm vào vỏ. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt mộng thấy con vua Trường Thọ là thái tử Trường Sanh muốn giết mình, khiếp sợ giết mình tỉnh giấc. Thái tử Trường Sanh nói:

— "Đại vương ! Có sao kinh sợ vùng dậy đến thế ?"

Phạm-ma-đạt nói:

— "Vừa rồi ta ngủ mê, mộng thấy thái tử Trường Sanh con vua Trường Thọ rút kiếm muốn giết ta. Vì thế nên ta kinh sợ."

Thái tử Trường Sanh liên nghĩ: "Nay vua này đã biết ta là thái tử Trường Sanh". Rồi rút kiếm ra, tay trái nắm tóc vua mà nói:

— "Nay chính ta là thái tử Trường Sanh, con vua Trường Thọ. Ông là kẻ thù lớn của ta, đã giết cha mẹ ta và còn ở trên đất nước ta, nay ta không báo oán, còn đợi ngày nào nữa ?"

Vua Phạm-ma-đạt liền hướng về Trường Sanh nói:

— “Nay mạng ta ở trong tay Ông, mong rủ lòng tha ta toàn mạng.”

Trường Sanh đáp:

— “Ta có thể để vua sống, nhưng vua chẳng để ta toàn mạng.”

Vua đáp Trường Sanh:

— “Cúi mong rủ lòng giúp đỡ, ta trọn chẳng giết Ông.”

Bấy giờ thái tử Trường Sanh cùng vua đồng thể sẽ cùng tha mạng cho nhau, không hại nhau nữa.

Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy thái tử Trường Sanh tha mạng vua. Vua Phạm-ma-đạt bảo thái tử Trường Sanh:

— “Xin thái tử hãy cùng ta sửa soạn xe kiệu để trở về nước.”

Thái tử liền sửa soạn xe, hai người cùng cỡi xe đi thẳng về Xá-vệ. Vua Phạm-ma-đạt liền tụ tập quần thần và nói:

— “Nếu các Khanh gặp con vua Trường Thọ, muốn bắt hấn làm gì ?”

Trong đó, hoặc có đại thần nói:

— “Sẽ chặt tay chân hấn.”

Hoặc có người nói:

— “Sẽ phân thân hấn làm ba đoạn.”

Hoặc có người nói:

— “Sẽ giết hấn.”

Thái tử Trường Sanh ngồi bên cạnh vua, nghiêm chỉnh, chính ý suy nghĩ những lời này. Vua Phạm-ma-đạt liền tự mình cầm tay thái tử Trường Sanh, bảo mọi người:

— Đây là thái tử Trường Sanh, con vua Trường Thọ chính là người này, các Khanh không được nói những lời như thế. Vì sao ? Thái tử Trường Sanh đã tha mạng cho ta, ta cũng tha mạng cho người này.

Các quần thần nghe xong, khen là việc chưa từng có. Vị vương thái tử này thật là đặc biệt. Có thể đối với oán cừ mà chẳng báo oán. Vua Phạm-ma-đạt hỏi Trường Sanh:

— “Ông đáng lẽ giết ta, do đâu lại tha chẳng giết ? Có duyên cớ nào ? Nay xin được cho nghe.”

Trường Sanh đáp:

— “Đại vương khéo nghe: Phụ vương tôi lúc sắp chết, bảo tôi rằng: “Nay con cũng chó thấy hay, cũng chó thấy dở”, rồi lại nói:

*"Oán oán chẳng dùng nghi,
Từ xưa có pháp này,
Không oán hay thắng oán,
Pháp này trọn bất hủ."*

Bấy giờ quần thần nghe lời Phụ vương tôi nói đều bảo nhau rằng: "Người này điên khùng mới có nhiều lời ! Trường Sanh trọn là ai ?". Vua Trường-Thọ đáp: "Các Khanh nên biết, người có trí trong đây sẽ rõ điều này". Tôi nhớ lại lời này của Phụ vương nên tha vua toàn mạng."

Vua Phạm-ma-đạt nghe xong, rất lạ lùng, khen:

— "Chưa từng có, Ông hay giữ lời dạy dỗ của người cha đã mất, không bỏ".

Vua Phạm-ma-đạt bảo thái tử:

— "Nay Ông giải nghĩa mà tôi vẫn chưa hiểu, hãy nói nghĩa này cho tôi hết thắc mắc.

Thái tử Trường Sanh đáp:

— "Đại vương hãy khéo nghe, tôi sẽ nói. Vua Phạm-ma-đạt giết vua Trường Thọ. Nếu lại có quần thần hết sức thân tín của vua Trường Thọ cũng bắt vua giết đi, thì lại có quần thần phò tá vua Phạm-ma-đạt sẽ bắt quần thần của vua Trường-thọ mà

giết. Đó là oán oán trọn không có dứt tuyệt. Muốn cho oán bị cắt đứt chỉ có người không báo oán. Nay tôi xét nghĩa này xong, thế nên không hại vua.”

Vua Phạm-ma-đạt nghe lời này xong, rất vui mừng hơn hờ không kềm được. Vị vương thái tử này rất là thông minh, mới có thể giảng rộng nghĩa này. Vua Phạm-ma-đạt liền hướng thái tử hồi lỗi:

— “Tôi tội lỗi về việc đã bắt vua Trường Thọ giết đi.”

Rồi vua cởi mào đưa cho Trường Sanh đội vào lại gả con gái mình và giao lại nước Xá-vệ và dân chúng cho Trường Sanh thống lãnh. Vua trở về cai trị Ba-la-nại.

Tỳ-kheo nên biết, ngày xưa các vua có pháp thường này; tuy có pháp “tranh nước” này, họ vẫn còn kham nhẫn nhau mà chẳng làm tổn hại lẫn nhau. Huống gì, Tỳ-kheo các Thầy, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, bỏ tâm tham dục, sân hận, si mê mà nay lại đua tranh không hòa thuận nhau, mỗi người chẳng nhin nhau, không hồi cải. Nay các Tỳ-kheo, hãy lấy nhân duyên này để biết đấu tranh chẳng phải điều nên làm, lại đồng thấy bạn, đồng nhất như nước với sữa, chớ cãi cộ nhau.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Không đấu, không có tranh,
Tâm từ thương tất cả,
Không hoạn với tất cả,
Chư Phật đều ngợi khen.*

Thế nên, các Tỳ-kheo, phải tu hành nhẫn nhục. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Các Tỳ-kheo ở Câu-thâm bạch Thế Tôn:

— Cúi mong Thế Tôn, chớ lo việc này. Chúng con tự sẽ làm phân minh pháp này. Tuy Thế Tôn nói thế, nhưng việc này không đúng.

Khi ấy, Thế Tôn liền bỏ đi đến nước Bạt-kỳ. Bảy giờ trong nước Bạt-kỳ có ba vị vọng tộc là A-na-luật, Nan-đề và Kim-tỳ-la. Những vị ấy cùng hạn định: Nếu có người ra đi khát thực, người ở lại sau phải quét dọn cho sạch, việc việc không thiếu sót. Người khát thực về chia thức ăn cho, đủ thì tốt, không đủ thì tùy ý. Người có dư thì để trong bình rồi bỏ đi. Nếu người khát thực sau cùng về, đủ thì tốt, không đủ thì lấy trong bình ra ăn, tự để vào bát, rồi xách bình nước, lại đặt một nơi. Một ngày nên quét dọn phòng nhà, rồi ở chỗ vắng vẻ, chánh thân, chánh ý buộc niệm ở trước, tư duy diệu pháp. Các vị ấy không nói chuyện với nhau, mỗi người đều tịch lặng.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật tư duy về tướng dục bất tịnh, niệm được an vui mà trụ Sơ thiên. Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la biết tâm niệm Tôn giả A-na-luật cũng lại tư duy tướng dục bất tịnh, niệm được an vui mà trụ Sơ thiên. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, bấy giờ Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la cũng lại tư duy Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên. Nếu Tôn giả A-na-luật lại tư duy Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng xứ, thì Tôn giả Nan-đề cũng tư duy Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng xứ. Nếu Tôn giả A-na-luật lại tư duy Diệt tận định, thì Tôn giả Nan-đề cũng tư duy Diệt tận định. Như thế các pháp, chư Hiền tư duy pháp này.

Bấy giờ Thế Tôn đến nước Su Tử. Khi ấy người giữ vườn từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền nói:

— Sa-môn, chớ có vào vườn. Vì sao thế ? Vì trong vườn này có ba vị vọng tộc tên A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la, nên cẩn thận chớ làm phiền rộn họ.

Khi ấy Tôn giả A-na-luật dùng Thiên nhãn thanh tịnh và Thiên nhĩ thông, nghe người giữ vườn nói với Thế Tôn như thế, không cho Thế Tôn vào vườn. Tôn giả A-na-luật liền ra bảo người giữ cửa:

— Chớ ngăn, nay Thế Tôn muốn đến đây thăm nom.

Tôn giả A-na-luật liền vào báo Tôn giả Kim-tỳ-la:

— Đến mau, Thế Tôn đang ở ngoài cửa.

Ba Tôn giả liền xuất định, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Mỗi người tỳ thưa:

— Kính chào đức Thế Tôn.

Tôn giả A-na-luật đỡ bình bát của Thế Tôn, Tôn giả Nan-đề trải tòa ngồi, Tôn giả Kim-tỳ-la lấy nước cho Thế Tôn rửa chân.

Bấy giờ Thế Tôn bảo A-na-luật:

— Ba Thầy ở đây hòa hợp với nhau, không có nghĩ khác ? Khất thực có vừa ý không ?

Tôn giả A-na-luật thưa:

— Đúng vậy Thế Tôn, khất thực không một gì. Vì sao thế ? Vì nếu lúc con tư duy Sơ thiên, thì Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la cũng tư duy Sơ thiên. Nếu con tư duy Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng xứ, Diệt tận tam-muội, thì khi ấy Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la cũng tư duy Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng

xú, Hữu tướng vô tướng xú, Diệt tận định. Như vậy Thế Tôn, chúng con tư duy pháp này.

Thế Tôn bảo:

— Lành thay, lành thay, A-na-luật ! Lúc ấy các Thầy có được pháp thượng nhân chăng ?

Tôn giả A-na-luật thưa:

— Thưa vâng, Thế Tôn, chúng con lại được pháp thượng nhân nữa.

Thế Tôn bảo:

— Cái gì là pháp thượng nhân ?

Tôn giả A-na-luật thưa:

— Có diệu pháp này vượt trên pháp thượng nhân. Nếu như chúng con lại đem tâm từ rải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, cũng thế, bốn phía, trên dưới cũng vậy, mỗi mỗi trong tất cả đều lấy tâm từ bủa đầy trong đó, vô số, vô hạn không thể tính kể mà tự du hí. Lại đem tâm bi, tâm hỉ, tâm xả (hộ) bủa đầy khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng như thế, bốn phía trên dưới cũng vậy mà tự du hí. Đó là, bạch Thế Tôn, chúng con lại được pháp thượng nhân này.

Bấy giờ Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la bảo Tôn giả A-na-luật:

— Có hôm nào chúng tôi đến Tôn giả hỏi nghĩa này đâu mà nay ở trước Thế Tôn, Tôn giả tự nói ra vậy ?

Tôn giả A-na-luật nói:

— Các Thầy chưa từng đến tôi để hỏi nghĩa này, nhưng chư Thiên đến chỗ tôi nói, cho nên tôi ở trước Thế Tôn nói như vậy. Và lâu nay, tôi biết tâm ý chư Hiền, chư Hiền đã đắc tam-muội này rồi, nên trước Thế Tôn, tôi mới nói lời này.

Lúc đang nói pháp này thì đại tướng Trường Thọ đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Đại tướng Trường Thọ bạch Thế Tôn:

— Hôm nay Thế Tôn thuyết pháp cho những vị này sao ?

Thế Tôn đem việc này kể cho đại tướng Trường Thọ nghe. Đại tướng bạch Phật:

— Đại quốc Bạt-kỳ chóng được lợi lớn: Có ba vị vọng tộc này du hóa, đó là A-na-luật, Nan-đề và Kim-tỳ-la.

Thế Tôn bảo:

— Đúng thế, Đại tướng, như lời Ông nói. Đại

quốc Bạt-kỳ chóng được lợi lành, không kể nước Bạt-kỳ mà nước Ma-kiệt cũng chóng được lợi lành vì có ba vị vọng tộc này, nếu nhân dân trong nước Ma-kiệt nhớ đến ba vị vọng tộc này liền được an ổn lâu dài. Đại tướng nên biết , nếu huyện, ấp, thành quách nào có ba vị vọng tộc này, nhân dân trong thành quách ấy sẽ được an ổn lâu dài. Nhà nào sanh ra ba vị vọng tộc này cũng được lợi lớn vì đã sanh ra những bậc thượng tôn này. Năm dòng họ thân tộc cha mẹ kia nếu nhớ đến ba vị vọng tộc này cũng được lợi lớn. Nếu Trời, Rồng, Quỷ, Thần nhớ ba vị vọng tộc này cũng được lợi lớn. Nếu có người khen ngợi bậc A-la-hán thời cũng nên khen ngợi ba vị này. Nếu có người khen ngợi bậc không tham dục, không ngu si, không sân giận thời cũng nên khen ngợi ba vị này. Như Ta ở trong ba a-tăng-kỳ kiếp, hành cần khổ thành đạo vô thượng, khiến ba vị này thành tựu pháp nghĩa này. Thế nên Đại tướng, hãy học điều này !

Bấy giờ Đại tướng nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn ông Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba kiết sử trói buộc khiến chúng sanh không thể từ bờ này đến bờ kia được. Thế nào là ba ? Đó là thân tà (kiến), nghi, giới đạo.

Thế nào gọi là thân tà ? Nghĩa là chấp thân có ngã, sanh tướng ngộ ngã, có tướng chúng sanh, có mạng, có thọ, có người, có sĩ phu, có duyên, có dính mắc. Đó gọi là kiết (trói buộc) của thân tà.

Thế nào gọi là nghi kiết ? Nghĩa là nghi có ngã không ? Không ngã chẳng ? Có sanh chẳng ? Vô sanh chẳng ? Có ngã, nhân, thọ mạng chẳng ? Không ngã, nhân, thọ mạng chẳng ? Có cha mẹ chẳng ? Không cha mẹ chẳng ? Có đời này, đời sau chẳng ? Không đời này, đời sau chẳng ? Có Sa-môn, Bà-la-môn chẳng ? Không Sa-môn, Bà-la-môn chẳng ? Đời có A-la-hán chẳng ? Đời không A-la-hán chẳng ? Có người chúng đắc chẳng ? Không chúng đắc chẳng ? Đó gọi là nghi kiết.

Thế nào gọi là giới đạo kiết ? Nghĩa là giới cấm thủ. Ta sẽ do giới này được sanh vào nhà danh tiếng, sanh nhà trưởng giả, sanh nhà Bà-la-môn, hoặc sanh lên Trời hay trong chư Thần. Đó gọi là giới đạo kiết.

Như thế, này Tỳ-kheo, có ba kiết này trói buộc chúng sanh, khiến không thể từ bờ bên này đến

được bờ bên kia. Như hai con trâu chung một ách trợn chẳng thể rời nhau. Chúng sanh này cũng lại như thế, bị ba kiết trói không thể từ bờ bên này đến bờ kia.

Thế nào là bờ này ? Thế nào là bờ kia ? Bờ bên này tức là thân tà vạy. Bờ bên kia là thân tà diệt. Đó là, này Tỳ-kheo, ba kiết trói buộc chúng sanh không thể từ bờ này đến bờ kia. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện diệt ba kiết này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có ba tam-muội này. Thế nào là ba ? Đó là không tam-muội, vô nguyện tam-muội, vô tướng tam-muội.

Thế nào gọi là không tam-muội ? Không là quán tất cả các pháp đều tất sẽ rỗng không. Đó là không tam-muội.

Thế nào gọi là vô tướng tam-muội ? Vô tướng là đối với tất cả các pháp đều không tướng niệm

cũng không đáng thấy. Đó gọi là vô tướng tam-muội.

Thế nào gọi là vô nguyện tam-muội ? Vô nguyện là đối với tất cả các pháp cũng không mong cầu. Đó gọi là vô nguyện tam-muội.

Như thế, này Tỳ-kheo, nếu không được ba tam-muội này thì ở mãi trong sanh tử, không thể tự giác ngộ. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện được ba tam-muội này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Tràng, Tỳ-sa, Pháp vương,
Cù-mặc, thần túc hóa,
Trai giới, hiện tại tiền,
Trường Thọ, kiết, tam-muội.*

*
* *

XXV. PHẨM TỨ ĐẾ

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nên tu hành pháp Bốn đế. Thế nào là bốn ? Khổ đế, nghĩa chẳng thể tận, nghĩa chẳng thể cùng, thuyết pháp vô tận. Khổ tập đế, nghĩa chẳng thể tận, nghĩa chẳng thể cùng, thuyết pháp vô tận. Khổ diệt đế, nghĩa chẳng thể tận, nghĩa chẳng thể cùng, thuyết pháp vô tận. Khổ xuất yếu đế, nghĩa chẳng thể tận, nghĩa chẳng thể cùng, thuyết pháp vô tận.

Thế nào gọi là Khổ đế ? Khổ đế là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo buồn khổ não, oán ghét gặp gỡ khổ, yêu thương ly biệt khổ, chỗ muốn

không được khổ, nói tóm là Ngũ thanh ám khổ. Đó gọi là Khổ đế.

Thế nào gọi là Khổ tập đế ? Tập đế là ái và dục tương ưng, tâm thường nhiễm trước. Đó gọi là Khổ tập đế.

Thế nào gọi là Khổ diệt đế ? Diệt đế là dục ái diệt hẳn không còn, và không tạo lại nữa. Đó là Khổ diệt đế.

Thế nào gọi là Khổ xuất yếu đế ? Khổ xuất yếu đế là Tám đạo phẩm Hiền Thánh. Nghĩa là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đó là Khổ xuất yếu đế.

Như thế, các Tỳ-kheo, đối Tứ đế này, thật có, chẳng hư dối, là lời của Thế Tôn nên gọi là Đế. Trong các chúng sanh hai chân, ba chân, bốn chân, ở cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, hữu tướng, vô tướng, Như Lai là tối thượng, đã thành tựu Tứ đế này, nên gọi là Tứ đế. Như vậy, này các Tỳ-kheo, có Tứ đế này mà không hay biết thì ở mãi trong năm đường sanh tử luân hồi. Nay Ta đã được Tứ đế này, từ bờ này đến bờ kia, thành tựu nghĩa này, cắt đứt cội gốc sanh tử, chẳng thọ thân sau nữa, như thật mà biết.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nay có pháp Tứ đế,
Như thật mà chẳng biết,
Luân chuyển trong sanh tử,
Trọn chẳng được giải thoát.
Ta nay có Tứ đế
Đã giác, đã hiểu rõ,
Đã đoạn gốc sanh tử,
Cũng lại chẳng thọ hữu.*

Nếu có bốn bộ chúng, chẳng được Tứ đế này, chẳng hay, chẳng biết, liền đọa năm đường. Thế nên các Tỳ-kheo, hãy dùng phương tiện thành tựu Tứ đế này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có bốn pháp này lợi ích rất nhiều cho người. Thế nào là bốn ? Pháp thứ nhất nên thân cận thiện tri thức. Thứ hai nên nghe pháp. Thứ ba nên biết pháp. Thứ tư nên rõ sáng pháp và pháp tướng.

Đó là, này các Tỳ-kheo, có bốn pháp này lợi ích rất nhiều cho người. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện thành tựu bốn pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo A-nan:

— Lúc Như Lai xuất hiện ở đời, có bốn pháp chưa từng có xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn ? Chúng sanh ở đây có nhiều dính mắc, nếu lúc Ta thuyết pháp không nhiếp trước, họ cũng lại vâng nhận, nhớ tu hành, tâm không xa lìa. Lúc Như Lai xuất hiện ở đời, có bốn pháp chưa từng có xuất hiện ở đời. Đó là pháp đầu tiên chưa từng có xuất hiện ở đời.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hằng luân chuyển chẳng dừng trong năm đường. Chính ngay lúc Ta muốn thuyết pháp, họ cũng lại vâng nhận, tâm không xa lìa. Lúc Như Lai xuất hiện ở đời, pháp thứ hai chưa từng có xuất hiện ở đời.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh này hằng ôm

lòng kiêu mạn không rời tâm. Nếu Ta khiến thuyết pháp cho họ, cũng lại vâng nhận, tâm không xa lìa. Nay A-nan, chúng sanh này hằng ôm kiêu mạn không bỏ khoảnh khắc. Nếu lại lúc thuyết pháp cũng lại vâng nhận thời đó là pháp chưa từng có thứ ba xuất hiện ở đời.

Lại nữa, nay A-nan, chúng sanh này bị vô minh che đậy. Nếu lại lúc Ta thuyết pháp minh, họ cũng lại vâng nhận chớ không quên mất. Nếu lại, nay A-nan, lúc thuyết pháp hữu minh, vô minh này, tâm ý họ nhu hòa, hằng thích tu hành. Đó là, A-nan, lúc Như Lai xuất hiện ở đời, pháp thứ tư chưa từng có xuất hiện ở đời.

Nếu có Như Lai hiện tại, liền có bốn pháp này xuất hiện ở đời. Thế nên A-nan, nên phát tâm hoan hỉ đối với Như Lai. Như thế, A-nan, hãy học điều này !

Bấy giờ A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ thuyết về gánh, cũng sẽ thuyết

về người mang gánh, cũng sẽ thuyết nhân duyên gánh, cũng sẽ thuyết về buông gánh. Tỳ-kheo các Thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, nay Ta sẽ thuyết.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Thưa vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

— Thế nào gọi là gánh ? Nghĩa là năm ấm. Thế nào là năm ? Nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành, thức ấm. Đó gọi là gánh.

Thế nào gọi là người mang gánh ? Người mang gánh là thân người, tên gì, họ gì, sanh như thế, ăn thức ăn như thế, chịu khổ vui, thọ mạng dài ngắn như thế. Đó gọi là người mang gánh.

Thế nào gọi là nhân duyên gánh ? Nhân duyên gánh là nhân duyên ái trước, cùng chung với dục, tâm không xa lìa. Đó gọi là nhân duyên gánh.

Thế nào gọi là buông gánh ? Nghĩa là hay khiến cho ái kia dứt hẳn trọn vẹn, đã trừ, đã mưa ra. Đó gọi là buông gánh.

Như thế, Tỳ-kheo, nay Ta đã thuyết gánh, đã thuyết về nhân duyên gánh, đã thuyết về người mang gánh, đã thuyết về buông gánh. Chỗ đáng

làm của chư Như Lai, nay Ta đã làm xong. Hãy ở dưới gốc cây, chỗ vắng vẻ, ngồi ngoài trời, thường nhớ tọa thiền, chớ có buông lung.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nên nhớ bỏ gánh nặng,
Lại chớ tạo gánh mới,
Gánh là bịnh thế gian
Bỏ gánh vui đệ nhất.
Cũng nên trừ ái kiết
Và bỏ hạnh phi pháp,
Trọn nên xa lìa đây,
Lại chẳng thọ thân nữa.*

Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tạo phương tiện xa lìa gánh nặng. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có bốn thứ sanh. Thế nào là bốn ? Đó là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh.

làm của chư Như Lai, nay Ta đã làm xong. Hãy ở dưới gốc cây, chỗ vắng vẻ, ngôi ngoài trời, thường nhớ tọa thiền, chớ có buông lung.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nên nhớ bỏ gánh nặng,
Lại chớ tạo gánh mới,
Gánh là bệnh thế gian
Bỏ gánh vui đệ nhất.
Cũng nên trừ ái kiết
Và bỏ hạnh phi pháp,
Trọn nên xa lìa đây,
Lại chẳng thọ thân nữa.*

Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tạo phương tiện xa lìa gánh nặng. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có bốn thứ sanh. Thế nào là bốn ? Đó là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh.

Thế nào gọi là noãn sanh ? Nghĩa là loài sanh bằng trứng như những con thuộc loài gà, chim, quạ, bồ câu, khổng tước, rắn, cá, kiến v.v... đều là noãn sanh. Đó gọi là noãn sanh.

Thế nào gọi là thai sanh ? Nghĩa là người và súc sanh, đến loài vật hai chân. Đó gọi là thai sanh.

Thế nào gọi là thấp sanh (nhân duyên sanh) ? Nghĩa là trùng trong thịt thúi, trùng trong cầu tiêu, trùng trong thây chết. Đó gọi là thấp sanh (nhân duyên sanh).

Thế nào gọi là hóa sanh ? Nghĩa là chư Thiên, đại địa ngục, ngạ quỷ, hoặc người hoặc súc sanh. Đó gọi là hóa sanh.

Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn thứ sanh này. Các Tỳ-kheo (muốn) xa lìa bốn thứ sanh này, hãy tìm phương tiện thành tựu pháp Tứ đế. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên ở thành La-duyệt, trong vườn trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

— Thế gian có bốn hạng người này. Những gì là bốn ? Người cùng với kết theo nhau, bên trong có kết mà chẳng biết. Người cùng với kết theo nhau, nhưng trong có kết, như thật mà biết. Người không cùng với kết theo nhau, nhưng trong không kết, như thật mà chẳng biết. Người không cùng với kết theo nhau, nhưng trong không kết, như thật mà biết.

— Thế gian có bốn hạng người này. Những gì là bốn ? Người cùng với kết theo nhau, bên trong có kết mà chẳng biết. Người cùng với kết theo nhau, nhưng trong có kết, như thật mà biết. Người không cùng với kết theo nhau, nhưng trong không kết, như thật mà chẳng biết. Người không cùng với kết theo nhau, nhưng trong không kết, như thật mà biết.

Chư Hiền nên biết, người thứ nhất cùng kết theo nhau, nhưng trong có kết mà chẳng biết; trong hai người có kết này, người này rất là hạ tiện. Người thứ hai cùng kết theo nhau, trong có kết, như thật mà biết, người này hết sức hay khéo. Người thứ ba kia không cùng kết theo nhau, trong không có kết, như thực chẳng biết; trong hai người không có kết, người này rất là hạ tiện. Người thứ tư kia, chẳng cùng kết theo nhau, trong không có kết, như thật mà biết; trong người không có kết, người này thật là đệ nhất.

Chư Hiền nên biết, thế gian có bốn hạng người này.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiên-liên hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Có lý do gì, người có kết theo nhau mà một

người thì hạ tiện, còn một người thì tối diệu ? Lại có nhân duyên gì, hai người không có kết theo nhau này, lại một người hạ tiện còn một người tối diệu ?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

— Người kia cùng kết theo nhau, trong có kết như thật chẳng biết. Người đó nghĩ: “Ta hãy tưởng tịnh”. Người đó liên tư duy tưởng tịnh. Lúc đang tưởng tịnh liền khởi tâm dục, đã khởi tâm dục thời sẽ có tham dục, sân giận, ngu si mà chết. Lúc đó, họ chẳng tìm phương tiện diệt tâm dục này, liền có tâm sân giận, ngu si mà chết. Mục-liên nên biết, ví như có người đến chợ mua được bình đồng, bụi bám cái bản rất là dơ dáy. Người đó chẳng tùy thời lau chùi, chẳng tùy thời rửa sạch, bởi thế bình đồng kia càng thêm cái bẩn rất là bẩn thỉu. Người thứ nhất này cũng lại như thế, họ cùng với cái kết theo sau, trong có kết như thực chẳng biết. Người ấy liên nghĩ: “Ta hãy tư duy tưởng tịnh”. Đã tư duy tưởng tịnh liền sanh tâm dục, đã sanh tâm dục liền có tham dục, sân giận, ngu si mà chết, chẳng tìm phương tiện diệt tâm dục này.

Người thứ hai cùng với kết theo nhau, trong có kết, như thực mà biết. “Nay ta nên bỏ tưởng tịnh, tư duy tưởng bất tịnh”. Người ấy đã bỏ tưởng

tịnh, tư duy tưởng bất tịnh. Người ấy đã tư duy tưởng bất tịnh, liền chẳng sanh tâm dục, họ tìm phương tiện chưa đắc khiến đắc, chưa được khiến được, chưa đến khiến đến. Người ấy liền không có tham dục, sân giận, ngu si, cũng lại không có kết mà mạng chung. Cũng như có người từ trong chợ mua được bình đồng dính bụi bặm. Người ấy tùy thời tu sửa, rửa cho sạch sẽ. Người này cũng lại như thế, cùng với kết theo nhau, bên trong có kết như thật mà biết. Người ấy liền bỏ tưởng tịnh, tư duy tưởng bất tịnh. Người ấy tư duy tưởng bất tịnh, lại tìm phương tiện không được khiến được, không đắc khiến đắc, không tác chứng khiến cho được chứng. Người ấy đã không tâm dục, không sân giận, ngu si mà mạng chung. Đó là, này Mục-liên, có hai người cùng kết theo nhau nhưng một người hạ tiện, còn một người tối diệu.

Tôn giả Mục-liên nói:

— Lại vì nhân duyên nào khiến hai người không cùng kết theo nhau mà một người hạ tiện, một người tối diệu ?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Người thứ ba kia không cùng kết theo

nhau, trong không kết, như thật chẳng biết. Người ấy liên tư duy: “Ta chẳng tìm phương tiện tư duy, chẳng đắc khiến đắc, chẳng được khiến được, chẳng tác chứng mà tác chứng”. Người ấy có tâm dục, bị sân giận, ngu si trói buộc mà chết. Ví như có người đến chợ mua bình đồng dính đầy bụi bặm mà chẳng tùy thời rửa chùi, cũng chẳng tùy thời sửa sang. Người thứ ba này cũng lại như vậy, chẳng cùng kết theo nhau, bên trong không kết, như thật chẳng biết. Cũng chẳng học điều này: “Ta sẽ cầu phương tiện diệt các kết này.” Người ấy liên có tâm tham dục, sân giận, ngu si mà mạng chung.

Người thứ tư kia chẳng cùng chung với kết, trong không kết, như thật mà biết. Người ấy liên tư duy: “Ta tìm phương tiện không đắc khiến đắc, không được khiến được, không tác chứng khiến tác chứng”. Người đó do không có kết này mà mạng chung. Ví như có người đến chợ được bình đồng tốt hết sức trong sạch, lại thêm thời sửa sang chùi rửa bình ấy. Bấy giờ bình kia càng thêm sạch đẹp. Người thứ tư này cũng lại như thế, chẳng cùng kết theo nhau, trong không kết, như thật mà biết. Người ấy liên tư duy: “Ta tìm phương tiện chẳng được khiến được, chẳng đắc khiến đắc, chẳng tác

chúng khiến cho tác chúng”. Người đó liền không có kiết sử tham dục, sân giận, ngu si mà thân hoại mạng chung.

Đó là, Mục-liên, có hai người này không cùng kết theo nhau, trong không kết như thật mà biết nhưng một người thì cao thượng, một người hạ tiện.

Bấy giờ Tôn giả Mục-liên hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Vì có sao gọi là kết ?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

— Mục-liên nên biết, pháp ác bất thiện khởi lên các tà kiến, nên gọi là kết. Hoặc lại có người nghĩ: “Nhu Lai hỏi ta nghĩa xong, sau đó thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, chẳng hỏi nghĩa các Tỳ-kheo khác”. Như Lai thuyết pháp cho Tỳ-kheo hoặc lại có lúc Thế Tôn bảo Tỳ-kheo khác thuyết pháp mà chẳng bảo Tỳ-kheo nọ: “Nhu Lai thuyết pháp, Như Lai chẳng bảo ta thuyết pháp cho Tỳ-kheo”, hoặc có bất thiện, hoặc có tham dục. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ: “Ta hằng ở trước các Tỳ-kheo khi vào thôn khát thực, chẳng để Tỳ-kheo khác ở trước mà vào thôn khát thực”. Hoặc có lúc Tỳ-kheo khác ở trước mà vào thôn khát thực

chẳng cho Tỳ-kheo nọ ở trước Tỳ-kheo mà vào thôn khát thực: “Ta chẳng ở trước Tỳ-kheo mà vào thôn khát thực”. Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Mục-liên nên biết, hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ: “Ta sẽ ngồi trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được món ăn trước, chẳng để Tỳ-kheo khác ngồi trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được món ăn trước”. Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo khác ngồi trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được món ăn trước, chẳng để Tỳ-kheo nọ ngồi trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được món ăn trước. “Ta chẳng ngồi ở trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được món ăn trước”. Đã có bất thiện lại có tham dục. Cả hai đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ: “Ta ăn xong sẽ thuyết pháp cho đàn việt, không để cho Tỳ-kheo khác ăn xong thuyết pháp cho đàn việt”. Hoặc lại có Tỳ-kheo khác ăn xong thuyết pháp cho đàn việt, không để Tỳ-kheo nọ ăn xong thuyết pháp cho đàn việt: “Không cho ta ăn xong thuyết pháp cho đàn việt”. Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ: “Ta sẽ đến trong vườn thuyết pháp cho trưởng giả, Bà-la-môn, chẳng

để Tỳ-kheo khác vào vườn thuyết pháp cho trưởng giả, Bà-la-môn”. Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo khác vào vườn thuyết pháp cho trưởng giả, Bà-la-môn, chẳng để Tỳ-kheo nọ vào vườn thuyết pháp cho trưởng giả, Bà-la-môn. “Chẳng cho ta vào vườn thuyết pháp cho trưởng giả, Bà-la-môn”. Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ: “Nay ta phạm giới, mong các Tỳ-kheo khác không biết ta phạm giới”. Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo kia phạm giới, các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo phạm giới. Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ: “Nay ta phạm giới chẳng cho Tỳ-kheo khác bảo rằng ta phạm giới”. Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo kia phạm giới. Tỳ-kheo khác bảo rằng “phạm giới”. Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo kia nghĩ: “Nay ta phạm giới, hãy để Tỳ-kheo thanh tịnh nói lỗi ta, không cho Tỳ-kheo chẳng thanh tịnh nói lỗi ta”. Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo chẳng thanh tịnh bảo Tỳ-kheo nọ rằng Tỳ-kheo ấy phạm giới. Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ: “Nay ta phạm giới, nếu có Tỳ-kheo nào bảo ta, hãy nói ở chỗ

khuất, chớ nói giữa đám đông”. Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo kia phạm giới, ở giữa đại chúng bị nêu ra chứ không ở chỗ khuất. Tỳ-kheo đó lại nghĩ: “Các Tỳ-kheo này ở giữa đại chúng bảo ta, không ở chỗ khuất”. Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Mục-liên nên biết, gốc của các pháp này làm đầy khởi hạnh này, gọi là kiết sử. Mục-liên lại nên biết, có bốn bộ chúng đều nghe biết người vấp Phạm hạnh này, dù có nói: “Tôi hành hạnh A-lan-nhã, ở chỗ vắng vẻ, ngay cho có mặc y năm mảnh, hằng đi khát thực không chọn giàu nghèo, đi không thô tháo, đến đi dừng ở, ngồi đứng động tịnh, nói năng hay im lặng”. Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng: “Sao cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các vị Phạm hạnh hằng đến cúng dường tôi”. Tỳ-kheo ấy tuy có nghĩ thế, nhưng bốn bộ chúng cũng chẳng tùy thời cúng dường. Sở dĩ như thế, vì Tỳ-kheo kia hạnh ác bất thiện chưa trừ, đều bị thấy nghe, nhớ biết. Ví như có người có một bình đồng hết sức trong sạch lại đựng đồ bất tịnh đầy ở trong rồi lại lấy bình khác đặt lên trên, cầm đi đến cõi nước. Mọi người trông thấy hỏi người ấy:

— “Anh cầm cái gì thế ? Chúng tôi muốn được nhìn thấy.”

Lúc ấy mọi người đã đói, nói:

— “Ồ ! Là thức ăn uống ngon đây.”

Lúc ấy họ mở nắp bình, rồi cùng trông thấy đồ bất tịnh. Tỳ-kheo này cũng lại như thế. Tuy có hạnh A-la-nhã, tùy thời khát thực, đắp y năm mảnh, chính thân, chính ý, buộc niệm ở trước. Người ấy tuy nghĩ rằng: “Muốn cho các người Phạm hạnh tùy thời đến cúng dường”. Nhưng các vị Phạm hạnh lại không tùy thời đến cúng dường. Sở dĩ như thế là vì Tỳ-kheo kia có pháp ác bất thiện, kiết sử chưa hết.

Mục-liên nên biết, có các Tỳ-kheo không có pháp ác bất thiện này, kiết sử đã dứt, được mọi người thấy nghe, nhớ biết, tuy đi trong thành phố vẫn là người trì pháp, hoặc nhận được người thỉnh, hoặc nhận trưởng giả cúng dường. Tỳ-kheo kia không có tướng tham dục này.

Lúc ấy, bốn bộ chúng và các vị Phạm hạnh đều đến cúng dường. Sở dĩ như thế là vì Tỳ-kheo kia hành thanh tịnh vậy, đều được mọi người thấy nghe, nhớ biết. Ví như có người có bình đồng tốt, đựng thức ăn uống ngon lành, mùi vị thơm phức. Người ấy lại dùng vật đặt lên trên cắm đi đến các cõi nước. Mọi người trông thấy hỏi người ấy:

— “Đây là vật gì ? Chúng tôi muốn được nhìn xem.”

Lúc ấy họ mở ra nhìn, thấy là thức ăn uống, cùng lấy ra ăn. Đây cũng như thế, Tỳ-kheo được thấy nghe, nhớ biết; tuy đi trong thành phố nhận trưởng giả cúng dường mà người ấy chẳng nghĩ rằng: “Mong các vị Phạm hạnh đến cúng dường ta”, mà các vị Phạm hạnh đều đến cúng dường. Sở dĩ như thế là vì Tỳ-kheo ấy đã trừ hết hạnh ác bất thiện. Thế nên, Mục-liên, vì các hạnh này mà gọi là kiết sử.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiên-liên khen:

— Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất ! Vì sao như thế ? Xưa tôi đến vườn trúc Ca-lan-đà trong thành La-duyet, đến giờ đắp y ôm bát vào thành La-duyet khát thực, đến nhà người thợ làm xe kia, đứng lạng thình ngoài cửa. Bấy giờ người thợ kia đang cầm búa đẽo gỗ; lại có một người thợ già có chút việc đến nhà người thợ này, đang lúc người thợ này sửa chữa miếng gỗ, người thợ già mới nghĩ: “Chú thợ nhỏ này đẽo bỏ hết những chỗ không vừa ý.” Người thợ già rất hoan hỉ, nghĩ: “Lành thay, lành thay, Anh đẽo gỗ thật vừa ý ta”. Đây cũng như thế, có các Tỳ-kheo tâm không nhu hòa, bỏ hạnh Sa-môn, ôm lòng gian ngụy, chẳng theo pháp Sa-

môn, tánh hạnh thô sơ, không biết hổ thẹn, trơ mặt chịu nhục, làm hạnh ti tiện, không có dũng mãnh, hoặc ưa quên nhiều, không nhớ việc làm, tâm ý bất định, việc làm lầm lẫn, các căn chẳng định, thời nay được Tôn giả Xá-lợi-phất quán sát tánh hạnh mà sửa trị.

Có các vị vọng tộc do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, rất cung kính giới, chẳng bỏ pháp Sa-môn Hiền Thánh, không có huyền ngại, không hạnh thô bạo, tâm ý nhu hòa, nói thường cười nụ, chẳng làm thương tổn ý người, tâm hằng nhất định, không có thị phi, các căn chẳng loạn. Người ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói rồi, liền tự vâng nhận cũng không quên mất. Ví như hoặc nam hay nữ đoan chánh vô song, tắm rửa sạch sẽ, mặc áo mới đẹp, lấy hương thoa mình. Nếu lại có người đem thêm hoa sen dâng lên, người ấy được hoa, đem gắn lên đầu, vui mừng hớn hở không kềm được. Đây cũng như thế, nếu có người vọng tộc, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, cung kính giới, chẳng mất pháp Sa-môn, không có huyền ngại, chẳng hạnh thô bạo, tâm ý nhu hòa, nói thường cười nụ, chẳng thương tổn ý người, tâm hằng nhất định, không có thị phi, các căn chẳng loạn, thời người ấy theo Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời này rồi, rất vui mừng, không kềm

được, mà nhận lời dạy. Như thế, các vị Vọng tộc, hãy nghe thuyết giáo pháp này !

Bấy giờ chư Hiền, mọi người nghe nói xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có bốn loại trái này. Thế nào là bốn ? Hoặc có trái sống mà tợ như chín, hoặc có trái chín mà tợ như sống, hoặc có trái chín mà tợ như chín, hoặc có trái sống mà tợ như sống. Đó là, này Tỳ-kheo, thế gian có bốn loại trái này. Thế gian có bốn hạng người cũng lại như thế. Thế nào là bốn ? Hoặc có người chín mà tợ như sống, hoặc có người sống mà tợ như chín, hoặc có người sống mà tợ như sống, hoặc có người chín mà tợ như chín.

Thế nào gọi là người sống mà tợ như chín ? Có người qua, lại, bước đi không thô bạo, mắt nhìn ngó đúng pháp dạy, đáp y ôm bát cũng theo pháp bước đi, nhìn xuống đất không liếc nhìn hai bên, nhưng lại phạm giới không theo hạnh chánh. Đó thực chẳng phải Sa-môn mà tợ như Sa-môn, chẳng phải phạm hạnh mà tợ nói hành Phạm hạnh, làm

bại hoại hết gốc rễ Chánh pháp, hư hoại hạt giống. Đó là người sống mà tợ như chín.

Thế nào gọi là người chín mà tợ như sống ? Hoặc có Tỳ-kheo tánh hạnh dường như thô sơ, ngó nhìn không ngay ngắn, cũng chẳng theo pháp mà đi, thích liếc nhìn hai bên, nhưng lại tinh tấn đa văn, tu hành pháp lành, hằng giữ giới luật không mất oai nghi, thấy phi pháp một chút liền ôm lòng sợ hãi. Đó là người chín mà tợ như sống.

Thế nào gọi là người sống mà tợ như sống ? Hoặc có Tỳ-kheo chẳng trì cấm giới, chẳng biết lễ tiết, đi, bước, cũng lại chẳng biết ra, vào, đi, đến, cũng lại chẳng biết đắp y ôm bát, các căn rối loạn, tâm dính sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Người ấy phạm cấm giới, không hành Chánh pháp, chẳng phải Sa-môn mà tợ như Sa-môn, chẳng hành phạm hạnh mà tợ như Phạm hạnh. Người các căn hư hỏng, không thể sửa chữa. Đó là người này sống mà tợ như sống.

Thế nào là người chín mà tợ như chín ? Hoặc có Tỳ-kheo giữ gìn cấm giới, ra, vào, bước đi không mất thời tiết, nhìn ngó chẳng mất oai nghi, hết sức tinh tấn tu hành pháp lành, oai nghi lễ tiết đều thành tựu cả, thấy chút phi pháp liền ôm lòng lo sợ

huống là to lớn. Đó là người này chín mà tợ như chín.

Đó là, này Tỳ-kheo, thế gian có bốn hạng người như trái cây này. Nên học làm trái chín. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hôm nay trong hư không có gió bão (tùy lam). Nếu có chim bay đến đó, như ô thước, chim hồng hộc gặp gió thì đầu, nảo, vây cánh mỗi thứ một nơi. Trong đây, một Tỳ-kheo cũng lại như thế, bỏ cấm giới rồi, tạo hạnh cư sĩ lúc ấy ba y, bình bát, ống kim v.v... thuộc sáu vật, mỗi thứ một nơi, như trận giông bão thổi chết chim kia. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành Phạm hạnh. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo nên biết, có bốn loại chim. Thế nào là bốn ? Hoặc có chim tiếng hót hay mà thân xấu. Hoặc có chim thân đẹp mà tiếng dở. Hoặc có chim tiếng dở mà thân cũng xấu. Hoặc có chim thân đẹp mà tiếng cũng hay.

Thế nào là chim tiếng hay mà thân xấu ? Đó là chim câu-si-la. Chim này tiếng hay mà hình xấu.

Thế nào là chim hình đẹp mà tiếng dở ? Là chim chí. Chim này thân đẹp mà tiếng dở.

Thế nào là chim thân xấu mà tiếng cũng dở ? Đó là chim thế cư. Chim này tiếng dở mà hình cũng xấu.

Lại có chim gì tiếng hay mà thân cũng đẹp ? Đó là chim khổng tước vậy. Chim này tiếng hay mà thân cũng đẹp.

Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn loại chim này, nên cùng hiểu biết. Đây cũng như thế, thế gian cũng có bốn hạng người như chim.

Thế nào là bốn ?

Ở đây, hoặc có Tỳ-kheo nhan mạo đoan chánh,

ra vào, đi đến, đáp y, ôm bát, co duỗi, cúi ngược, oai nghi thành tựu, nhưng lại chẳng thể phúng tụng các bài kinh pháp của mình, ban đầu lành, giữa lành, cuối lành; chẳng thể vâng lời pháp dạy, cũng lại chẳng thể khéo phúng tụng, đọc. Đó là người có thân đẹp mà tiếng chẳng hay.

Lại người nào tiếng hay mà thân xấu ? Hoặc có một Tỳ-kheo ra vào, đi đến, co duỗi, cúi ngược, đáp y, ôm bát, oai nghi không thành tựu, hằng ưa nói rộng. Nhưng người ấy tinh tấn trì giới, nghe pháp có thể biết bài học, nghe nhiều các pháp của mình, đầu lành, giữa lành, cuối lành, nghĩa lý thâm sâu, tu Phạm hạnh đầy đủ, mà lại khéo giữ, khéo tụng pháp kia. Đó là người có tiếng hay mà thân xấu.

Lại có người nào tiếng dở, thân cũng xấu ? Hoặc có một người phạm giới, chẳng tinh tấn, chẳng nghe nhiều, nghe được liền quên. Người ấy ở pháp này, đáng lẽ phải hành Phạm hạnh đầy đủ, nhưng chẳng chịu vâng nhận. Đó là người có tiếng dở, thân cũng xấu.

Lại có hạng người nào tiếng hay, thân cũng đẹp ? Hoặc có Tỳ-kheo dung mạo đoan chánh, ra vào, đi đến, đáp y, ôm bát, chẳng liếc nhìn hai bên mà lại tinh tấn tu hành pháp lành, giới luật đầy đủ. Thấy phi pháp một chút ôm lòng sợ hãi hướng là

việc lớn; cũng lại đa văn, nghe nhận chẳng quên, các pháp có được: đầu lành, giữa lành, cuối lành, tu hành điều lành này. Pháp như thế khéo phúng tụng, đọc. Đó là người có tiếng hay, thân cũng đẹp.

Đó là thế gian có bốn hạng người này ở đời, các Thầy nên cùng hay biết. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy học tiếng hay mà thân cũng đẹp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có bốn loại mây. Thế nào là bốn ? Hoặc có mây, sấm mà không mưa. Hoặc có mây, mưa mà không sấm. Hoặc có mây, vừa mưa vừa sấm. Hoặc có mây, không mưa cũng không sấm. Đó là bốn loại mây.

Thế gian có bốn loại người cũng như mây. Thế nào là bốn loại người ? Hoặc có Tỳ-kheo sấm mà không mưa. Hoặc có Tỳ-kheo mưa mà không sấm. Hoặc có Tỳ-kheo không mưa cũng không sấm. Hoặc có Tỳ-kheo vừa mưa vừa sấm.

Thế nào là Tỳ-kheo sấm mà không mưa ? Hoặc có Tỳ-kheo lớn tiếng đọc tụng, nghĩa là Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ quyết, Kệ, Bốn mặt nhân duyên, Ký thuyết, Sanh kinh, Tụng, Phương đẳng, Pháp vị tăng hữu, Thí dụ. Các pháp như thế khéo đọc, tụng, chẳng mất nghĩa lý, mà chẳng rộng thuyết pháp cho người. Đó là Tỳ-kheo sấm mà không mưa.

Thế nào là mưa mà không sấm ? Hoặc có Tỳ-kheo nhan sắc đoan chánh, ra vào, đến đi, tiến dừng các cách thức đều biết đủ, tu các pháp lành không sót mảy may, nhưng không đa văn, không lớn tiếng tụng tập. Vị ấy lại chẳng tu hành Khế kinh, Bốn mặt, Thọ quyết, Kệ, Nhân duyên, Thí dụ, Sanh kinh, Phương đẳng, Pháp Vị tăng hữu, dẫu theo người khác vâng nhận, cũng không quên mất, thích theo Thiện tri thức, cũng ưa thuyết pháp cho người khác. Đó là người này mưa mà không sấm.

Thế nào là người không mưa cũng không sấm ? Hoặc có một người, nhan sắc chẳng đoan chánh, các nghi thức ra vào, đi đến, tiến dừng đều không đầy đủ, chẳng tu các pháp lành, mà cũng chẳng đa văn, cũng chẳng lớn tiếng tụng, tập. Vị ấy lại chẳng tu hành Khế kinh... Phương đẳng, cũng

lại chẳng thuyết pháp cho người. Đó là người không mưa cũng không sấm.

Lại có người nào vừa mưa vừa sấm ? Hoặc có một người nhan sắc đoan chánh, nghi thức ra vào, đi đến, tiến dừng cũng đều biết đủ, ưa thích học hỏi, chỗ nhận không mất, cũng ưa thuyết pháp cho người, khuyến khích người khác khiến cho vâng nhận. Đó là người vừa mưa, vừa sấm.

Đó là, này Tỳ-kheo, thế gian có bốn loại người này. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy học người vừa mưa vừa sấm. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Đế, nhiều ích, A-nan,
Gánh nặng, tứ sanh, kết,
Tứ quả, gió bão giông,
Bốn chìm, sấm sau cùng.*

*
* *

XXVI. PHẨM TỨ Ý ĐOẠN (1)

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ví như núi sông, đá gạch, trăm cỏ, ngũ cốc đều nương nơi đất mà sanh trưởng, mà đất này lại tối tôn, tối thượng. Đây cũng như thế, các pháp đạo phẩm lành trụ trên đất không phóng dật, khiến các pháp lành thêm lớn. Nếu Tỳ-kheo không phóng dật tu Tứ ý đoạn phải tu nhiều về Tứ ý đoạn.

Thế nào là bốn ? Ở đây, này Tỳ-kheo, pháp tệ ác chưa sanh, tìm phương tiện khiến chẳng sanh, tâm không xa lìa, hằng mong khiến diệt. Pháp tệ ác đã sanh, tìm phương tiện khiến chẳng sanh, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp lành

chưa sanh, tìm phương tiện khiến sanh. Pháp lành đã sanh, tìm phương tiện khiến tăng nhiều thêm, chẳng quên mất, tu hành đầy đủ, tâm ý chẳng quên.

Như thế, Tỳ-kheo, là tu Tứ ý đoạn. Thế nên các Tỳ-kheo nên tìm phương tiện tu Tứ ý đoạn. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có các Túc tán quốc vương và các đại vương đều đến phụ cận Chuyển luân Thánh vương. Chuyển luân vương đối với họ là tối tôn, tối thượng. Đây cũng như thế, trong các pháp thiện, Ba mươi bảy đạo phẩm, pháp không phóng dật thật là đệ nhất. Nếu không phóng dật, Tỳ-kheo phải tu Tứ ý đoạn. Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tệ ác chưa sanh, tìm phương tiện khiến chẳng sanh, tâm chẳng xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp tệ ác đã sanh, tìm phương tiện khiến chẳng sanh, tâm chẳng xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp thiện chưa sanh, tìm phương tiện khiến sanh. Pháp thiện đã sanh, lại

khuyến tăng thêm nhiều nữa, trọn không quên mất, tu hành đầy đủ, tâm ý chẳng quên. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy tu Tứ ý đoạn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Trong ánh sáng của các tinh tú, ánh sáng mặt trăng là hơn hết. Đây cũng như thế, trong các công đức lành của pháp Ba mươi bảy đạo phẩm, hạnh không phóng dật là đệ nhất, tối tôn, tối quý.

Tỳ-kheo không phóng dật tu Tứ ý đoạn. Thế nào là Tứ ý đoạn ? Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tỳ ác chưa sanh, tìm phương tiện khiến chẳng sanh. Nếu pháp tỳ ác đã sanh, tìm phương tiện khiến diệt. Nếu pháp lành chưa sanh, tìm phương tiện khiến sanh. Nếu pháp lành đã sanh, tìm phương tiện khiến tăng thêm nữa, trọn không quên mất, tu hành đầy đủ, tâm ý chẳng quên. Như thế, Tỳ-kheo, tu Tứ ý đoạn. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm

phương tiện tu Tứ ý đoạn. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Trong các loại hoa, hoa chiêm-bạc, hoa tu-ma-na, trên trời dưới đất, hoa bà-sur là bậc nhất. Đây cũng như thế, các công đức lành của pháp Ba mươi bảy đạo phẩm, hạnh không phóng dật là bậc nhất. Nếu không phóng dật, Tỳ-kheo nên tu Tứ ý đoạn. Thế nào là Tứ ý đoạn ? Ở đây, Tỳ-kheo, nếu pháp tệ ác chưa sanh, tìm phương tiện khiến chẳng sanh. Pháp tệ ác đã sanh, tìm phương tiện khiến diệt. Nếu pháp lành chưa sanh, tìm phương tiện khiến sanh. Pháp lành đã sanh, tìm phương tiện khiến sanh nhiều thêm, trọn chẳng quên mất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên. Như thế, Tỳ-kheo, tu Tứ ý đoạn. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện tu Tứ ý đoạn. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc ngồi xe vũ bảo, ra khỏi thành Xá-vệ, đến Tinh xá Kỳ Hoàn, muốn thăm Thế Tôn. Vua cỡi năm vật trang sức uy nghiêm là pháp thường của các vua, đặt qua một bên, đến trước Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ Thế Tôn bảo Đại vương:

• — Đại vương nên biết, thế gian có bốn loại người xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn ? Hoặc có người trước tối, sau sáng. Hoặc có người trước sáng, sau tối. Hoặc có người trước tối, sau tối. Hoặc có người trước sáng, sau sáng.

Thế nào là người trước tối, sau sáng ? Ở đây, hoặc có một người sanh nhà ti tiện, hoặc dòng Chiên-đà-la, hoặc dòng đồ tể, hoặc dòng thợ thuyền, hoặc sanh nhà dâm dật, hoặc không mắt, hoặc không tay chân, hoặc bị trần trướng, hoặc các căn rối loạn, nhưng thân, miệng lại hành pháp lành, ý nhớ pháp lành. Người ấy nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc tôn trưởng, hằng nhớ lễ bái, chẳng

mất thời tiết đến đón, đi đưa, trước cười, sau nói, tùy thời cung cấp. Nếu lại có lúc thấy người ăn xin, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc có người đi đường, hoặc người nghèo khó, nếu có tiền tài thì người ấy liền đem thí cho. Nếu không có tiền của, người ấy liền đến nhà trưởng giả cầu xin để đem cho. Nếu lại thấy người khác bố thí, thì người ấy vui mừng hơn hở không kèm được. Nếu thân làm pháp lành, miệng tu pháp lành, ý nhớ pháp lành, thân hoại mạng chung sanh cõi lành, trên trời. Ví như có người từ đất lên giường, từ giường lên ngựa, từ ngựa cỡi voi, từ voi vào giảng đường. Do đây mà nay Ta nói: Người này trước tối sau sáng. Như thế, Đại vương, người này gọi là trước tối, sau sáng.

Thế nào là người trước sáng, sau tối ? Ở đây hoặc có một người sanh trong nhà quyền quý (đại gia) như dòng Sát-lợi, dòng trưởng giả, dòng Bà-la-môn, nhiều tài sản, báu vật, vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu ly, nô tỳ, tôi tớ không thể tính kể; voi, ngựa, heo, dê đều đầy đủ cả. Người này lại dung mạo đoan chánh như màu hoa đào. Người ấy hằng ôm tà kiến, cùng tương ưng với biên kiến. Người kia liền có kiến chấp thế này: “Không có thí, không có nhận, không ở trước người bố thí vật gì, không có quả báo thiện ác, không có đời này,

đời sau, cũng không có người đắc đạo, đời không có A-la-hán đáng thờ kính, ở đời này, đời sau có thể tác chứng”. Người ấy nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn liền khởi sân giận, không tâm cung kính. Nếu thấy người bố thí, người ấy tâm không vui vẻ, thân, miệng, ý tạo tác không đồng đều, đã hành hạnh phi pháp, thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục. Ví như có người từ giảng đường đến voi, từ voi xuống ngựa, từ ngựa xuống giường, từ giường xuống đất. Do vậy nên Ta nói: Người này trước sáng sau tối. Như thế, Đại vương, người này gọi là trước sáng, sau tối.

Thế nào là người đi từ tối đến tối ? Nếu lại có người sanh nhà ti tiện, hoặc nhà Chiên-đà-la, nhà đồ tể, hoặc nhà hạ liệt cùng cực. Người này đã sanh trong đây, hoặc lại có lúc các căn không đủ, nhan sắc thô ác, mà người ấy lại hằng ôm tà kiến. Người ấy liền có kiến chấp này: “Không đời này, đời sau, không Sa-môn, Bà-la-môn, không người đắc đạo, cũng không A-la-hán đáng thờ kính, cũng không đời này, đời sau có thể tác chứng”. Người ấy nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn liền nổi sân giận, không tâm cung kính. Nếu thấy người đến bố thí, người ấy tâm không vui vẻ, thân miệng ý tạo hạnh không bình

đăng, phỉ báng Thánh nhân, hủy nhục Tam bảo (Tam tôn). Người ấy tự mình đã chẳng bố thí, lại thấy người khác bố thí rất giận dữ, đã hành sân giận, thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục. Ví như có người từ tối đến tối, từ lửa hùng đến lửa hùng, bỏ trí đến ngu. Do đây mà Ta nói: Người này có thể bảo trước tối, sau cũng tối. Đại vương nên biết, thế nên gọi người này là từ tối đến tối.

Thế nào gọi là người từ sáng đến sáng ? Hoặc có một người sanh trong nhà hào tộc, hoặc dòng Sát-lợi, hoặc nhà Quốc vương, hoặc nhà đại thần, lắm tiền nhiều của không thể tính kể. Người ấy lại nhan mạo đoan chánh như màu hoa đào. Người ấy hằng có chánh kiến, tâm không nhảm lẫn. Người ấy có chánh kiến này: “Có thí, có phước, có người nhận, có quả báo thiện ác, có đời này, đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn”. Người ấy nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn liền khởi tâm cung kính, nhan sắc vui hòa. Chính mình hằng thích bố thí, cũng lại khuyên người hành bố thí. Nếu người bố thí, tâm hân hoan không thể kể được. Người ấy thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, thân hoại mạng chung sanh cõi lành. Ví như có người từ giảng đường đến giảng đường, từ cung điện đến cung

điện. Do đây mà Ta nói: Người này từ sáng đến sáng. Đó là, này Đại vương, thế gian có bốn loại người này.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Vua nên biết người nghèo,
Có tin, ưa bố thí,
Thấy Sa-môn, Bà-la-môn,
Và các người đáng thí.
Lại hay khởi rước, đưa,
Mà dạy ở chánh kiến,
Lúc thí hết sức vui,
Sở cầu không trái người.
Người ấy là bạn tốt,
Trọn không làm hạnh ác,
Hằng vui hành chánh kiến,
Thường niệm cầu pháp lành.
Đại vương biết người ấy,
Lúc chết được vừa ý,
Ất sanh trời Đâu-suất,
Trước tối mà sau sáng.
Như người hết sức giàu,
Chẳng tin, ưa thích giận,
Tham lẫn, tâm khiếp nhược,
Tà kiến mà không đổi,*

Thấy Sa-môn, Phạm chí,
Và các người cầu xin,
Hằng ưa la máng, chửi,
Tà kiến nói không có.
Thấy người thí liên giận,
Chẳng cho người bố thí,
Người ấy hành cực tệ,
Tạo các nguồn cội ác.
Người kia như thế đó,
Đến lúc sắp sửa chết,
Sẽ sanh trong địa ngục,
Trước sáng mà sau tối.
Như có người bán tiện,
Không tin, thích sân giận,
Tạo các hạnh chẳng lành,
Tà kiến không tin chánh.
Nếu thấy bậc Sa-môn,
Và các người đáng thờ,
Mà lại khinh hủy báng,
Xan tham không có tin.
Lúc bố thí không vui,
Thấy người thí cũng vậy,
Các hạnh người ấy tạo,
Thích hợp chỗ không an.
Người ấy như thế đó,

Ất sẽ chịu mạng chung,
Sẽ sanh trong địa ngục,
Trước tối, sau cũng tối.
Như người rất có của,
Có tin, ưa bố thí,
Chánh kiến không niệm khác,
Hằng vui cầu pháp lành.
Nếu thấy các đạo sĩ,
Và các người đáng cho,
Khởi cung kính tiếp đón,
Mà học ở chánh kiến.
Lúc cho rất vui hòa,
Thường niệm ở bình đẳng,
Bố thí không lẫn tiếc,
Không trái với lòng người.
Người ấy thọ mạng vui,
Không tạo các phi pháp,
Nên biết người thế đó,
Đến lúc sắp sửa chết,
Ất sanh chỗ tốt lành,
Trước sáng, sau cũng sáng.

Thế nên, Đại vương, nên học trước sáng, sau sáng; chớ học trước sáng, sau tối. Như thế, Đại vương, nên học điều này !

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi đứng một bên, chốc lát lấy hai tay sờ chân Như Lai, rồi hôn lên chân Như Lai mà nói:

— Thân Thế Tôn vì sao thế này ? Thân nhăn nhoe quá, nay thân Như Lai chẳng bằng lúc xưa.

Thế Tôn bảo:

— Đúng vậy A-nan, như lời Thầy nói. Nay thân Như Lai da thịt đã nhăn, thân chẳng như khi xưa. Sở dĩ như thế vì hễ có thân thể thì sẽ bị bệnh ép ngặt. Nếu đáng bệnh, chúng sanh sẽ bị bệnh làm khốn; đáng chết, chúng sanh sẽ bị chết bức bách. Hôm nay thân Như Lai đã suy vi, đã tám mươi tuổi rồi.

Tôn giả A-nan nghe xong, buồn khóc nghẹn ngào không nén được, bèn nói:

— Than ôi ! Sự già đã đến đây rồi !

Bấy giờ, Thế Tôn đến giờ đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Thế Tôn đi khát thực dẫn

dẫn đến cung vua Ba-tu-nặc. Lúc ấy, trước cửa cung vua Ba-tu-nặc có mấy mươi chiếc xe hư cũ, bỏ ở một bên. Tôn giả A-nan thấy xe bị vất bỏ một bên, liền bạch Thế Tôn:

— Xe này là xe của vua Ba-tu-nặc. Ngày xưa, lúc mới làm nó, trông hết sức đẹp đẽ tinh vi, nhưng ngày nay thì cùng màu với gạch đá.

Thế Tôn bảo:

— Đúng vậy, A-nan, như lời Thầy nói. Như nay xem các xe hiện có, ngày xưa cực kỳ đẹp đẽ tinh xảo, làm bằng vàng bạc, nhưng ngày nay hư hỏng, chẳng dùng được nữa, vất bên ngoài còn bại hoại như thế, huống là bên trong.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Ôi ! Già, bệnh, chết này,
Hoại người sắc cực thịnh,
Lúc đầu rất thích ý,
Nay bị chết bức bách.
Tuy sẽ thọ trăm tuổi,
Rồi sẽ về với chết,
Chẳng khỏi hoạn khổ này,
Đều sẽ về đường này.
Như trong thân hiện có,*

*Bị bức bách của chết,
Các tử đại bên ngoài,
Ắt hướng đến gốc không.
Thế nên cầu chẳng chết,
Chỉ có côi Niết-bàn,
Côi không chết, không sanh
Đều không các hành này.*

Bấy giờ Thế Tôn liền đến ngôi bên vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc dọn các thức ăn uống cho Thế Tôn. Thấy Thế Tôn ăn xong, vua lại lấy một ghế nhỏ đến trước Thế Tôn ngồi, bạch Thế Tôn:

— Thế nào, bạch Thế Tôn, thân hình chư Phật đều là kim cương mà cũng sẽ bị già, bệnh, chết nữa sao ?

Thế Tôn bảo:

— Đúng vậy, Đại vương, như lời Đại vương nói. Như Lai cũng sẽ có sanh, già, bệnh, chết. Nay Ta cũng là con người, cha tên Chân Tịnh, mẹ tên Ma-gia, sanh ra từ dòng Chuyển luân Thánh vương.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Chư Phật hiện thân người,
Cha tên là Chân Tịnh,*

Mẹ tên Cục Thanh Diệu,
Dòng hào tộc Sát-lợi.
Đường chết rất khốn cùng,
Đều chẳng xét tôn ti,
Chư Phật còn chẳng khỏi,
Hướng là kẻ phàm tục.

Thế Tôn lại thuyết kệ này cho vua Ba-tư-nặc:

Tế tự, lửa hơn hết,
Thi thơ, tụng là hơn,
Loài Người, vua là quý,
Các dòng, biển là đầu.
Các sao, trăng hơn hết,
Ánh sáng, mặt trời hơn,
Trong tám phương, trên dưới,
Chỗ thế giới chuyên chở.
Trời và Người ở đời,
Như Lai cao thượng nhất
Ai muốn cầu phước lộc,
Nên cúng dường Tam Phật.

Thế Tôn nói kệ này xong, liền từ tòa đứng dậy trở về Tinh xá Kỳ Hoàn, đến tòa ngồi. Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có bốn pháp ở thế gian được người yêu kính. Thế nào là bốn ? Tuổi thiếu tráng được người

đời yêu kính; không đau ốm được người yêu kính; sống lâu được người yêu kính; ân ái tụ hội được người yêu kính. Đó là, Tỳ-kheo, có bốn pháp này, người đời yêu kính.

Lại nữa, Tỳ-kheo, lại có bốn pháp, người đời không yêu kính. Thế nào là bốn ? Tỳ-kheo nên biết: Tuổi thiếu tráng, nếu lúc già bệnh người đời không vui; như người không bệnh, sau lại bị bệnh, người đời không vui; như được sống lâu, đến khi mạng hết, người đời không vui; ân ái được sum họp đến sau ly biệt, người đời không vui.

Đó là, này Tỳ-kheo ! Có bốn pháp này cùng đời xoay vần. Chư Thiên, Người đời cho đến Chuyển luân Thánh vương, chư Phật, Thế Tôn đều có pháp này. Đó là, Tỳ-kheo, thế gian có bốn pháp này cùng đời xoay chuyển. Nếu không biết bốn pháp này, thì liền lưu chuyển trong sanh tử, khắp trong năm đường. Thế nào là bốn ? Là Giới Hiền thánh, Tam-muội Hiền Thánh, Trí tuệ Hiền Thánh, Giải thoát Hiền Thánh. Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn pháp này nếu người không hiểu biết, sẽ chịu bốn pháp trên. Nay Ta và các Thầy vì giác tri bốn pháp Hiền Thánh này mà cắt đứt rễ sanh tử, không thọ thân sau nữa. Như nay thân hình của Như Lai già suy, sẽ chịu quả báo suy hao này. Thế nên, các

Tỳ-kheo, nên câu Niết-bàn vĩnh tịch, chẳng sanh, chẳng già, không bệnh, không chết; ân ái biệt ly thường nghĩ sự biến đổi vô thường. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc ra lệnh quần thần sửa soạn xe vũ bảo muốn ra khỏi thành Xá-vệ xem đất làm giảng đường. Ngay lúc đó, mẹ vua Ba-tu-nặc tuổi quá già yếu, vừa đúng trăm tuổi, vua rất tôn kính nhớ nghĩ chưa từng rời mắt (vừa mạng chung). Khi ấy, vị cận thần của vua Ba-tu-nặc tên Bất-xà-mật tài cao cái thế, được người đời tôn trọng. Vị đại thần này nghĩ: “Mẹ vua Ba-tu-nặc này đã vừa trăm tuổi, hôm nay mạng chung, nếu mà nghe được, chắc vua rất sầu lo, không ăn uống nổi, rồi mắc trọng bệnh. Nay ta nên bày phương tiện, khiến vua chẳng sầu lo, cũng không mắc bệnh”.

Bấy giờ, đại thần liền sửa soạn năm trăm voi trắng, cũng sửa soạn năm trăm ngựa tốt, lại chỉnh đốn năm trăm bộ binh, lại sửa soạn năm trăm kỵ

nữ, năm trăm bà già, lại xếp đặt năm trăm Bà-la-môn, lại có năm trăm Sa-môn, lại sửa soạn năm trăm y phục, và bày năm trăm trân bảo, làm quan tài lớn đẹp cho người chết, tô vẽ cực đẹp, treo phướn lọng, trối kỹ nhạc không thể tính kể, ra khỏi thành Xá-vệ. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc trở vào thành vì có chút việc. Vua từ xa thấy người chết, mới hỏi tả hữu:

— Đây là người nào mà cúng dường đến thế ?

Bất-xà-mật tâu:

— Trong thành Xá-vệ này, có mẹ của Trưởng giả chết. Đây là vật dụng của họ.

Vua lại hỏi:

— Những voi, ngựa, xe cộ này dùng làm gì ?

Đại thần đáp:

— Năm trăm bà già dùng dâng lên Diêm vương để mua mạng (bà mẹ).

Vua bật cười nói:

— Đây là lỗi của người ngu. Mạng cũng khó bảo toàn, đâu có thể chế phục được. Như có người rơi vào miệng cá ma-kiệt, muốn mong ra khỏi, thật là khó được. Đây cũng như thế, dọ vào vua Diêm-la, muốn cầu ra thực khó thể được.

— Năm trăm kỹ nữ này cũng dùng để mua mạng bà.

— Đây cũng khó được.

Nếu những kỹ nữ này chẳng thể được, thì sẽ dùng cái khác mua bà.

— Đây cũng khó được.

Nếu điều này không được, sẽ dùng năm trăm trâu bảo mua bà.

Đây cũng khó được.

— Đây không thể được thì dùng năm trăm y phục mua bà.

— Đây cũng khó được.

— Nếu áo quần này không được thì dùng năm trăm Phạm chí này chú thuật, dùng chú thuật để giữ bà.

Đây cũng khó được.

— Nếu năm trăm Phạm chí này không được thì sẽ lại đem năm trăm Sa-môn cao tài thuyết pháp để mua bà.

— Đây chẳng thể được.

— Nếu thuyết pháp không được, sẽ tụ tập binh lính cùng chiến đấu lớn để giữ.

— Đây là cách của người ngu, đã rơi vào miệng

cá ma-kiệt, trợn chẳng ra được. Ông nên biết, có ai sanh mà không chết đâu ?

— Đây thực chẳng thể được.

— Thực chẳng thể được. Chư Phật cũng dạy rằng: “Hễ có sanh thì có tử, mạng cũng khó được.”

Khi ấy, Bát-xà-mật quỳ tâu vua:

— Thế nên Đại vương, chớ quá sầu lo. Tất cả chúng sanh đều trở về với cái chết.

Vua hỏi:

— Có sao ta lại sầu lo ?

Đại thần tâu:

— Vua nên biết, hôm nay mẹ của Đại vương đã chết.

Vua Ba-tu-nặc nghe xong, thở dài tám, chín cái, rồi bảo Đại thần:

— Lành thay ! Như lời Ông nói, Ông hay biết dùng phương tiện khéo léo.

Rồi vua Ba-tu-nặc trở vào thành bày các thứ hương hoa cúng dường vong mẫu. Cúng xong nhà vua liền lên xe đến chỗ Thế Tôn, đến nơi, cúi lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi:

— Đại vương ! Có sao người lấm bụi đất ?

Vua bạch Thế Tôn:

— Mẹ con mạng chung, vừa đưa đến ngoài thành. Nay con đến Thế Tôn để hỏi lý do. Mẹ con lúc còn sống, trì trai tinh tấn, hằng tu pháp lành, vừa đúng trăm tuổi, hôm nay đã mạng chung, nên con đến chỗ Thế Tôn. Nếu con có thể đem voi mua mạng mẹ được, con cũng sẽ dùng voi để mua. Nếu đem ngựa mua mạng được, con sẽ dùng ngựa để mua. Nếu dùng xe cộ mua được mạng, con sẽ dùng xe cộ để mua. Nếu lấy vàng bạc, trân bảo mua được mạng, con sẽ dùng vàng bạc, trân bảo để mua. Nếu lấy nô tỳ, tôi tớ, thành quách, đất nước để mua mạng được, con sẽ đem thành quách, đất nước mua mạng. Nếu đem nhân dân nước Ca-thi mua mạng được, con sẽ đem nhân dân Ca-thi để mua, chẳng để cho mẹ con mạng chung.

Thế Tôn bảo:

— Nay Đại vương, chớ sầu lo quá, tất cả chúng sanh đều trở về cái chết. Tất cả pháp biến đổi, muốn cho không biến đổi, trọn không có việc này. Đại vương nên biết, thân người như tuyết đọng, rồi sẽ trở về tan hoại. Cũng như ngôi đất sẽ tan hoại không thể giữ lâu; cũng như sóng nắng huyền hóa,

hu nguy không thật; cũng như nắm tay không thể gạt con nít. Thế nên, Đại vương chớ âu sầu, trông cậy thân này. Đại vương nên biết, có bốn điều rất sợ hãi sẽ đến với thân này, chẳng thể che chở, cũng chẳng thể lấy ngôn ngữ, chú thuật, dược thảo, phù thư có thể khử trừ. Bốn điều đó là: Già làm bại hoại tuổi trẻ khiến không nhan sắc; bệnh làm bại hoại tất cả người không bệnh; chết làm bại hoại mạng căn; vật hữu thường trở về vô thường.

Đại vương, có bốn pháp này chẳng thể che chở, không phải dùng sức hàng phục được. Đại vương nên biết, ví như bốn phương có bốn núi lớn, từ bốn phía đến ép chúng sanh, chẳng phải sức trừ đi được. Thế nên, Đại vương, đó chẳng phải là vật kiên cố, chẳng thể nương cậy. Do vậy, Đại vương, nên lấy pháp trị vì, chớ dùng phi pháp. Đại vương cũng chẳng bao lâu sẽ đến biển sanh tử. Đại vương cũng nên biết, những người lấy pháp cai trị, khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi trời, chỗ lành. Nếu người dùng phi pháp cai trị, thân hoại mạng chung đọa trong địa ngục. Thế nên, Đại vương, hãy lấy pháp cai trị, chớ dùng phi pháp. Như thế, Đại vương, nên học điều này !

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

— Pháp này tên là gì ? Sẽ vãng làm như thế nào ?

Thế Tôn dạy:

— Pháp này gọi là pháp trừ sáu lo.

Vua bạch Phật:

— Thực vậy, bạch Thế Tôn. Sở dĩ như vậy vì con nghe pháp này rồi, bao nhiêu sáu lo hôm nay đã trừ. Bạch Thế Tôn, việc nước bề bộn, nay con muốn trở về cung.

Thế Tôn bảo:

— Nên biết đúng thời.

Vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và lui đi.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vãng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta không những là bậc Tối tôn ở trong hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ mà cho đến trong mọi người ở thế gian, Ta cũng là độc

tôn. Nay có bốn pháp gốc ngọn chính Ta tự biết, tác chúng đối với bốn bộ chúng, trong loài Người, trên Trời. Thế nào là bốn ? Tất cả các hành thấy đều vô thường. Nay Ta biết thế, ở trong bốn bộ chúng, Trời, Người mà tác chúng. Tất cả các hành là khổ. Tất cả các hành vô ngã. Niết-bàn là thôi dứt. Nay Ta biết được, ở trong bốn bộ chúng trong Trời, Người mà tác chúng.

Này Tỳ-kheo, đó là gốc của bốn pháp. Thế nên ở trong Trời, Người mà riêng Ta được tôn quý.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn ở cùng năm trăm chúng đại Tỳ-kheo.

Lúc ấy Thế Tôn muốn đến thành La-duyet để nhập hạ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng muốn đến thành La-duyet để nhập hạ và một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử đều muốn đến thành La-duyet để nhập hạ. Nhưng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên nhập hạ xong sẽ nhập Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo Xá-lợi-

phất, Mục-kiến-liên v.v... đi đến vườn trúc Ca-lan-đa ở thành La-duyệt để nhập hạ. Khi ấy Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

— Nay một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử vì các Thầy mà nhập hạ ở đây. Nhưng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiến-liên sắp diệt độ. Thế nào, Xá-lợi-phất, Thầy có kham nhận thuyết diệu pháp cho các Tỳ-kheo chăng ? Nay Ta đau lưng muốn nghỉ một chút.

Xá-lợi-phất đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn !

Bấy giờ Thế Tôn tự xếp y Tăng-già-lê (Tăng-ca-lợi), nằm nghiêng bên phải, hai chân chồng lên nhau, chú tâm tinh sáng.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

— Tôi lúc mới thọ giới, trải qua nửa tháng được tứ biện tài mà tác chứng nghĩa lý đầy đủ. Nay tôi sẽ thuyết và phân biệt nghĩa này để các Hiền giả biết, phân biệt rộng rãi rõ ràng. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ đó.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy của Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả hỏi:

— Những gì là bốn biện tài mà tôi chứng được ? Nghĩa là nghĩa biện, tôi do đây chứng được. Nghĩa là pháp biện, tôi do đây chứng được; nghĩa là ứng biện, tôi do đây chứng được; nghĩa là tự biện tôi do đây chứng được. Nay tôi sẽ phân biệt rộng rãi nghĩa này. Nếu bốn bộ chúng có ai hồ nghi, nay có tôi đây, hãy hỏi nghĩa ấy. Nếu chư Hiền lại có hồ nghi về Tứ thiên, có thể hỏi, nay tôi sẽ nói. Nếu chư Hiền lại có hồ nghi về Tứ đẳng tâm, nên hỏi, nay tôi sẽ nói. Nếu chư Hiền lại có hồ nghi về Tứ ý chỉ (đoạn), nên hỏi nghĩa, nay tôi sẽ nói hoặc có hồ nghi về Tứ thân túc, Tứ ý chỉ, Tứ đế hãy đến hỏi tôi nghĩa, tôi sẽ nói cho. Nay nếu không hỏi, sau hối hận vô ích. Nay nếu hỏi tôi nghĩa các việc làm về pháp cao sâu của Thế Tôn, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, tôi sẽ nói cho, sau chớ có hối hận.

Lúc này Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến giờ đắp y ôm bát muốn vào thành La-duyet để khát thực. Những Phạm chí cầm gậy, xa thấy Mục-kiền-liên đi đến, liền bảo nhau rằng: “Đây là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, không ai hơn người này, chúng ta hãy vây hãm mà đánh chết đi.” Rồi những Phạm chí kia vây bắt Tôn giả dùng ngói đá đánh chết ngất rồi bỏ đi; thân thể Tôn giả nát như, xương thịt không còn sót chỗ nào, đau đớn khổ não không thể

kể xiết. Đại Mục-kiên-liên tự nghĩ: “Các Phạm chí này vầy ta, đánh xương thịt nát tan, bỏ ta mà đi. Nay thân thể ta chỗ nào cũng đau, hết sức nhức nhối, không còn khí lực để trở về vườn trúc được. Nay ta phải dùng thân tức để trở về tinh xá.”

Mục-kiên-liên liền dùng thân tức trở về tinh xá, đến chỗ Xá-lợi-phất, ngồi một bên. Tôn giả Mục-kiên-liên nói với Xá-lợi-phất:

— Phạm chí cầm trượng vầy tôi, đánh cho thịt xương nát bét, thân thể đau đớn thực không chịu nổi. Nay tôi muốn nhập Niết-bàn, nên đến từ giả Hiền giả.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Trong đệ tử của Thế Tôn, Hiền giả là thân tức bậc nhất, có oai lực lớn, có sao không dùng thân tức mà tránh đi ?

Tôn giả Mục-liên đáp:

— Xưa tôi tạo hạnh rất sâu nặng, nên dẫn đi thọ báo trọn không tránh được; chẳng phải khi không mà thọ báo này. Hôm nay thân tôi đau nhức quá nên đến từ giả Hiền giả để nhập Niết-bàn.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tu Tứ thân tức,

phân đông quảng diễn nghĩa này, nếu họ có ý muốn trụ lại một kiếp hay hơn một kiếp cho đến chẳng diệt độ (thì có thể trụ lại một kiếp, hay hơn một kiếp cho đến chẳng diệt độ). Sao Hiền giả lại không trụ lại diệt độ ?

Tôn giả Mục-liên đáp:

— Đúng thế, Hiền giả Xá-lợi-phất ! Như Lai nói: “Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tu Tứ thân túc, muốn trụ thọ qua mấy kiếp cũng có thể được”. Nếu Như Lai trụ một kiếp thì tôi cũng trụ, nhưng hôm nay, Thế Tôn chẳng bao lâu sẽ nhập Niết-bàn. Chúng sanh thọ mạng rất ngắn, hơn nữa, tôi không chịu nổi việc thấy Thế Tôn nhập Niết-bàn, và thân thể tôi rất đau đớn, muốn nhập Niết-bàn.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Mục-liên:

— Nay Hiền giả hãy khoan một chút, tôi sẽ nhập Niết-bàn trước.

Tôn giả Mục-liên im lặng, không đáp. Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên và bạch Phật:

— Nay con muốn diệt độ, cúi mong Thế Tôn cho phép.

Thế Tôn im lặng, không đáp. Tôn giả Xá-lợi-phất hai ba phen bạch Thế Tôn:

— Nay chính là lúc con nên nhập Niết-bàn.

Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Nay Thầy vì sao chẳng trụ một kiếp, hay quá một kiếp ?

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

— Chính con nghe từ Phật và tự vâng nhận: Chúng sanh thọ mạng rất ngắn, thọ nhất chẳng qua trăm tuổi. Vì mạng chúng sanh ngắn nên Như Lai thọ cũng ngắn. Nếu Như Lai trụ thọ một kiếp, thì con cũng sẽ trụ thọ một kiếp.

Thế Tôn bảo:

— Như lời Xá-lợi-phất, vì chúng sanh mạng ngắn nên Như Lai thọ cũng ngắn. Nhưng việc này cũng chẳng thể bàn. Sở dĩ như thế là vì quá khứ lâu xa vô số kiếp, có Phật tên Thiện Niệm Thệ Nguyên Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Vào thời đó, người ta thọ tám muôn tuổi, không có ai chết yếu. Đức Thiện Niệm Thệ Nguyên Như Lai ngay lúc thành Phật, ngay hôm đó liền hóa làm vô lượng Phật, lập cho vô lượng chúng sanh ở hạnh Tam thừa, có người trụ ở địa vị bất thối

chuyển; lại lập vô lượng chúng sanh ở bốn dòng tộc; lại lập vô lượng chúng sanh ở cung Tứ thiên vương, Diêm thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm Ca-di thiên, Dục thiên, Sắc thiên, Vô Sắc thiên, cũng ở ngày này nhập Vô dư Niết-bàn. Nay Xá-lợi-phất nói: “Vì chúng sanh thọ mạng ngắn nên Như Lai thọ mạng cũng ngắn”.

Thế nào, Xá-lợi-phất, Thầy nói rằng: “Như Lai nếu thọ đến một kiếp, tôi cũng sẽ trụ đến một kiếp”. Nhưng chúng sanh không thể biết thọ mạng của Như Lai dài ngắn. Xá-lợi-phất nên biết, Như Lai có bốn việc không thể nghĩ bàn, chẳng phải chỗ tiểu thừa có thể biết. Thế nào là bốn ? Thế giới bất khả tư nghì; chúng sanh bất khả tư nghì; long cung bất khả tư nghì; và Phật độ cảnh giới bất khả tư nghì. Như thế, này Xá-lợi-phất, có bốn bất khả tư nghì này.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch:

— Đúng vậy, Thế Tôn, có bốn bất khả tư nghì: thế giới, chúng sanh, long cung, Phật độ, thực chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng đã lâu con hằng nghĩ rằng: “Phật Thích-ca Văn trọn chẳng trụ một kiếp”. Lại, chư Thiên đến bảo con rằng: “Phật Thích-ca văn tuổi đúng tám mươi, chẳng ở đời bao

lâu nữa”. Nay Thế Tôn chẳng bao lâu sẽ nhập Niết-bàn, con không cam thấy Thế Tôn nhập Niết-bàn. Lại nữa, chính con nghe Như Lai nói rằng: “Các đệ tử thượng túc của chư Phật đời quá khứ, tương lai, hiện tại đều nhập Niết-bàn trước. Và đệ tử cuối cùng cũng nhập Niết-bàn trước, rồi sau chẳng bao lâu Thế Tôn sẽ diệt độ. Cúi mong Thế Tôn cho phép con diệt độ.

Thế Tôn bảo:

— Nay đúng lúc rồi.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngồi trước Như Lai, chính thân, chính ý, buộc niệm ở trước mà nhập Sơ thiên; từ Sơ thiên dậy, nhập Nhị thiên; từ Nhị thiên dậy lại nhập Tam thiên; từ Tam thiên dậy lại nhập Tứ thiên; từ Tứ thiên dậy lại nhập Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng xứ; từ Hữu tướng vô tướng xứ dậy nhập Diệt tận định.

Từ Diệt tận định dậy, Tôn giả nhập Hữu tướng vô tướng xứ; từ Hữu tướng vô tướng xứ dậy, nhập Bất dụng xứ, Thức xứ, Không xứ; từ Không xứ dậy, nhập Tứ thiên; từ Tứ thiên dậy, nhập Tam thiên; từ Tam thiên dậy, nhập Nhị thiên; từ Nhị thiên dậy, nhập Sơ thiên.

Từ Sơ thiên dậy, Tôn giả nhập Nhị Thiên; từ

Nhị thiên dậy, nhập Tam thiên; từ Tam thiên dậy, nhập Tứ thiên. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất từ Tứ thiên dậy, bảo các Tỳ-kheo:

— Đây tên là Su tử Phấn tấn Tam-muội.

Các Tỳ-kheo khen ngợi:

— Chưa từng có, rất là kỳ đặc. Tôn giả Xá-lợi-phất nhập chánh định mau chóng như thế !

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy Thế Tôn rồi đi. Ngay khi ấy có nhiều Tỳ-kheo theo sau Tôn giả Xá-lợi-phất. Tôn giả Xá-lợi-phất quay lại bảo:

— Chư Hiền muốn đi đâu ?

Những Tỳ-kheo ấy đáp:

— Chúng tôi muốn đến cúng dường Xá-lợi của Tôn giả.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Thôi, thôi, chư Hiền, thế này là đã cúng dường rồi ! Tôi có Sa-di săn sóc đủ rồi, các Hiền giả trở về chỗ mình tư duy hóa đạo, khéo tu Phạm hạnh dứt hết khổ. Như Lai ra đời rất khó gặp được, đúng thời mới xuất hiện, giống như hoa Ưu-đàm-bát, đúng thời mới có. Như Lai cũng lại như thế, ức kiếp mới ra đời. Thân người cũng lại khó được. Có

lòng tin thành tựu cũng lại khó được. Muốn cầu xuất gia học pháp Như Lai cũng lại khó được. Tất cả các hành muốn khiến không diệt tận, đây cũng khó được. Hãy diệt hết ái dục, dứt hẳn không sót, diệt tận Niết-bàn. Nay có bốn pháp gốc ngọn mà Như Lai đã nói. Thế nào là bốn ? Tất cả các hành vô thường, đó là pháp gốc ngọn đầu tiên mà Như Lai thuyết. Tất cả các hành đều khổ, đó là pháp gốc ngọn thứ hai Như Lai đã thuyết. Tất cả các hành vô ngã, đó là pháp gốc ngọn thứ ba Như Lai đã thuyết. Niết-bàn là vĩnh tịch, đó là pháp gốc ngọn thứ tư Như Lai đã thuyết.

Đó là, này chư Hiền, bốn pháp gốc ngọn Như Lai đã nói.

Bấy giờ các Tỳ-kheo đều cùng rơi lệ:

— Nay Tôn giả Xá-lợi-phất sao mau diệt độ vậy !

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

— Thôi, thôi, chư Hiền ! Chớ nên buồn lo. Pháp biến đổi muốn khiến không biến đổi, việc này chẳng đúng. Tu-di sơn vương còn có biến đổi vô thường, huống là cái thân hột cải. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất mà tránh khỏi được hoạn này sao ? Thân kim cang của Như Lai chẳng lâu cũng sẽ nhập Niết-bàn,

hà hướng thân tôi. Nhưng các Hiền giả hãy tu hành pháp này, sẽ được hết khổ.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến tinh xá, đến rồi thu xếp y bát, ra khỏi vườn trúc đi về quê cũ. Tôn giả Xá-lợi-phất khát thực từ từ đến nước Ma-sầu. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất dạo ở Ma-sầu, xứ mình sanh, thân mắc bệnh rất đau đớn, chỉ có Sa-di Quân-dầu săn sóc, dọn dẹp dơ bẩn, làm sạch sẽ. Thích-đề-hoàn-nhân biết tâm niệm Tôn giả Xá-lợi-phất, ví như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay, từ trời Ba mươi ma biến mất, đến nhà của Tôn giả Xá-lợi-phất. Đến rồi, vị ấy cúi lạy, lấy hai tay sờ chân Tôn giả Xá-lợi-phất, tự xưng tên họ mà nói rằng:

— Tôi là Thiên vương Đế-thích.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Thích thay ! Thiên Đế, thọ mạng vô cùng.

Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

— Nay tôi muốn cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất.

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

— Thôi, thôi, Thiên Đế ! Thế này là đã cúng dường. Chư Thiên thì thanh tịnh, A-tu-la, Rồng,

Quý và chúng chư Thiên (cũng thế). Nay tôi đã có Sa-di để sai khiến là đủ rồi.

Thích-đê-hoàn-nhân hai ba phen bạch Xá-lợi-phất:

— Nay tôi muốn tạo phước nghiệp, xin đừng trái nguyện. Nay tôi muốn cúng dường Xá-lợi của Tôn giả.

Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng chẳng đáp. Thích-đê-hoàn-nhân tự mình đổ phân chẳng từ hiềm khổ. Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn ngay đêm ấy. Bấy giờ mặt đất sáu phen chấn động, có tiếng vang lớn, mưa các hoa trời, kỹ nhạc trỗi lên. Chư Thiên đầy nghệt hư không; chư Thiên Thân Diệu cũng rải hoa câu-mâu-đầu hoặc dùng hương bột chiên-đàn mà rải lên trên. Tôn giả Xá-lợi-phất đã nhập Niết-bàn, chư Thiên trên không kêu thương khóc lóc không nén được. Ở trong hư không, Dục thiên, Sắc thiên, Vô sắc thiên đều cùng rơi lệ như mưa phùn tháng xuân hòa xướng; lúc ấy cũng như thế: “Nay Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn sao mau thay !”

Bấy giờ Thích-đê-hoàn-nhân tự tập tất cả các loại hương thơm để thiêu thân Tôn giả Xá-lợi-phất; cúng dường các thứ xong, thu thập Xá-lợi và y bát giao cho Sa-di Quân-đầu và bảo:

— Đây là Xá-lợi và y bát của thầy Ông. Hãy đến dâng lên Thế Tôn. Đến rồi hãy đem nhân duyên này bạch cho Thế Tôn đầy đủ. Nếu Thế Tôn dạy gì, hãy vâng làm.

Quân-đầu đáp:

— Đúng vậy, Câu-dục.

Sa-di Quân-đầu đem y, ôm bát và Xá-lợi đến chỗ Tôn giả A-nan và bạch:

— Thầy con đã diệt độ. Nay con đem Xá-lợi, y bát đến dâng Thế Tôn. Tôn giả A-nan thấy xong, rơi lệ và nói:

— Ông hãy cùng ta đến chỗ Thế Tôn, đem việc này cùng bạch Thế Tôn. Nếu Thế Tôn nói gì, chúng ta sẽ vâng làm.

Quân-đầu đáp:

— Xin vâng, thưa Tôn giả.

Tôn giả A-nan dẫn Sa-di Quân-đầu đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy Thế Tôn, rồi bạch:

— Sa-di Quân-đầu này đến chỗ con và bạch rằng: “Thầy con đã diệt độ. Nay đem y bát dâng lên Như lai”. Hôm nay con tâm ý phiến não, khí tính mê hoặc, chẳng biết gì nữa. Nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn, con buồn bã thương tâm.

— Đây là Xá-lợi và y bát của thầy Ông. Hãy đến dâng lên Thế Tôn. Đến rồi hãy đem nhân duyên này bạch cho Thế Tôn đầy đủ. Nếu Thế Tôn dạy gì, hãy vâng làm.

Quân-đầu đáp:

— Đúng vậy, Câu-dục.

Sa-di Quân-đầu đem y, ôm bát và Xá-lợi đến chỗ Tôn giả A-nan và bạch:

— Thầy con đã diệt độ. Nay con đem Xá-lợi, y bát đến dâng Thế Tôn. Tôn giả A-nan thấy xong, rơi lệ và nói:

— Ông hãy cùng ta đến chỗ Thế Tôn, đem việc này cùng bạch Thế Tôn. Nếu Thế Tôn nói gì, chúng ta sẽ vâng làm.

Quân-đầu đáp:

— Xin vâng, thưa Tôn giả.

Tôn giả A-nan dẫn Sa-di Quân-đầu đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy Thế Tôn, rồi bạch:

— Sa-di Quân-đầu này đến chỗ con và bạch rằng: “Thầy con đã diệt độ. Nay đem y bát dâng lên Như lai”. Hôm nay con tâm ý phiến não, khí tính mê hoặc, chẳng biết gì nữa. Nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn, con buồn bã thương tâm.

Thế Tôn bảo:

— Thế nào A-nan, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất dùng giới thân để nhập Niết-bàn sao ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Không phải vậy, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Thế nào A-nan, Thầy ấy dùng giới thân định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân mà diệt độ chăng ?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Tỳ-kheo Xá-lợi-phất không dùng giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân mà diệt độ. Nhưng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất hằng ưa giáo hóa, thuyết pháp không chán, giáo giới cho các Tỳ-kheo cũng không chán. Nay con nhớ ơn sâu của Tôn giả Xá-lợi-phất quá nhiều, thế nên buồn bã.

Thế Tôn bảo:

— Thôi, thôi, A-nan, chớ ôm sầu lo ! Vật chẳng thường, muốn cho còn mãi, việc này chẳng đúng, hễ có sanh thì có chết. Thế nào A-nan, chư Phật thời quá khứ đều chẳng diệt độ sao ? Ví như cây đèn, dầu hết thì tắt. Như từ Phật Bảo Tạng

Định Quang đến nay, bảy Phật và chúng đệ tử đều chẳng Niết-bàn sao ? Như là Bích-chi Phật, xét kỹ (các Ngài) tiếng đồn cao xa, Ni-sa-ưu-ni-bát-sa-già-la, Ưu-bát-già-la, các Bích-chi Phật như thế chẳng diệt độ sao ? Đại Quốc Thánh vương của Hiền kiếp tên Thiện Duyệt Ma-ha-đê-bà, Chuyển luân Thánh vương như thế nay ở đâu, há không phải đều chẳng nhập Niết-bàn sao ?

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Tất cả hành vô thường,
Có sanh sẽ có chết,
Chẳng sanh lại không diệt.
Diệt này tối đệ nhất.*

* * *

PHẨM TÚ Ý ĐOẠN (2)

Thế Tôn bảo A-nan:

— Nay Thầy hãy đưa Xá-lợi của Xá-lợi-phất đến đây.

Tôn giả A-nan đáp:

— Xin vâng, Thế Tôn.

Tôn giả A-nan liền trao Xá-lợi vào tay Thế Tôn. Thế Tôn cầm Xá-lợi rồi bảo các Tỳ-kheo:

— Đây là Xá-lợi của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, là bậc trí tuệ, thông minh, tài cao, bao nhiêu loại trí: trí không cùng, trí không bờ đáy, có trí mau chóng, có trí khinh tiện, có trí lợi cơ, có trí rất sâu, có trí xét kỹ, ít muốn, biết đủ, ưa ở chỗ vắng vẻ, có lòng dũng mãnh, việc làm không rối loạn, tâm không khiếm nhược, hay nhẫn nhục, trừ bỏ pháp ác, thể tánh nhu hòa, không ưa tranh tụng, hằng tu tịnh

tấn, hành chánh định, tập trí tuệ, niệm giải thoát, tu hành thân giải thoát tri kiến.

Tỳ-kheo nên biết, ví như đại thọ không có cành nhánh; nay trong Tỳ-kheo Tăng, Như Lai là đại thọ, Xá-lợi-phất diệt độ rồi, Ta như cây không cành. Nếu Xá-lợi-phất đi đến phương nào, phương đó liền gặp may mắn lớn lao, mong Xá-lợi-phất dừng lại ở phương đó. Sở dĩ như thế, vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất hay cùng ngoại đạo dị học luận nghị, ai cũng bị hàng phục.

Bấy giờ Đại Mục-kiên-liên nghe Tôn giả Xá-lợi-phất diệt độ, liền dùng thân thông đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy Phật rồi đứng một bên. Tôn giả Mục-kiên-liên bạch Thế Tôn:

— Nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã diệt độ. Nay con từ biệt Thế Tôn, con cũng muốn diệt độ.

Thế Tôn im lặng chẳng đáp. Như thế hai ba phen bạch Thế Tôn:

— Con muốn diệt độ.

Bấy giờ Thế Tôn vẫn im lặng chẳng đáp. Tôn giả Mục-kiên-liên thấy Thế Tôn im lặng chẳng đáp, liền cúi lạy Phật rồi lui đi. Tôn giả trở về Tinh xá, thu xếp y bát, ra khỏi thành La-duyet, tự đến quê mình. Bấy giờ có đông chúng Tỳ-kheo theo sau Tôn

giả Mục-liên. Chúng Tỳ-kheo cùng Tôn giả Mục-liên đến thôn Ma-sầu, du hóa tại đó và mắc bệnh nặng.

Lúc ấy, Tôn giả Mục-liên ở giữa đất trống trải, tòa mà ngôi, nhập Sơ thiên; từ Sơ thiên dậy, nhập Nhị thiên; từ Nhị thiên dậy, nhập Tam thiên; từ Tam thiên dậy, nhập Tứ thiên; từ Tứ thiên dậy, nhập Không xứ, từ Không xứ dậy, nhập Thức xứ, từ Thức xứ dậy, nhập Bất dụng xứ; từ Bất dụng xứ dậy, nhập Hữu tướng vô tướng xứ; từ Hữu tướng vô tướng xứ dậy, nhập Hòa quang tam-muội; từ Hòa quang tam-muội dậy, nhập Thủy quang tam-muội; từ Thủy quang tam-muội dậy, nhập Diệt tận định.

Từ Diệt tận định dậy, nhập Thủy quang tam-muội; từ Thủy quang tam-muội dậy, nhập Hòa quang tam-muội; từ Hòa quang tam-muội dậy, nhập Hữu tướng vô tướng định; từ hữu tướng vô tướng định dậy, nhập Bất dụng xứ; từ Bất dụng xứ dậy, nhập Thức xứ, Không xứ, Tứ thiên, Tam thiên, Nhị thiên, Sơ thiên.

Từ Sơ thiên dậy, bay lên hư không, ngôi, nằm, kinh hành. Thân trên ra lửa, thân dưới ra nước. Hoặc thân dưới ra lửa, thân trên ra nước, làm mười tám cách biến hóa thần túc.

Bảy giờ Tôn giả Mục-kiên-liên bay xuống tòa, ngôi kiết-già, chính thân, chính ý, buộc niệm ở trước và nhập Sơ thiên; từ Sơ thiên dậy, nhập Nhị thiên; từ Nhị thiên dậy, nhập Tam thiên; từ Tam thiên dậy, nhập Tứ thiên; từ Tứ thiên dậy, nhập Không xứ; từ Không xứ dậy, nhập Thức xứ; từ Thức xứ dậy, nhập Bất dụng xứ; từ Bất dụng xứ dậy, nhập Hữu tướng vô tướng xứ; từ Hữu tướng vô tướng xứ dậy, nhập Hỏa quang tam-muội; từ Hỏa quang tam-muội dậy, nhập Thủy quang tam-muội; Từ Thủy quang tam-muội dậy, nhập Diệt tận định.

Từ Diệt tận định dậy, Tôn giả trở lại nhập Thủy quang tam-muội, Hỏa quang, Hữu tướng vô tướng xứ, Bất dụng xứ, Thức xứ, Không xứ, Tứ thiên, Tam thiên, Nhị thiên, Sơ thiên.

Lại từ Sơ thiên dậy, Tôn giả nhập nhị thiên; từ Nhị thiên dậy, nhập Tam thiên; từ Tam thiên dậy, nhập Tứ thiên, từ Tứ thiên dậy, ngay đó mà diệt độ.

Bảy giờ Tôn giả Đại Mục-kiên-liên đã diệt độ rồi, mặt đất chấn động rất lớn. Chư Thiên bảo nhau hiện đến, hầu hạ Tôn giả Đại Mục-kiên-liên, cúng dường tôn đức, hoặc đem các thứ hương hoa đến cúng dường; chư Thiên ở không trung xướng kỳ

nhạc, gảy đàn, ca múa dâng cúng lên Tôn giả Mục-kiền-liên.

Lúc ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã diệt độ, trong thôn Nan-la-dà trong vòng một do-tuần, chư Thiên đầy đầy. Bấy giờ lại có nhiều chúng Tỳ-kheo cầm các thứ hương hoa rải trên xác Tôn giả Mục-kiền-liên.

Đức Thế Tôn từ thành La-duyet tuần tự khất thực cùng năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian, đến thôn Na-la-dà cùng với năm trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên diệt độ chưa bao lâu. Đức Thế Tôn ngồi giữa đất trống, im lặng quan sát các Tỳ-kheo. Im lặng quan sát các Tỳ-kheo xong, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta quan sát các Thầy trong chúng này bị tổn giảm to lớn. Vì sao thế ? Nay trong chúng này không có Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Nếu phương nào có Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đi đến phương ấy liền chẳng trống rỗng mà được nghe nay Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên ở tại phương này. Sở dĩ như thế vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên kham nhận hàng phục ngoại đạo ở đây.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Việc làm của chư Phật rất kỳ đặc. Có hai

đệ tử trí tuệ và thân tức nhập Niết-bàn. Nhưng Như Lai không sầu lo. Ngay cả hằng sa Như Lai đời quá khứ cũng lại có đệ tử trí tuệ, thân tức này và ngay đến chư Phật ra đời ở tương lai cũng sẽ có đệ tử trí tuệ, thân tức này.

Tỳ-kheo nên biết, thế gian có hai nghiệp thí. Thế nào là hai ? Nghĩa là tài thí và pháp thí. Tỳ-kheo nên biết, nếu luận về tài thí, thì nên theo Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên mà cầu. Nếu muốn cầu pháp thí, nên theo cầu Ta. Sở dĩ như thế, vì nay Ta, Như Lai không có tài thí. Hôm nay các Thầy có thể cúng dường Xá-lợi của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Làm sao cúng dường được Xá-lợi của Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

Thế Tôn bảo:

— Nên gồm các thứ hương hoa, ở ngã tư đường lập bốn tháp. Vì sao thế ? Nếu có dựng tháp thì có bốn loại người này nên dựng tháp. Thế nào là bốn ? Chuyển luân Thánh vương nên dựng tháp; A-la-hán lậu tận nên dựng tháp; Bích-chi Phật nên dựng tháp; Như Lai nên dựng tháp.

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

— Có nhân duyên gì mà Như Lai nên dựng tháp ? Lại có nhân duyên gì nên dựng tháp cho Bích-chi Phật, A-la-hán lậu tận và Chuyển luân Thánh vương ?

Thế Tôn bảo:

— Nay Thầy nên biết, Chuyển luân Thánh vương thi hành thập thiện, tu mười công đức, cũng lại dạy người hành thập thiện công đức. Thế nào là mười ? Tự mình không sát sanh, lại dạy người khác khiến không sát sanh. Tự mình không trộm, lại dạy người khác khiến không trộm. Tự mình không dâm, lại dạy người khác khiến không dâm. Tự mình không ý ngữ, lại dạy người khác khiến không ý ngữ. Tự mình không tật đố, lại dạy người khác khiến không tật đố. Tự mình không tranh tụng, lại dạy người khác khiến không tranh tụng. Tự mình chính ý, lại dạy người khác khiến không loạn ý. Thân tự chính kiến, lại dạy người khác khiến hành chính kiến.

Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân Thánh vương có mười công đức này, nên xứng đáng dựng tháp.

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

— Lại do nhân duyên nào, nên dựng tháp cho đệ tử Như Lai ?

Thế Tôn bảo:

— A-nan nên biết, A-la-hán lậu tận không còn thọ thân sau nữa; trong sạch như thiên kim; ba độc, năm kiết sử không còn xuất hiện. Lại nữa, do nhân duyên này đáng nên dựng tháp cho đệ tử Như Lai.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Do nhân duyên nào, Bích-chi Phật đáng được dựng tháp ?

Thế Tôn bảo:

— Có Bích-chi Phật không thấy tự ngộ, trừ các kiết sử, không thọ thân sau nữa. Thế nên đáng dựng tháp.

Bấy giờ A-nan bạch Thế Tôn:

— Lại do nhân duyên nào xứng đáng dựng tháp cho Như Lai ?

Thế Tôn bảo:

— Ở đây, này A-nan, Như Lai có Thập lực, Tứ vô sở úy, kẻ không hàng phục bị hàng phục; kẻ không độ được độ; kẻ không đắc đạo khiến cho đắc đạo; người không nhập Niết-bàn khiến nhập Niết-bàn. Mọi người thấy rồi hết sức hoan hỉ.

Đó là, này A-nan, Như Lai đáng được dựng tháp. Như thế Như Lai đáng được dựng tháp.

Bấy giờ A-nan nghe Thế Tôn dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Bà-ca-lê thân mắc bệnh nặng, đại tiểu tiện tại chỗ, ý muốn dùng dao tự sát mà không ngời dậy. Tôn giả Bà-ca-lê bảo thị giả:

— Nay Con hãy đem dao đến ! Ta muốn tự sát. Sở dĩ như thế là vì trong số đệ tử của Phật Thích-ca Văn, hôm nay, người có tín giải thoát không ai hơn ta. Nhưng nay ta tâm hữu lậu chẳng giải thoát. Sở dĩ như thế là vì đệ tử của Như Lai lúc gặp khổ não cũng lại tìm dao tự sát. Nay ta dùng mạng này vì chẳng thể từ bờ này đến bờ kia.

Bấy giờ, đệ tử của Bà-ca-lê xuất gia chưa bao lâu, chưa biết đời này, đời sau, chẳng biết từ bờ này đến bờ kia, cũng lại chẳng biết chết đây rồi sanh nơi khác, liền đưa dao cho Tôn giả. Tôn giả Bà-ca-lê cầm dao rồi, đem lòng tin kiên cố cầm dao tự đâm mình. Ngài Bà-ca-lê lấy dao tự đâm mình và nghĩ: “Trong đệ tử Phật Thích-ca Văn có việc làm phi pháp, bị lợi ác, chẳng được lợi lành, ở trong pháp Như Lai chẳng được thọ chúng mà mạng chung.”

Bấy giờ Tôn giả Bà-ca-lê liên tư duy Ngũ thanh ấm. Đó là sắc này, đó là sắc tập, đó là sắc diệt tận. Đó là thọ, tướng, hành, thức; đó là thọ, tướng, hành, thức tập; đó là thọ, tướng, hành thức diệt tận. Ngài tư duy Ngũ thanh ấm này thuần thực. Các pháp có sanh đều là pháp tử. Biết thế rồi, tâm hữu lậu liền được giải thoát.

Bấy giờ Tôn giả Bà-ca-lê ở Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Thế Tôn dùng thiên nhĩ, nghe Tôn giả Bà-ca-lê đòi dùng dao tọt sát, Thế Tôn bảo A-nan:

— Các Tỳ-kheo tại thành Xá-vệ hãy tập trung về một chỗ. Ta muốn dạy bảo.

Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn, liền triệu tập các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Tập, rồi trở về bạch Thế Tôn:

— Hôm nay Tỳ-kheo đã tụ tập một chỗ.

Thế Tôn liền đem Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau, đến tinh xá của Tỳ-kheo Bà-ca-lê. Ngay lúc ấy, tỳ ma Ba-tuần muốn biết thân thức của Tôn giả Bà-ca-lê đang ở chỗ nào: “Ồ cỡi Người hay Phi nhân, Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-câu-la, Ma-hầu-la-già, Dạ-xoa ? Nay thân thức này trợn sanh chỗ nào ?”. Xem khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía, trên dưới mà chẳng biết chỗ

của thân thức, Ma Ba-tuần thân thể hết sức mệt mỏi mà chẳng biết ở đâu.

Bấy giờ Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau, đến tinh xá kia. Thế Tôn thấy Ma Ba-tuần muốn biết thân thức ở đâu. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy có nghe trong tinh xá này có tiếng lớn chẳng ? Lại còn ánh sáng yêu quái nữa ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Vâng, Thế Tôn, chúng con đã thấy.

Thế Tôn bảo:

— Đây là tỳ ma Ba-tuần muốn biết thân thức Bà-ca-lê ở đâu.

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

— Cúi mong Thế Tôn nói thân thức của Tỳ-kheo Bà-ca-lê ở chỗ nào ?

Thế Tôn bảo:

— Thân thức của Tỳ-kheo Bà-ca-lê trọn không chỗ dính mắc. Vị vọng tộc đó đã nhập Niết-bàn, nên nhận biết như thế.

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

— Tỳ-kheo Bà-ca-lê này đắc Tứ đế khi nào ?

Thế Tôn bảo:

— Trong ngày hôm nay đắc Tú để này.

A-nan bạch Phật:

— Tỳ-kheo này mắc bệnh đã lâu, vốn là người phạm.

Thế Tôn bảo:

— Đúng vậy, A-nan ! Như lời Thầy nói, Tỳ-kheo ấy bệnh khổ rất lâu. Trong các đệ tử của Phật Thích-ca Văn có tín giải thoát, người này hơn hết. Nhưng tâm hữu lậu chưa được giải thoát. Thầy ấy tự nghĩ: “Nay ta nên dùng dao để tự đâm mình”. Tỳ-kheo ấy lúc sắp đâm mình, liền tư duy công đức của Như Lai. Ngày xả bỏ thân mạng, vị ấy tư duy Ngũ thanh âm: đó là sắc tập này, sắc diệt tận này. Bấy giờ Tỳ-kheo ấy tư duy như thế rồi, các pháp hữu lậu đều được diệt tận. Tỳ-kheo này đã nhập Niết-bàn.

A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Pháp của Tú ý đoạn,
Tú ám, pháp già suy,
A-di, pháp gốc ngọn,
Xá-lợi, Bà-ca-lê.*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

TẬP I

MỤC LỤC

	trang
I. PHẨM TỰA	12
II. PHẨM THẬP NIỆM	36
III. PHẨM QUẢNG DIỄN	43
IV. PHẨM ĐỆ TỪ	64
V. PHẨM TỶ-KHEO-NI	73
VI. PHẨM THANH TÍN SĨ (ƯU-BÀ-TẮC)	78
VII. PHẨM THANH TÍN NỮ (ƯU-BÀ-DI)	81
VIII. PHẨM A-TU-LA	84
IX. PHẨM MỘT ĐƯA CON	93
X. PHẨM HỘ TÂM	104
XI. PHẨM BẮT ĐÃI	121
XII. PHẨM NHẬP ĐẠO	132
XIII. PHẨM LỢI DƯƠNG	152
XIV. PHẨM NGŨ GIỚI	184
XV. PHẨM HỮU VÔ	192
XVI. PHẨM HÓA DIỆT	199

XVII.	- PHẨM AN-BAN (1)	222
	- PHẨM AN-BAN (2)	230
XVIII.	PHẨM TÀM QUÝ	259
XIX.	PHẨM KHUYẾN THỈNH	297
XX.	PHẨM THIỆN TRI THỨC	321
XXI.	PHẨM TAM BẢO	355
XXII.	PHẨM CÚNG DƯƠNG	387
XXIII.	PHẨM ĐỊA CHỦ	401
XXIV.	- PHẨM CAO TRÀNG (1)	440
	- PHẨM CAO TRÀNG (3)	472
	- PHẨM CAO TRÀNG (3)	501
XXV.	PHẨM TỨ ĐẾ	541
XXVI.	- PHẨM TỨ Ý ĐOẠN (1)	568
	- PHẨM TỨ Ý ĐOẠN (2)	606

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐẠI TẶNG KINH VIỆT NAM

KINH TẶNG NHẤT A-HÀM
TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Nhà số 4 - lô 11 - Trần Duy Hưng - Hà Nội
ĐT : (04). 5566701 - Fax : (04). 5566702

Chịu trách nhiệm xuất bản
Nguyễn Thanh Xuân

Biên tập : Đỗ Thị Quỳnh

Ban thực hiện:

Thượng tọa : Thích Thiện Minh

Đại đức : Thích Bửu Chánh

Đại đức : Thích Viên Trí

Đại đức : Thích Tâm Minh

Thực hiện liên doanh: VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 (716 cũ) Nguyễn Kiệm - Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 8 44 88 93 - (08) 997 4447 - FAX: (848) 997 4447

Số lượng in: 1000 bản; Khổ 14 x 20cm

Tại: Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng, số 100 Lê Đại Hành,
P.7, Q.11, TP HCM. ĐT: 8555812

Số xuất bản: 15-1327/XB - QLXB ngày 12-8-2005

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2005.

